

**CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,**

Số/No: **356** /2020/CV - SHS
(V/v: Công bố thông tin
Báo cáo thường niên năm 2019)
(Ref: Information disclosure
of Annual Report 2019)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày **17** tháng 04 năm 2020
Hanoi, April 17th, 2020

**Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Ha Noi Stock Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên công ty/Organization name: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/Saigon-Hanoi Securities JSC.,
2. Mã chứng khoán/Securities Code: SHS
3. Mã thành viên/Member code: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội/1st -5th Floors, Unimex Hanoi Building, No. 41, Ngo Quyen road, Hoan Kiem district, Hanoi city.
5. Điện thoại/Telephone: 024.38.181888 Fax/Fax: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin/ Spokesman: Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/Vu Duc Tien – General Director and Legal Representative
7. Loại thông tin công bố/Information disclosure type: Định kỳ/Periodicity
8. Nội dung của thông tin công bố/Contents of information disclosure:
- Báo cáo thường niên năm 2019/Annual Report 2019.
9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố/The website's address of the disclosure::
<https://www.shs.com.vn/News/2020410/1010347/shs-cong-bo-thong-tin-bao-cao-thuong-nien-nam-2019.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear the full responsibility to the law.

Trân trọng/Best regards./.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Annual Report 2019.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên /As stated above;
- Lưu VT, P.PC&QTRR/Kept at Archives
and L&R management department.

**CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HA NOI SECURITIES JSC.,**



**VŨ ĐỨC TIẾN
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**



BIẾN CỐ HỘI THÀNH GIÁ TRỊ



Báo cáo thường niên 2019

ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG VỮNG TIN VƯỢT KHÓ





**ĐOÀN KẾT MỘT LÒNG
VỮNG TIN VƯỢT KHÓ**



01

GIỚI THIỆU CHUNG

- 8.** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 10.** Điểm nhấn 2019
- 11.** Thông tin chung
- 22.** Các chỉ số cơ bản

02

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

- 26.** Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán
- 38.** Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 42.** Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

03

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

- 68.** Nhận định tổng quan năm 2020
- 71.** Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020

MỤC LỤC

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 76. Nhân sự chủ chốt
- 86. Hội đồng quản trị
- 93. Ban Kiểm soát
- 97. Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ
- 99. Quản trị rủi ro
- 104. Thông tin dành cho cổ đông
- 113. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
- 114. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
- 116. Đánh giá quản trị và tài chính Công ty

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 142. Mục tiêu phát triển bền vững
- 143. Báo cáo phát triển bền vững năm 2019
- 156. Kế hoạch hành động năm 2020
- 157. Đánh giá phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI

06

BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2019

- 162. Giải trình ý kiến của kiểm toán độc lập
- 163. Báo cáo tài chính
- 206. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

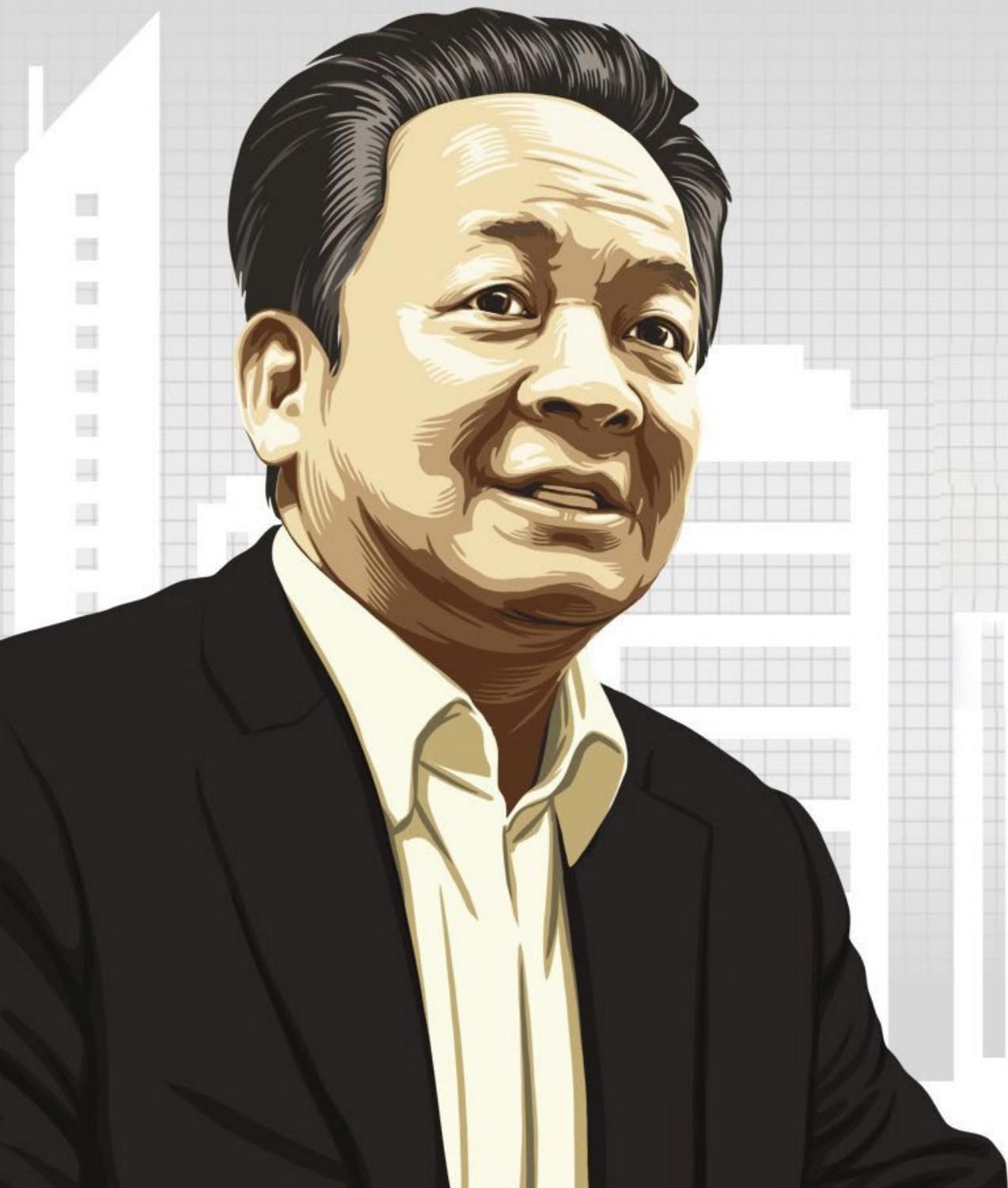
GIỚI THIỆU CHUNG

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- Điểm nhấn 2019
- Thông tin chung
- Các chỉ số cơ bản





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và tư vấn vì mục tiêu “tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng” luôn là định hướng mà chúng ta theo đuổi

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư và Quý Khách hàng!

Trước hết, thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời cảm ơn chân thành nhất vì Quý vị đã đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Điều này càng có ý nghĩa hơn khi chúng ta đã trải qua một năm 2019 đầy sóng gió và thách thức. Tình hình chung không thuận lợi với nhiều rủi ro, cộng với sức ép cạnh tranh từ những công ty chứng khoán có vốn đầu tư ngoại đã làm các công ty chứng khoán nội địa có kết quả kinh doanh khó ấn tượng. SHS cũng không phải ngoại lệ. Tổng doanh thu của Công ty đạt 1.072,4 tỷ đồng, hoàn thành 83,1% kế hoạch và giảm 14,1% so với cùng kỳ 2018. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 312,0 tỷ đồng, hoàn thành 74,2% kế hoạch được ĐHCĐ thường niên 2019 giao phó và giảm 24,0% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng nếu nhìn vào tỷ trọng đóng góp của từng mảng hoạt động, Quý vị có thể sẽ thấy những nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc điều chỉnh hoạt động kinh doanh nhằm thu được kết quả khả quan nhất trong bối cảnh chung không thuận lợi. Cụ thể, mảng hoạt động môi giới, vốn đóng góp tỷ trọng lớn trong những năm trước, năm nay chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất từ sự cạnh tranh của các công ty chứng khoán có vốn ngoại, đã giảm tỷ trọng đóng góp trong cả doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, những công ty chứng khoán có vốn ngoại có tiềm lực tài chính mạnh cộng với lợi thế chi phí vốn rẻ, kinh nghiệm tích lũy từ các thị trường chứng khoán lớn. Chúng ta đã bị suy giảm năng lực cạnh tranh và việc giảm thị phần là việc khó tránh khỏi. Bản thân Hội đồng quản trị và Ban Điều hành sau khi đánh giá toàn diện nhận thấy việc phân bổ nguồn lực nhiều hơn cho các mảng hoạt động khác mà chúng ta có thể mạnh hơn sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty. Điều này thể hiện trong tỷ trọng đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ mảng bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu. Mảng này trong năm đạt 126,9 tỷ đồng, tăng 152,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với những hoạt động khác, SHS cũng đánh giá sự thay đổi về công nghệ trên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang diễn ra mạnh mẽ. Điều này khiến chúng ta phải thận trọng hơn khi quyết định lựa chọn đối tác công nghệ đồng hành cùng chúng ta trong thời gian sắp tới. Đó cũng là nguyên nhân chính khiến dự án nâng cấp hệ thống phần mềm lõi chứng khoán của chúng ta chưa được thực hiện như kế hoạch đề ra. Một điều rất đáng ghi nhận trong năm là SHS đã thực hiện nâng cấp gói bảo hiểm cho cán bộ nhân viên của Công ty. Điều này thể hiện sự coi trọng và quan tâm của Công ty đối với người lao động - nguồn tài sản quý giá nhất của Công ty.

Bước sang năm 2020, SHS đánh giá tình hình chung của thế giới sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường, có tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Trước tình hình đó, việc chuẩn bị các kịch bản, giải pháp phòng chống rủi ro và khủng hoảng là cần thiết. Thị trường biến động khó lường cũng sẽ mở ra những cơ hội đầu tư hợp lý nếu chúng ta có nguồn lực và nghiên cứu chi tiết. SHS cũng kỳ vọng những khoản đầu tư “lương khô” trong những năm trước sẽ đơm hoa kết trái, đem lại những khoản lợi nhuận đáng kể trong năm 2020. Trong hoạt động môi giới nói riêng và hoạt động kinh doanh nói chung, chúng ta sẽ không sa đà vào “cuộc chiến giá” mà các đối thủ trong ngành đang theo đuổi. Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và tư vấn vì mục tiêu “tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng” luôn là định hướng mà chúng ta theo đuổi. Hoạt động tư vấn của chúng ta đang đi đúng hướng và nhận được sự tín nhiệm cao từ các khách hàng doanh nghiệp lớn. Chúng ta sẽ tiếp tục khai thác và phát huy thế mạnh này. Về hành lang pháp lý, Luật Chứng khoán mới ra đời đi kèm là hệ thống hàng loạt các văn bản hướng dẫn có liên quan đòi hỏi Công ty và cán bộ, nhân viên của Công ty phải cập nhật, hoàn thiện, thậm chí phải xây dựng lại hệ thống quy trình, quy chế, quy định nội bộ và các chương trình đào tạo nhằm đảm bảo tuân thủ ở mức độ cao nhất.

Thưa Quý vị! Và như mọi năm, thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, tôi xin dành phần cuối thư để gửi tới Quý vị những lời chúc chân thành nhất. Chúc Quý vị và gia đình dồi dào sức khỏe, gặp nhiều may mắn, hạnh phúc và thành công trên thị trường chứng khoán!

Trân trọng cảm ơn!

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch

Đỗ Quang Hiến

ĐIỂM NHẤN 2019

10
TOP

Top 10 Báo cáo thường niên
tốt nhất nhóm vốn hóa vừa

Tổng tài sản đạt mức cao nhất

6.072,7 tỷ đồng

tăng

↑ **24,7%**

Thị phần môi giới

Thứ 6 tại sàn HNX –
Cổ phiếu niêm yết

Thứ 6 tại sàn HNX –
Trái phiếu Chính phủ

Thứ 10 tại sàn HSX –
Trái phiếu Chính phủ



Quản lý

45.454 tài khoản

tăng

↑ **6,6%**

Thành viên tiêu biểu của
**SGDCK Hà Nội,
SGDCK TP. Hồ Chí Minh,
TTLKCKVN**

Nhà tư vấn M&A tiêu biểu

Vốn điều lệ đạt mức cao nhất

2.072,7 tỷ đồng

tăng

↑ **96,7%**

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động	66/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 15/11/2007
Địa chỉ	Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	84-24-38 181 888
Fax	84-24-38 181 688
Website	http://www.shs.com.vn

Mã cổ phiếu
SHS

Mã thành viên
069

Vốn điều lệ
2.072,7
tỷ đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
2.295,3
tỷ đồng



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam và là thương hiệu uy tín trên TTCK Châu Á.



SỨ MỆNH

Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên; cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực
Sáng tạo
Chuyên nghiệp
Sự hài lòng của khách hàng

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Thành viên SGDCK Tp. HCM và SGDCK Hà Nội.
Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại số 41, Pasteur, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.



Tăng vốn điều lệ lên 1.000,0 tỷ đồng.
Thành lập Chi nhánh Nghệ An.
Thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt tại SGDCK Hà Nội.



Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

2007

2008

2009

2010

2011

2013

Chính thức được thành lập, vốn điều lệ 350,0 tỷ đồng, địa chỉ Trụ sở chính số 162-164, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Thành viên TTLKCKVN.



Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&5, Tòa nhà Đào Duy Anh, số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Tăng vốn điều lệ lên 410,6 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán SHS từ ngày 25/06/2009.

Thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại số 97 Lê Lợi, Thạch Thang, Hải Châu, Đà Nẵng.



Chuyển Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đến số 141-143 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đóng cửa Chi nhánh Nghệ An.

Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1, Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.



10
TOP

Top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn HNX và HSX.



Mở rộng Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại tầng 1&3, Tòa nhà AS, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



Chuyển Chi nhánh Đà Nẵng đến tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng.

2014

2015

2016

2017

2018

2019

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất cả trên cả 2 sàn HNX và HSX.

Thành lập Phòng Giao dịch Thăng Long tại tầng 3, tòa nhà M5, số 91, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

5
TOP

Thành lập Văn phòng đại diện Đồng Nai tại số 129, Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.



Chuyển Trụ sở chính đến Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chính thức sáp nhập SHBS vào SHS và tăng vốn điều lệ lên 1.054,0 tỷ đồng bằng phương thức hoán đổi cổ phần.



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Môi giới chứng khoán

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành. SHS cũng là nhà cung cấp các dịch vụ đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá, đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Có thể nói, SHS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán uy tín, tin cậy của hàng vạn khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước bằng công nghệ vượt trội và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

Lưu ký và quản lý sổ cổ đông

Lưu ký và quản lý sổ cổ đông là dịch vụ không thể thiếu đối với công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới chứng khoán. Do đó, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền cho cổ đông; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; cho, tặng, thừa kế chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán; giao dịch chứng khoán lô lẻ.

SHS cũng là nhà cung cấp dịch vụ quản lý sổ cổ đông chuyên nghiệp cho rất nhiều Tổ chức phát hành góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như theo dõi và quản lý chuyển nhượng, thực hiện quyền cho cổ đông...

Đầu tư chứng khoán

SHS sử dụng nguồn vốn tự có để thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ hạn mức đầu tư và không làm xung đột lợi ích với khách hàng. Danh mục đầu tư của SHS rất đa dạng như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, của nhiều doanh nghiệp quy mô khác nhau trên cơ sở có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt và có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho SHS.

Phân tích và tư vấn đầu tư

Để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các báo cáo phân tích và dịch vụ tư vấn đầu tư thông qua các bản tin sáng, các báo cáo phân tích (báo cáo vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...), các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, tổ chức đi thăm và tìm hiểu doanh nghiệp, báo giá chứng khoán...

Tư vấn tài chính

SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính như tư vấn phát hành (riêng lẻ, ra công chúng), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHĐCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...) bởi đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm.

Bảo lãnh phát hành

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của SHS trong đó SHS cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới các hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...). Ngoài ra, SHS cũng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu giá dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá, đại lý đấu giá của Sở GDCK...)

Dịch vụ tài chính

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư chứng khoán của khách hàng, SHS cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của SHS... SHS đảm bảo cung cấp các dịch vụ tài chính với thủ tục và hồ sơ nhanh gọn, linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VINH DANH

UBND Thành phố Hà Nội

- Bằng khen đã có thành tích trong phong trào thi đua của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa các năm từ 2015 đến năm 2019.
- Bằng khen đã có thành tích trong phong trào chuyên đề nộp ngân sách năm 2017, 2019.
- Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện nghĩa vụ thuế năm 2019.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Nhà Tư vấn Cổ phần hóa và Thoái vốn DNNN tiêu biểu năm 2014-2015.
- Nhà tư vấn IPO tiêu biểu năm 2016-2017.
- Công ty chứng khoán uy tín năm 2015.
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2017-2018, 2019.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Giấy khen đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của UBCKNN giai đoạn 1996-2016, năm 2017.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005-2015, 2015-2016, 2017-2018, 2018-2019.
- Doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất năm 2016-2017.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2017-2018, 2018-2019.
- Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất trao giải năm 2013, 2016, 2017.
- Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất và Top 20 Báo cáo quản trị tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2018.
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa vừa trao giải năm 2019.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Công ty chứng khoán tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2016, 2017.
Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán năm 2018, 2019.

Cục thuế Hà Nội

Người nộp thuế thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2017.

DO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC VINH DANH

Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam

Top 50 thương hiệu nổi tiếng năm 2018.

Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Thành phố Hà Nội

Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Hà Nội vàng 2015.



Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Top 100 doanh nghiệp đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt năm 2016, 2017, 2018.
- Công ty đạt chỉ số năng lực quản trị tài chính tốt nhất ngành chứng khoán Việt Nam năm 2018.

Hội Kế toán & Kiểm toán Việt Nam và Báo Diễn đàn doanh nghiệp

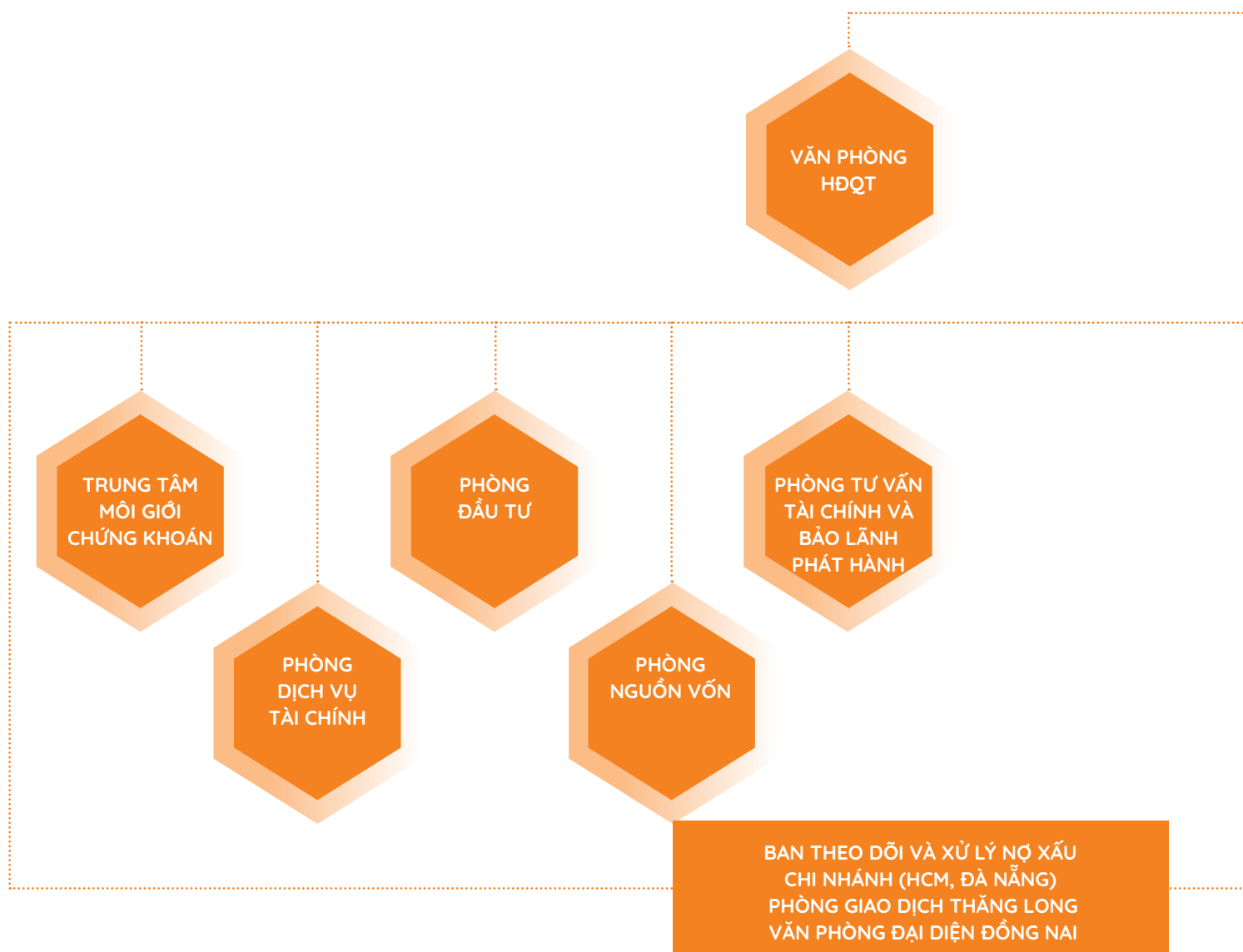
Doanh nghiệp 3 năm liên tiếp (2017-2019) đạt chỉ số năng lực tài chính tốt nhất.

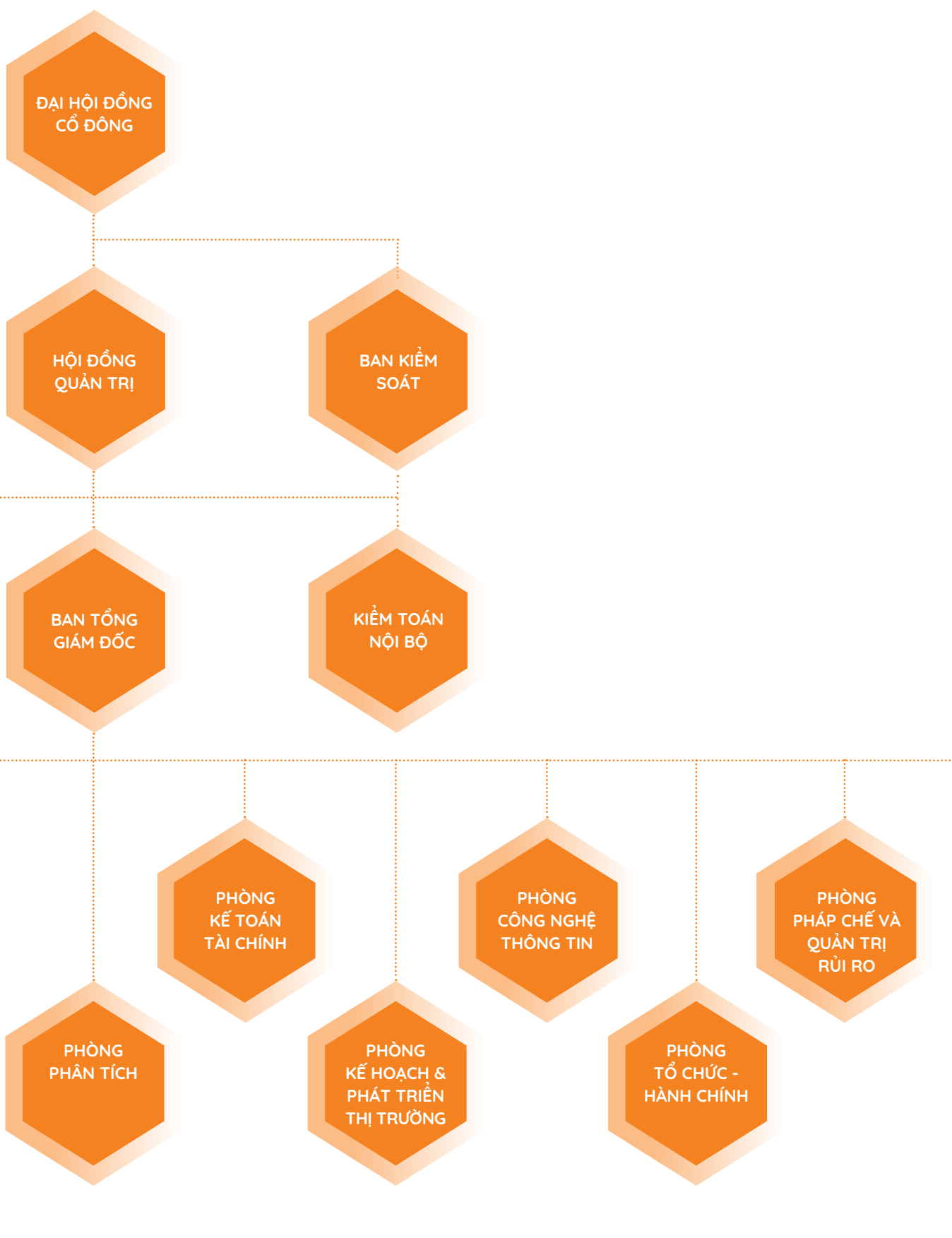
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

SHS là công ty đại chúng quy mô lớn niêm yết trên SGCK Hà Nội. Bên cạnh đó, SHS hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là chứng khoán. Do đó, Công ty áp dụng mô hình quản trị công ty có Ban Kiểm soát theo các quy định hiện hành của Việt Nam được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, SHS không ngừng nâng cao chất lượng quản trị, định hướng theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế nhằm nâng cao tính kịp thời, chủ động, linh hoạt và định hướng phát triển bền vững.

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY





MẠNG LƯỚI VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Hà Nội



TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41, Đường Ngô Quyền,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-24-38181 888
Fax: 84-24-38181 688
Email: contact@shs.com.vn
Website: <http://www.shs.com.vn>

PHÒNG GIAO DỊCH THĂNG LONG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà M5, Số 91,
Đường Nguyễn Chí Thanh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84-24-32696 666
Fax: 84-24- 32919 999
Email: contact-thanglong@shs.com.vn

Đà Nẵng



CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 3 Lê Đình Lý,
Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-236-3525 777
Fax: 84-236-3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

TP. HCM



CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà AS
Số 236-238, Đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 84-28-3945 1368
Fax: 84-28-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Đồng Nai



VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 129, Đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng,
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 84-251-3819989



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG:

SHS có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

Công ty không có các công ty con, công ty liên kết.

QUẢN ĐÀO HOANG SA

QUẢN ĐÀO TRƯỜNG SA

CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

CÁC CHỈ TIÊU BCĐKT

(Đơn vị: tỷ đồng)

	2017	2018	2019
Tổng tài sản	4.134,5	4.869,0	6.072,7
Nợ phải trả	2.668,5	3.003,6	3.380,4
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.466,0	1.865,3	2.692,3
Vốn điều lệ	1.000,0	1.054,0	2.072,7
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp)	100.000.000	105.395.674	207.268.201

CÁC CHỈ TIÊU BCKQKD

(Đơn vị: tỷ đồng)

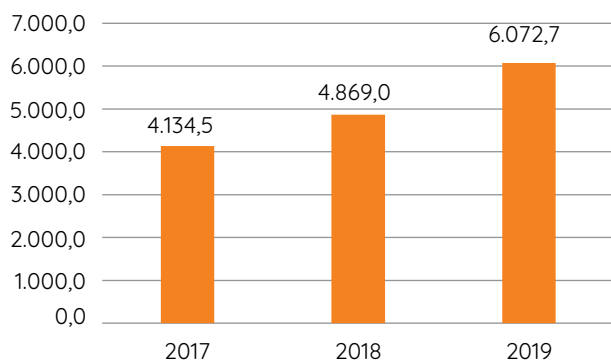
	2017	2018	2019
Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.093,7	1.247,9	1.072,4
CAGR tổng doanh thu và thu nhập khác	69,0%	56,2%	41,4%
Tổng chi phí	643,0	837,2	760,4
Lợi nhuận kế toán trước thuế	450,7	410,7	312,0
Lợi nhuận kế toán sau thuế	369,6	358,1	254,6
CAGR lợi nhuận kế toán sau thuế	135,7%	98,6%	67,3%

CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ KHÁC

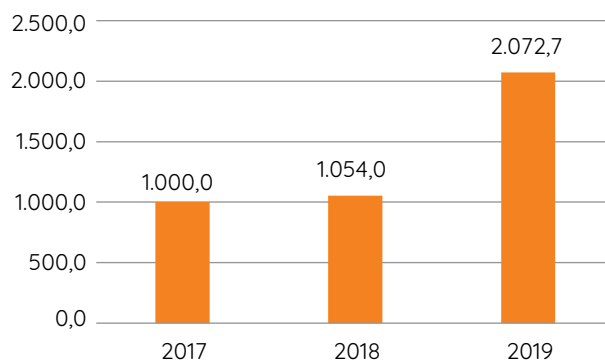
(Đơn vị: đồng)

	2017	2018	2019
Hệ số thanh toán nhanh	46,1%	66,0%	31,2%
Hệ số thanh toán hiện hành	192,3%	375,5%	177,5%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	28,7%	21,5%	11,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	9,9%	8,0%	4,7%
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (BV)	14.659	17.698	12.990
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	2.925	2.746	1.359
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12	294,2%	351,6%	338,4%

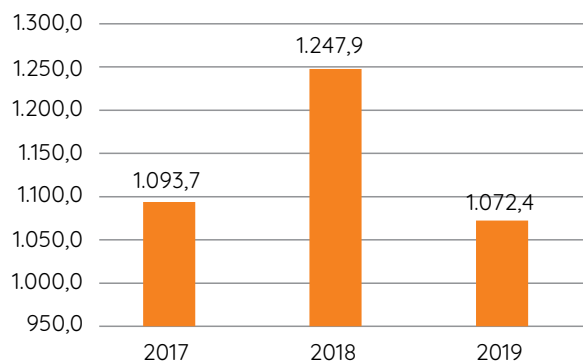
Tổng tài sản (tỷ đồng)



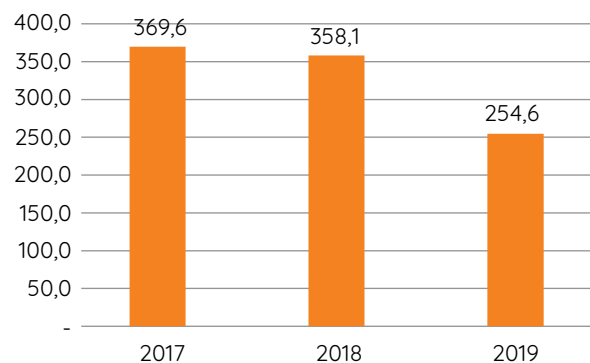
Vốn điều lệ (tỷ đồng)



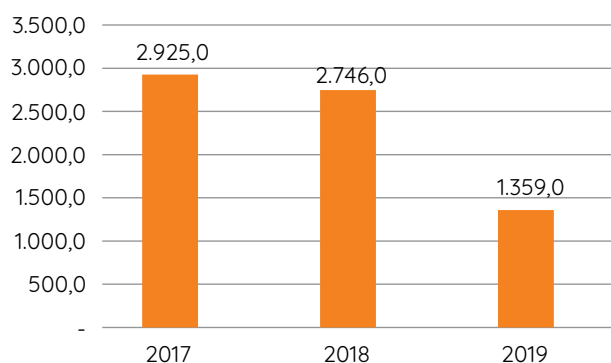
Tổng doanh thu và thu nhập khác (tỷ đồng)



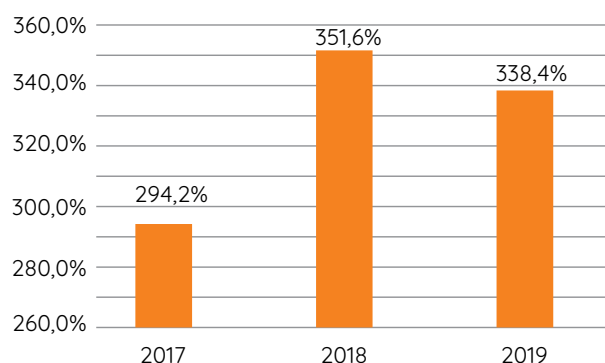
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (tỷ đồng)



Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại 31/12



02





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

- Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2019

KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

Tiêu điểm nổi bật của kinh tế thế giới năm 2019 tiếp tục là cuộc chiến thương mại giữa 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ- Trung Quốc. Liên tục các cuộc đàm phán giữa hai bên đã diễn ra trong năm 2019 với nhiều thông tin kỳ vọng rồi lại thất vọng xen giữa là các hành vi đe dọa và tăng thuế trả đũa giữa 2 quốc gia, đưa các công ty của nhau vào danh sách cấm mua bán với Chính phủ, thậm chí Trung Quốc đã kiện Mỹ ra WTO. Cuối cùng sau 13 vòng đàm phán, từ tháng 9 căng thẳng giữa 2 bên mới có những dấu hiệu hạ nhiệt, hai bên dần miễn thuế cho các mặt hàng và tới 12/13 công bố chính thức đã đạt được thỏa thuận giai đoạn một. Cuộc chiến này đã làm ngưng trệ nền sản xuất và dòng vốn đầu tư, dẫn tới thương mại toàn cầu suy giảm mạnh và tác động tới toàn bộ nền kinh tế thế giới. Theo IMF, kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,4% so với mức 2,9% năm 2018, Trung Quốc tăng trưởng 6,1% so với mức 6,6% năm 2018, các khu vực kinh tế chủ chốt khác như các nền kinh tế mới nổi, Châu Âu đều chứng kiến sự giảm tốc, kinh tế toàn cầu do vậy ước tính chỉ tăng trưởng 3,0% so với mức 3,6% của năm 2018.

Trên thị trường hàng hóa, 2019 tiếp tục là năm hồi phục của giá dầu thế giới mặc dù không đạt được tới mức đỉnh trên 80 USD/thùng như trong năm 2018 nhưng khi đóng

cửa cuối năm đã đạt mức quanh mốc 70 USD/thùng, tăng 30,3% so với cuối năm 2018. Đối với kim loại quý, với những bất ổn kinh tế trong năm 2019, giá vàng có sự tăng mạnh vượt ra khỏi vùng dao động trong 4 năm gần đây và đóng cửa cuối năm tại mốc 1.514 USD/ounce, tăng 18,1% và chỉ còn cách đỉnh lịch sử mọi thời đại trên 13,0% (1.720 USD/ounce). Các mặt hàng nông sản (ngoại trừ đường, đậu tương) có diễn biến đi ngang, cá biệt có cao su, cà phê, ngô có diễn biến tăng giá nhưng biến động mạnh.

Trên thị trường tài chính, hàng loạt các quốc gia phải hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trước tác động của chiến tranh thương mại (theo Central Bank News có 53 quốc gia đã hạ lãi suất trong năm 2019, FED 3 lần hạ lãi suất với tổng cộng 0,8%). Thị trường chứng khoán toàn cầu lại có một năm tăng điểm mạnh mẽ (theo Deutsche Bank thì tổng vốn hóa toàn bộ các thị trường chứng khoán năm 2019 tăng 17.000 tỷ USD lên trên 85.000 tỷ USD). Các chỉ số chứng khoán Mỹ liên tục thiết lập các mốc đỉnh cao mới nhờ sự thăng hoa của các cổ phiếu ngành công nghệ, trong khi chứng khoán Trung Quốc phục hồi từ vùng đáy 3 năm nhờ các chính sách nới lỏng tiền tệ và đàm phán thương mại có tiến triển.

KINH TẾ - TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Kinh tế Việt Nam tiếp tục khởi sắc khi GDP tăng trưởng 7,0% trong năm 2019, vượt mục tiêu 6,8%, dù thấp hơn so với năm 2018 nhưng là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên mức 7,0%. Mặc dù ngành nông, lâm thủy sản tăng trưởng chậm lại chỉ đạt 2,0% do chịu tác động của biến đổi thời tiết và dịch bệnh, lĩnh vực công nghiệp (đặc biệt là công nghiệp chế tạo) vẫn duy trì được đà tăng nhờ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Lĩnh vực dịch vụ cũng đạt được mức tăng cao hơn năm 2018 nhờ tiêu dùng nội địa và du lịch (lượng khách quốc tế tới Việt Nam năm 2019 đạt mức kỷ lục trên 18 triệu lượt người). Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong năm 2019 tăng 2,8%, thấp nhất trong 3 năm gần đây và thấp hơn so với mục tiêu 4,0%. Thu hút FDI năm 2019 (không tính phần góp vốn, mua cổ phần)

tiếp tục giảm 12,0% về số vốn đăng ký với 22,5 tỷ USD tuy nhiên vốn thực hiện tăng 6,7%, đạt mốc kỷ lục 20,4 tỷ USD. Bên cạnh đó, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu lần đầu tiên vượt 500 tỷ USD, cán cân thương mại đạt thặng dư năm thứ 4 liên tiếp với 9,9 tỷ USD, cao hơn mức kỷ lục 7,2 tỷ USD của năm 2018. Dòng vốn đầu tư gián tiếp tăng 56,4% (15,5 tỷ USD) giúp cho dự trữ ngoại hối của Việt Nam tiếp tục gia tăng lên mức cao kỷ lục 80 tỷ USD, tương đương với trên 15 tuần nhập khẩu qua đó giúp cho tỷ giá cả năm ổn định chỉ tăng 1,5%. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng nhìn chung dồi dào, lãi suất cho vay ngắn hạn các lĩnh vực ưu tiên được điều chỉnh giảm từ 19/11/2019, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tính tới tháng 12/2019 vẫn duy trì ở mức 1,9% như cuối năm 2018.



Một số chỉ tiêu kinh tế năm 2019

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019
Tăng trưởng GDP (%)	6,2	6,8	7,1	7,0
Tăng CPI bình quân (%)	2,7	3,5	3,5	2,8
Tăng trưởng tín dụng (%)	18,7	18,2	14,0	13,6
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	22.159	22.425	22.825	23.155
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	40,0	51,5	60,0	80,0
Thâm hụt/thặng dư ngân sách (so với GDP) (%)	-4,3	-2,3	0,007	2,6

(Nguồn: TCTK, WB, HSBC, NHNN, SHS Research)

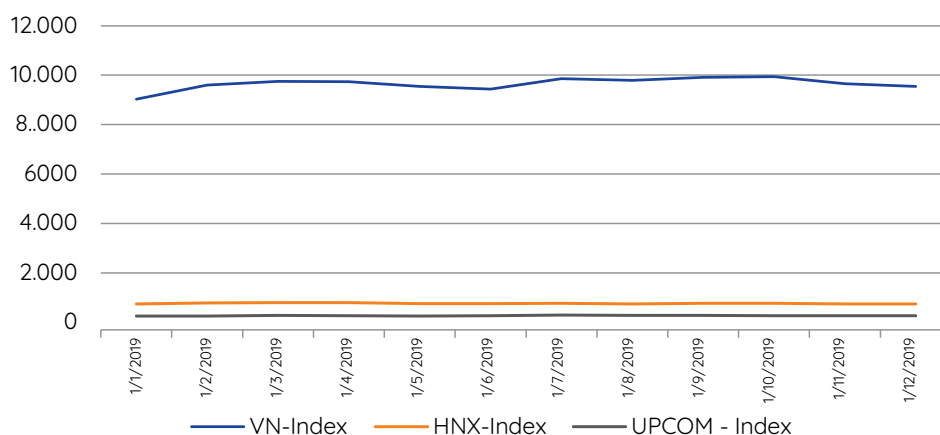
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Trong năm 2019, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa được tổ chức FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi loại 2, chưa được MSCI đưa vào danh sách xem xét nâng hạng từ cận biên lên thị trường mới nổi như kỳ vọng.

Thị trường chứng khoán năm 2019 mặc dù ghi nhận sự tăng trưởng của chỉ số tuy nhiên diễn biến không như kỳ vọng. Sau quãng thời gian tăng khá mạnh trong quý

1/2019, VN-Index có diễn biến tích lũy trong vùng từ 938 điểm đến 1.000 điểm suốt 7 tháng sau đó. Đạt tăng điểm đầu tháng 11/2019 mang lại nhiều kỳ vọng sẽ đạt 1.029 điểm nhưng chỉ số lại chứng kiến cú lao dốc tới đầu tháng 12 trước khi bình ổn trở lại. Đóng cửa phiên cuối năm 2019, VN-Index đạt 960,99 điểm, tăng 7,7% so với cuối năm 2018, HNX-Index cuối năm đóng cửa tại mốc 104,23 điểm, giảm 1,7% so với cuối năm 2018.

Diễn biến Thị trường Chứng khoán 2019

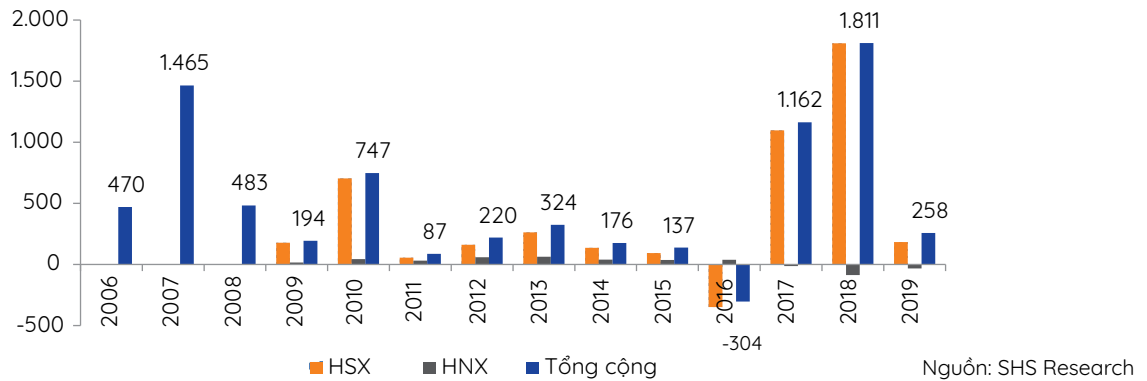


Nguồn: SHS Research

Thanh khoản toàn thị trường (bao gồm cả sàn Upcom) trong năm 2019 giảm 29,5% so với năm 2018, với giá trị giao dịch bình quân đạt 4.630 tỷ đồng/phiên trong đó sàn HNX giảm mạnh tới 48,0%, sàn HSX giảm 26,6%. Các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2019 dù vẫn mua ròng cổ phiếu nhưng giảm mạnh hoạt động giao dịch trên sàn niêm yết khi giá trị mua ròng trên cả 2 sàn chỉ đạt 5.976 tỷ đồng, tương đương 258 triệu USD, giảm tới 85,7% so với năm 2018. Sự thay đổi của dòng vốn ngoại trong năm 2019 là việc khối này chuyển sang mua cổ phần

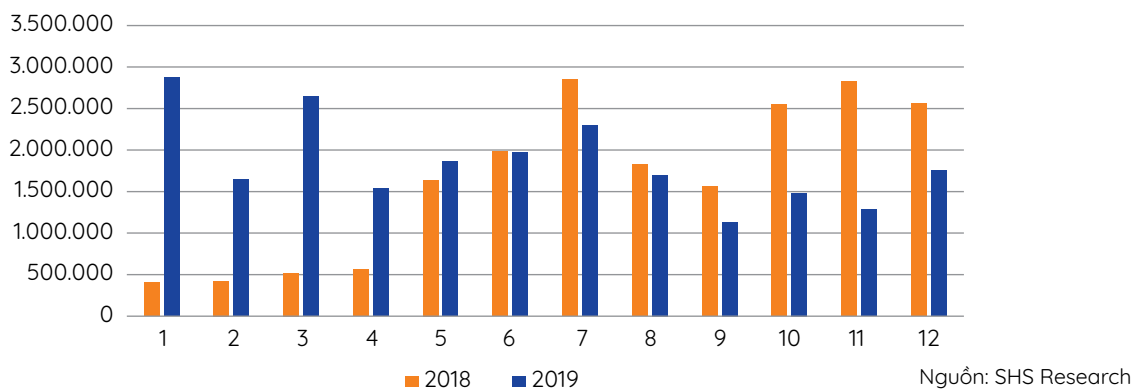
dưới dạng phát hành riêng lẻ giao dịch ngoài sàn. Một số thương vụ lớn điển hình như SK mua cổ phần Vingroup (1 tỷ USD), KEB Hana Bank mua cổ phần của BIDV (20.000 tỷ đồng), Samsung SDS mua cổ phần CMC Group (850 tỷ đồng), Taisho mua cổ phần Dược Hậu Giang (2.470 tỷ đồng), Mitsui mua cổ phần Minh Phú (150 triệu USD)... Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm cuối năm 2019 đạt 4,3 triệu tỷ đồng, mức cao nhất từ trước tới nay, tương đương với 72,6% GDP.

Giá trị mua/bán ròng của NĐTNN (triệu USD)



TTCK phái sinh tiếp tục có sự tăng trưởng trong năm 2019 với khối lượng giao dịch bình quân trong năm đạt 88.741 hợp đồng/phiên, tăng 12,6% so với năm 2018. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh tại thời điểm cuối tháng 11 là 89.795 tài khoản, tăng 32.118 tài khoản, tương ứng 55,6% so với cuối năm 2018.

Số lượng hợp đồng phái sinh giao dịch theo tháng



Trong năm 2019, sản phẩm Chứng quyền có đảm bảo (CW) đã được triển khai từ tháng 6 và tính tới cuối năm đã có 8 công ty chứng khoán tham gia phát hành tổng cộng 53 mã chứng quyền với khối lượng 128,2 triệu chứng quyền dựa trên 17 mã cổ phiếu cơ sở. Việc phát hành và niêm yết các mã CW có tác dụng tích cực tới giá và thanh khoản của một số mã cổ phiếu cơ sở, tuy nhiên giao dịch CW nhìn chung còn thấp, khối lượng giao dịch bình quân sau 6 tháng chỉ đạt 2,9 triệu cổ phiếu/phiên, tương ứng giá trị giao dịch bình quân 7,2 tỷ đồng/phiên, tương ứng 1,5% về khối lượng và 0,2% về giá trị so với trên sàn HSX cùng thời điểm.

Hoạt động niêm yết năm 2019 sụt giảm mạnh và là mức thấp nhất trong 5 năm gần đây với chỉ 13 doanh nghiệp mới trên sàn HSX, giảm 63,0% so với 2018 trong đó 8 doanh nghiệp chuyển từ Upcom và HNX sang, trên HNX chỉ có 9 doanh nghiệp niêm yết mới so với 10 doanh nghiệp trong năm 2018. Hoạt động đăng ký giao dịch trên Upcom của các doanh nghiệp cũng diễn ra trầm lắng khi chỉ có 80 doanh nghiệp mới trong đó năm 2018 là 137 doanh nghiệp và cũng có khá ít doanh nghiệp có tiếng ngoại trừ Viettravel, Legamex. Quá trình cổ phần hóa, thoái vốn DNNN cũng diễn ra không đạt kỳ vọng với chỉ 9 doanh nghiệp được cổ phần hóa (năm 2018 là 11 doanh nghiệp) và chỉ có 13 đợt bán thoái vốn (năm 2018 là 18). Nguyên nhân là do chậm

quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần; chậm bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC, bất cập trong các quy định pháp luật liên quan tới việc bán đấu giá cổ phần, xác định giá trị doanh nghiệp...

Trong khi thị trường cổ phiếu năm 2019 trầm lắng thì hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ sôi động với tổng

cộng 905/1.242 đợt đăng ký, 296.713 tỷ đồng/440.426 tỷ đồng giá trị thông qua HNX, tăng 32,0% tương ứng với 73.000 tỷ đồng so với năm 2018. Các nhóm doanh nghiệp năm qua thực hiện phát hành nhiều trái phiếu như: nhóm ngân hàng chiếm 37,0%, bất động sản 19,0%, các công ty chứng khoán cũng huy động được 8.442 tỷ đồng.

Các số liệu thống kê TTCK

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	Thay đổi của năm 2019 so với năm 2018 (%)
VN-Index	984,2	892,5	961,0	7,7
HNX-Index	116,9	104,2	102,5	-1,7
Upcom-Index	54,9	52,8	56,5	7,1
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	3.475	3.960	4.384	10,7
Vốn hóa/GDP	69,4%	71,6%	72,6%	
Số lượng tài khoản (triệu cổ phiếu)	1,9	2,2	2,4	
Tổng số CP&CCQ niêm yết (tỷ CP&CCQ)	740	754	744	

Nguồn: SHS Research

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN SHS:

Trong bối cảnh thị trường diễn biến kém thuận lợi, bên cạnh những thuận lợi và cơ hội thì SHS cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức đòi hỏi trong năm 2019, Công ty phải thay đổi và điều chỉnh định hướng chiến lược kinh doanh cho phù hợp nhằm duy trì và phát triển trong cạnh tranh.

Thuận lợi

Là công ty chứng khoán nội am hiểu thị trường nội địa.
 Đã có tập khách hàng đa dạng, phong phú.
 Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là SHB.

Khó khăn

Các hạn chế trong nội tại Công ty như công nghệ, nhân sự, sự chủ động về vốn, quản trị nội bộ... gây khó khăn cho Công ty trong việc duy trì sự tăng trưởng đã đạt được trong các năm trước.

Cơ hội

Có quan hệ tốt với hệ thống ngân hàng, có tập khách hàng tổ chức lớn để phát triển mảng trái phiếu doanh nghiệp.

Thách thức

Diễn biến kém thuận lợi của thị trường chứng khoán kìm hãm sự tăng trưởng của hầu khắp các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty như môi giới, tự doanh...
 Việc bãi bỏ mức sàn phí giao dịch dẫn đến cuộc đua hạ giá phí giao dịch diễn ra gay gắt giữa các công ty chứng khoán.
 Sự cạnh tranh mạnh mẽ ở mảng môi giới của một số công ty chứng khoán có lợi thế và ưu tiên về công nghệ và sự cạnh tranh ở mảng cho vay từ các công ty chứng khoán Hàn Quốc có lợi thế về vốn giá rẻ.

KHUNG PHÁP LÝ

Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong đó có nhiều mục tiêu lớn như quy mô thị trường, sản phẩm, công nghệ giao dịch, nâng hạng thị trường.... Tại kỳ họp Quốc hội diễn ra trong tháng 10/2019, Luật Chứng khoán sửa đổi đã được thông qua và sẽ có hiệu lực từ ngày 1/1/2021 trong đó có một số điểm mới liên quan tới điều kiện chào bán chứng khoán, chào bán trái phiếu riêng lẻ, mô hình tổ chức với một Sở GDCK... Tuy nhiên, những vấn đề cũ như nới room cho khối ngoại, bán chứng khoán trên đường về (T+0) chưa có hướng giải quyết.

Tuy vậy, hệ thống văn bản pháp luật có hiệu lực thi hành từ năm 2019 tập trung vào việc tạo hành lang pháp lý cho các vấn đề sau của TTCK:

- Cơ cấu lại Thị trường Chứng khoán Việt Nam;
- Tạo hành lang pháp lý cho việc sáp nhập 2 Sở GDCK thành Sở GDCK Việt Nam;
- Nâng cao công tác giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với TTCK Việt Nam;
- Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán;
- Chuẩn hóa hoạt động của thị trường trái phiếu Chính phủ;
- Tạo hành lang pháp lý phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp;
- Chuẩn hóa các quy chế thực hiện tại các SGDK và TTLKCK Việt Nam.

Danh sách các văn bản pháp luật liên quan như sau:

Cơ quan ban hành	Số văn bản	Nội dung văn bản	Hiệu lực thi hành
Chính phủ	163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018	Quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp	01/02/2019
	165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018	Quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	10/02/2019
	32/QĐ-TTg ngày 07/01/2019	Quyết định phê duyệt Đề án thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam	07/01/2019
	05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019	Nghị định về kiểm toán nội bộ	01/04/2019
	242/QĐ-TTg ngày 28/02/2019	Quyết định về phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025” do Thủ tướng Chính phủ ban hành	28/02/2019
Bộ Tài chính	111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018	Hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước	01/01/2019
	127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018	Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDK và TTLKCKVN	15/02/2019
	128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018	Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào TTCKVN	15/02/2019
	13/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết	01/05/2019
	21/2019/TT-BTC ngày 11/04/2019	Thông tư hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức dựng sổ	03/06/2019
	28/VBHN-BTC ngày 09/05/2019	Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết	09/05/2019

Bộ Tài chính	30/2019 TT-BTC ngày 28/05/2019	Hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương	15/07/2019
	36/VBHN-BTC ngày 05/07/2019	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán	05/07/2019
	37/VBHN-BTC ngày 05/07/2019	Quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán	05/07/2019
	34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/ 2018 của BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của DNNN và công ty TNHH một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.	29/07/2019
	35/2019/TT-BTC ngày 12/06/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của UBCKNN đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở GDCK, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.	01/08/2019
	50/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019	Hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ	01/10/2019
	1571/QĐ-BTC ngày 19/08/2019	Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 2002/QĐ-BTC ngày 20/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	19/08/2019
	47/VBHN-BTC ngày 14/10/2019	Văn bản hợp nhất thông tư Hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	14/10/2019
	48/VBHN-BTC ngày 14/10/2019	Văn bản hợp nhất hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán	14/10/2019
91/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019	Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	15/02/2020	
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Không có		
SGDCK Hà Nội	62/QĐ-SGDHN ngày 24/01/2019	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	24/01/2019
	63/QĐ-SGDHN ngày 24/01/2019	Quyết định về thời gian giao dịch trái phiếu doanh nghiệp	24/01/2019
	194/QĐ-SGDHN ngày 16/04/2019	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	16/04/2019
	345/QĐ-SGDHN ngày 05/06/2019	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	05/06/2019

	391/QĐ-SGDHN ngày 19/06/2019	Quyết định về thời gian giao dịch hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm	19/06/2019
	430/QĐ-SGDHN ngày 03/07/2019	Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	03/07/2019
	1571/QĐ-BTC ngày 19/08/2019	Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến hoạt động đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính	19/08/2019
SGDCK Hà Nội	634/QĐ-SGDHN ngày 24/09/2019	Quy chế Tổ chức và quản lý thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	24/09/2019
	635/QĐ-SGDHN ngày 24/09/2019	Quy định biên độ dao động giá chứng khoán đăng ký giao dịch	24/09/2019
	636/QĐ-SGDHN ngày 24/09/2019	Quyết định về thời gian giao dịch chứng khoán đăng ký giao dịch	24/09/2019
	796/QĐ-SGDHN ngày 27/11/2019	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SGDHN ngày 24/3/2017 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	27/11/2019
SGDCK Tp. HCM	49/QĐ-SGDHCM ngày 27/02/2019	Quyết định về điều kiện và mức giá dịch vụ giao dịch áp dụng cho tổ chức tạo lập thị trường quỹ hoán đổi danh mục tại Sở GDCK Tp. Hồ Chí Minh	27/02/2019
	295/QĐ-SGDHCM ngày 30/07/2019	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	30/07/2019
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	39/QĐ-VSD ngày 18/02/2019	Sửa đổi Phụ lục của Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán ban hành theo Quyết định số 157/QĐ-VSD ngày 21/08/2017	18/02/2019
	Không số 07/03/2019	Quy định về dịch vụ phong tỏa chứng khoán tự nguyện theo yêu cầu	07/03/2019
	72/QĐ-VSD ngày 02/04/2019	Sửa đổi Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán ban hành theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015	02/04/2019
	146/QĐ-VSD ngày 28/08/2019	Quy chế hoạt động cấp mã chứng khoán, đăng ký, lưu ký đối với cổ phần trúng đấu giá/cổ phần mua theo phương thức dựng sổ của doanh nghiệp cổ phần hóa	28/08/2019
	156/QĐ-VSD ngày 05/09/2019	Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch và thực hiện chứng quyền có bảo đảm ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-VSD ngày 15 tháng 03 năm 2018 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	05/09/2019
	213/QĐ-VSD ngày 24/12/2019	Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	24/12/2019



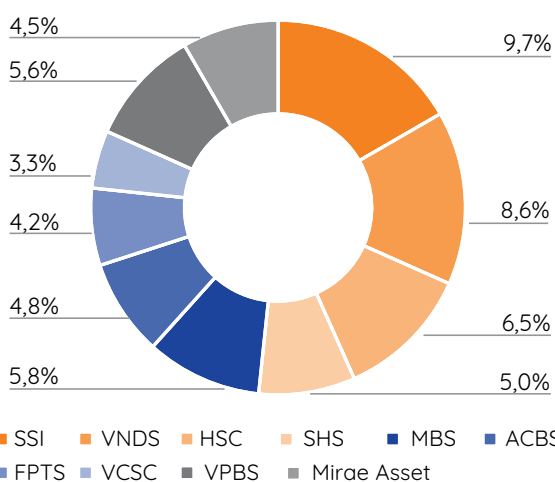
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Tính tới cuối năm 2019, số lượng công ty chứng khoán đang hoạt động là 75 công ty. Đến hết tháng 11/2019, có 55 công ty chứng khoán báo cáo kinh doanh có lãi với tổng lãi đạt 7.420 tỷ đồng (giảm 1.068 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018). Tổng doanh thu của các công ty chứng khoán được ghi nhận đạt 20.774 tỷ đồng, tương đương 85,2% doanh thu cả năm 2018 và giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong năm 2019 cũng ghi nhận 2 thương vụ đối tác Hàn Quốc mua lại công ty chứng khoán là Hanwha mua lại Công ty chứng khoán HFT và JB Financial Group mua lại Công ty chứng khoán Morgan Stanley Gateway qua đó nâng số lượng công ty chứng khoán vốn Hàn Quốc lên 7 công ty.

THỊ PHẦN MÔI GIỚI

Về thị phần, trong bối cảnh thị trường không như kỳ vọng, áp lực cạnh tranh trong năm 2019 tiếp tục gia tăng đặc biệt tới từ nhóm các công ty chứng khoán có vốn ngoại. Sau khi quy định về mức sàn phí giao dịch được bãi bỏ, cuộc đua hạ giá phí giao dịch diễn ra rất gay gắt và có những công ty còn áp dụng mức phí giao dịch 0 đồng để nhằm thu hút thêm khách hàng từ các công ty khác. Ngoài ra, nhiều công ty chứng khoán ngoại sau khi tăng vốn mạnh tiếp tục tung ra các chương trình cho vay kỳ quỹ với quy mô lớn, lãi suất thấp để cạnh tranh với các công ty chứng khoán nội phải đi vay ngân hàng khiến cho cuộc đua về thị phần ngày càng căng thẳng.

Thị phần môi giới CP, CCQ niêm yết - sàn HNX năm 2019



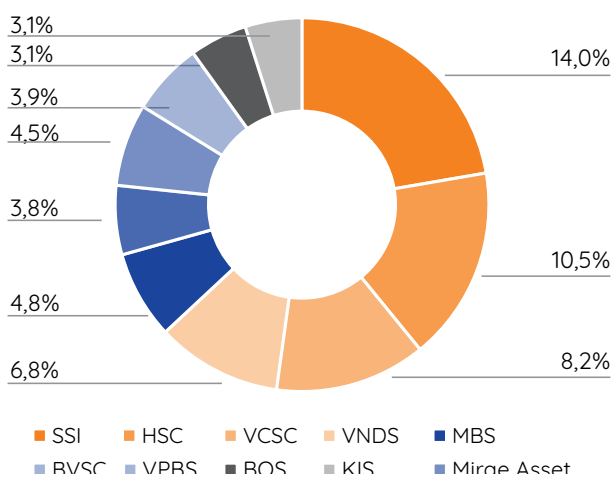
Nguồn: SHS Research

Biến động thị phần môi giới CP, CCQ - sàn HNX năm 2019

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
SSI	11,9%	9,7%	-2,2%
VNDS	9,2%	8,6%	-0,6%
HSC	8,6%	6,5%	-2,1%
SHS	8,4%	5,0%	-3,4%
MBS	7,5%	5,8%	-1,7%
ACBS	5,0%	4,8%	-0,2%
FPTS	4,9%	4,2%	-0,8%
VCSC	4,5%	3,3%	-1,2%
BSC	3,7%	N/A	
VPBS	3,5%	5,6%	2,2%
Mirae Asset	N/A	4,5%	

Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên sàn HNX năm 2018 như SSI, HSC, SHS, MBS, ACBS, FPT, VCSC, VPS mặc dù vẫn duy trì trong top 10 năm 2019 nhưng có sự giảm sút lớn về thị phần lên đến gần 10,0%. BSC đã không còn nằm trong top, thay vào đó là sự xuất hiện của công ty chứng khoán có vốn Hàn Quốc là Mirae Asset.

Thị phần môi giới CP, CCQ niêm yết - sàn HSX năm 2019



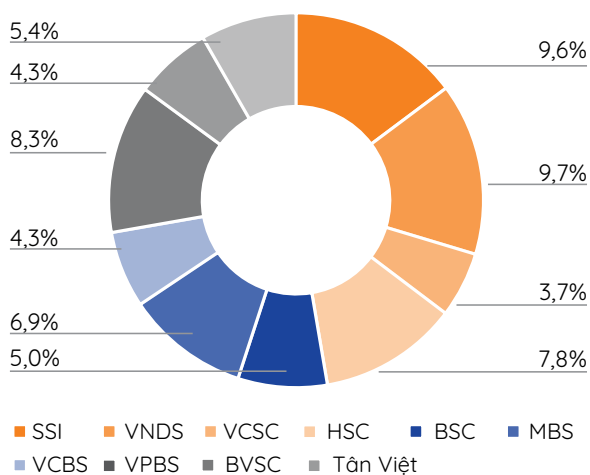
Nguồn: SHS Research

Biến động thị phần môi giới CP, CCQ - sàn HSX năm 2019

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
SSI	18,7%	14,0%	-4,7%
HSC	11,2%	10,5%	-0,7%
VCSC	11,0%	8,2%	-2,8%
VNDS	7,3%	6,8%	-0,5%
MBS	5,6%	4,8%	-0,9%
SHS	4,0%	N/A	
ACBS	3,5%	N/A	
FPTS	3,3%	N/A	
BVSC	3,0%	3,8%	0,8%
BSC	2,8%	N/A	
Mirae Asset	N/A	4,5%	
VPBS	N/A	3,9%	
BOS	N/A	3,1%	
KIS	N/A	3,1%	

Tương tự sàn HNX, trên sàn HSX cũng cho thấy sự giảm sút thị phần của các công ty chứng khoán hàng đầu như SSI, HSC, VCSC, VNDS, MBS với tổng mức giảm khoảng 10,0%. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán còn lại trong top năm 2018 với các công ty chứng khoán có vốn ngoại khốc liệt hơn nhiều. Một số công ty chứng khoán nội đã rời khỏi top như SHS, ACBS, FPTS, BSC. Thay vào đó là các công ty chứng khoán có vốn ngoại như Mirae Asset, BOS, KIS và một tên tuổi mới là VPBS.

Thị phần môi giới CP - sàn UPCOM năm 2019



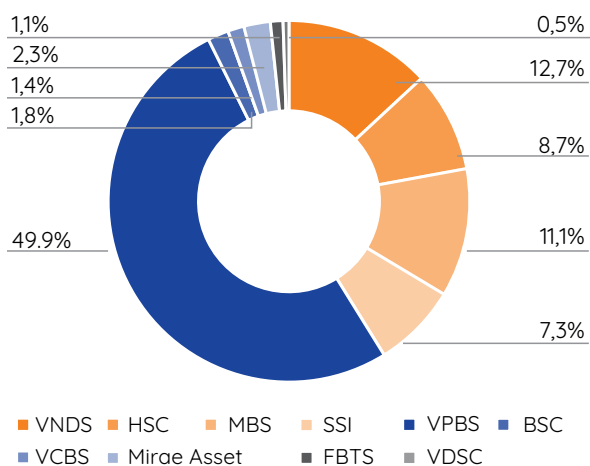
Nguồn: SHS Research

Biến động thị phần môi giới CP - sàn UPCOM năm 2019

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
SSI	11,1%	9,6%	-1,5%
VNDS	10,4%	9,7%	-0,7%
VCSC	7,7%	3,7%	-4,0%
HSC	6,5%	7,8%	1,4%
BSC	5,5%	5,0%	-0,5%
MBS	5,2%	6,9%	1,7%
SHS	5,1%	N/A	
VCBS	4,6%	4,3%	-0,3%
IBSC	4,5%	N/A	
VPBS	4,0%	8,3%	4,4%
BVSC	N/A	4,3%	
Tân Việt	N/A	5,4%	

Trên sàn UPCOM, thị phần các công ty chứng khoán top đầu như SSI, VNDS, VCSC, HSC, BSC, VCBS không thay đổi nhiều tuy nhiên năm 2019, SHS, IBSC đã phải rời khỏi top, thay vào đó là BVSC và Tân Việt. Trên sàn UPCOM thiếu vắng sự hiện diện của các công ty chứng khoán có vốn ngoại. Tuy nhiên, sàn UPCOM chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của VPBS, Tân Việt và BVSC.

Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh



Nguồn: SHS Research

Biến động Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh năm 2019

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
VNDS	23,9%	12,7%	-11,2%
HSC	22,4%	8,7%	-13,7%
MBS	16,6%	11,1%	-5,4%
SSI	14,5%	7,3%	-7,2%
VPBS	13,6%	49,9%	36,3%
BSC	4,2%	1,8%	-2,3%
VCSC	2,4%	N/A	
VCBS	1,3%	1,4%	0,1%
Mirae Asset	N/A	2,3%	
FPTS	0,0%	1,1%	1,1%
VDSC	1,0%	0,5%	-0,5%

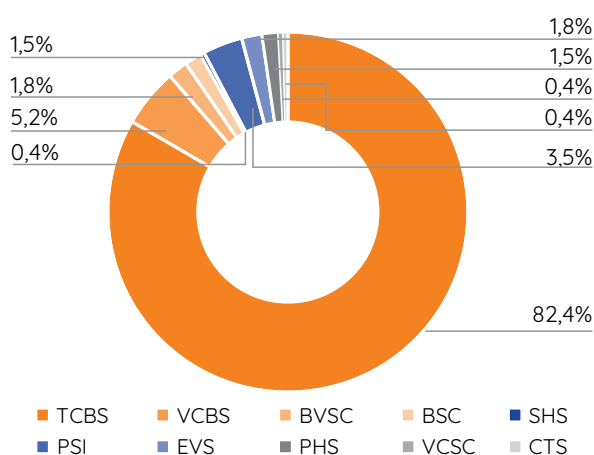
Năm 2019 là năm thứ hai TTCKVN triển khai sản phẩm chứng khoán phái sinh. Nếu như kết thúc năm 2018 mới có 13 công ty chứng khoán được cấp phép thì kết thúc năm 2019 đã có 17 công ty chứng khoán được cấp phép môi giới chứng khoán phái sinh. Trong năm 2018 và 2019, 10 công ty chứng khoán top đầu đều đã nắm giữ gần 100% thị phần. Tuy nhiên, bước sang năm 2019, các công ty chứng khoán top đầu như VNDS, HSC, MBS, SSI, BSC đã giảm sút thị phần nghiêm trọng lên đến gần 40%. Thay vào đó, thị phần môi giới chứng khoán phái sinh của VPBS đã tăng mạnh thêm 36,26% và một tên tuổi mới là Mirae Asset đã lọt top và đạt thị phần 2,30%. Năm 2019, SHS vẫn chưa cung cấp dịch vụ này.

Thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ - HNX

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
Nhóm có thị phần trên 10%	BSC, BVSC, VCBS, HSC	BSC, VCBS, BVSC, HSC	Không thay đổi
Nhóm có thị phần trên 5% đến 10%	VCSC	VCSC, SHS, ACBS	Thêm SHS, ACBS
Nhóm có thị phần từ 5% trở xuống	VPBS, SHS, Mirae Asset, SSI	VPBS, SSI, Thiên Việt	Loại SHS, Mirae Asset Thêm Thiên Việt

SHS đã tăng thị phần khi chuyển từ nhóm có thị phần từ 5% trở xuống lên nhóm có thị phần từ 5-10%. ACBS và Thiên Việt vào top nhưng Mirae Asset ra khỏi top.

Thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ - HSX



Nguồn: SHS Research

Biến động thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ - HSX

Công ty	Năm 2018	Năm 2019	Thay đổi
TCBS	81.7%	82.4%	0.7%
VCBS	3.8%	5.2%	1.4%
BVSC	3.4%	1.8%	-1.6%
BSC	2.0%	1.5%	-0.5%
VPBS	1.9%	N/A	
VNDS	1.8%	N/A	
SHS	1.3%	0.4%	-0.9%
HSC	1.1%	N/A	
IBSC	1.0%	N/A	
MBS	0.9%	N/A	
PSI	N/A	3.5%	
EVS	N/A	1.8%	
PHS	N/A	1.5%	
VCSC	N/A	0.4%	
CTS	N/A	0.4%	

Thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ tại HSX năm 2019 có sự thay đổi so với năm 2018 tuy nhiên hơn 80% thị phần vẫn thuộc về TCBS.

ĐỊNH VỊ SHS

SO SÁNH SHS VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ VỚI NGÀNH

Tiêu chí	P/E năm 2019 (lần)	EPS năm 2019 (VNĐ)
SHS	6,4	1.229
VN-Index	15,7	3.890
HNX-Index	9,1	2.705
Upcom - Index	17,0	2.313
Ngành chứng khoán	10,3	1.653

EPS của SHS thấp hơn một chút so với ngành chứng khoán nhưng thấp hơn rất nhiều so với thị trường. Tuy vậy, P/E của SHS đều thấp hơn rất nhiều so với thị trường và với ngành. Điều đó cho thấy giá cổ phiếu của SHS đang được định giá quá thấp và sẽ có nhiều dư địa để tăng trong năm 2020.

SO SÁNH SHS VỚI CÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KHÁC

Tổng tài sản

STT	Tên Công ty	Số tiền (tỷ đồng)
1.	SSI	27.044
2.	VPBS	12.004
3.	VND	11.577
4.	MASC	9.846
5.	HCM	7.488
6.	VCI	7.242
7.	TCBS	6.301
8.	SHS	6.072
9.	MSI	5.565
10.	MBS	4.750

Tổng nợ phải trả

STT	Tên Công ty	Số tiền (tỷ đồng)
1.	SSI	17.643
2.	VND	8.328
3.	VPBS	7.381
4.	MASC	3.709
5.	MSI	3.553
6.	SHS	3.380
7.	VCI	3.191
8.	HCM	3.184
9.	MBS	3.080
10.	TVS	2.006

Vốn chủ sở hữu

STT	Tên Công ty	Số tiền (tỷ đồng)
1.	SSI	9.401
2.	MASC	6.137
3.	TCBS	4.627
4.	VPBS	4.623
5.	HCM	4.304
6.	VCI	4.051
7.	VND	3.248
8.	SHS	2.692
9.	FTS	2.111
10.	KISVN	2.098

Vốn điều lệ

STT	Tên Công ty	Số tiền (tỷ đồng)
1.	MASC	5.455
2.	SSI	5.100
3.	VPBS	3.500
4.	HCM	3.058
5.	VND	2.204
6.	AGR	2.120
7.	SHS	2.072
8.	KISVN	1.897
9.	MSI	1.675
10.	VCI	1.644

ROA

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ
1.	TCBS	27,3%
2.	ORS	27,2%
3.	DVSC	11,4%
4.	VCI	10,1%
5.	APG	8,9%
6.	FTS	8,5%
7.	ART	7,3%
8.	VIX	7,1%
9.	TCI	7,0%
10.	TVSI	6,9%
24.	SHS	4,7%

ROE

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ
1.	TCBS	37,6%
2.	ORS	33,1%
3.	VCI	18,0%
4.	MBS	14,7%
5.	VND	12,3%
6.	TVS	11,9%
7.	HCM	11,8%
8.	TVSI	11,5%
9.	DVSC	11,4%
10.	SHS	11,2%

EPS

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ
1.	TCBS	12.950
2.	VCI	4.216
3.	MBS	1.882
4.	BVS	1.875
5.	FTS	1.782
6.	VND	1.734
7.	SSI	1.566
8.	VCBS	1.456
9.	HCM	1.414
10.	TVS	1.376
14.	SHS	1.229

SHS đều đứng ở vị trí từ thứ 6 đến thứ 8 về tổng tài sản, tổng nợ, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ, tuy nhiên chỉ tiêu ROE đứng thứ 10, EPS đứng thứ 14 và ROA đứng thứ 24 cho thấy hiệu quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng tài sản chưa cao. Điều này có thể giải thích là việc tăng vốn trong năm 2019 chưa tác động được nhiều vào kết quả kinh doanh của SHS.

Nguồn: SHS Research



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA

ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã thông qua nghị quyết về kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty trên cơ sở những giả định về tình hình kinh tế vĩ mô, sự phát triển của TTCKVN cũng như thị phần môi giới SHS có thể đạt được. Trong năm 2019, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty được thực hiện như sau:

	Ước/Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
I. GIẢ ĐỊNH			
Tình hình kinh tế vĩ mô	Ổn định	Ổn định	Đạt
Giá trị giao dịch bình quân toàn thị trường	5.580 tỷ đồng/phiên	4.630 tỷ đồng/phiên	Giảm 20,5%
Thị phần SHS	HSX: 3,82%	HSX: 2,99%	Giảm 0,83%
	HNX: 8,02%	HNX: 5,04%	Giảm 2,98%
II. KẾ HOẠCH			
Tổng doanh thu	1.291,0 tỷ đồng	1.072,4 tỷ đồng	Đạt 83,1%
Tổng chi phí	870,7 tỷ đồng	760,4 tỷ đồng	Đạt 87,3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	420,3 tỷ đồng	312,0 tỷ đồng	Đạt 74,2%

Năm 2019, Công ty chỉ hoàn thành 83,1% kế hoạch doanh thu và 74,2% kế hoạch lợi nhuận. Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan và khách quan thì một nguyên nhân quan trọng là Công ty chưa dự đoán được chính xác tình hình TTCKVN trong năm 2019. Trong bối cảnh thị trường diễn biến kém thuận lợi đó, hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh của SHS đều chịu tác động lớn. Cụ thể:

- Hoạt động môi giới và lưu ký: Do thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh và áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán top đầu, các công ty có lợi thế về vốn và công nghệ nên doanh thu và thị phần của SHS đều giảm. Doanh thu giảm 46,1% so với năm trước và chỉ đạt 58,2% kế hoạch, đứng thứ 12 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. SHS đã không còn nằm trong top 10 sàn HSX - cổ phiếu niêm yết, lùi 2 bậc và đứng vị trí thứ 6 trên sàn HNX - cổ phiếu niêm yết, lùi 3 bậc và chỉ đứng vị trí thứ 11 trên sàn UPCOM, lùi 3 bậc và đứng vị trí thứ 10 trên sàn HSX - trái phiếu Chính phủ nhưng tiến 2 bậc đứng vị trí thứ 6 trên sàn HNX - trái phiếu Chính phủ. Tuy vậy, số lượng tài khoản mở mới vẫn tăng lên mạnh mẽ thêm 2.799 tài khoản tương đương tăng 6,6% lên 45.454 tài khoản.
- Hoạt động đầu tư: Năm 2019, hoạt động đầu tư gặp nhiều khó khăn khi các chỉ số tích lũy trong vùng rộng, nhiều cổ phiếu bluechip giảm giá trong khi các mã tăng giá nhiều phần lớn thuộc nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ vốn không nằm trong danh mục đầu tư của các tổ chức như SHS, hoạt động cổ phần hóa, đấu giá trầm lắng khiến cho cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu tốt thuộc nhóm này bị hạn chế, nguồn vốn giành cho hoạt động đầu tư không ổn định lại chịu các quy định về hạn mức đầu tư. Tuy nhiên, nhờ đánh giá đúng tình hình, Công ty đã chủ động giảm thiểu hoạt động đầu tư cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, tập trung nguồn vốn đầu tư trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn nên hoạt động đầu tư năm 2019 của Công ty ghi nhận 329,1 tỷ đồng doanh thu, thực hiện được 61,8% kế hoạch và chỉ giảm 32,1% so với năm trước, đứng vị trí thứ 11 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.
- Hoạt động dịch vụ tài chính: Mặc dù nguồn vốn chung cho hoạt động đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt là nguồn vốn từ các ngân hàng và sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại với lãi suất cho vay thấp hơn, doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty vẫn đạt 459,6 tỷ đồng, bằng 129,6% kế hoạch và tăng 5,7% so với năm trước và đứng thứ 4 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam mà nguyên nhân là Công ty đã định hướng lại đúng đắn khách hàng mục tiêu, phát triển sản phẩm, dịch vụ đa dạng định hướng theo từng đối tượng khách hàng.



- Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành: Hoạt động tư vấn tài chính của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng do thị trường chung kém khởi sắc nên các hoạt động phát hành, niêm yết cũng chững lại, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn gần như bị đóng băng do những khó khăn, vướng mắc từ cơ chế, chính sách chưa được giải quyết. Do vậy, doanh thu tư vấn truyền thống giảm mạnh. Tuy nhiên, nhờ chính sách chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, dịch vụ được định hướng từ những năm trước nên doanh thu từ các mảng tư vấn chuyên sâu và mảng bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu (tận dụng thị trường trái phiếu đang phát triển mạnh trong năm 2019) đã tăng mạnh. Tính chung cả năm 2019, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 135,3 tỷ đồng, tăng 131,3% so với năm trước và hoàn thành 261,2% kế hoạch, đứng thứ 4 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Kết quả trên cho thấy mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHCĐ thường niên thông qua nhưng tập thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, thực hiện bằng nhiều giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên thông qua trong bối cảnh TTCKVN không đạt được như kỳ vọng.

VIỆC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TÀI CHÍNH, QUẢN TRỊ TỐT RỦI RO

Trong năm 2019, hoạt động của Công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Công tác nhân sự và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế nội bộ vẫn được quan tâm, chú trọng. Công ty cũng đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính của Công ty như tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu riêng lẻ, cơ cấu lại tài sản và nợ... Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành. Trong năm 2019, Công ty không sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của TTLKCK lần nào. Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tiếp tục được tăng cường nhằm bảo vệ những thành quả có được của hoạt động kinh doanh.

VIỆC NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ UY TÍN CỦA DOANH NGHIỆP

Năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng với các điều kiện và mốc thời gian hợp lý để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho SHS trong bối cảnh chịu nhiều áp lực từ các công ty chứng khoán khác có nguồn vốn dồi dào hơn, đưa SHS trở thành công ty chứng khoán có vốn điều lệ đứng thứ 7 trên thị trường. Công ty cũng phát hành thành công 1 đợt trái phiếu riêng lẻ với quy mô 700 tỷ đồng để bù đắp cho các đợt trái phiếu phát hành trước đây đến hạn.

BTGD và tập thể cán bộ, nhân viên đã nỗ lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của SHS, nắm bắt hiệu quả xu hướng thị trường cũng như tất cả các cơ hội có được từ thị trường để nâng cao hiệu quả đầu tư, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ để giảm thiểu hồ sơ, rút ngắn thủ tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Các sản phẩm, dịch vụ của SHS tuy không còn giữ được vị thế tiên phong, đi đầu thị trường nhưng vẫn được đánh giá cao bởi sự linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu của nhà đầu tư.

Với kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh cũng như trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã từng bước khẳng định thương hiệu và uy tín của mình với khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục được các cơ quan, tổ chức vinh danh và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý (*Vui lòng xem tại Mục Giải thưởng đạt được - Phần Thông tin chung của Công ty*).

VIỆC THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Năm 2019, Công ty tiếp tục chú trọng mục tiêu phát triển bền vững. Theo đó, HĐQT đã bố trí 1 thành viên HĐQT phụ trách các vấn đề phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó, Công ty cũng nỗ lực thực hiện trách nhiệm đối với các vấn đề môi trường và xã hội. Cụ thể: toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty tiếp tục nỗ lực tiết kiệm điện năng, nước và vật liệu trong khi thực hiện công việc, thực hiện tái sử dụng một cách hợp lý hoặc xử lý rác thải văn phòng một cách khoa học góp phần giảm thiểu tác hại đối với môi trường. Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định với mức thu nhập cạnh tranh cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty, không sử dụng lao động trẻ em hay lao động cưỡng bức. Công ty đã mua bảo hiểm nhân thọ 15 năm tại Công ty Bảo hiểm Dai-ichi (Nhật Bản), bảo hiểm nhân thọ hàng năm tại Công ty Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH) và thực hiện khám bệnh hàng năm cho cán bộ, nhân viên tại Bệnh viện Medelab nhằm bảo hiểm toàn diện cho sức khỏe người lao động. Công tác giáo dục và đào tạo của cán bộ, nhân viên được quan tâm và khuyến khích. Năm 2019, Công ty đã chi 76,5 triệu đồng cho các khóa đào tạo bên ngoài Công ty bên cạnh rất nhiều các khóa đào tạo nội bộ. Công ty cũng đảm bảo sự cân bằng giới tính cũng như các quyền tự do của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty đã đóng góp tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua tất cả các hoạt động trọng yếu của Công ty như môi giới, phân tích, đầu tư, tư vấn... 17,2 nghìn tỷ đồng đã được đầu tư trong năm 2019 vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp xanh góp phần cùng với Chính phủ và các doanh nghiệp bảo vệ môi trường, nâng cao an sinh xã hội. Hơn 650 triệu đồng đã được chi ra để đầu tư vào thế hệ trẻ thông qua việc là nhà tài trợ cho các chương trình “Bản lĩnh nhà đầu tư” và “Thắp sáng niềm tin cho em”. Hơn 500 triệu đồng nữa cũng đã được chi ra để tài trợ cho cộng đồng địa phương và xã hội... Có thể nói rằng, trách nhiệm phát triển bền vững và không ngừng đóng góp cho cộng đồng, xã hội đã trở thành kim chỉ nam trong các hoạt động của Công ty. Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận khách quan rằng, năm 2019, mặc dù Công ty đã làm tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội tuy nhiên Công ty cũng chưa thực sự phát triển bền vững. Điều đó thể hiện ở việc kết quả kinh doanh và kết quả hoạt động trọng yếu của Công ty có xu hướng bị suy giảm. Đây là điều đáng lưu ý đòi hỏi các thành viên HĐQT, BTGD và toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty cần tiếp tục nỗ lực định hướng chiến lược, thực hiện đồng bộ các giải pháp, linh hoạt và sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, góp phần phát triển Công ty bền vững, đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mặc dù trong năm 2019, Công ty không hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh do ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua nhưng HĐQT vẫn ghi nhận những nỗ lực to lớn của BTGD trong việc điều hành và quản lý Công ty trong bối cảnh TTCK Việt Nam năm 2019 không mấy thuận lợi và sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nhiều lợi thế về vốn và công nghệ. BTGD đã nỗ lực tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác, thu xếp nguồn vốn, phát triển sản phẩm và cơ cấu danh mục đầu tư góp phần mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty và cổ đông; ổn định tổ chức và quản trị tốt rủi ro. BTGD đã phát huy vai trò truyền lửa cho đội ngũ cán bộ, nhân viên của Công ty, phát huy tính sáng tạo và chủ động trong công việc; không ngừng học hỏi kiến thức và tích lũy kinh nghiệm cũng như huy động nhiều nguồn lực để tiếp cận thị trường và khách hàng; chặt chẽ trong quản trị, điều hành để bộ máy Công ty vận hành hiệu quả. BTGD cũng đã nhìn nhận đúng đắn về thời cơ cũng như lợi thế của SHS trong việc khai thác mảng trái phiếu. TGD đã mạnh dạn đề xuất tuyển dụng bổ sung thêm 1 PTGD giàu kinh nghiệm phụ trách mảng này cũng như xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự chuyên biệt từ tháng 8/2019 để đón đầu những cơ hội kinh doanh, từ đó góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận và hình ảnh, thương hiệu của SHS.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 được xem là một năm có rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp nói chung và SHS nói riêng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 kéo dài và bao phủ trên phạm vi toàn thế giới. Tuy vậy, HĐQT vẫn nhận định thách thức và cơ hội là đan xen đối với SHS. Quá trình tái cơ cấu, thay đổi toàn diện, làm mới tổ chức cả về lượng và chất trên cơ sở nguồn lực sẵn có và giảm thiểu những hạn chế vốn có, khai thác nhiều hơn cơ hội để phát triển, đặc biệt là các mảng hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư và tư vấn trong nội bộ SHS vẫn phải được triển khai không ngừng nghỉ, đặc biệt trong bối cảnh áp lực cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng lớn. Công ty vẫn phải tìm tòi sự khác biệt và khai thác đối tượng khách hàng riêng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ty chứng khoán, áp dụng công nghệ hiện đại và tăng cường quản trị rủi ro. Trên cơ sở Luật Chứng khoán mới ra đời với nhiều quy định chặt chẽ về hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, về hoạt động của các công ty chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán, SHS càng cần thiết phải thiết lập bộ máy vận hành quy chuẩn, chuyên nghiệp, tuân thủ đúng quy định pháp luật và linh hoạt với những thay đổi từ thị trường.

HDQT chỉ đạo BTGD tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chính sau:

- Thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược mà ĐHĐCĐ đã thông qua, tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng hoạt động của Cơ quan quản lý Nhà nước
- Tiếp tục áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế và Việt Nam về quản trị công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật và nâng cao tính chuyên nghiệp
- Đề cao tinh thần Chính trực – Đoàn kết – Trách nhiệm – Kỷ luật của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty nhằm tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể
- Phát triển SHS bền vững, chú trọng công tác cộng đồng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm cao đối với xã hội và cộng đồng.

Nằm trong định hướng chiến lược kinh doanh 5 năm (2017-2021) của Công ty, HDQT tiếp tục định hướng đổi mới toàn diện về mục tiêu hoạt động, con người, hệ thống, công nghệ, tài chính, hoạt động kinh doanh... của Công ty trong năm 2020. Cụ thể như sau:

- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp để giữ vững và gia tăng thị phần trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây. Năm 2020, SHS kiên định mục tiêu “Tất cả vì tăng trưởng tài sản ròng của khách hàng”, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong số những Nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 5 công ty chứng khoán và phần đầu nằm trong Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán niêm yết lớn nhất
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp gia tăng lợi thế cạnh tranh của SHS thông qua đổi mới, phát triển chất lượng dịch vụ, tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ
- Tìm kiếm và khai thác những giải pháp, dịch vụ mới mẻ trong hoạt động kinh doanh, bứt phá khỏi các hoạt động kinh doanh truyền thống, thị trường truyền thống, sản phẩm truyền thống, khách hàng truyền thống... Công ty tiếp tục phát triển bền vững, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng và độc đáo
- Triển khai phương án kinh doanh chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, phương án đầu tư, tư vấn, môi giới nhằm khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến trái phiếu
- Tiếp tục đầu tư chứng khoán niêm yết, hiện thực hóa các khoản đầu tư chưa niêm yết, cơ cấu danh mục đầu tư thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, Tổng Công ty, hoạt động tái cơ cấu nợ của các ngân hàng. Bên cạnh đó, hoạt động phát hành và niêm yết cổ phiếu được đánh giá sẽ được đẩy mạnh trở lại qua đó tạo ra cơ hội lớn cho các hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty
- Hoàn thiện triển khai nhóm giải pháp liên quan đến kiểm soát chi phí hoạt động và chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty trong bối cảnh quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều những quy định mới
- Hoàn thiện triển khai các giải pháp đối phó với những thách thức tiềm ẩn, đảm bảo hoạt động của Công ty linh hoạt, nhanh nhạy, nắm bắt được tốt cơ hội.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH

SO SÁNH VỚI KẾ HOẠCH

Trước diễn biến kém thuận lợi của TTCKVN và sự cạnh tranh quyết liệt của các công ty chứng khoán có vốn ngoại, các công ty chứng khoán có lợi thế và ưu tiên phát triển công nghệ trong năm 2019, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty chỉ đạt 1.072,5 tỷ đồng, bằng 83,1% kế hoạch. Mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp tiến kiệm chi phí nhưng tổng chi phí của Công ty trong năm 2019 vẫn là 760,4 tỷ đồng, bằng 87,3% kế hoạch. Dẫn đến, cả năm 2019, lợi nhuận kế toán trước thuế của toàn Công ty đạt 312,0 tỷ đồng, bằng 74,2% kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua.

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	Thay đổi
I	Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.072,4	1.291,0	83,1%
II	Tổng chi phí	760,4	870,7	87,3%
III	Lợi nhuận kế toán trước thuế	312,0	420,3	74,2%

SO SÁNH VỚI NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	So sánh thực hiện năm 2019/ thực hiện năm 2018	
			Số tiền	%
I. TỔNG DOANH THU trong đó:	1.072,4	1.247,9	-175,5	-14,1%
1. Doanh thu hoạt động	1.067,3	1.243,6	(176,3)	-14,2%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	329,1	484,6	(155,5)	-32,1%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	425,5	375,1	50,4	13,4%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	128,0	245,8	(117,8)	-47,9%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	126,9	50,2	76,7	152,8%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34,1	59,7	-25,6	-42,9%
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	14,6	18,7	-4,1	-21,9%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8,4	8,3	0,1	1,2%
- Doanh thu hoạt động khác	0,7	1,2	-0,5	-41,7%
2. Doanh thu tài chính	3,1	3,2	(0,1)	-3,1%
3. Thu nhập khác	2,0	1,1	0,9	81,8%

II. TỔNG CHI PHÍ trong đó:	760,4	837,2	(76,8)	-9,2%
1. Chi phí hoạt động	459,8	581,1	(121,3)	-20,9%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	66,6	53,1	13,5	25,4%
3. Chi phí tài chính	234,0	202,7	31,3	15,4%
4. Chi phí khác	0	0,3	(0,3)	-100,0%
III. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ TNDN	312,0	410,7	(98,7)	-24,0%
IV. CHI PHÍ THUẾ TNDN trong đó:	57,4	52,6	4,8	9,1%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	62,3	52,7	9,6	18,2%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-4,9	-0,1	(4,8)	4.800,0%
V. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	254,6	358,1	(103,5)	-28,9%

Về doanh thu

Tổng doanh thu các hoạt động của Công ty trong năm 2019 đạt 1.072,4 tỷ đồng, giảm 175,5 tỷ đồng tương đương giảm 14,1% so với năm trước. So với năm trước, có 3 hoạt động của Công ty có doanh thu tăng trong đó: Doanh thu hoạt động cho vay đạt 425,5 tỷ đồng tăng 50,4 tỷ đồng tương đương tăng 13,4%; doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán đạt 126,9 tỷ đồng tăng 76,7 tỷ đồng tương đương tăng 152,8%; thu nhập khác đạt 2,0 tỷ đồng tăng 0,9 tỷ đồng tương đương tăng 81,8% so với năm trước.

Bên cạnh các hoạt động có doanh thu tăng nói trên thì các mảng hoạt động khác của Công ty đều giảm. Trong đó: Doanh thu hoạt động đầu tư giảm 155,5 tỷ đồng tương đương giảm 32,1%; doanh thu hoạt động môi giới giảm 117,8 tỷ đồng tương đương giảm 47,9%; doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư giảm 25,6 tỷ đồng tương đương giảm 42,9%; doanh thu hoạt động lưu ký giảm 4,1 tỷ đồng tương đương giảm 21,9%; doanh thu hoạt động khác giảm 0,5 tỷ đồng tương đương giảm 41,7% và doanh thu tài chính giảm 0,1 tỷ đồng tương đương giảm 3,1% so với năm trước.

Hầu hết các mảng hoạt động cốt lõi của SHS như môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, lưu ký của SHS giảm trong năm 2019 là do các chỉ số trên TTCKVN năm 2019 biến động trong biên độ hẹp. VN-index, HNX-Index, UPCOM - Index tại thời điểm cao nhất chỉ tăng lần lượt là 9,7%; 4,5% và 5,8% so với đầu năm 2019. Ngoài ra, trong năm 2019, các công ty chứng khoán khác tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh đã thu hút một lượng lớn Nhà đầu tư chuyển từ đầu tư cổ phiếu cơ bản sang đầu tư chứng khoán phái sinh trong khi SHS chưa cung cấp dịch vụ này. Các công ty chứng khoán có dòng vốn ngoại cũng cạnh tranh gay gắt với SHS trong mảng môi giới và dịch vụ tài chính do lãi suất cho vay rẻ hơn đã hút một lượng khách hàng không nhỏ của SHS chuyển sang các công ty đó giao dịch. Tuy vậy, doanh thu hoạt động cho vay của SHS vẫn đạt được kết quả ấn tượng là do SHS đã thực hiện chính sách định hướng lại đối tượng khách hàng cho vay mục tiêu cũng như tạo sự linh hoạt về danh mục, lãi suất... cho vay đáp ứng tối đa lợi ích khách hàng cũng như lợi ích của SHS. Tương tự, doanh thu hoạt động bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán cũng tăng đáng kể là do từ năm 2018, nhận định thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi có kỳ hạn sẽ có sự phát triển mạnh mẽ, SHS đã thành lập bộ phận môi giới, tư vấn và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển của bộ phận này. SHS đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp dịch vụ trọn gói từ môi giới, tư vấn tài chính, đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành cho đến hỗ trợ tìm đối tác mua liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi... của ngân hàng thương mại. Ngoài ra, SHS cũng đẩy mạnh các hoạt động bán đấu giá và đại lý bán đấu giá cổ phần cho các doanh nghiệp tại SHS do đó doanh thu dưới dạng phí đại lý tổ chức bán đấu giá cổ phần tại SHS đã tăng lên đáng kể.

VỀ CHI PHÍ

Nhờ các biện pháp kiểm soát tốt chi phí nên tổng chi phí năm 2019 của Công ty là 760,4 tỷ đồng, giảm 76,8 tỷ đồng tương đương giảm 9,2% so với năm trước. Chi phí năm 2019 giảm chủ yếu do giảm chi phí hoạt động tương ứng với việc giảm doanh thu của hầu hết các mặt hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Tuy vậy, do TTCKVN không mấy thuận lợi nên chi phí dự phòng trong hoạt động đầu tư và cho vay của Công ty tăng lên 32,6 tỷ đồng tương đương tăng 16,6%.

VỀ LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ VÀ SAU THUẾ

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 là 312,0 tỷ đồng, giảm 24,0% so với năm trước. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty là 254,6 tỷ đồng, giảm 28,9% so với năm trước. Nguyên nhân là do tổng doanh thu và thu nhập khác giảm 14,1% nhưng tổng chi phí chỉ giảm 9,2% so với năm trước. Trong năm 2019, Công ty đã hạch toán tăng 18,2% chi phí thuế TNDN hiện hành và tăng 4.800,0% chi phí thuế TNDN hoãn lại so với năm trước.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2018		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.989,9	98,6%	4.773,9	98,0%	1.216,0	0,6%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052,4	17,3%	838,8	17,2%	213,6	0,1%
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.570,1	25,9%	1.006,5	20,7%	563,6	5,2%
Các khoản phải thu	3.360,2	55,3%	2.924,0	60,1%	436,2	-4,8%
Tài sản ngắn hạn khác	7,2	0,1%	4,6	0,1%	2,6	0,0%
TÀI SẢN DÀI HẠN	82,8	1,4%	95,1	2,0%	(12,3)	-0,6%
Tài sản cố định	4,4	0,1%	2,9	0,1%	1,5	0,0%
Tài sản dài hạn khác	78,4	1,3%	92,2	1,9%	(13,8)	-0,6%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.072,7	100,0%	4.869,0	100,0%	1.203,7	0,0%



VỀ CƠ CẤU TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2019 đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 6.072,7 tỷ đồng, tăng 1.203,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tài sản của Công ty chủ yếu hình thành từ tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2019 chiếm 98,6% tổng tài sản, tăng nhẹ 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn năm 2019 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu từ cho vay các dịch vụ tài chính, trả trước cho người bán, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và phải thu khác. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2019 của Công ty chiếm 55,3% tổng tài sản.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư tự doanh chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, ngân hàng và doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng. Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty năm 2019 chiếm 25,9% tổng tài sản.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng dưới dạng tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi dưới 3 tháng, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán... Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty năm 2019 chiếm 17,3% tổng tài sản.

VỀ BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN SO VỚI NĂM TRƯỚC

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2019 của Công ty là 6.072,7 tỷ đồng, tăng 1.203,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước trong đó tài sản ngắn hạn là 5.989,9 tỷ đồng, tăng 0,6% và tài sản dài hạn là 82,8 tỷ đồng, giảm 0,6%. Nguyên nhân là do kỳ vọng năm 2019 thị trường chứng khoán vẫn còn thuận lợi, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh.

- Đối với tài sản ngắn hạn: Tất cả các hạng mục đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2019 của Công ty đều tăng so với cùng kỳ. Trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 213,6 tỷ đồng tương đương tăng nhẹ 0,1%. Các khoản đầu tư ngắn hạn tăng 563,6 tỷ đồng tương đương tăng 5,2% do Công ty tăng đầu tư tự doanh. Các khoản phải thu tăng 436,2 tỷ đồng nhưng giảm tỷ trọng trên tổng tài sản đến 4,8%. Tài sản ngắn hạn khác tăng 2,6 tỷ đồng nhưng tỷ trọng trên tổng tài sản không thay đổi.
- Đối với tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn của Công ty giảm chủ yếu là do giảm tài sản dài hạn khác 13,8 tỷ đồng tương đương giảm 0,6% mà nguyên nhân chủ yếu là do Công ty phân bổ lợi thế thương mại từ việc nhận sáp nhập SHBS vào chi phí của Công ty năm 2019.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2018		Thay đổi	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% tăng
NỢ PHẢI TRẢ	3.380,3	55,7%	3.003,6	61,7%	376,7	-6,0%
Nợ phải trả ngắn hạn	3.374,0	55,6%	1.271,4	26,1%	2.102,6	29,5%
Nợ phải trả dài hạn	6,3	0,1%	1.732,2	35,6%	(1.725,9)	-35,5%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.692,4	44,3%	1.865,3	38,3%	827,1	6,0%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.295,3	37,8%	1.125,5	23,1%	1.169,8	14,7%
Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	397,1	6,5%	739,8	15,2%	(342,7)	-8,7%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.072,7	100,0%	4.869,0	100,0%	1.203,7	0,0%

VỀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2019 đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 6.072,7 tỷ đồng, tăng 1.203,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn của Công ty hình thành từ nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong đó nợ phải trả chiếm 55,7% và vốn chủ sở hữu chiếm 44,3%.

Nợ phải trả của Công ty bao gồm:

- Nợ phải trả ngắn hạn: Tại thời điểm 31/12/2019, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 3.374,0 tỷ đồng bao gồm vay nợ ngân hàng ngắn hạn, phát hành trái phiếu dài hạn nhưng thời hạn chỉ còn dưới 1 năm, phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả thuế và các khoản phải trả nhà nước, phải trả cho người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi, phải trả, phải nộp khác... Nợ phải trả ngắn hạn của Công ty chiếm 55,6% tổng nguồn vốn.
- Nợ phải trả dài hạn: Tại thời điểm 31/12/2019, nợ phải trả dài hạn của Công ty là 2.692,4 tỷ đồng bao gồm phải trả trái phiếu phát hành dài hạn, phải trả người bán dài hạn, phải trả nhận ký quỹ, ký cược dài hạn. Nợ phải trả dài hạn của Công ty chiếm 44,3% tổng nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn đầu tư của chủ sở hữu chiếm 37,8% tổng nguồn vốn của Công ty.
- Các quỹ là lợi nhuận chưa phân phối bao gồm quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, lợi nhuận chưa phân phối. Các quỹ là lợi nhuận chưa phân phối chiếm 6,5% tổng nguồn vốn của Công ty.

VỀ BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN SO VỚI NĂM TRƯỚC

Tổng nguồn vốn cuối năm 2019 của Công ty là 6.072,7 tỷ đồng, tăng 1.203,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tăng vốn chủ sở hữu 827,1 tỷ đồng tương đương tăng 6,0% và tăng nợ phải trả 376,7 tỷ đồng tương đương giảm 6,0% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng cho thấy Công ty đã có sự tự chủ hơn về mặt tài chính. Trong đó:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng là do tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 1.169,8 tỷ đồng, tương đương tăng tỷ trọng trên tổng nguồn vốn lên 14,7%. Trong khi đó, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối giảm 342,7 tỷ đồng, tương đương giảm tỷ trọng trên tổng nguồn vốn là 8,7%. Nguyên nhân là do trong năm 2019, SHS đã hoàn thành việc phát hành tăng vốn điều lệ thêm hơn 1.000 tỷ đồng nhờ đó thặng dư vốn cổ phần cũng tăng khoảng 150 tỷ đồng, trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 khoảng 38 tỷ đồng đồng thời chi ra khoảng 310 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông.
- Mặc dù nợ phải trả tăng nhưng cơ cấu nợ ngắn và dài hạn biến động trái chiều. Trong khi nợ phải trả ngắn hạn tăng 2.102,6 tỷ đồng tương đương tăng 29,5% nhưng nợ phải trả dài hạn giảm 1.725,9 tỷ đồng tương đương giảm 35,5%. Nguyên nhân là do trong năm 2019, Công ty tăng vay vốn ngắn hạn từ các ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để tài trợ cho các hoạt động đầu tư và cho vay tăng lên trong năm đồng thời chuyển trái phiếu doanh nghiệp dài hạn đã phát hành các năm trước sang thành trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn để sẵn sàng chi trả cho trái chủ khi đến hạn thanh toán vào năm 2020.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

Chỉ tiêu	2019	2018	% tăng/giảm
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán nhanh	31,2%	66,0%	-34,8%
Hệ số thanh toán hiện hành	177,5%	375,5%	-198,0%
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	55,7%	61,7%	-6,0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	125,6%	161,0%	-35,4%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay các khoản phải thu	0,3	0,4	(0,1)
Vòng quay vốn lưu động	0,3	0,5	(0,1)
Vòng quay tổng tài sản	0,2	0,3	(0,1)
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	56,9%	53,3%	3,6%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	29,2%	33,0%	-3,8%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,9%	28,8%	-4,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	11,2%	21,5%	-10,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	4,7%	8,0%	-3,3%
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS)	1.359,0	2.746	(1.387,0)
CHỈ TIÊU VỀ AN TOÀN VỐN			
Tỷ lệ an toàn tài chính khả dụng tại 31/12	338,4%	351,6%	-13,2%

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán như hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty trong năm 2019 đều giảm đáng kể so với năm trước cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn và đến hạn bằng các tài sản ngắn hạn, thanh khoản, dễ chuyển đổi thành tiền của Công ty giảm sút.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn như hệ số Nợ/Tổng tài sản, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của SHS trong năm 2019 đều giảm xuống cho thấy mức độ chủ động hơn về vốn tự có của Công ty so với năm trước. Đối chiếu với thực tế, trong năm 2019, SHS đã thực hiện tăng vốn từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành ESOP, phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhờ đó đã nâng cao năng lực vốn tự có của SHS.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty như vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2019 đều giảm so với năm trước là do doanh thu giảm trong khi các khoản phải thu, vốn lưu động và vốn chủ sở hữu của Công ty đều tăng lên. Điều đó cho thấy vốn tăng lên, Công ty đẩy mạnh cho vay ra nhưng hiệu quả đem lại phản ánh trên doanh thu năm 2019 chưa tương xứng và kịp thời.
- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của SHS trong năm 2019 (trừ tỷ lệ Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần) đều giảm so với năm trước từ 3%-10% trong đó giảm nhiều nhất là chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu cho thấy việc tăng vốn tự có trong năm 2019 từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP chưa kịp có những tác động tích cực, kịp thời vào lợi nhuận sau thuế của SHS trong năm 2019.
- Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2019 giảm 13,2%, đạt 338,4% thay vì 351,6% của cùng kỳ năm trước cho thấy mức độ an toàn tài chính của Công ty giảm xuống. Nguyên nhân là do mặc dù vốn khả dụng của Công ty tăng (mà chủ yếu là do tăng vốn chủ sở hữu từ tăng vốn, tăng thặng dư vốn cổ phần, tăng trích lập cá quỹ) thì giá trị rủi ro thị trường và giá trị rủi ro thanh toán của Công ty tăng nhiều hơn. Cụ thể: giá trị rủi ro thị trường của Công ty năm 2019 tăng chủ yếu do Công ty tăng đầu tư vào cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết có hệ số rủi ro cao hơn. Giá trị rủi ro thanh toán của Công ty tăng từ cả các khoản phải thu trước thời hạn thanh toán và quá thời hạn thanh toán.

BÁO CÁO VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

MÔI GIỚI VÀ LƯU KÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

► Doanh thu

Năm 2019, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty đạt 142,6 tỷ đồng, đạt 58,2% kế hoạch và giảm 46,1% so với năm trước. Nguyên nhân là do:

- TTCK Việt Nam năm 2019 kém thuận lợi, thanh khoản sụt giảm mạnh. Nếu như năm 2018, giá trị giao dịch bình quân một phiên trên cả 3 sàn đạt 6.500 tỷ đồng/phiên thì sang năm 2019 chỉ còn 4.700 tỷ đồng/phiên, suy giảm 28%. Chỉ số Vnindex sau khi lập đỉnh tháng 4/2018 tại mức 1.211 điểm thì đã liên tục suy giảm cho tới hết năm 2019.
- Nguồn vốn từ ngân hàng cho hoạt động cho vay đầu tư chứng khoán vốn là lợi thế của SHS tiếp tục gặp khó khăn.
- Sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán top đầu, các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại, các công ty chứng khoán có đội ngũ tư vấn đầu tư và quản lý tài sản hùng hậu và các công ty chứng khoán có lợi thế đi đầu về công nghệ.
- Thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục phát triển mạnh trong khi SHS vẫn chưa tham gia thị trường này.

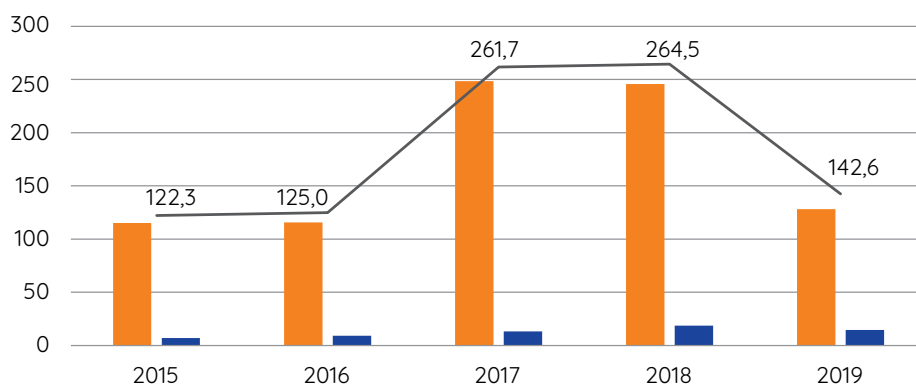
Chính vì các nguyên nhân nêu trên khiến cho các nhà đầu tư cá nhân trong nước vốn là các khách hàng chính của SHS ít tham gia vào thị trường hơn, một bộ phận khách hàng mở nhiều tài khoản tại các công ty chứng khoán thì chuyển sang giao dịch ở các công ty có lợi thế về vốn, công nghệ.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	2018	2019		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2018	% hoàn thành kế hoạch năm 2019
Môi giới	245,8	128,1	225,2	-47,9%	56,9%
Lưu ký	18,7	14,5	19,7	-22,5%	73,5%
Tổng cộng	264,5	142,6	244,9	-46,1%	58,2%

Nhờ TTCK Việt Nam có sự phục hồi trong giai đoạn 2015-2019, đặc biệt là các năm 2017, 2018 và nhờ những chính sách quyết đoán, phù hợp với thị trường của Công ty nên doanh thu môi giới và lưu ký của SHS đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, liên tục. Tuy vậy, bước sang năm 2018, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty có dấu hiệu chững lại và sang năm 2019, doanh thu này đã suy giảm.

Doanh thu môi giới và lưu ký SHS (tỷ đồng)



Trong cơ cấu doanh thu môi giới và lưu ký theo địa lý năm 2019, Hội sở chính chiếm 74,7%, Chi nhánh Hồ Chí Minh chiếm 21,3% và Chi nhánh Đà Nẵng chiếm 4,0%. Như vậy, doanh thu môi giới và lưu ký của Công ty vẫn tập trung chủ yếu tại Hội sở và Chi nhánh Hồ Chí Minh.

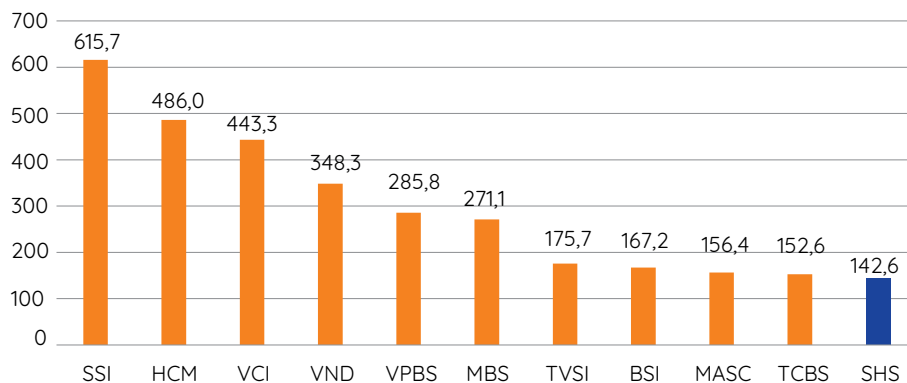
(Đơn vị: tỷ đồng)

Bộ phận	Môi giới		Lưu ký		Tổng cộng	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Hội sở	93,7	73,1%	12,8	88,3%	106,5	74,7%
Chi nhánh Đà Nẵng	5,4	4,2%	0,3	2,1%	5,7	4,0%
Chi nhánh HCM	29,0	22,6%	1,4	9,7%	30,4	21,3%
Tổng cộng	128,1	100,0%	14,5	100,0%	142,6	100,0%

So với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, trong năm 2019, doanh thu môi giới của SHS đạt 128,1 tỷ đồng đứng thứ 11 và doanh thu hoạt động lưu ký đạt 14,5 tỷ đồng đứng thứ 9. Tính chung cả 2 hoạt động, doanh thu môi giới và lưu ký của SHS đạt 142,6 tỷ đồng đứng thứ 12.

Doanh thu môi giới và lưu ký (tỷ đồng)

Vị trí	Môi giới		Lưu ký		Tổng cộng	
	Công ty	Số tiền	Công ty	Số tiền	Công ty	Số tiền
1	SSI	582,1	TVSI	53,9	SSI	615,7
2	HCM	478,3	CTS	34,5	HCM	486,0
3	VCI	433,7	SSI	33,6	VCI	443,3
4	VND	335,4	VPBS	33,5	VND	348,3
5	VPBS	252,2	TCBS	31,2	VPBS	285,8
6	MBS	250,8	BSI	30,4	MBS	271,1
7	MASC	151,8	MBS	20,3	TVSI	175,7
8	ACBS	140,7	VCBS	17,6	BSI	167,2
9	BSI	136,8	SHS	14,5	MASC	156,4
10	BVS	135,9	VND	12,9	TCBS	152,6
12	SHS					142,6



Nguồn: SHS Research

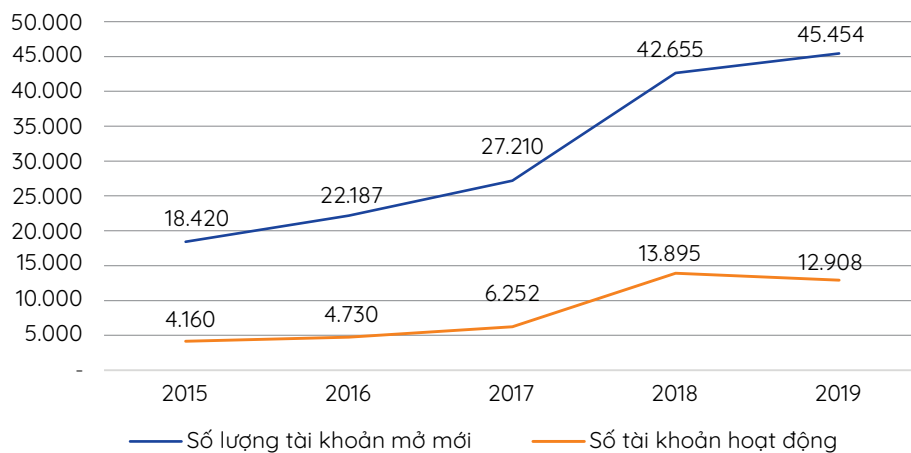
► Thị phần

Thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết của SHS có sự tăng trưởng liên tục từ năm 2015 đến năm 2017 và giảm dần từ năm 2017 đến năm 2019 (đối với sàn HNX) nhưng có sự biến động theo xu hướng giảm dần từ năm 2015-2019 (trên sàn HSX). Điều đó cho thấy, dù có lợi thế trên sàn HNX hơn sàn HSX nhưng SHS vẫn phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán khác. Để khắc phục sự sụt giảm về thị phần của Công ty trên sàn niêm yết, Công ty đã định vị lại chiến lược kinh doanh, theo đó từ năm 2018, Công ty đã tập trung phát triển mạnh thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ trên cả sàn HNX và HSX.

Sàn	Thị phần/Vị trí	2015	2016	2017	2018	2019
HNX - CP	Thị phần	8%	8%	11%	8,4%	5%
	Vị trí	3	3	2	4	6
HSX - CP	Thị phần	5,3%	4,3%	5,1%	4%	3%
	Vị trí	5	6	7	6	13
Upcom	Thị phần			7,9%	5,1%	3%
	Vị trí			4	8	11
HNX - TP	Thị phần				<5%	<5%
	Vị trí				8	6
HSX - TP	Thị phần				1,3%	0,4%
	Vị trí				7	10

► Số lượng tài khoản

Số lượng tài khoản mở mới tại SHS đã tăng 2,5 lần trong giai đoạn 2015-2019 từ mức 18.420 tài khoản lên 45.454 tài khoản. Trong khi đó, số lượng tài khoản có giao dịch trong năm đã tăng 3,1 lần trong giai đoạn này từ mức 4.160 tài khoản lên 12.908 tài khoản. Tỷ lệ tài khoản có giao dịch trong năm tại SHS có xu hướng ngày càng tăng lên và đạt mức cao nhất vào năm 2018. Tuy vậy, khách hàng của SHS chủ yếu vẫn là khách hàng cá nhân (năm 2019 chiếm 99,2%) và khách hàng trong nước (năm 2019 chiếm 99,9%). So với toàn bộ thị trường, số lượng tài khoản mở mới hàng năm tại SHS chiếm khoảng 1,5% và số lượng tài khoản lũy kế của nhà đầu tư tại SHS cho đến cuối năm 2019 chiếm khoảng gần 2,0%.



► Kết quả khác

- Trong năm 2019, Công ty đã chuẩn bị các điều kiện ban đầu như nhân sự, quy trình... để triển khai thực hiện làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ từ các năm sau. Ngoài ra, Công ty đã bắt đầu triển khai các hoạt động môi giới trái phiếu bán lẻ, môi giới trái phiếu chưa niêm yết góp phần đa dạng sản phẩm, dịch vụ và kênh bán hàng, tạo thêm nguồn doanh thu cho SHS.
- Trong năm qua, trên cơ sở mối quan hệ khách hàng sẵn có từ hoạt động Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Công ty cũng tập trung phát triển thêm các khách hàng cho hoạt động Môi giới là cổ đông của những Tập đoàn, DNNN mà SHS tư vấn IPO, tư vấn niêm yết...

HẠN CHẾ

Một số mục tiêu cho hoạt động môi giới đặt ra từ đầu năm vẫn chưa đạt được như kế hoạch như:

- Không giữ được vị trí top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên cả 2 sàn
- Chưa triển khai được dịch vụ môi giới chứng khoán phái sinh
- Chưa thực hiện được việc đổi mới cơ chế trả lương cho môi giới theo hướng cạnh tranh
- Năng lực và chất lượng môi giới chưa được cải thiện như kế hoạch và kỳ vọng, đặc biệt là trong công tác tư vấn, quản trị đánh giá và theo dõi khách hàng
- Chưa thực hiện được kế hoạch thay đổi phần mềm lõi chứng khoán trước bối cảnh phần mềm lõi hiện tại đã đến điểm tới hạn
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao hoạt động tư vấn cho khách hàng, gia tăng giao dịch của khách hàng và phát triển khách hàng vắng lai trên nền tảng công nghệ tiên tiến vẫn còn hạn chế.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

Những hạn chế nêu trên trong hoạt động môi giới của Công ty cần tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2020. Cụ thể:

- Kiên trì mục tiêu giữ vững thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết nằm trong top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên cả 2 sàn, định hướng top 3
- Củng cố và cải tiến các sản phẩm, dịch vụ môi giới cổ phiếu hiện có theo hướng đáp ứng cao hơn nhu cầu của từng nhóm khách hàng. Chú trọng nhóm khách hàng có tỉ lệ vòng quay giao dịch cao
- Đa dạng hóa các sản phẩm của môi giới như: chứng khoán phái sinh, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi... góp phần gia tăng phí môi giới của Công ty
- Hoàn thiện và áp dụng việc đổi mới cơ chế trả lương cho môi giới theo hướng cạnh tranh để giữ chân các môi giới giỏi của Công ty, thu hút nhân sự môi giới có chất lượng từ các công ty chứng khoán khác về làm việc tại SHS từ đó tạo ra sự ổn định và gia tăng hiệu quả của hoạt động môi giới
- Đào tạo đội ngũ nhân sự môi giới về kiến thức đầu tư tài chính nhằm nâng cấp từ môi giới tư vấn đầu tư chứng khoán thành môi giới tư vấn quản lý tài sản cho khách hàng
- Trong giai đoạn chưa thể thay đổi được phần mềm lõi chứng khoán thì tập trung nâng cấp hệ thống phần mềm hiện tại theo hướng đáp ứng nhu cầu quản lý tài sản và đa dạng các kênh đầu tư cho khách hàng.

ĐẦU TƯ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

► Doanh thu

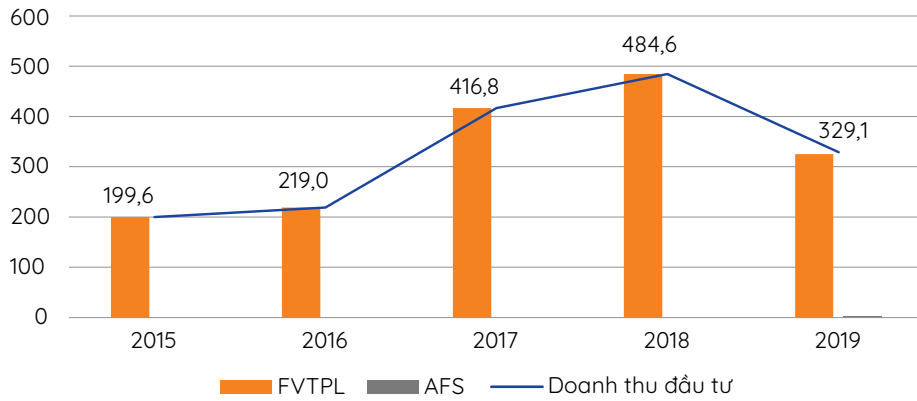
Năm 2019, diễn biến thị trường khó khăn đối với hoạt động đầu tư khi chỉ số tích lũy trong vùng rộng. Nhiều cổ phiếu bluechip giảm giá (13/30 mã thuộc VN-30, tương ứng 43% giảm giá) trong khi các mã tăng giá nhiều phần lớn thuộc nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ vốn không nằm trong danh mục đầu tư của các tổ chức như SHS. Hoạt động cổ phần hóa, đấu giá trăm lạng khiến cho cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu tốt thuộc nhóm này bị hạn chế. Bên cạnh đó, nguồn vốn giành cho hoạt động đầu tư không ổn định lại chịu các quy định về hạn mức đầu tư khiến việc giải ngân vào các cơ hội đầu tư tốt rất hạn chế, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của hoạt động này. Tuy nhiên, nhờ phân tích doanh nghiệp chi tiết và sâu sát, tập trung chọn lọc các mã có nền tảng cơ bản tốt, có yếu tố hỗ trợ kết hợp với nhận định đánh giá thị trường và xu hướng cổ phiếu từ đó đưa ra quyết định mua bán phù hợp, tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu các rủi ro của khoản đầu tư, hoạt động đầu tư năm 2019 ghi nhận 329,1 tỷ đồng doanh thu, thực hiện được 61,8% kế hoạch và giảm 32,1% so với năm trước.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Doanh thu	2018	2019		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2018	% hoàn thành kế hoạch
Đầu tư	484,6	329,1	533,0	-32,1%	61,8%

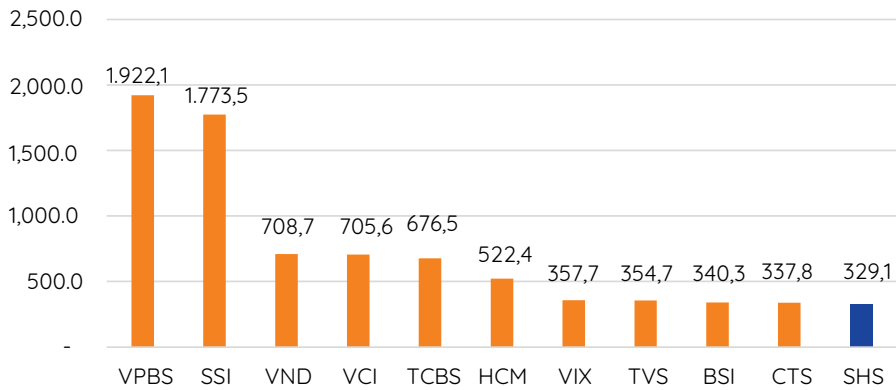
Nhờ sự phục hồi của TTCK Việt Nam, doanh thu hoạt động đầu tư của Công ty có sự tăng trưởng liên tục từ năm 2015 đến năm 2018 và chỉ suy giảm vào năm 2019.

Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)



So sánh với các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, doanh thu từ hoạt động đầu tư của SHS năm 2019 là 329,1 tỷ đồng đứng ở vị trí thứ 11.

Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)



Nguồn: SHS Research

► Quy mô đầu tư

Hoạt động đầu tư trong năm 2019 tiếp tục có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo đó Công ty chú trọng vào hoạt động đầu tư trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết (như trái phiếu chính phủ, ngân hàng, doanh nghiệp) và tiền gửi có kỳ hạn đang có nhiều cơ hội trong năm 2019. Đối với cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, Công ty đã thực hiện đúng kế hoạch theo đó giữ nguyên hoặc tăng ít do dư địa tăng không còn nhiều. Trong trường hợp đầu tư thì chú trọng đầu tư danh mục cổ phiếu niêm yết có tiềm năng tăng trưởng.

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2019
GIÁ MUA	1.028,2	48.546,6	47.943,6	1.631,2
Tài sản FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	767,1	429,8	494,6	702,3
Cổ phiếu chưa niêm yết	116,1	305,6	134,3	287,4
Trái phiếu niêm yết	-	18.351,5	18.010,0	341,5
Tiền gửi có kỳ hạn	145,0	12.579,2	12.724,2	-
Tài sản AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết	-	16.880,5	16.580,5	300,0
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(21,7)	(24,5)	14,9	(61,1)
Tổng cộng	1.006,5	48.522,1	47.958,5	1.570,1

► Kết quả khác

- Về cơ bản, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về hạn chế đầu tư quy định tại Thông tư 210 và Thông tư 07.
- Quy trình đầu tư ngày một hoàn thiện; nhân sự đầu tư được bổ sung kịp thời; hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động đầu tư hỗ trợ tốt cho công việc; hồ sơ, giấy tờ, thủ tục ngày càng được chuẩn hóa.

HẠN CHẾ

- Nguồn vốn giành cho hoạt động đầu tư không ổn định đồng thời bị hạn chế bởi các quy định về hạn mức đầu tư khiến việc giải ngân vào các cơ hội đầu tư tốt rất hạn chế.
- Một số khoản đầu tư còn đang nằm dưới dạng cổ phiếu, cổ phần chưa niêm yết nên chưa thể thoái vốn ngay vì thời điểm chưa chín muồi hoặc kết quả kinh doanh của doanh nghiệp chưa đạt mức kì vọng khiến giá trị cổ phiếu, cổ phần chưa tăng.
- Chưa xây dựng được một cách hiệu quả cơ chế giao khoán, giám sát và đánh giá đối với từng nhân viên.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- Nghiên cứu và lập danh sách các mã chứng khoán niêm yết tiềm năng có thể đầu tư bao gồm giá mục tiêu, mức cắt lỗ và thời gian nắm giữ dự kiến để khi có nguồn và cơ hội có thể giải ngân ngay.
- Tiếp tục cập nhật và rà soát sát sao các khoản đầu tư sẵn có bao gồm cả niêm yết và chưa niêm yết, xác định mức giá mục tiêu thoái, tư vấn cho lãnh đạo doanh nghiệp phương thức cải thiện kết quả kinh doanh, tăng cường hoạt động quan hệ nhà đầu tư, tìm người mua tiềm năng và đàm phán chốt các mức giá phù hợp cho từng mục đầu tư.
- Tìm kiếm các doanh nghiệp tốt để M&A, tìm kiếm trái phiếu có lãi suất tốt, tài sản đảm bảo, an toàn để giải ngân đầu tư.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

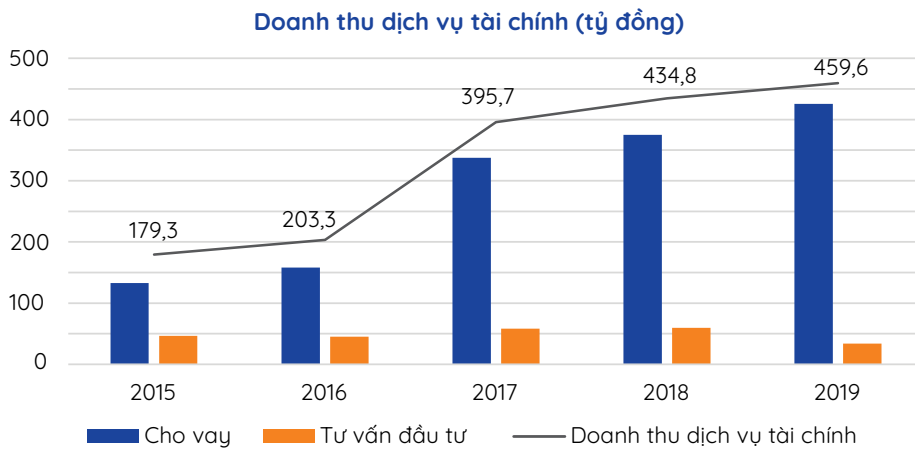
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

► Doanh thu

Trong năm 2019, mặc dù nguồn vốn chung cho hoạt động đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có nguồn vốn ngoại với lãi suất cho vay thấp hơn, doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty vẫn đạt 459,6 tỷ đồng, bằng 129,6% kế hoạch và tăng 5,7% so với năm trước. Tuy nhiên, bên cạnh hoạt động cho vay truyền thống của Công ty tăng so với năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch thì doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho các khoản vay của nhà đầu tư tại ngân hàng giảm sút mạnh so với năm trước và không hoàn thành kế hoạch. Điều này là phù hợp vì từ tháng 4/2019, nguồn vốn dành cho đầu tư chứng khoán tại các ngân hàng đều bị hạn chế.

Doanh thu	2018	2019		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2018	% hoàn thành kế hoạch
Cho vay	375,1	425,5	300,5	13,4%	141,6%
Tư vấn đầu tư	59,7	34,1	54,0	-42,9%	63,1%
Tổng cộng	434,8	459,6	354,5	5,7%	129,6%

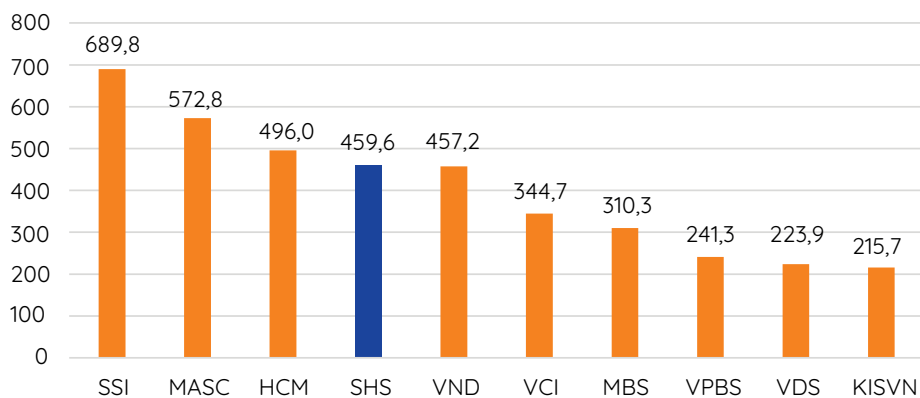
Doanh thu dịch vụ tài chính của Công ty có sự tăng trưởng liên tục trong suốt 5 năm qua trong đó doanh thu năm 2019 đã gấp 2,6 lần so với năm 2015.



Trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động của Việt Nam, trong năm 2019, SHS đang đứng thứ 5 về doanh thu cho vay với 425,5 tỷ đồng và đứng đầu về doanh thu tư vấn đầu tư với 34,1 tỷ đồng. Tính chung toàn bộ hoạt động dịch vụ tài chính, SHS đứng thứ 4 về doanh thu với 459,6 tỷ đồng.

Doanh thu dịch vụ tài chính (tỷ đồng)

Vị trí	Cho vay		Tư vấn đầu tư		Tổng cộng	
	Công ty	Số tiền	Công ty	Số tiền	Công ty	Số tiền
1	SSI	677,9	SHS	34,1	SSI	689,8
2	MASC	572,8	VND	24,3	MASC	572,8
3	HCM	496,0	VCI	13,0	HCM	496,0
4	VND	432,9	NASC	12,9	SHS	459,6
5	SHS	425,5	SSI	11,9	VND	457,2
6	VCI	331,7	ROSE	9,0	VCI	344,7
7	MBS	310,3	TVB	4,8	MBS	310,3
8	VPBS	241,3	VFSC	3,4	VPBS	241,3
9	VDS	223,9	JSIC	2,0	VDS	223,9
10	KISVN	215,7	IRSC	1,8	KISVN	215,7



Nguồn: SHS Research

► Kết quả khác

- Đa dạng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Xây dựng khung chính sách phù hợp cho từng nhóm khách hàng đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả nguồn sử dụng đặc biệt trong những giai đoạn nguồn cho vay từ ngân hàng bị hạn chế.
- Các phòng ban liên quan thường xuyên thẩm định, đánh giá lại danh mục và room cho vay chứng khoán để cập nhật room và danh mục phù hợp tình hình thị trường và quản trị tốt rủi ro.
- Chính sách kiểm soát xử lý thu hồi nợ vay, giải chấp uyển chuyển, hợp lý.
- Quy trình nghiệp vụ thường xuyên được rà soát, hoàn thiện.
- Đẩy mạnh nâng cấp và khai thác hệ thống công nghệ thông tin hiện tại của Công ty trong hoạt động dịch vụ tài chính giúp cho quá trình báo cáo và quản lý khách hàng được tốt hơn, đặc biệt là đối với đối tượng khách hàng lớn, khách hàng tổ chức.
- Nhân sự ngày càng được hoàn thiện theo hướng toàn diện và chuyên sâu.

HẠN CHẾ

- Nguồn vốn cho vay chứng khoán từ ngân hàng bị giảm sút từ tháng 4/2019, sự phối hợp với ngân hàng để triển khai lại vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong đợi làm ảnh hưởng đáng kể đến khách hàng và Công ty.
- Đa dạng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhưng sản phẩm, dịch vụ vẫn chưa thực sự có tính cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là lãi suất cho vay.
- Đã nỗ lực khai thác hiệu quả sử dụng của hệ thống công nghệ thông tin hiện tại trong hoạt động dịch vụ tài chính tuy nhiên vẫn còn phải làm thủ công nhiều.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- Đa dạng hóa nguồn vốn cho hoạt động dịch vụ tài chính đảm bảo ổn định.
- Cơ cấu lại việc sử dụng vốn cho hoạt động dịch vụ tài chính đảm bảo an toàn, hiệu quả và bền vững.
- Xây dựng cơ chế, chính sách về đánh giá, chăm sóc khách hàng để đưa ra sản phẩm phù hợp, cập nhật và thường xuyên hơn, thu hút và gia tăng giá trị giao dịch của khách hàng.
- Nâng cấp hệ thống phần mềm và xây dựng, cải tiến quy trình làm việc cho phù hợp với tình hình thực tế, giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc và quản trị tốt rủi ro.
- Đào tạo nội bộ khi có thay đổi về công nghệ, chính sách, sản phẩm...

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

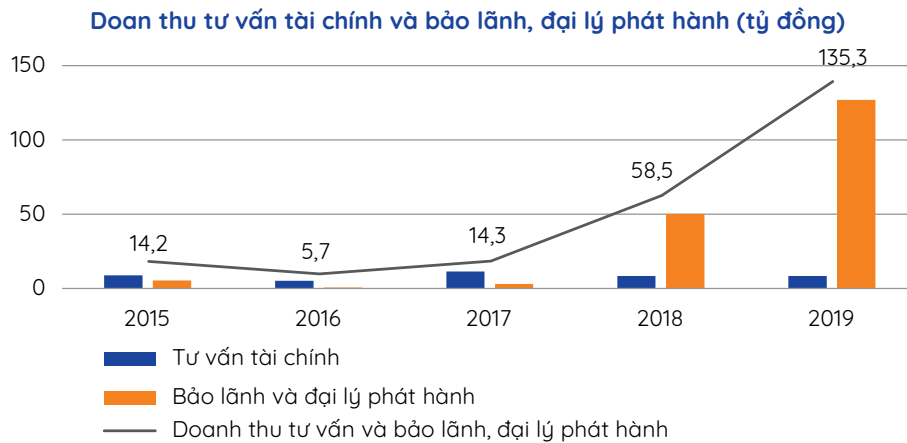
► Doanh thu

Năm 2019, hoạt động tư vấn tài chính của các công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng do thị trường chung kém khởi sắc nên các hoạt động phát hành, niêm yết cũng chững lại, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn gần như bị đóng băng do những khó khăn, vướng mắc từ cơ chế, chính sách chưa được giải quyết. Do vậy, doanh thu tư vấn truyền thống giảm mạnh. Tuy nhiên, nhờ chính sách chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, dịch vụ được định hướng từ những năm trước nên doanh thu từ các mảng tư vấn chuyên sâu và mảng bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu (tận dụng thị trường trái phiếu đang phát triển mạnh trong năm 2019) đã tăng mạnh. Tính chung cả năm 2019, doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty đạt 135,3 tỷ đồng, tăng 131,3% so với năm trước và hoàn thành 261,2% kế hoạch.

(Đơn vị: tỷ đồng)

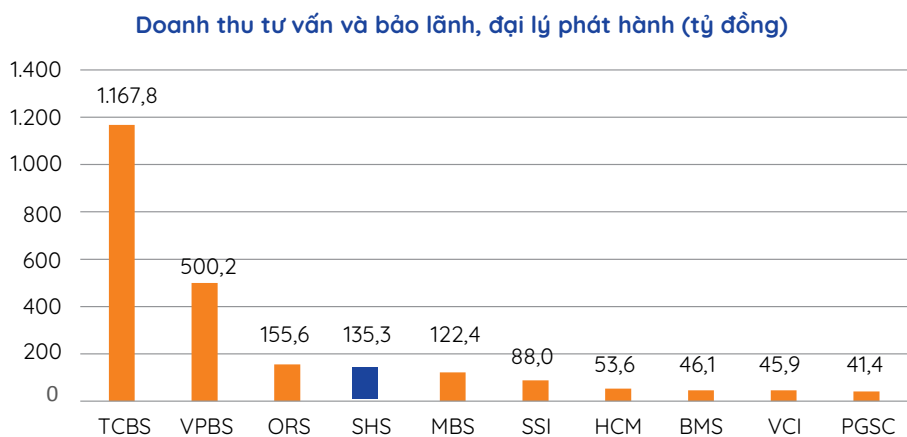
Doanh thu	2018	2019		Thay đổi	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với năm 2018	% hoàn thành kế hoạch
Tư vấn tài chính	8,3	8,4	21,8	1,2%	38,5%
Bảo lãnh và đại lý phát hành	50,2	126,9	30,0	152,8%	423,0%
Tổng cộng	58,5	135,3	51,8	131,3%	261,2%

Doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành của Công ty có sự tăng trưởng liên tục trong suốt 5 năm qua trong đó doanh thu năm 2019 đã gấp 9,5 lần so với năm 2015.



Trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam, SHS đang đứng vị trí thứ 18 về doanh thu tư vấn tài chính và thứ 2 về doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành. Tổng hợp hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, SHS đứng vị trí thứ 4.

Vị trí	Tư vấn		Bảo lãnh, đại lý phát hành		Tổng cộng	
	Công ty	Doanh thu	Công ty	Doanh thu	Công ty	Doanh thu
1	VPBS	500,2	TCBS	1.163,9	TCBS	1.167,8
2	ORS	155,3	SHS	126,9	VPBS	500,2
3	MBS	122,3	PGSC	33,5	ORS	155,6
4	SSI	59,2	TVSI	32,9	SHS	135,3
5	HCM	53,6	SSI	28,8	MBS	122,4
6	VCI	43,9	VCBS	26,1	SSI	88,0
7	NASC	37,0	BMS	24,5	HCM	53,6
8	TVS	29,4	VND	23,7	BMS	46,1
9	BMS	21,6	NVSC	16,1	VCI	45,9
10	APS	18,2	MSI	13,3	PGSC	41,4
18	SHS	8,4				



Nguồn: SHS Research

► Kết quả khai thác hợp đồng

Bên cạnh doanh thu ghi nhận, doanh thu khai thác trong năm 2019 tiếp tục tăng trưởng so với năm 2018. Nếu như năm 2018, giá trị doanh thu khai thác đạt 48,8 tỷ đồng với số lượng hợp đồng là 93 thì năm 2019 số lượng hợp đồng dù chỉ là 77 nhưng giá trị khai thác đạt 127 tỷ đồng. Như vậy, giá trị bình quân mỗi hợp đồng khai thác trong năm 2019 vẫn tăng trưởng 3 lần so với năm 2018. Điều này cũng phù hợp với định hướng đã được triển khai những năm gần đây là từng bước chuyển dịch sang các nghiệp vụ tư vấn chuyên sâu.

► Kết quả khác

- Cơ sở khách hàng và uy tín tư vấn của SHS ngày càng tăng.
- Đội ngũ nhân sự tư vấn cũng đã có sự chuyên môn hóa rõ rệt theo hai nghiệp vụ chính là tư vấn tài chính truyền thống và tư vấn tài chính chuyên sâu.
- Bên cạnh nghiệp vụ chính, hoạt động tư vấn trong năm 2019 đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động khác của Công ty với tư cách là hoạt động tạo hàng cho hoạt động đầu tư, phát triển mạng lưới khách hàng cho hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, lưu ký, quản lý sổ cổ đông, nguồn vốn...

HẠN CHẾ

- Khả năng tự khai thác hợp đồng của cán bộ, nhân viên vẫn còn hạn chế.
- Còn hạn chế trong quan hệ với các đối tác, tổ chức tài chính lớn.
- Chưa khai thác tốt thị trường ở khu vực phía Nam khi doanh thu vẫn chỉ tập trung chủ yếu tại Hội sở (chiếm tới 99,6%)

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- Tiếp nối thành công từ các năm trước, trong năm 2020, Công ty tập trung vào các mảng hoạt động chính: tư vấn truyền thống (cổ phần hóa, thoái vốn, niêm yết, IR, phát hành cổ phiếu, ĐHĐCĐ, thường niên,...), tư vấn M&A và tư vấn trái phiếu doanh nghiệp. Theo đó, cơ cấu nhân sự tư vấn cũng sẽ được phân cấp và hoàn thiện theo ba mảng hoạt động đó trong đó sẽ tiếp tục bổ sung nhân sự có trình độ và kinh nghiệm đối với hoạt động tư vấn M&A, tìm kiếm nhân sự phụ trách nhà đầu tư nước ngoài đối với hoạt động tư vấn trái phiếu.
- Tiếp tục triển khai các hợp đồng đã ký và chưa thực hiện đồng thời khai thác các hợp đồng mới trên cơ sở khách hàng hiện tại.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động tư vấn với các hoạt động khác của Công ty để tìm kiếm khách hàng và bán chéo sản phẩm.

NGUỒN VỐN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

► Hoạt động quản lý cân đối nguồn

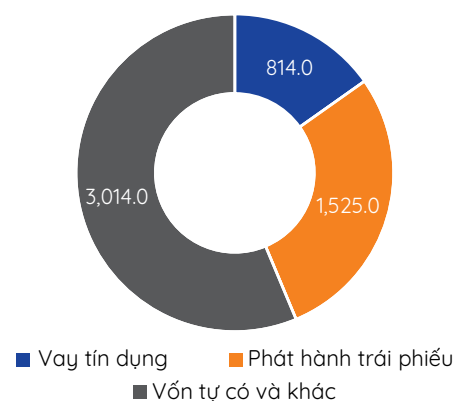
- Công ty đã đảm bảo về thanh khoản cho toàn bộ hệ thống của Công ty trong năm 2019.
- Đã đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư.

► Hoạt động huy động nguồn

Trong năm 2019, nguồn vốn huy động của Công ty bao gồm:

- Nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng bình quân là 814,0 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,2% tổng nguồn huy động toàn Công ty, giảm 2,0% so với năm 2018. SHS vẫn giữ được các mối quan hệ với các đối tác ngân hàng truyền thống như Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội, Ngân hàng An Bình, Ngân hàng Indovinabank, Ngân hàng CTBC, Ngân hàng VPBank...
- Nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu chiếm 28,5% tổng nguồn huy động toàn Công ty. Khi khả năng huy động nguồn từ các tổ chức tín dụng trong năm 2019 đã bị hạn chế thì việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp được đẩy mạnh là giải pháp kịp thời để bổ sung nguồn vốn dài hạn cho các hoạt động của Công ty. Theo đó,

Tổng nguồn vốn huy động (tỷ đồng)



Công ty đã phát hành những đợt trái phiếu mới để bù đắp dần cho luồng trái phiếu đến hạn thanh toán theo thỏa thuận, duy trì số dư phát hành trái phiếu SHS quanh mức 1.500 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tự có và khác chiếm khoảng 56,3% tổng nguồn huy động toàn Công ty đóng góp không nhỏ giúp Công ty duy trì nguồn vốn ổn định cho hoạt động kinh doanh cũng như hỗ trợ tài chính cho Nhà đầu tư, góp phần giảm chi phí vốn của Công ty.

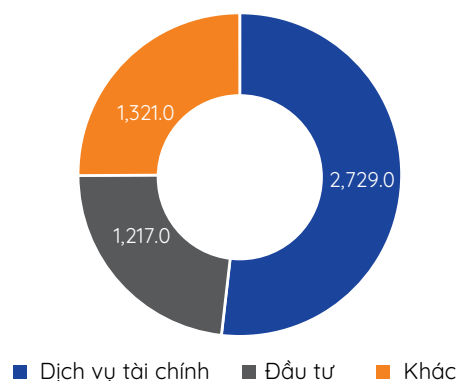
► Hoạt động sử dụng nguồn

Nguồn vốn của Công ty được sử dụng chủ yếu cho hoạt động dịch vụ tài chính của Công ty (chiếm 51,8%), hoạt động đầu tư (chiếm 23,1%), còn lại cho các hoạt động khác (chiếm 25,1%). Hoạt động sử dụng nguồn vốn trong năm 2019 tương đối hiệu quả, góp phần vào việc đảm bảo doanh thu kế hoạch của Công ty.

HẠN CHẾ

- Các nguồn vốn huy động quan trọng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn là nguồn vốn ngắn hạn, thiếu sự ổn định.
- Nguồn vốn hoạt động của SHS chủ yếu là vốn vay trên thị trường với lãi suất đầu vào cao và phụ thuộc vào biến động của thị trường. Từ đó, lãi suất đầu ra khó cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác.
- Khi nguồn vốn ngân hàng giải ngân trực tiếp cho nhà đầu tư giao dịch chứng khoán bị hạn chế, SHS còn bị động trong việc tìm kiếm nguồn bù đắp thay thế để duy trì sản phẩm tài chính cho khách hàng, ảnh hưởng đến hệ thống sản phẩm của toàn Công ty.

Tổng sử dụng nguồn (tỷ đồng)



KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

Hoạt động quản lý cân đối nguồn:

- Tiếp tục thực hiện cân đối nguồn hàng ngày, đảm bảo thanh khoản vốn toàn hệ thống
- Quản trị rủi ro thanh khoản trên toàn hệ thống
- Tăng cường công tác quản lý kế hoạch nguồn vốn theo từng phòng ban/chi nhánh
- Tính toán, phân bổ chi phí vốn hàng tháng cho từng phòng, ban, chi nhánh sử dụng nguồn để tăng trách nhiệm và hiệu quả trong việc sử dụng vốn

Hoạt động huy động nguồn:

- Ký kết hạn mức vay vốn tín dụng năm 2020 với các ngân hàng đồng thời tiếp tục đàm phán để giảm lãi suất vay
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ SHS
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng cho vay trực tiếp đến nhà đầu tư của SHS
- Định kỳ đánh giá cơ cấu và hiệu quả huy động vốn đầu vào

Hoạt động sử dụng nguồn:

- Phân bổ nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty một cách khoa học, linh hoạt, đảm bảo an toàn và khả năng thu hồi vốn, hạn chế tình trạng thừa trong ngắn hạn hoặc thừa nguồn do thực tế sử dụng nguồn sai lệch so với kế hoạch đã đăng ký do biến động bất lợi của thị trường
- Định kỳ đánh giá cơ cấu phân bổ vốn và hiệu quả sử dụng vốn
- Tăng cường công tác phối hợp và xử lý nguồn vốn tồn đọng của Công ty.

Hoạt động khác:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, luân chuyển công việc nội bộ phòng, hoàn thiện quy trình, quy chế



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Công nghệ thông tin là một hoạt động hỗ trợ quan trọng cho các hoạt động trọng yếu như môi giới, dịch vụ tài chính của Công ty. Trong năm 2019, Công ty dự kiến hoàn thành việc đổi phần mềm lõi chứng khoán tuy nhiên sau khi khảo sát lại thị trường, xem xét định hướng đổi mới công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý ngành chứng khoán cũng như đánh giá lại hệ thống phần mềm hiện có, SHS quyết định trì hoãn việc đổi mới phần mềm lõi chứng khoán thêm một thời gian. Thay vào đó, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao và tối ưu hóa hệ thống phần mềm hiện tại phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các kết quả đạt được về công nghệ thông tin trong năm 2019 của Công ty như sau:

- Duy trì hệ thống phần mềm lõi chứng khoán hiện tại hoạt động ổn định, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu thay đổi, nâng cấp phần mềm của 2 SGDCK và TTLKCK
- Triển khai phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu giai đoạn 1
- Thực hiện thay đổi phân quyền để tăng tính bảo mật thông tin
- Bổ sung các báo cáo CRM để hỗ trợ môi giới
- Nâng cấp hệ thống email lên phiên bản Microsoft Exchange 2016
- Nâng cấp thiết bị cân bằng tải cho người dùng internet tại Hội sở
- Quy hoạch và chuẩn hóa các máy chủ cơ sở dữ liệu (Oracle, SQL server), máy chủ file server
- Duy trì hệ thống hạ tầng/mạng/bảo mật hoạt động ổn định.

HẠN CHẾ

- Tính ổn định của hệ thống dù đã được cải thiện nhưng cần tiếp tục nâng cao hơn nữa
- Dự án phần mềm giao dịch chứng khoán phái sinh và nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cơ sở chưa được triển khai do chưa được phê duyệt
- Một số hạng mục nâng cấp như máy chủ, tường lửa ứng dụng web, proxy chưa được triển khai do kinh phí chưa cho phép

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- Duy trì hệ thống phần cứng cũng như phần mềm hoạt động ổn định
- Đáp ứng mọi yêu cầu thay đổi về công nghệ thông tin của cơ quan quản lý Nhà nước bao gồm UBCK, VSD, HSX, HNX
- Triển khai nâng cấp phần mềm lõi chứng khoán cơ sở hiện tại hoặc đổi phần mềm lõi chứng khoán khi điều kiện cho phép
- Triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh khi điều kiện cho phép
- Triển khai phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu giai đoạn 2.
- Tiếp tục thực hiện các dự án nâng cấp khác theo kế hoạch.

PHÂN TÍCH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Phân tích là một trong những hoạt động hỗ trợ quan trọng cho các hoạt động chính khác của Công ty. Trong năm 2019, hoạt động phân tích của Công ty được tập trung vào các mảng chính sau:

- Hoạt động phân tích bao gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp phục vụ cho Công ty và cung cấp các bản tin thị trường hằng ngày cho cả Công ty và khách hàng
- Hoạt động tư vấn đầu tư bao gồm các hoạt động hỗ trợ khách hàng của hoạt động môi giới, khách hàng của hoạt động dịch vụ tài chính và hoạt động đầu tư của Công ty; nhận định thị trường; gặp gỡ và tiếp xúc khách hàng, doanh nghiệp
- Hoạt động nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh
- Hoạt động theo dõi và điều chỉnh mã, room cho vay chứng khoán
- Các hoạt động hỗ trợ khác

Các hoạt động phân tích trong năm 2019 đã góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2019, đặc biệt là các hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư của Công ty.



HẠN CHẾ

- Các sản phẩm phân tích cung cấp cho hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, cho BTGD của Công ty vẫn còn hạn chế về chất lượng
- Các sản phẩm phân tích vĩ mô, ngành, doanh nghiệp hay tác động của chính sách mới còn ít, cần tiếp tục cải thiện
- Hình thức, tần suất và chất lượng các sản phẩm phân tích chưa tạo được nhiều sức hấp dẫn đối với khách hàng.
- Nhân sự còn mỏng và cần tiếp tục nâng cao hơn nữa về kiến thức, kinh nghiệm phân tích.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- Ổn định nhân sự hiện có, xem xét phân công công việc một cách hợp lý không loại trừ cả việc kết hợp với các nguồn lực từ bên ngoài
- Tuyển dụng thêm nhân sự cho hoạt động phân tích trong đó có chuyên viên phân tích vĩ mô (01 người) và phân tích doanh nghiệp (từ 2-3 người)
- Đẩy mạnh công tác tư vấn, phân tích, chủ động hơn trong các hoạt động lập và điều chỉnh danh mục chứng khoán cho vay nhằm hỗ trợ hoạt động môi giới, dịch vụ tài chính tuy nhiên vẫn đảm bảo yêu cầu về quản trị rủi ro của Công ty. Nghiên cứu và triển khai hệ thống đánh giá mới để lập danh mục và room phát vay đảm bảo thời gian cập nhật thay đổi nhanh, phù hợp với các quy định về kiểm soát rủi ro, quy định của UBCKNN và của các đối tác ngân hàng
- Tăng cường công tác tiếp xúc doanh nghiệp để bổ sung kiến thức thực tế, nâng cao chất lượng hoạt động phân tích
- Nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên thông qua các hoạt động đào tạo bao gồm cả đào tạo nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng mềm theo hướng ưu tiên đào tạo nội bộ, đảm bảo tới cuối năm 2020, toàn bộ các cán bộ, nhân viên phân tích đều có chứng chỉ hành nghề
- Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các hoạt động khác của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn để triển khai các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ phân tích.

PHÁP CHẾ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Pháp chế là hoạt động ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của công ty chứng khoán nói chung và SHS nói riêng. Trong năm 2019, hoạt động pháp chế tập trung vào các công việc sau:

- Tư vấn các vấn đề về pháp lý liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty cho BTGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty để Công ty hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, an toàn và hiệu quả
- Soạn thảo và hỗ trợ soạn thảo các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty theo yêu cầu của BTGD và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty
- Rà soát, soát xét và cho ý kiến pháp lý về các văn bản, hồ sơ, giấy tờ của Công ty
- Rà soát và phối hợp với các phòng ban, chi nhánh chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, các mẫu biểu của toàn Công ty
- Rà soát, đề xuất, soạn thảo các giấy ủy quyền và theo dõi việc thực hiện ủy quyền trong Công ty
- Tham gia giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý nợ xấu của Công ty và tố tụng tại Tòa
- Cập nhật, phổ biến các quy định pháp luật trong toàn Công ty và xây dựng các bản tin pháp luật
- Tham gia các hội thảo pháp lý do cơ quan Nhà nước chủ trì, đóng góp/gửi văn bản đóng góp ý kiến.

Trong năm 2019, ngoài các hoạt động cơ bản nêu trên, hoạt động pháp chế đã đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ các hoạt động quan trọng và đạt được kết quả cao của Công ty như dịch vụ tài chính, bộ phận môi giới – đầu tư – tư vấn và bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu.

HẠN CHẾ

Các hạn chế của hoạt động pháp chế trong năm 2019 tập trung ở các mảng công việc sau:

- Chuẩn hóa các mẫu biểu của Công ty như hợp đồng, phụ lục hợp đồng, mẫu biểu đi kèm...
- Chuẩn hóa các quy trình, quy chế của Công ty đáp ứng tình hình mới
- Việc tham gia xử lý nợ chưa đạt được như kỳ vọng.

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

Trên cơ sở đánh giá các mặt hạn chế chưa làm được trong năm 2020 và dự kiến các vấn đề pháp lý ảnh hưởng đến công ty chứng khoán trong năm 2020, Công ty đề ra kế hoạch hoạt động pháp chế trong năm 2020 như sau:

- Hoàn thành các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ phận căn cứ vào kế hoạch và phân công công việc của Lãnh đạo Phòng và BTGD để xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện công việc và phân công công việc cho các nhân sự thuộc bộ phận
- Phối hợp với các phòng ban có liên quan tiếp tục rà soát, xây dựng các quy trình, mẫu biểu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Luật Chứng khoán mới sẽ có hiệu lực vào năm 2021
- Đào tạo, tuyển dụng nhân sự, phân công, sắp xếp công việc hợp lý để phát huy tối đa năng lực nhân sự bộ phận, chuyên nghiệp hóa hoạt động nghiệp vụ.
- Chủ động khuyến nghị các rủi ro pháp lý và đề xuất phương án xử lý rủi ro pháp lý trong hoạt động của Công ty, thực hiện trực tiếp, thường xuyên, liên tục trong quá trình xây dựng các sản phẩm, dịch vụ và xử lý các công việc được phân công
- Sử dụng các dịch vụ hỗ trợ pháp lý để phục vụ cho các hoạt động của Công ty, thực hiện tùy thuộc nhu cầu tình hình thực tế, ưu tiên khi tham gia các hoạt động tố tụng.

XỬ LÝ NỢ XẤU

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tổng giá trị phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 520,6 tỷ đồng. Trong năm, Công ty trích lập bổ sung 14,2 tỷ đồng nâng tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty đến thời điểm cuối năm 2019 lên 442,0 tỷ đồng. Tỷ lệ số dự phòng/Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2019 là 84,9%, tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/Giá trị phải thu khó đòi là 2,7%.

Năm	Giá trị phải thu khó đòi	Số dự dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự dự phòng cuối năm	Tỷ lệ số dự dự phòng/ Giá trị phải thu khó đòi	Tỷ lệ số trích lập dự phòng trong năm/ Giá trị phải thu khó đòi
2019	520,6	432,8	14,2	5,0	442,0	84,9%	2,7%
2018	495,5	266,7	168,9	2,8	432,8	87,3%	3,6%
2017	360,2	280,3	6,2	19,8	266,7	74,0%	1,7%
2016	343,6	275,6	6,4	1,7	280,3	81,6%	1,9%
2015	342,5	256,2	19,4	-	275,6	80,5%	5,7%

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2019 tiếp tục tập trung vào việc hoàn thiện hồ sơ, hoàn thiện công tác theo dõi xử lý nợ xấu, phối hợp với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân liên quan đơn đốc khách hàng trả nợ. Đối với các khoản nợ đã khởi kiện tại Tòa án, Công ty tiếp tục thực hiện cung cấp thông tin và thực hiện các thủ tục tố tụng theo thông báo và diễn biến xử lý của các cấp Tòa án.

HẠN CHẾ

Công tác xử lý nợ xấu trong năm 2019 vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi, giá trị nợ xấu thu hồi được chưa nhiều do tính chất các khoản nợ phức tạp, thời gian tố tụng kéo dài, số lượng và trình độ, kinh nghiệm tham gia tố tụng của cán bộ, chuyên viên pháp chế còn hạn chế...

KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

Trên cơ sở đánh giá những hạn chế trong năm 2019, Công ty tiếp tục đề ra kế hoạch hoạt động xử lý nợ xấu trong năm 2020 như sau:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hồ sơ pháp lý nợ xấu đảm bảo hiệu quả tra cứu và thu hồi nợ
- Đơn đốc và phối hợp hiệu quả với các phòng ban, chi nhánh, cá nhân có liên quan trong việc thu hồi nợ xấu cho Công ty
- Đánh giá tổng thể từng vụ việc đang khởi kiện tại Tòa về khả năng thắng kiện và thu hồi nợ để quyết định tiếp tục hay rút hồ sơ khởi kiện. Đối với các vụ việc quyết định tiếp tục, Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các Tòa án để đẩy nhanh tiến độ xét xử và thi hành án.

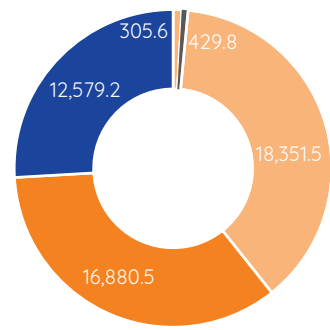
BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đầu tư tài chính

Năm 2019, do đánh giá thị trường cổ phiếu niêm yết sẽ kém thuận lợi, thị trường trái phiếu và thị trường tiền tệ diễn biến thuận lợi nên SHS chú trọng hoạt động đầu tư vào 2 thị trường này. Theo đó, trong năm 2019, SHS chỉ dành 429,8 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 0,9% đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và 305,6 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 0,6% đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết. Thay vào đó, SHS đầu tư 18.351,5 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 37,8% vào trái phiếu niêm yết, 16.880 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 34,8% vào trái phiếu chưa niêm yết và 12.579,2 tỷ đồng tương đương tỷ trọng 25,9% vào tiền gửi có kỳ hạn.

Nguồn vốn phân bổ cho hoạt động đầu tư cuối năm 2019 tăng lên đáng kể so với cuối năm 2018, tăng 603 tỷ đồng từ mức 1.028,2 tỷ đồng lên 1.631,2 tỷ đồng, tương đương tăng 58,6%. Mặc dù trong năm Công ty đầu tư rất nhiều vào trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn tuy nhiên đến thời điểm cuối năm, Công ty hầu như đã hiện thực hóa lợi nhuận toàn bộ các khoản đầu tư này.



- Cổ phiếu niêm yết
- Trái phiếu niêm yết
- Tiền gửi có kỳ hạn
- Cổ phiếu chưa niêm yết
- Trái phiếu chưa niêm yết

(Đơn vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2019	Tại 31/12/2019	Thay đổi	
			Số tiền	%
Cổ phiếu niêm yết	767,1	702,3	(64,8)	-8,4%
Cổ phiếu chưa niêm yết	116,1	287,4	171,3	147,5%
Trái phiếu niêm yết	-	341,5	341,5	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	300,0	300,0	-
Tiền gửi có kỳ hạn	145,0	-	(145,0)	-100,0%
Tổng cộng	1.028,2	1.631,2	603,0	58,6%

Nếu như cuối năm 2018, cơ cấu đầu tư của SHS tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết với tỷ trọng lên tới 74,6% thì năm nay có sự đa dạng hóa cho các loại cổ phiếu khác nhau. Trong đó: cổ phiếu niêm yết chỉ chiếm 43,1% giảm 31,6%; cổ phiếu chưa niêm yết chiếm 17,6% tăng 6,3%; trái phiếu niêm yết chiếm 20,9%, tăng 20,9%; trái phiếu chưa niêm yết chiếm 18,4% tăng 18,4% và tiền gửi có kỳ hạn chiếm 0%, giảm 14,1%.

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2019		Tại 31/12/2019	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Cổ phiếu niêm yết	767,1	74,6%	702,3	43,1%
Cổ phiếu chưa niêm yết	116,1	11,3%	287,4	17,6%
Trái phiếu niêm yết	-	-	341,5	20,9%
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	300,0	18,4%
Tiền gửi có kỳ hạn	145,0	14,1%	-	-
Tổng cộng	1.028,2	100,0%	1.631,2	100,0%

Trong năm 2019, một số khoản đầu tư tài chính lớn (từ 20 tỷ đồng trở lên) của Công ty như:

Cổ phiếu

Công ty Cổ phần Bamboo Capital

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang

Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng

Trái phiếu

Trái phiếu Chính phủ

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Ngân hàng TMCP Việt Á

Ngân hàng TMCP An Bình

Ngân hàng TMCP ACB

Ngân hàng TMCP Bắc Á

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ngân hàng Chính sách xã hội

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM

Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM

Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương

Công ty TNHH Đầu tư BĐS Ngôi Sao Việt

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất xanh

Công cụ thị trường tiền tệ

Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM

Công ty Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Công ty Tài chính TNHH HD Saison

Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Công ty TNHH MTV Mirae Asset

Đầu tư dự án

Công ty không có các khoản đầu tư dự án nào trong năm 2020.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào.

NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM

Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 2.072,7 tỷ đồng

Trong năm 2019, SHS đã hoàn thành việc tăng vốn từ 1.054,0 tỷ đồng lên 2.072,7 tỷ đồng bằng các hình thức như: chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 66,7%, trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25% và chào bán ESOP tỷ lệ 4,99%. Việc tăng vốn thành công đã góp phần nâng cao sự tự chủ về nguồn vốn của SHS, đưa SHS trở thành công ty chứng khoán có vốn điều lệ đứng thứ 7 trên thị trường.

Phát hành thành công 700 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp

Trong năm 2019, SHS phát hành duy nhất 1 đợt trái phiếu doanh nghiệp với quy mô huy động 700 tỷ đồng một cách thành công. Việc phát hành thành công đợt trái phiếu này với lợi thế lãi vay rẻ hơn trước và rẻ hơn vay vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần làm giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHS đồng thời ngày càng khẳng định uy tín và thương hiệu của SHS trên thị trường.

Ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường

Năm 2019, mặc dù SHS đã không còn nằm trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên sàn HSX nhưng SHS vẫn nằm trong top 10 trên sàn HNX - Niêm yết, UPCOM và HNX - Trái phiếu Chính phủ, HSX - Trái phiếu Chính phủ trước bối cảnh cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán có vốn ngoại có lợi thế về vốn, lãi suất cho vay và các công ty nội có lợi thế về công nghệ.

Mặc dù có sự suy giảm trong hoạt động môi giới so với năm 2018 nhưng hoạt động dịch vụ tài chính của SHS vẫn phát triển mạnh mẽ, tăng 29,6% so với năm 2018. Điều đó cho thấy sản phẩm, dịch vụ tài chính của SHS vẫn được thị trường đánh giá tốt.

Hoạt động tư vấn tài chính dịch chuyển dần sang tư vấn chuyên sâu, đặc biệt là tư vấn và phát hành, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã mang lại doanh thu khả quan trong năm 2019 của Công ty. Điều đó cho thấy Công ty không chỉ đã nắm bắt cơ hội kịp thời mà còn ngày càng nâng cao uy tín, thương hiệu, vị thế trên thị trường tư vấn.

Ngày càng khẳng định là công ty chứng khoán uy tín và đầy trách nhiệm

Năm 2019, SHS tiếp tục nhận nhiều bằng khen từ cơ quan quản lý Nhà nước như Thành phố Hà Nội, UBCKNN, 2 SGDCK, TTLCK... đã minh chứng cho niềm tin của không chỉ khách hàng và đối tác đối với SHS mà còn của cả cơ quan quản lý Nhà nước đối với SHS (*Vui lòng xem Mục Giải thưởng đạt được - Phần Thông tin chung về Công ty*).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong năm 2019, Công ty dự kiến triển khai áp dụng KPI trong quản lý nhân sự, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc. Tuy nhiên, do những lý do cả khách quan và chủ quan, Công ty chưa thể hoàn thành việc triển khai này trong năm 2019. Tuy vậy, Công ty dự kiến sẽ hoàn thành việc triển khai này trong năm 2020.

Mặc dù chưa hoàn thành việc áp dụng KPI, Công ty vẫn thường xuyên rà soát để hoàn thiện cơ cấu tổ chức cũng như chính sách quản lý. Cụ thể, Công ty đã thực hiện rà soát để tuyển dụng, bổ sung nhân sự chủ yếu cho các bộ phận môi giới và trái phiếu; luân chuyển, điều động một số nhân sự, hoàn thiện quy chế, quy trình làm việc để tối ưu hóa năng suất lao động nhờ đó SHS vẫn luôn là 1 trong các công ty chứng khoán có tỷ lệ doanh thu trên đầu nhân viên hiệu quả nhất trên thị trường.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

- Nhận định tổng quan năm 2019
- Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020





NHẬN ĐỊNH TỔNG QUAN NĂM 2020

THẾ GIỚI

Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2020 đã trở nên kém đi rất nhiều và khó đoán định sau khi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện bắt đầu từ Trung Quốc vào giữa tháng 12/2019 và sau đó lan ra toàn thế giới. Để phòng ngừa và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, các quốc gia buộc phải thực hiện các biện pháp cực đoan bao gồm cách ly khoanh vùng, đóng cửa biên giới và ngừng xuất, nhập cảnh đối với người, cấm hoặc hạn chế đi lại, đóng cửa các trường học, nhà hàng, quán ăn, địa điểm vui chơi giải trí... Những điều này đã khiến cho các hoạt động kinh tế tại nhiều quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng, sản xuất bị đình trệ khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, nhiều ngành kinh tế chịu tác động mạnh như hàng không, du lịch, bán lẻ... Thị trường chứng khoán toàn cầu cũng chao đảo khi nhà đầu tư bán tháo tài sản rủi ro khiến cho các chỉ số chứng khoán chủ chốt đánh mất toàn bộ thành quả tăng điểm trước đó và đều rơi vào trạng thái "giá xuống" (bear market). Bên cạnh đó, cuộc chiến giá dầu giữa OPEC - Nga khiến cho giá dầu tụt giảm mạnh xuống tới 20 USD/thùng, mức thấp nhất trong vòng 20 năm gần đây khiến cho tình hình thêm tồi tệ với các nước phụ thuộc vào xuất khẩu dầu mỏ. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ thấp hơn mức 3,0% của năm 2019 nhưng tới thời điểm hiện tại vẫn chưa thể xác định mức cụ thể bởi còn phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh. Theo OECD, GDP toàn cầu năm 2020 sẽ giảm từ 0,5% đến 1,5% tùy theo mức độ khống chế dịch. Ngoài ra dự báo này còn chưa tính tới một số rủi ro mà nền kinh tế thế giới đang phải đối mặt bao gồm:

- Rủi ro khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt nguồn từ sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán trong những năm vừa qua và suy thoái kinh tế do tác động của dịch bệnh;
- Cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung vẫn chưa chấm dứt và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào nếu như hai bên không đạt được các thỏa thuận đàm phán tại giai đoạn 2;
- Rủi ro địa chính trị tại các khu vực lớn của thế giới.

VIỆT NAM

Kinh tế Việt Nam dù vẫn được đánh giá tích cực trong năm 2020 tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức. Các thách thức sẽ bao gồm:

- Tác động của dịch Covid-19 cả trực tiếp và gián tiếp tới tăng trưởng kinh tế;
- Tác động của chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc có thể xảy ra;
- Tác động của việc đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu lại nền kinh tế và doanh nghiệp nhà nước.

Tăng trưởng

Năm 2020 được đánh giá sẽ thấp hơn so với năm 2019 do tác động của dịch Covid-19 tuy nhiên chưa thể xác định rõ ràng (Bộ KH-ĐT dự báo tăng trưởng từ 5,9% - 6,3% trong khi có dự báo cho rằng 5,0% đã là kịch bản tích cực) bởi dịch chưa kết thúc. Các lĩnh vực chịu ảnh hưởng bởi dịch sẽ gồm: vận tải, du lịch, tiêu dùng nội địa và sau đó là sản xuất, xuất nhập khẩu và đầu tư nếu dịch bệnh kéo dài hơn dự kiến.

Lạm phát

Trong năm 2020 sẽ ít chịu áp lực tăng mặc dù các yếu tố như thời tiết khó lường, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới giá lương thực, thực phẩm tuy nhiên một số yếu tố hỗ trợ như cầu giảm, giá nhiên liệu giảm cộng với việc ngừng điều chỉnh giá một số các dịch vụ như y tế, giáo dục, điện.

Tỷ giá

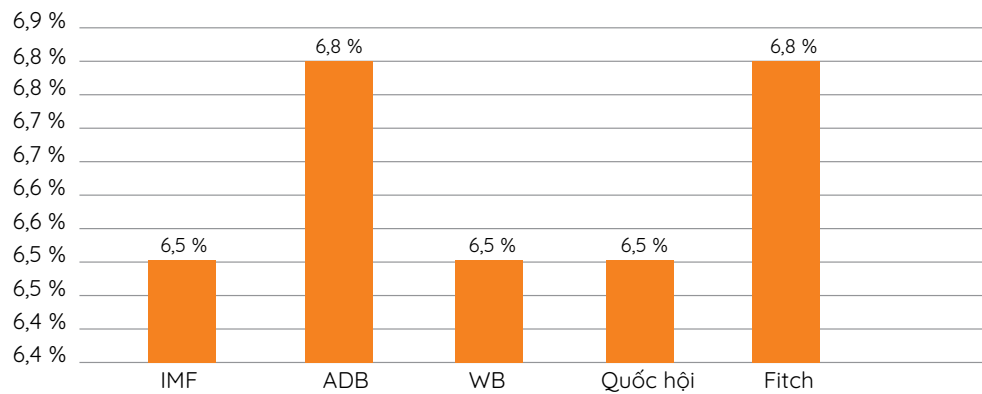
Trong năm 2020 được dự báo sẽ chịu nhiều áp lực trong bối cảnh FED và nhiều nước trên thế giới hạ lãi suất, thị trường tài chính bất ổn gây tác động tới dòng vốn tuy nhiên với dự trữ ngoại hối khá lớn (80 tỷ USD), dự báo mức biến động tỷ giá trong phạm vi 3,0%.

Lãi suất, tín dụng

Năm 2020, tín dụng được dự báo sẽ tiếp tục tăng chậm do tăng trưởng kinh tế chậm lại, tỷ lệ LDR của nhóm NHTMNN giảm từ 90,0% xuống 85,0% theo Thông tư 22, giải ngân đầu tư công dự báo sẽ được thúc đẩy nhanh hơn để hỗ trợ cho nền kinh tế, mặt bằng lãi suất dự báo sẽ thấp hơn.

Quá trình sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, quá trình xử lý nợ xấu của VAMC sẽ tiếp tục được triển khai mạnh.

Một số dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 (trước khi có dịch Covid-19)



Nguồn: SHS Research

DỰ ĐOÁN TÁC ĐỘNG NÓI CHUNG

CƠ HỘI

- Kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo tích cực hơn so với nhiều quốc gia khác trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó sau khi dịch Covid-19 chấm dứt, làn sóng FDI được đánh giá sẽ tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam khi các doanh nghiệp nước ngoài nhận thấy tầm quan trọng của việc đa dạng hóa các nhà cung cấp trong chuỗi sản xuất toàn cầu. Bên cạnh đó Hiệp định EVFTA đã hoàn tất ký kết và dự kiến sẽ có hiệu lực từ tháng 7/2020 mở ra cơ hội cho hàng hóa VN xuất khẩu mạnh mẽ hơn vào Châu Âu.
- Để hỗ trợ, kích thích tăng trưởng kinh tế sau dịch Covid-19, nhiều chính sách tiền tệ, tài khóa dự báo sẽ được thúc đẩy nhanh hơn qua đó tạo điều kiện cho một số ngành, doanh nghiệp phát triển hơn.
- Quá trình giảm mạnh của TTCK Việt Nam sẽ giúp cho mức định giá của TTCK Việt Nam giảm về mức hấp dẫn qua đó thu hút thêm nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.
- Trong năm 2020, dự kiến Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Luật Đầu tư sửa đổi sẽ được trình lên Quốc hội để thông qua trong đó có nhiều điểm mới được kỳ vọng sẽ gỡ nút thắt liên quan tới sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp, ngoài ra cũng tạo hành lang pháp lý cho việc phát hành Chứng chỉ Lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) qua đó thu hút thêm nguồn vốn ngoại vào thị trường. Bên cạnh đó, một số chính sách và sản phẩm mới sẽ được xem xét ban hành như nới biên độ giao dịch theo phân bảng cổ phiếu, triển khai các sản phẩm mới như chứng quyền có đảm bảo (CW) với tài sản cơ sở là chỉ số, quỹ ETF mới dựa trên 3 chỉ số mới tại sàn HSX. Bên cạnh đó hệ thống công nghệ thông tin mới dự kiến sẽ được triển khai qua đó nâng cao hạ tầng chung cho giao dịch trên thị trường, khắc phục những lỗi ngừng giao dịch như đã xảy ra đầu năm 2018. Ngoài ra, Bộ Tài Chính dự kiến sẽ ban hành nghị định sửa đổi Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP qua đó giải tỏa một số vướng mắc liên quan tới quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Những yếu tố trên sẽ là cơ sở pháp lý và là nền tảng hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của TTCK.
- Quá trình tái cơ cấu DNNN, cổ phần hóa và niêm yết các doanh nghiệp lớn như Mobifone, VNPT, Satra, Genco 2, Genco 1, Vichem, Vinataba... và quá trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp niêm yết như ACV, Vietnam Airlines, Viglacera, PV Gas, Petrolimex... cùng với quá trình chuyển sàn của nhiều mã lớn từ Upcom sang sàn niêm yết sẽ giúp cho thị trường có thêm hàng hóa có chất lượng và gia tăng thanh khoản.
- Cơ hội TTCK Việt Nam sẽ được FTSE nâng hạng thị trường, tăng tỷ trọng trong rổ chỉ số thị trường cận biên của MSCI (tháng 6/2020) và khả năng đưa vào danh sách xem xét nâng hạng lên thành Thị trường Mới nổi trong giai đoạn 2020 - 2021.

- Kinh tế thế giới dự báo suy giảm tăng trưởng trong năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thậm chí nguy cơ suy thoái, khủng hoảng tài chính nếu dịch bệnh kéo dài chưa kể tới những rủi ro khác như chủ nghĩa bảo hộ và chiến tranh thương mại Mỹ-Trung quay trở lại. Bên cạnh đó, những rủi ro địa chính trị tại những điểm nóng trên thế giới cũng có nguy cơ leo thang, tác động xấu tới thị trường tài chính quốc tế và Việt Nam.
- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại do chịu tác động của dịch bệnh, nhiều ngành và doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn.
- Năm 2020 cũng là năm diễn ra bầu cử tổng thống Mỹ và có thể có những thay đổi bất thường trong các chính sách kinh tế - chính trị của quốc gia này. Ngoài ra, sự gia tăng của dòng vốn đầu tư vào Việt Nam và tăng cường xuất khẩu sang Mỹ của nhiều mặt hàng sẽ khiến cho Việt Nam có nguy cơ trở thành mục tiêu cho các vụ kiện chống bán phá giá hoặc lẫn tránh thuế trừng phạt qua đó tác động tới nhiều ngành kinh tế.
- Dòng tiền đầu tư chứng khoán tiếp tục gặp nhiều khó khăn do:
 - Chịu tác động từ Thông tư 36 và Thông tư 07;
 - Tăng trưởng tín dụng năm 2020 giảm và chính sách hạn chế dòng vốn từ ngân hàng cho các hoạt động rủi ro trong đó có đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
 - UBCKNN tăng cường quá trình kiểm soát rủi ro tại các công ty chứng khoán, đặc biệt là hoạt động cấp tín dụng cho vay thông qua bên thứ 3 và cả từ nguồn vốn của chính công ty chứng khoán.
- Hoạt động của các doanh nghiệp sẽ tiếp tục phân hóa mạnh đòi hỏi các hoạt động đầu tư, tư vấn đầu tư của các công ty chứng khoán cũng cần linh hoạt và nhanh nhạy hơn.
- Năm 2020 là năm cuối trong kế hoạch 2017-2020 thực hiện việc cổ phần hóa và thoái vốn của Chính phủ. Cho tới nay vẫn còn tới 314/406 doanh nghiệp cần thoái vốn và 92 doanh nghiệp phải cổ phần hóa. Áp lực từ các hoạt động này sẽ tạo nguồn cung lớn, ảnh hưởng đến mức độ tăng trưởng chung của thị trường.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Trên cơ sở nhận định tổng quan về thế giới và Việt Nam trong năm 2020 cũng như dự báo các tác động có thể có đến các doanh nghiệp nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng, Công ty tập trung vào phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của SHS theo mô hình SWOT làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

- SHS là công ty chứng khoán có thương hiệu và uy tín. SHS cũng đã được thị trường định vị nằm trong nhóm các công ty chứng khoán lớn trên thị trường.
- Có sự hỗ trợ mạnh mẽ của SHB, T&T và các định chế tài chính liên kết về nguồn lực tài chính, hệ thống khách hàng, định hướng chiến lược.
- Hệ thống khách hàng và đối tác lớn.
- Đội ngũ nhân sự có trình độ, kinh nghiệm và gắn bó lâu năm với Công ty.
- Sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt.

ĐIỂM YẾU

- Tăng trưởng kinh doanh chưa bền vững. Kết quả kinh doanh các nghiệp vụ chính như môi giới, dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn... phụ thuộc lớn vào biến động thị trường.
- Mặc dù có hệ thống khách hàng và đối tác lớn nhưng hệ thống chi nhánh/phòng giao dịch của Công ty cũng như số lượng môi giới còn ít.
- Đội ngũ nhân sự mặc dù có trình độ và kinh nghiệm nhưng chưa chuyên nghiệp và chuẩn hóa.
- Mặc dù quản lý số lượng khách hàng lớn, tuy nhiên 99,9% là khách hàng trong nước; 99,2% là khách hàng cá nhân do đó hạn chế trong việc thực hiện chiến lược tập trung hóa. Công ty thiếu các đối tác, định chế tài chính nước ngoài hợp tác và hậu thuẫn.
- Nguồn vốn kinh doanh thiếu ổn định phụ thuộc nhiều vào vốn vay, chi phí vốn cao hơn bình quân so với mặt bằng top 5 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất Việt Nam.
- Hệ thống phần mềm giao dịch hiện tại đã đến điểm tới hạn, bộc lộ nhiều bất cập trong hoạt động theo dõi, quản trị khách hàng, sản phẩm, dịch vụ cũng như khó khăn trong việc nâng cấp, phát triển các ứng dụng để bắt kịp xu hướng của cuộc cách mạng 4.0.
- Website Công ty còn thiếu tiện ích, thiếu sự chuyên nghiệp, khó tìm kiếm, tra cứu. Do đó, giảm hiệu quả về mặt công bố thông tin và truyền thông.
- Hệ thống quản trị công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát và kiểm toán nội bộ đã tốt nhưng chưa hoàn toàn đạt chuẩn theo các thông lệ Việt Nam và quốc tế.

CƠ HỘI

- Với việc tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì như mức của năm 2019 trong khi các ngân hàng sẽ phải thực hiện việc kiểm soát các chỉ tiêu theo quy định mới của Basel 2 và NHNN, dự báo hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp sẽ tiếp tục tích cực, qua đó tạo ra các cơ hội cho hoạt động môi giới, đầu tư và tư vấn.
- Sự tụt giảm sâu của giá nhiều mã cổ phiếu trên thị trường sẽ tạo ra các cơ hội đầu tư dài hạn hấp dẫn cho hoạt động đầu tư.
- Năm 2020 sẽ là năm cao điểm của hoạt động cổ phần hóa, IPO các DNNN, thoái vốn ngoài ngành của các tập đoàn, Tổng Công ty cũng như hoạt động tiếp tục tái cơ cấu nợ của các ngân hàng, điều này sẽ mang đến những cơ hội cho hoạt động môi giới, đầu tư, tư vấn và bảo lãnh phát hành.
- Việc tiếp tục nâng cao tiêu chí kiểm soát hoạt động của các công ty chứng khoán sẽ làm giảm số lượng các công ty chứng khoán để đảm bảo phù hợp với sự phát triển của thị trường.

- Thông tư 36 và Thông tư 07 tiếp tục ảnh hưởng tới nguồn vốn tín dụng cho hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán trong đó có SHS. Ngoài ra, việc UBCKNN và NHNN đang có chủ trương kiểm soát hoạt động cho vay của các công ty chứng khoán thông qua bên thứ ba là các NHTM thì các công ty chứng khoán trong đó có SHS sẽ gặp rất nhiều bất lợi.
- Áp lực cạnh tranh từ các công ty chứng khoán khác tiếp tục tăng mạnh lên SHS, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài về cả lãi suất và phí môi giới. Bên cạnh đó, việc SHS vẫn chưa tham gia thị trường phái sinh và phát hành chứng chỉ CW cũng khiến cho sản phẩm tài chính của SHS bị kém khả năng cạnh tranh hơn so với các công ty chứng khoán khác.
- Trong bối cảnh dòng tiền của nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài vào thị trường tăng mạnh thời gian gần đây, những công ty chứng khoán thuộc nhóm dưới sẽ gặp rất nhiều thách thức trong đó có SHS do những công ty chứng khoán thuộc Top 3 (SSI, HSC, Bản Việt) hiện tại đang nắm giữ gần như toàn bộ thị phần của nhóm khách hàng này.
- Thị trường trái phiếu Chính phủ được dự báo sẽ khó khăn hơn trong năm 2020 do lợi suất trái phiếu đi ngang, hoạt động tự doanh do vậy cũng khó mang lại lợi nhuận và nhiều rủi ro hơn.
- Quá trình tái cơ cấu ngành chứng khoán diễn ra cùng với nhiều quy định mới sẽ có những tác động đến chi phí hoạt động, chỉ tiêu an toàn tài chính của SHS qua đó ảnh hưởng đến khả năng linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động của SHS.
- Thị trường chứng khoán có nhiều sự biến động mạnh trong năm 2020 đòi hỏi hoạt động của SHS phải linh hoạt, nhanh nhạy mới có thể hạn chế được rủi ro và nắm bắt được cơ hội.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán bên cạnh việc mở rộng quy mô còn tiếp tục đi vào chiều sâu, chất lượng dịch vụ cao đòi hỏi SHS phải tiếp tục đầu tư về nhân sự và công nghệ hơn nữa để duy trì và nâng cao thị phần, hình ảnh, điều này sẽ khiến chi phí hoạt động có thể tăng lên, tạo sức ép lên Công ty trong ngắn hạn.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Trên cơ sở phân tích SWOT của SHS kết hợp với định hướng chiến lược trung và dài hạn của Công ty, SHS dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2020 như dưới đây. Tuy nhiên, do thực hiện chủ trương giãn cách xã hội của Chính phủ liên quan đến tình hình dịch bệnh Covid-19 nên SHS đã lùi thời hạn họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 đến tháng 06/2020. Do đó, số liệu kế hoạch kinh doanh năm 2020 dưới đây chỉ là dự kiến và sẽ được cập nhật sau khi có Nghị quyết chính thức của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Giả định:

- Tình hình kinh tế, vĩ mô: bất ổn trong 6 tháng đầu năm và ổn định dần trở lại trong 6 tháng cuối năm.
- Một số giả định liên quan tới TTCK

	Ước năm 2020
Giá trị giao dịch toàn thị trường (tỷ đồng/phiên)	5.100
Thị phần SHS:	
HSX	3,0%
HNX	5,0%
Toàn thị trường	3,3%

Kế hoạch kinh doanh năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	Số tiền (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	950,0
2	Tổng chi phí	700,0
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250,0

Các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh năm 2020:

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới cả bề rộng về qui mô và chiều sâu về chất lượng, nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư, giữ được sự ổn định nguồn tài chính phục vụ nhu cầu nhà đầu tư. Mục tiêu là lấy lại thị phần trong top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết lớn nhất trên cả hai sàn HNX, HSX và phần đầu cho mục tiêu lọt vào Top 3.
- Trước xu hướng tại các thị trường chứng khoán phát triển là công ty chứng khoán chuyển dịch hoạt động từ thu phí môi giới sang thu phí tư vấn quản lý tài sản, SHS sẽ tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai mô hình cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh trong năm 2020.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới mang tính cạnh tranh so với thị trường và phù hợp với các phân khúc khách hàng.
- Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết tận dụng các cơ hội có được trên thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị thông qua việc tham gia làm cổ đông chiến lược, đầu giá các DNNN sẽ IPO trong năm 2020.
- Trên cơ sở những kết quả đã đạt được đối với mảng hoạt động kinh doanh thu nhập cố định trong năm 2019, tiếp tục tận dụng các cơ hội giao dịch cũng như tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong năm 2020.
- Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.
- Tăng cường nhân sự có chất lượng cho các mảng hoạt động, đặc biệt nhân sự cho hoạt động tư vấn IPO, tư vấn M&A; tư vấn tái cấu trúc.
- Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin hiện tại đồng thời đầu tư mới hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh.
- Công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, tăng cường an toàn tài chính vẫn phải được chú trọng, tăng cường hỗ trợ các hoạt động kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Nhân sự chủ chốt
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ
- Quản trị rủi ro
- Thông tin dành cho cổ đông
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
- Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
- Đánh giá quản trị và tài chính Công ty

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1

ÔNG ĐỖ QUANG HIỂN

Chủ tịch HĐQT
(Thành viên HĐQT
không độc lập,
không điều hành)

2

ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Thành viên HĐQT
(không độc lập, không điều hành)

3

ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Thành viên HĐQT
(điều hành và không độc lập)
kiêm Tổng Giám đốc

1. ÔNG ĐỖ QUANG HIỂN

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	03/12/2007, 06/04/2012 và 26/04/2017
Sinh ngày:	29/10/1962
Học vấn:	Kỹ sư vật lý vô tuyến – Đại học Tổng hợp Hà Nội
Sở hữu:	593.416 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,2863%)
Kinh nghiệm làm việc:	35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán
Thành tích:	Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCNVN trao tặng “Doanh nhân Châu Á năm 2018” do tạp chí Enterprise Asia vinh danh
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Chủ tịch HĐQT – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Tập đoàn T&T Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Bệnh viện Giao thông Vận tải Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Khai thác chế biến khoáng sản T&T Hà Giang
Tại các tổ chức khác:	Chủ tịch Hiệp hội các Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội Ủy viên UBTTUMTQVN

2. ÔNG LÊ ĐĂNG KHOA

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	22/03/2013 và 26/04/2017
Sinh ngày:	18/08/1974
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân Cử nhân Kế toán – Học viện Ngân hàng
Sở hữu:	50.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,0241%)
Kinh nghiệm làm việc:	10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

3. ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT 01/11/2014 và 01/11/2017 đối với chức danh Tổng Giám đốc
Sinh ngày:	02/09/1973
Học vấn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Hà Nội Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính – UBCKNN cấp
Sở hữu:	4.644.250 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 2,24%)
Kinh nghiệm làm việc:	24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội Thành viên HĐQT – Công ty Bao bì Biên Hòa
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Xây Lắp Dầu khí Thanh Hóa Thành viên HĐQT – Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



4

ÔNG MAI XUÂN SƠN

Thành viên HĐQT
(không độc lập, không điều hành)



5

ÔNG MAI ANH CHÍNH

Thành viên HĐQT
(độc lập, không điều hành)



6

ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG

Thành viên HĐQT
(không độc lập, không điều hành)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 23/04/2019 của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ về việc thay đổi thành viên HĐQT từ ngày 11/04/2019 như sau:

- Bổ nhiệm: Ông Mai Anh Chính.
- Miễn nhiệm: Ông Nguyễn Văn Hưng.

Ngày 14/11/2019, HĐQT đã ban hành Quyết định số 32-2019/QĐ-HĐQT về việc thay đổi thành viên HĐQT từ ngày 14/11/2019 như sau:

- Miễn nhiệm: Ông Mai Anh Chính

4. ÔNG MAI XUÂN SƠN

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	24/01/2014 và 26/04/2017
Sinh ngày:	25/07/1974
Học vấn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại - Đại học Thương mại Hà Nội Cử nhân tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Sở hữu:	50 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc:	22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy sản Hà Nội - Cần Thơ Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD - Công ty CP Tập đoàn T&T Chủ tịch HĐQT - Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ - Artexport Việt Nam Thành viên HĐQT - Công ty CP Điện cơ Thống Nhất Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH T&T Motor

5. ÔNG MAI ANH CHÍNH

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	11/04/2019
Sinh ngày:	14/10/1976
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội Cử nhân Quản lý kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Cử nhân Luật Kinh tế - Viện Đại học Mở Hà Nội Cử nhân Tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc:	21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự án, bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Trưởng phòng dịch vụ tài chính - Ban Dịch vụ Tài chính - Công ty CP Tập đoàn T&T Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội

6. ÔNG NGUYỄN VĂN HƯNG

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	11/04/2018
Sinh ngày:	30/11/1979
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Ngoại Thương Hà Nội Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách Khoa Hà Nội Cử nhân Hóa hữu cơ - Đại học Bách Khoa Hà Nội
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc:	17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, bất động sản, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Phó Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

BAN KIỂM SOÁT



1

BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Trưởng Ban Kiểm soát
(Thành viên BKS chuyên trách)

2

ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG

Thành viên Ban Kiểm soát
(không chuyên trách)

3

BÀ LƯƠNG THỊ LỰU

Thành viên Ban Kiểm soát
(không chuyên trách)

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- Bổ nhiệm: Không.
- Miễn nhiệm: Không.

1. BÀ PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	15/01/2008, 06/04/2012 và 26/04/2017
Sinh ngày:	08/02/1968
Học vấn:	Thạc sỹ và cử nhân tài chính kế toán – Đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện Tài chính) Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp
Sở hữu:	27.175 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,013%)
Kinh nghiệm làm việc:	30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

2. ÔNG VŨ ĐỨC TRUNG

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	06/04/2012 và 26/04/2017
Sinh ngày:	25/12/1980
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Edith Cowan-Úc Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân Chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên – Hiệp hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
Sở hữu:	700.000 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,338%)
Kinh nghiệm làm việc:	17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, thương mại, sản xuất, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng Công ty Thăng Long – CTCP

3. BÀ LƯƠNG THỊ LỰU

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	27/04/2015 và 26/04/2017
Sinh ngày:	09/11/1983
Học vấn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế quốc dân Cử nhân Kế toán tổng hợp và Kinh tế bảo hiểm – Đại học Kinh tế quốc dân
Sở hữu:	60 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%).
Kinh nghiệm làm việc:	13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Kế toán tổng hợp – Công ty CP Tập đoàn T&T Thành viên BKS - Công ty XNK Thủ Công Mỹ Nghệ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1

ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám đốc

2

ÔNG TRẦN SỸ TIẾN

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng

3

ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Chi nhánh
Tp. Hồ Chí Minh

1. ÔNG VŨ ĐỨC TIẾN

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	15/09/2014 và 26/04/2017 đối với chức danh Thành viên HĐQT 01/11/2014 và 01/11/2017 đối với chức danh Tổng Giám đốc
Sinh ngày:	02/09/1973
Học vấn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Học viện Ngân hàng Cử nhân tiếng Anh - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính - UBCKNN cấp
Sở hữu:	4.644.250 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 2,24%)
Kinh nghiệm làm việc:	24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội Thành viên HĐQT - Công ty Bao bì Biên Hòa
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

2. ÔNG TRẦN SỸ TIẾN

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	16/04/2014 và 16/04/2017 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc 20/09/2011 đối với chức danh Kế toán trưởng
Sinh ngày:	06/05/1973
Học vấn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội Cử nhân Tín dụng - Học viện Ngân hàng Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính - UBCKNN cấp
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc:	25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không

4. ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	05/05/2014 và 05/05/2017 đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc 26/11/2019 đối với chức danh Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Sinh ngày:	13/11/1980
Học vấn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Tổng hợp Boston (Mỹ) Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại thương Hà Nội Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
Sở hữu:	0 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0%)
Kinh nghiệm làm việc:	16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dự án, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



4

BÀ TRẦN THỊ THU THANH

Phó Tổng Giám đốc



5

BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI

Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng

3. BÀ TRẦN THỊ THU THANH

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	01/08/2018
Sinh ngày:	08/04/1975
Học vấn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Học viện Ngân hàng Cử nhân tiếng Anh – Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - UBCKNN cấp
Sở hữu:	146.600 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,07%)
Kinh nghiệm làm việc:	24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

5. BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI

Ngày bổ nhiệm, tái bổ nhiệm:	09/08/2011
Sinh ngày:	29/03/1982
Học vấn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Columbia Southern Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Đà Nẵng Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán – UBCKNN cấp
Sở hữu:	11.750 cổ phần SHS có quyền biểu quyết (tỷ lệ 0,0057%)
Kinh nghiệm làm việc:	13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán
Các chức vụ hiện tại:	
Tại công ty niêm yết:	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
Tại công ty chưa niêm yết:	Không

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM

Ngày 26/11/2019, Hội đồng quản trị SHS đã ban hành Quyết định số 36-2019/QĐ-HDQT về việc thay đổi Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh từ ngày 26/11/2019 như sau:

- Bổ nhiệm: Ông Nguyễn Chí Thành – Phó Tổng Giám đốc SHS kiêm nhiệm chức Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
- Miễn nhiệm: Ông Nguyễn Hồng Điệp – chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại thời điểm 31/12/2019, HĐQT của SHS có 5 thành viên. Trong năm 2019, sự thay đổi thành viên HĐQT của SHS diễn ra như sau:

Họ tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu/ kết thúc nhiệm kỳ	Lý do thay đổi
Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
Lê Đăng Khoa	Thành viên	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
Vũ Đức Tiến	Thành viên	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
Mai Xuân Sơn	Thành viên	2017-2022	Bắt đầu: 26/04/2017	
Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	2017-2022	Kết thúc: 11/04/2019	Theo nguyện vọng cá nhân
Mai Anh Chính	Thành viên	2017-2022	Bắt đầu: 11/04/2019 Kết thúc: 14/11/2019	Do yêu cầu kiện toàn nhân sự HĐQT Theo nguyện vọng cá nhân

Thông tin về các thành viên HĐQT vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt - Quản trị Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã duy trì các tiểu ban và phân công nhiệm vụ phụ trách các tiểu ban cho các thành viên HĐQT như sau:

Tiểu ban	Người phụ trách	Nhiệm vụ
Quản trị chung và chính sách phát triển	Ông Đỗ Quang Hiến	Đề ra phương hướng và giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám sát việc tuân thủ pháp luật và việc thực hiện kế hoạch hoạt động, kinh doanh do ĐHCĐ thông qua hàng năm.
Kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ	Ông Lê Đăng Khoa	Tham mưu cho HĐQT ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ. Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ. Thẩm định các báo cáo của Bộ phận Kế toán và Kiểm soát nội bộ. Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ.

Quản trị hệ thống, nhân sự và lương thưởng	Ông Vũ Đức Tiến	<p>Nghiên cứu và đề xuất với HĐQT ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến nhân sự, lương, thưởng.</p> <p>Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận nhân sự, lương, thưởng.</p> <p>Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, lương, thưởng.</p> <p>Tham mưu cho HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển, điều động... nhân sự; việc trả lương, thưởng cũng như việc tăng, giảm lương, thưởng của cán bộ.</p>
Quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ	Ông Mai Xuân Sơn Ông Nguyễn Văn Hưng (từ 11/4/2018 đến 11/4/2019) Ông Mai Anh Chính (từ 11/4/2019)	<p>Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các văn bản nội bộ liên quan đến quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.</p> <p>Trực tiếp giám sát và quản lý các hoạt động, báo cáo của Bộ phận quản trị rủi ro và Bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>Tham mưu cho HĐQT các biện pháp xử lý thích hợp đối với các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.</p> <p>Tham mưu cho HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.</p>

Bên cạnh các tiểu ban nói trên, HĐQT đã bố trí thành lập thêm các bộ phận hỗ trợ sau thuộc HĐQT:

Văn phòng HĐQT

Là ban thư ký và cố vấn cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến cổ đông, quản trị Công ty và hoạt động của HĐQT.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc tổ chức ĐHĐCĐ, tổ chức công tác của HĐQT.

Quản lý cổ đông của Công ty và hỗ trợ cổ đông thực hiện các quyền của mình.

Soạn thảo và lưu trữ các văn bản liên quan đến HĐQT như nghị quyết, quyết định, báo cáo, tờ trình...

Bộ phận Kiểm toán nội bộ

Thực hiện kiểm toán nội bộ các hoạt động quản lý điều hành và kinh doanh của Công ty đồng thời báo cáo trực tiếp HĐQT.

Kiến nghị và đề xuất hướng tới giải quyết triệt để các tồn tại và rủi ro của Công ty góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động kinh doanh của Công ty.



CÁC CUỘC HỌP CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Tiểu ban	Số lượng các cuộc họp	Nội dung họp	Kết quả họp
Quản trị chung	04	<p>Xây dựng định hướng chiến lược phát triển Công ty và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.</p> <p>Triển khai thực hiện chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>Xây dựng và triển khai hoạt động chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BTGD.</p> <p>Xác định vai trò và giới hạn thẩm quyền của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và đối với BTGD.</p> <p>Xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa và quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty đặc biệt trong bối cảnh thị trường có những biến động dữ dội, bất thường</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch hoạt động kinh doanh toàn Công ty và từng mảng hoạt động kinh doanh chính trong năm 2019.</p>
Chính sách phát triển	04	<p>Xây dựng và triển khai chính sách phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty trong đó năm 2019 tập trung vào hoạt động đầu tư và phát hành trái phiếu, môi giới, nguồn vốn, đầu tư, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành trên cơ sở khai thác thế mạnh của Công ty và thuận lợi từ chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách phát triển và hoàn thiện TTCK Việt Nam.</p>	
Nhân sự, lương thưởng và quản trị hệ thống	04	<p>Rà soát chính sách thù lao, lương, thưởng, phúc lợi và đào tạo của Công ty đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD để điều chỉnh và hoàn thiện nhằm khai thác tối đa nguồn lực con người.</p> <p>Tìm kiếm, đánh giá và đề xuất hướng tuyển dụng nhân sự cấp cao phụ trách mảng trái phiếu, đầu tư, dịch vụ tài chính.</p> <p>Xem xét đề xuất với HĐQT và TGD việc tăng, giảm quy mô tuyển dụng và đào tạo, điều chuyển nhân sự ở một số vị trí cán bộ cấp trung để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt và hiệu quả.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đảm bảo xây dựng và duy trì được đội ngũ có trình độ, kinh nghiệm, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.</p>
Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ	04	<p>Đánh giá tính tuân thủ, phù hợp của hệ thống kế toán tài chính và các báo cáo tài chính do BTGD và đơn vị kiểm toán lập.</p> <p>Rà soát và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ đảm bảo hệ thống tuân thủ pháp luật và vận hành đồng bộ, quy chuẩn.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Phê chuẩn các Tờ trình, báo cáo liên quan đến hoạt động kế toán tài chính và kiểm soát nội bộ.</p>
Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ	04	<p>Xây dựng, triển khai và điều chỉnh kế hoạch quản trị rủi ro và kế hoạch kiểm toán nội bộ phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của SHS.</p> <p>Đánh giá sự phù hợp của chính sách, khẩu vị rủi ro cũng như sự tuân thủ hạn mức rủi ro.</p> <p>Kiểm tra hệ thống quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo hiệu năng, hiệu quả.</p> <p>Khuyến nghị về bổ nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán độc lập.</p>	<p>Thành viên HĐQT tham gia nhất trí 100%.</p> <p>Phê chuẩn chính sách, khẩu vị, hạn mức, kế hoạch quản trị rủi ro cũng như kế hoạch kiểm toán nội bộ.</p>

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Các tiểu ban thuộc HĐQT đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tư vấn cho HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, định hướng, tư vấn cho BTGD trong các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thông qua hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT, các vấn đề trọng yếu của Công ty phát sinh trong từng lĩnh vực được bàn bạc, trao đổi và thống nhất hướng giải quyết.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ và kế hoạch công tác năm 2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

HĐQT đã phát huy tốt vai trò chỉ đạo, định hướng và tư vấn cho BTGD trong quản trị, điều hành mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2019, hoạt động của HĐQT tập trung vào các công việc như sau:

Định hướng hoạt động của HĐQT

HĐQT tập trung vào việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động của HĐQT năm 2018 và triển khai hoạt động của năm 2019 theo định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và theo kế hoạch hoạt động, kinh doanh năm 2019 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; tập trung phân công công việc cho các thành viên và triển khai thực hiện hiệu quả.

Thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên và bất thường

HĐQT đã thảo luận và thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 như:

- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS;
- Thông quan Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2018 và BCTC năm 2018 đã được kiểm toán;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019;
- Thông quan quyết định của HĐQT về việc thay đổi thành viên HĐQT;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018;
- Thông qua Báo cáo chi quỹ thù lao năm 2018 và Quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019;
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2019.

Chỉ đạo, giám sát và định hướng toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2019, HĐQT tăng cường định hướng, chỉ đạo BTGD trong việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn thu được từ việc phát hành thêm cổ phiếu, quản trị tốt rủi ro, bảo đảm an toàn và bền vững nguồn tài chính của Công ty. HĐQT cũng tăng cường giám sát các hoạt động trọng yếu của Công ty như môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ tài chính, tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành, kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp, cơ cấu danh mục chứng khoán tồn kho và nợ xấu...Ngoài ra, HĐQT cũng đã chỉ đạo BTGD phải tiếp tục chú trọng giữ vững thị phần môi giới trong top đầu song song với việc đảm bảo an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Nhà đầu tư, phát triển sản phẩm môi giới và dịch vụ tài chính đa dạng đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

Xem xét và phê duyệt các khoản mục đầu tư chiến lược của Công ty, các vấn đề lương thưởng, các vấn đề về cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HĐQT

HĐQT xem xét và phê duyệt hạn mức, danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết cũng như các giấy tờ có giá của Công ty. HĐQT cũng tăng cường giám sát, chỉ đạo BTGD và Phòng Đầu tư triển khai đầu tư lựa theo xu hướng thị trường đồng thời yêu cầu quản trị tốt rủi ro cũng như tuân thủ Quy chế Đầu tư của Công ty, kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

HĐQT xem xét việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, tăng lương và các quyền lợi liên quan của các nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm và quản lý, trên cơ sở định hướng phát triển đội ngũ nhân sự của Công ty, ngân sách do ĐHĐCĐ phê chuẩn, Quy chế Tiền lương Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát trọng yếu và hệ thống quản trị rủi ro

Trong năm 2019, HĐQT và các tiểu ban Kế toán tài chính và Kiểm soát nội bộ; Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ đã định kỳ phối hợp với BKS và Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiến hành rà soát hệ thống quản lý, các chốt kiểm tra, kiểm soát quan trọng cũng như hệ thống quản trị rủi ro của Công ty từ đó chỉ đạo BTGD xem xét thực hiện các biện pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro của Công ty.

Thẩm định và phê duyệt các đề xuất kinh doanh khác của BTGD

HĐQT đã ban hành 02 Nghị quyết, 36 Quyết định, ký phê duyệt 40 Tờ trình của BTGD liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho BTGD triển khai nhiệm vụ.

Giám sát hoạt động của BTGD

HĐQT chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của BTGD theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đồng thời xem xét báo cáo và ý kiến của Ban Kiểm soát để tăng cường hiệu quả công tác chỉ đạo, định hướng, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo an toàn tài chính, quản trị Công ty bền vững và tuân thủ pháp luật.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện 9 cuộc họp và đã thông qua Biên bản họp ngay tại cuộc họp, tập trung vào các vấn đề trọng yếu của Công ty như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung	Tỷ lệ TVHĐQT tham dự
1.	18/01/2019	Triển khai các công việc năm 2019.	100%
2.	19/03/2019	Phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 1/2019.	100%
3.	25/03/2019	Giao dịch giữa SHS&SHB.	100%
4.	03/06/2019	Triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua (tập trung vào hoạt động kinh doanh và phát triển nguồn vốn, khai thác và huy động vốn; hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính; triển khai giao dịch hợp tác phát triển sản phẩm bán lẻ trái phiếu cho khách hàng cá nhân giữa SHS và SHB).	100%
5.	05/11/2019	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc hợp tác với Vpbank.	100%
6.	10/09/2019	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc hợp tác với Indovinabank.	100%
7.	11/11/2019	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, quản trị rủi ro, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc hợp tác với Vpbank.	100%
8.	11/11/2019	Xem xét kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến của năm 2019 và xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh của năm 2020. Triển khai hoạt động bảo lãnh phát hành, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn bằng việc hợp tác với SHB Hà Nội.	100%
9.	23/11/2019	Triển khai hoạt động đầu tư, tư vấn tài chính, thông qua các vấn đề về tín dụng và phát triển nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh bằng việc hợp tác với SHB Hàng Trống.	100%

TÌNH HÌNH THAM GIA CÁC CUỘC HỌP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Báo cáo tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên HĐQT trong năm 2019 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian tham gia HĐQT trong năm 2019	Số buổi họp tham dự/UQ tham dự
1	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT	01/01/2019-31/12/2019	9/9
2	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	01/01/2019-31/12/2019	9/9
3	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT kiêm TGD	01/01/2019-31/12/2019	9/9
4	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	01/01/2019-31/12/2019	9/9
5	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	01/01/2019-11/04/2019	3/9
6	Mai Anh Chính	Thành viên HĐQT	11/04/2019-14/11/2019	5/9

CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA TRONG NĂM 2019

STT	Số hiệu	Ngày	Nội dung
I	NGHỊ QUYẾT		
1	01-2019/NQ-HĐQT	19/03/2019	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 1 năm 2019
2	02-2019/NQ-HĐQT	26/04/2019	Sửa đổi Điều lệ SHS
II	QUYẾT ĐỊNH		
1	01-2019/QĐ-HĐQT	18/02/2019	Vay vốn theo hạn mức tại ABBank
2	02-2019/QĐ-HĐQT	18/02/2019	Khen thưởng Tập thể Xuất sắc
3	03-2019/QĐ-HĐQT	18/02/2019	Khen thưởng Cá nhân xuất sắc
4	04-2019/QĐ-HĐQT	11/04/2019	Thay đổi Thành viên HĐQT SHS
5	05-2019/QĐ-HĐQT	23/02/2019	Thành lập BTC ĐHCĐ 2019 SHS
6	06-2019/QĐ-HĐQT	23/02/2019	Thành lập BKT TCCĐ ĐHCĐ 2019 SHS
7	07-2019/QĐ-HĐQT	01/03/2019	Quyết toán chi phí ĐHCĐ thường niên 2019
8	08-2019/QĐ-HĐQT	05/03/2019	Gia hạn GCN chào bán chứng khoán SHS
9	09-2019/QĐ-HĐQT	25/03/2019	Giao dịch giữa SHS&SHB
10	10-2019/QĐ-HĐQT	14/03/2019	Xử lý cổ phần còn dư
11	11-2019/QĐ-HĐQT	14/03/2019	Xử lý cổ phần ESOP còn dư
12	12-2019/QĐ-HĐQT	01/04/2019	Xử lý Hồ sơ cổ đông
13	13-2019/QĐ-HĐQT	05/04/2019	Tiếp tục bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM
14	14-2019/QĐ-HĐQT	11/04/2019	Thay đổi Thành viên HĐQT
15	15-2019/QĐ-HĐQT	26/04/2019	Chi thù lao HĐQT, BKS
16	16-2019/QĐ-HĐQT	20/03/2019	Hợp tác với SHB Finance
17	17-2019/QĐ-HĐQT	22/04/2019	Mua tài sản và công cụ lao động cho Hội sở
18	18-2019/QĐ-HĐQT	23/04/2019	Chi bổ sung thu nhập nhân ngày 01/5
19	19-2019/QĐ-HĐQT	24/05/2019	Vay vốn theo hạn mức tại VPB
20	20-2019/QĐ-HĐQT	03/06/2019	Chi trả cổ tức năm tài chính 2018
21	21-2019/QĐ-HĐQT	03/06/2019	Hợp tác với SHB phát triển sản phẩm trái phiếu bán lẻ
22	22-2019/QĐ-HĐQT	14/08/2019	Cử cán bộ đi nước ngoài
23	23-2019/QĐ-HĐQT	01/10 /2019	Hợp tác với Indovinabank
24	24-2019/QĐ-HĐQT	26/07/2019	Giao dịch giữa SHS - SHB
25	25-2019/QĐ-HĐQT	16/08/2019	Chế độ bảo hiểm cho cán bộ, nhân viên
26	26-2019/QĐ-HĐQT	30/09/2019	Điều chỉnh loại chứng khoán cho người sở hữu chứng khoán

27	27-2019/QĐ-HDQT	01/10 /2019	Hợp tác với Indovinabank
28	28-2019/QĐ-HDQT	04/11/2019	Hợp tác với VPBank
29	29-2019/QĐ-HDQT	10/11/2019	Chi bổ sung thu nhập nhân ngày sinh nhật Công ty (15/11)
30	30-2019/QĐ-HDQT	08/11/2019	Vay vốn theo hạn mức tại VPBank
31	31-2019/QĐ-HDQT	12/11/2019	Vay vốn theo hạn mức tại SHB Hà Nội
32	32-2019/QĐ-HDQT	14/11/2019	Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Mai Anh Chính
33	33-2019/QĐ-HDQT	14/11/2019	Bảo lãnh phát hành trái phiếu Hải Phòng năm 2019
34	34-2019/QĐ-HDQT	26/11/2019	Vay vốn theo hạn mức tại SHB Hàng Trống
35	35-2019/QĐ-HDQT	26/11/2019	Thôi chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM đối với ông Nguyễn Hồng Điệp
36	36-2019/QĐ-HDQT	26/11/2019	Giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM cho PTGD Nguyễn Chí Thành

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong cơ cấu HĐQT năm 2019, SHS có 1/5 số thành viên HĐQT là độc lập và 4/5 số thành viên HĐQT là không điều hành. Do đó, các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan và kịp thời, bám sát các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và của Công ty.

Công ty không có sự phân biệt nào giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT thông thường. Các thành viên HĐQT độc lập đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, đã đóng góp tích cực vào việc ra các quyết định chung của HĐQT.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BTGD, Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị Công ty và Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty đều đã từng tham gia các khóa đào tạo, các buổi hội thảo về quản trị Công ty, công bố thông tin, lập Báo cáo thường niên, lập Báo cáo phát triển bền vững do IFC, UBCKNN, các Sở Giao dịch Chứng khoán... tổ chức.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

Với vai trò quản trị và định hướng chiến lược, HĐQT vẫn ưu tiên đồng thời hai việc là xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông.

Năm 2020 là năm có rất nhiều biến động do kinh tế trong và ngoài nước đều chịu ảnh hưởng sâu sắc vì tình hình dịch bệnh dẫn đến việc thay đổi mạnh mẽ cơ cấu nguồn vốn của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Sự ra đời của Luật Chứng khoán 2019 với nhiều quy định mới cũng là một trong những yếu tố quan trọng, đáng lưu ý trong năm 2019.

Chính vì vậy, HĐQT định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2020 như sau:

- HĐQT tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong việc định hướng toàn bộ chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.
- HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT và các Tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các biến động của thị trường và hoạt động của Công ty.
- Các Tiểu ban thuộc HĐQT chủ động tăng cường các hoạt động; cập nhật, tham mưu và báo cáo cho HĐQT thực trạng các hoạt động của Công ty để đề xuất giải pháp và hướng xử lý kịp thời.
- HĐQT giám sát, thúc đẩy quá trình đổi mới và cải tổ toàn diện các hoạt động của SHS nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đưa Công ty lên một tầm cao mới cả về quy mô và chiều sâu của các mảng kinh doanh cốt lõi.
- HĐQT hỗ trợ, tư vấn và tham mưu cho BTGD trong việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng, doanh nghiệp để tăng vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.
- HĐQT hỗ trợ và tư vấn cho BTGD, Văn phòng HĐQT và các phòng ban liên quan sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ các văn bản/quy định có liên quan của SHS (nếu có) để làm hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh của SHS được triển khai tuân thủ các quy định của pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát SHS bao gồm 3 thành viên được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ngày bắt đầu nhiệm kỳ
Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	2017-2022	26/04/2017
Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	2017-2022	26/04/2017
Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	2017-2022	26/04/2017

Thông tin về các thành viên BKS vui lòng xem tại phần Nhân sự chủ chốt - Quản trị Công ty.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành 4 cuộc họp để kiểm tra định kỳ và triển khai công việc như sau:

TT	Phiên họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự	Tỷ lệ
1.	Phiên họp thường kỳ quý I/2019	Phân công công việc cho các thành viên BKS. Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh quý IV/2018 và tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2019. Lập báo cáo của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên 2019.	3/3	100%
2.	Phiên họp thường kỳ quý II/2019	Đánh giá hoạt động của BKS quý I/2019 và triển khai hoạt động quý II/2019. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ và năm 2019 trên cơ sở đó đề xuất HĐQT phê duyệt.	3/3	100%
3.	Phiên họp thường kỳ quý III/2019	Đánh giá hoạt động của BKS trong 6 tháng đầu năm 2019 và triển khai kế hoạch hoạt động quý III/2019. Thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019. Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty, tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp của HĐQT.	3/3	100%
4.	Phiên họp thường kỳ quý IV/2019	Đánh giá hoạt động của BKS trong 9 tháng đầu năm 2019 và triển khai kế hoạch hoạt động quý IV/2019. Thực hiện kiểm tra tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty trong quý III/2019 và 9 tháng đầu năm thông qua việc kiểm tra trực tiếp hoặc thông qua các báo cáo của kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT trong năm 2019, đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch của Công ty.	3/3	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019, BKS đã triển khai các hoạt động sau:

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện giám sát tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BTGD, KTT đảm bảo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình hoạt động.

BKS cũng giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019 của ĐHĐCĐ thường niên. Các vấn đề nêu ra trong Nghị quyết đã được HĐQT, BTGD thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

BKS đã tham gia kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và đưa ra các ý kiến đóng góp trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

BKS cũng đã giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với nghĩa vụ công ty niêm yết, công ty chứng khoán, nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan. Trong năm 2019, tại Công ty không có vi phạm nào nghiêm trọng liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

BKS đã tham gia một số cuộc họp định kỳ của HĐQT, kiểm tra kết quả các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT về các vấn đề quan trọng của Công ty cũng như các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định đã ban hành của HĐQT.

Giám sát hoạt động Công ty

BKS đã thực hiện giám sát hoạt động Công ty thông qua việc kiểm tra định kỳ, trực tiếp tại Hội sở Công ty và các Chi nhánh hoặc kiểm tra gián tiếp thông qua các báo cáo của BTGD, Bộ phận kiểm soát nội bộ và Bộ phận kiểm toán nội bộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức quản trị điều hành của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các phòng ban của Công ty cũng như hiệu quả của hoạt động kiểm tra, kiểm soát.
- Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC được kiểm toán

BKS đã tổ chức thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 đồng thời với việc xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. BKS thống nhất số liệu của AASC, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2019 đã phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2019, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và BTGD.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở kết quả hoạt động của BKS trong năm 2019, BKS đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và của BKS như sau:

Việc thực hiện quy định của pháp luật và chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ chế độ kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Việc điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

HĐQT đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty trong công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của BTGD. HĐQT đã tiến hành các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, quyết định phù hợp, kịp thời, ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

BTGD đã đoàn kết, chủ động, sáng tạo, quyết đoán và linh hoạt trong công tác điều hành, đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã thông qua.

Các cán bộ quản lý đã tận tâm, chuyên nghiệp, nỗ lực nhiều trong công tác quản lý cũng như hoàn thành tốt công việc được giao.

BKS không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường, không tuân thủ pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý.

Về kết quả hoạt động của Công ty

Trong năm 2019, HĐQT, BTGD cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã nỗ lực thực hiện tương đối tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty đã quản trị tốt rủi ro, không phát sinh thêm nợ xấu, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán và công bố thông tin.

Về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác tốt với HĐQT, BTGD trên cơ sở nguyên tắc bảo vệ lợi ích cổ đông, tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.

Trong năm 2019, BKS đã duy trì tốt các quan hệ với cổ đông và không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông liên quan đến hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý của HĐQT, BTGD, cán bộ quản lý của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong phạm vi quyền hạn của mình, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Để thực hiện đúng chức năng và hoàn thành nhiệm vụ của mình theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS đề ra kế hoạch làm việc trong năm 2020 như sau:

KẾ HOẠCH CHUNG

Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản trị của HĐQT, BTGD, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính tuân thủ, tính trung thực và cẩn trọng trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản ... của Công ty.

Xem xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, tình hình kinh doanh, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, tiền thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và tập thể người lao động trong Công ty.

Xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát của Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ và ý kiến phản hồi của HĐQT và TGD Công ty.

Phối hợp với BTGD tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực hoạt động để cùng giải quyết, tháo gỡ.

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, BTGD và các phòng ban trong Công ty.

KẾ HOẠCH CỤ THỂ

- Lập Báo cáo của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính hàng quý và năm.
- Kiểm toán hoạt động toàn bộ Công ty.

KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

STT	Họ tên	Chức vụ	Công việc phân công
1	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban Kiểm soát	Phụ trách chung Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Đầu tư, Nguồn vốn, Tài chính kế toán, Kiểm toán nội bộ, Pháp chế và Quản trị rủi ro, các chi nhánh, phòng giao dịch
2	Vũ Đức Trung	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành, Công nghệ thông tin, PR&Marketing, Tổ chức hành chính, Ban xử lý nợ
3	Lương Thị Lựu	Thành viên BKS	Phụ trách công tác kiểm tra kiểm soát các phòng: Trung tâm Môi giới, Dịch vụ Tài chính.



KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI SHS

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Ngay từ khi thành lập, SHS đã chú trọng thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty. Hệ thống Kiểm soát nội bộ là tuyến phòng thủ thứ nhất của Công ty và thường xuyên được rà soát nhằm bảo đảm các mục tiêu sau:

- Hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, an toàn, hiệu quả;
- Bảo đảm quyền lợi của khách hàng;
- Bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực của Công ty;
- Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý đầy đủ, kịp thời, trung thực và hợp lý trong việc lập BCTC của Công ty.

Hệ thống kiểm soát nội bộ của SHS được thiết lập chặt chẽ góp phần đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

BỘ PHẬN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Công ty cũng thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ độc lập, chuyên trách thuộc Phòng PC&QTRR và trực thuộc BTGD của Công ty. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho TGD. Đây là tuyến phòng thủ thứ hai của Công ty có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ các nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty đối với các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của cán bộ, nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

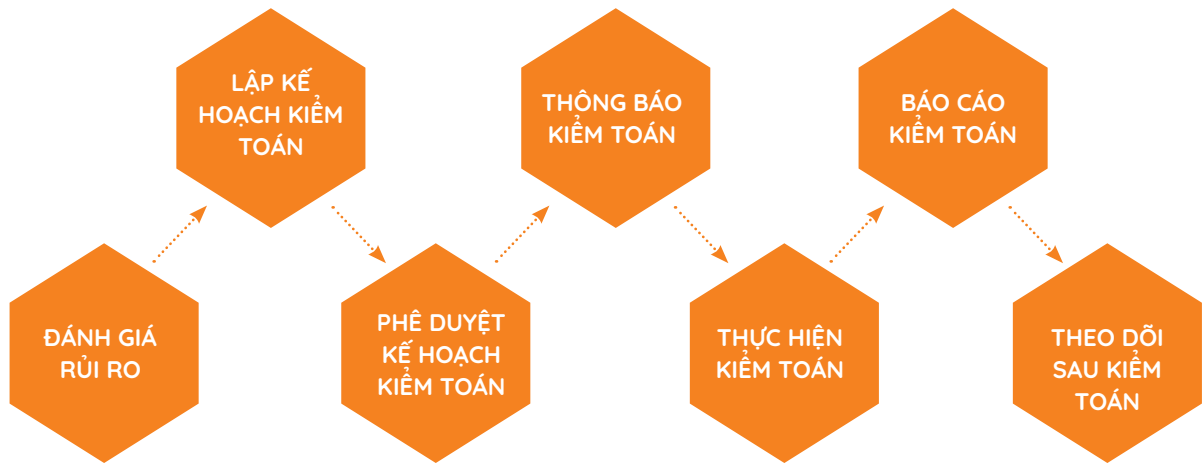
Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm soát hàng năm được TGD phê duyệt bao gồm các kế hoạch kiểm soát thường xuyên và kế hoạch kiểm soát định kỳ. Nội dung kiểm soát hàng năm theo chương trình kiểm soát đã được Bộ phận Kiểm soát nội bộ xây dựng và định hướng theo rủi ro.

BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Công ty cũng thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ từ năm 2014 theo quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và có trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho HĐQT. Đây là tuyến phòng thủ thứ ba của Công ty có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ của các chính sách pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc BTGD nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ trong Công ty.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động trên cơ sở Kế hoạch kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt hàng năm. Nội dung kiểm toán hàng năm theo chương trình kiểm toán đã được Bộ phận Kiểm toán nội bộ xây dựng và định hướng theo rủi ro. Mỗi khi thực hiện kiểm toán, Bộ phận thực hiện theo quy trình kiểm toán nội bộ đã được ban hành gồm các bước sau:



HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2019

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Trong năm 2019, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tập trung vào việc kiểm soát thường xuyên (hàng ngày, hàng tháng) đối với các hoạt động có rủi ro cao. Các hoạt động kiểm soát thường xuyên như:

- Việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và tuân thủ quy trình, quy định nội bộ của Công ty của cán bộ, nhân viên;
- Các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích chủ yếu trong các hoạt động như đầu tư, cho vay;
- Việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên như môi giới, giải chấp, phát vay, thu nợ, cài đặt hệ thống, nhận ủy quyền;
- Việc thực hiện các quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nhân viên hành nghề như nhân viên môi giới, nhân viên lưu ký, nhân viên đầu tư, nhân viên tư vấn;
- Việc tuân thủ các hạn mức huy động, cho vay, đầu tư, bảo lãnh phát hành...
- Việc sử dụng tài khoản tổng của Công ty
- Việc ký kết các hợp đồng như mở đóng tài khoản, cho vay...
- Việc hoàn thiện phiếu lệnh
- Việc lập và trình bày các báo cáo gửi ra bên ngoài...

Bên cạnh hoạt động kiểm soát thường xuyên, Bộ phận Kiểm soát nội bộ còn thực hiện các hoạt động kiểm soát định kỳ, trong đó chú trọng vào các kiểm soát:

- Sự bất cập của hệ thống quy trình, quy định nội bộ
- Hoạt động và hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, chi nhánh

- Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty

Thông qua hoạt động kiểm soát thường xuyên và định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã báo cáo kịp thời BTGD về các hạn chế, bất cập trong quy trình, quy định nội bộ, các vấn đề tài chính và hoạt động của Công ty đồng thời phối hợp với các phòng, ban, chi nhánh liên quan hoàn thiện, chỉnh sửa kịp thời các yếu điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ.

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2019, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch trên cơ sở Tờ trình được HĐQT phê duyệt, bao gồm:

- Kiểm toán hoạt động và kiểm toán BCTC hàng quý và hàng năm đối với tất cả các phòng ban tại Hội sở và Phòng giao dịch Thăng Long;
- Kiểm toán hoạt động năm đối với các chi nhánh và Văn phòng Đại diện Đồng Nai.

Ngoài ra, Bộ phận còn thực hiện các cuộc kiểm toán bất thường theo chuyên đề như kiểm toán hoạt động đầu tư, kiểm toán hiệu quả hoạt động dịch vụ tài chính... Kết quả của các cuộc kiểm toán định kỳ và theo chuyên đề là phát hành các báo cáo kiểm toán để báo cáo BTGD và HĐQT.

Quá trình kiểm toán nội bộ năm 2019 đã phát hiện một số vấn đề trọng yếu liên quan đến các hoạt động như đầu tư, tín dụng và việc tuân thủ chế độ kế toán tài chính của Công ty. Tuy nhiên, sau khi có ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ, BTGD và các phòng ban liên quan đã thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện theo ý kiến của Bộ phận kiểm toán nội bộ.

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020

Năm 2020, bên cạnh việc tuân thủ kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã được TGD phê duyệt và kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được HĐQT phê duyệt thì trọng tâm trong kế hoạch hoạt động của các bộ phận này là xem xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận nhằm

tim giải pháp hoàn thiện, nâng cao năng lực hoạt động, đóng góp tích cực hơn nữa vào hoạt động quản trị của Công ty, đặc biệt là nâng cao năng lực kiểm soát, kiểm toán về an ninh mạng và các hoạt động hướng tới phát triển bền vững của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Ngay khi các quy định về quản trị rủi ro trong công ty chứng khoán được ban hành, SHS đã nhanh chóng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty. Theo đó, SHS đã thành lập bộ phận Quản trị rủi ro độc lập với các phòng ban, chi nhánh làm đầu mối thực hiện quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được văn hóa quản trị rủi ro ở mọi cấp độ nhằm đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty, không chỉ ở bộ phận Quản trị rủi ro, đều có ý thức trong việc nhận diện, phòng ngừa các loại rủi ro trọng yếu trong Công ty. Mục đích của việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro là nhằm:

- Nhận diện đầy đủ, kịp thời các loại rủi ro trọng yếu.
- Đo lường đầy đủ tác động của rủi ro.
- Ra quyết định xử lý rủi ro kịp thời.
- Xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro đầy đủ, kịp thời.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Mô hình quản trị rủi ro tại SHS được xây dựng theo 3 cấp độ theo đó thực hiện đầy đủ các chức năng xây dựng chiến lược, thực thi chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro.



**Hội đồng quản trị
Tiểu ban quản trị rủi ro
Ban Kiểm soát
Kiểm toán nội bộ**

- Xây dựng, ban hành chiến lược, chính sách, quy chế quản trị rủi ro.
- Xây dựng hạn mức rủi ro.
- Giám sát và đánh giá độc lập về tính hiệu quả của công tác quản trị rủi ro.



**Tổng Giám đốc
Phòng PC&QTRR**

- Giám sát đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với chiến lược và chính sách.

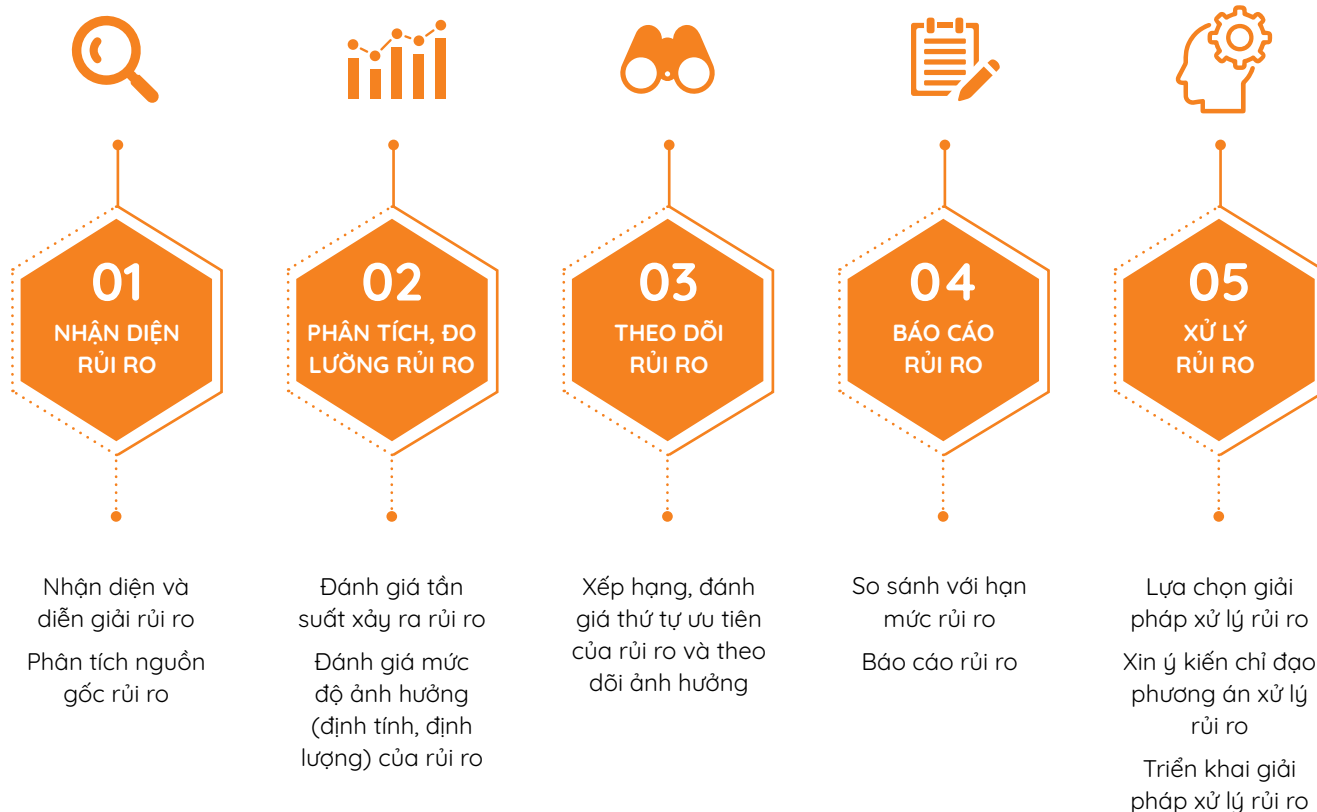


**Các phòng ban, chi
nhánh, phòng giao dịch,
văn phòng đại diện**

- Trực tiếp thực hiện quản trị rủi ro bằng việc sử dụng công cụ, quy trình, hạn mức rủi ro.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

SHS đã xây dựng quy trình quản trị rủi ro tham chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế với 5 bước thực hiện nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý hiệu quả rủi ro.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

SHS tập trung nhận diện và xử lý 6 loại rủi ro trọng yếu gồm: rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thương hiệu.

RỦI RO PHÁP LÝ

01

Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh do Công ty không tuân thủ, tuân thủ không đầy đủ, không đúng các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động; Công ty hoạt động và cung cấp sản phẩm, dịch vụ khi chưa có quy định của pháp luật; Công ty ký kết hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá thẩm quyền, thiếu sót các điều khoản quan trọng; Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến các Hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng, đối tác, người lao động...

Để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế để tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh trong Công ty; tham gia xây dựng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty; soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, Hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật cho toàn Công ty... Cán bộ, nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý cho Ban lãnh đạo và phụ trách các phòng ban trên cơ sở tăng cường trao đổi, đào tạo, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm pháp lý với bộ phận Pháp chế và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động pháp chế.

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống của hệ thống công nghệ thông tin; do quy trình nghiệp vụ và thủ tục không đầy đủ, không cập nhật, không phù hợp; do lỗi của con người thực hiện không đúng hoặc cố tình làm sai; do kiểm soát tài chính và báo cáo chậm trễ, có sai sót; do thiếu vốn kinh doanh và do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài khác.

Để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro hoạt động, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và thành lập bộ phận Kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, Công ty áp dụng các hoạt động để thực hiện giảm thiểu rủi ro này như: ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và giám sát việc tuân thủ bộ quy tắc này; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định nội bộ; tăng cường tự động hóa trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, hạn chế tối đa thao tác thủ công; nâng cấp các phần mềm bảo mật, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, liên tục với đối tác cung cấp phần mềm để đảm bảo tính ổn định, bảo mật của hệ thống phần mềm giao dịch; xây dựng hạn mức phê duyệt; phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường cơ chế kiểm tra chéo, giám sát lẫn nhau giữa các bộ phận, cá nhân; tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy chế, quy trình, quy định nội bộ; xây dựng cơ chế dự phòng để đối phó với các rủi ro phát sinh.

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh trong các hoạt động đầu tư, gửi tiền, cho vay... của Công ty mà nguyên nhân là do giảm giá trị các khoản đầu tư của Công ty, giảm lãi suất tiền gửi và giảm giá trị tài sản đảm bảo của Khách hàng đối với các khoản cho vay từ đó gây nên những ảnh hưởng bất lợi cho Công ty.

Để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro thị trường, Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau. Cụ thể như:

- Đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết, Phòng Đầu tư được yêu cầu thực hiện tốt công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán, áp dụng các công cụ đánh giá rủi ro... để thực hiện vào, ra kịp thời.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ tài chính khác, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm theo dõi sát sao biến động mặt bằng lãi suất trên thị trường để ra quyết định mua, bán nhanh chóng, kịp thời.
- Đối với hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng, Phòng Nguồn vốn có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng hằng ngày, cân đối nguồn vốn toàn Công ty một cách hợp lý, đa dạng hóa các ngân hàng và các kỳ hạn tiền gửi nhằm đảm bảo tối đa hóa lợi ích của SHS.
- Đối với hoạt động cho vay, Phòng Phân tích và Phòng Dịch vụ tài chính có trách nhiệm cập nhật mặt bằng lãi suất cho vay của các công ty chứng khoán; phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và giá chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của khách hàng; xây dựng và tuân quy định về bán giải chấp chứng khoán.

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thanh toán, thanh toán không đầy đủ, không kịp thời cho SHS các khoản tiền cho vay, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư công cụ nợ dưới dạng trái phiếu...

Để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng, Công ty thực hiện nhiều biện pháp khác nhau. Cụ thể như:

- Đối với hoạt động cho vay, Công ty thực hiện phân loại khách hàng; xây dựng hạn mức cho vay, áp dụng chính sách tín dụng phù hợp với độ tín nhiệm, khả năng thanh toán và tài sản ký quỹ của khách hàng; xây dựng danh mục chứng khoán cho vay và tỷ lệ cho vay, tỷ lệ duy trì, tỷ lệ giải chấp phù hợp với quy định pháp luật và quy định Công ty; bán giải chấp, gọi bổ sung tài sản đảm bảo và thu hồi nợ kịp thời.
- Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tờ trình được HĐQT phê duyệt; đánh giá cẩn thận mức độ tín nhiệm, khả năng thanh toán, tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành; xây dựng chính sách cụ thể để xử lý tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành trong trường hợp phải đối diện với rủi ro không có khả năng thanh toán.
- Đối với hoạt động gửi tiền, Công ty thực hiện tuân thủ hạn mức tiền gửi hàng năm được HĐQT phê duyệt; lựa chọn gửi tiền tại các tổ chức tín dụng được các tổ chức xếp hạng đánh giá có độ tín nhiệm cao; đa dạng kỳ hạn gửi và ngân hàng gửi.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi kịp thời các loại tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Rủi ro này phát sinh khi Công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra của Công ty.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Công ty thực hiện mở rộng hình thức và quy mô vốn huy động như sáp nhập, tăng vốn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp; mở rộng số lượng tổ chức tín dụng cho Công ty vay vốn kinh doanh; tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng để cho khách hàng vay tiền đầu tư chứng khoán nhằm giảm áp lực lên việc sử dụng vốn tự có để cho vay; cân đối hợp lý kỳ hạn các khoản đi vay và cho vay; phân bổ hợp lý nguồn vốn cho các hoạt động; tận dụng tiền gửi nhân rỗi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn cũng như góp phần ổn định thanh khoản.

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về hình ảnh, thương hiệu của Công ty do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng, đối tác về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty cũng như ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

Để hạn chế rủi ro thương hiệu, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động; không ngừng xây dựng mối quan hệ tốt với cổ đông, khách hàng, đối tác; truyền thông nội bộ và ra bên ngoài hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông mang tính chủ động, nhất quán, duy trì tần suất xuất hiện trên các phương tiện truyền thông; đẩy mạnh thông tin chính thống bằng tiếng Anh đều đặn nhằm tăng cường thông tin cho các nhà đầu tư và đối tác quốc tế; cử cán bộ chuyên trách phụ trách công tác truyền thông, công tác báo cáo & công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch; chủ động lập các kế hoạch dự phòng để quản trị rủi ro thương hiệu.

Bên cạnh 6 loại rủi ro trọng yếu nêu trên, một số rủi ro khác cũng được Công ty xem xét, đánh giá trong quá trình hoạt động như rủi ro của môi trường kinh doanh, rủi ro chiến lược, rủi ro cạnh tranh... Cụ thể:

- Đối với rủi ro của môi trường kinh doanh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các yếu tố của môi trường kinh doanh như chính trị, kinh tế, văn hóa... đều ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của SHS. Do đó, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi của môi trường kinh doanh và đánh giá các tác động của nó đến mọi mặt hoạt động của Công ty mỗi khi các yếu tố của môi trường kinh doanh thay đổi.
- Đối với rủi ro chiến lược: SHS đánh giá việc không có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả hoặc thực hiện không đúng chiến lược kinh doanh đã đề ra là rủi ro chiến lược của Công ty. Theo đó, hằng năm và định kỳ, Công ty tập trung nguồn lực xây dựng chiến lược phù hợp, hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.
- Đối với rủi ro cạnh tranh: SHS hoạt động trong lĩnh vực tài chính có môi trường kinh doanh thay đổi liên tục nên thường xuyên phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh. Đó là rủi ro không giữ vững vị trí và thị phần... Để kiểm soát hiệu quả rủi ro này, SHS tập trung nguồn lực tổng hợp thông tin, nhận định diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, thị trường chứng khoán và đối thủ cạnh tranh ảnh hưởng đến hoạt động Công ty; xây dựng chiến lược kinh doanh hằng năm một cách khả thi, hiệu quả; kiên trì thực hiện chiến lược đã đề ra; ứng biến linh hoạt theo diễn biến phát triển của thị trường và đối thủ cạnh tranh...

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Theo kế hoạch, trong năm 2019, Công ty sẽ tập trung vào việc chuẩn hóa công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo cho Công ty phát triển an toàn, hiệu quả. Bộ phận quản trị rủi ro phối hợp chặt chẽ với các phòng ban trong Công ty trong công tác quản trị rủi ro đồng thời tiếp tục chú trọng phát triển văn hóa quản trị rủi ro sâu rộng đến từng cán bộ, nhân viên trong Công ty để mỗi cá nhân, bộ phận đều góp phần vào việc quản trị các rủi ro trọng yếu của Công ty.

Đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản trị rủi ro năm 2019 cho thấy, công tác quản trị rủi ro ngày càng được chuẩn hóa. Văn hóa quản trị rủi ro đã được phát triển sâu rộng đến từng cán bộ, nhân viên, phòng ban trong Công ty. Mỗi cá nhân, bộ phận đều góp sức vào việc quản trị tốt các rủi ro của Công ty. Tuy vậy, việc xây dựng các công cụ đo lường, theo dõi rủi ro một cách tự động vẫn chưa thực hiện được tốt. Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện công việc này trong năm 2020.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

CỔ PHIẾU SHS

Mã cổ phiếu

SHS

Sàn niêm yết

HNX

Trong năm 2019, thông tin về cổ phiếu SHS như sau:

Giá thấp nhất:	6.500 đồng/cp
Giá cao nhất:	10.810 đồng/cp
Tổng khối lượng giao dịch năm 2019:	140.034.655 (cp)
Tổng giá trị giao dịch năm 2019:	1.300,33 tỷ đồng
EPS:	1.359 (đồng/cp)
P/B:	0,6
P/E:	6,3

Tại ngày 31/12/2019, thông tin về cổ phiếu SHS như sau:

Số lượng cổ phiếu phát hành:

207.268.201 (cp)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

207.268.201 (cp)

Số lượng cổ phiếu phổ thông:

207.268.201 (cp)

Số lượng cổ phiếu quỹ:

0 (cp)

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:

147.592.659 (cp)

Số lượng cổ phiếu niêm yết:

207.268.201 (cp)

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tăng từ **1.053,96** tỷ đồng lên

2.072,68 tỷ đồng

từ ngày 26/04/2019.

Giá thị trường tại ngày 31/12/2019:

7.700 đồng/cổ phiếu

Giá trị vốn hóa thị trường tại 31/12/2019:

1.595,97 tỷ đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

BV:

12.990 (đồng)

Thông tin khác:

Trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu tỷ lệ 4:1, phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 3:2 với giá 12.000 đồng/cp:

Ngày đăng ký cuối cùng 15/01/2019

Ngày cổ phiếu về tài khoản: 13/05/2019

Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung: 22/05/2019

Số lượng cổ phiếu trả cổ tức và phát hành thêm: 101.872.527 (cp)

Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung: 101.872.527 (cp)

Trong đó: Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm (đến 11/04/2020): 57.045.542 (cp)

Phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động:

Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.630.000 (cp)

Trong đó: Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm (đến 11/04/2020): 2.630.000 (cp)

Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%:

Ngày đăng ký cuối cùng 20/06/2019

Ngày tiền mặt về tài khoản: 15/07/2019

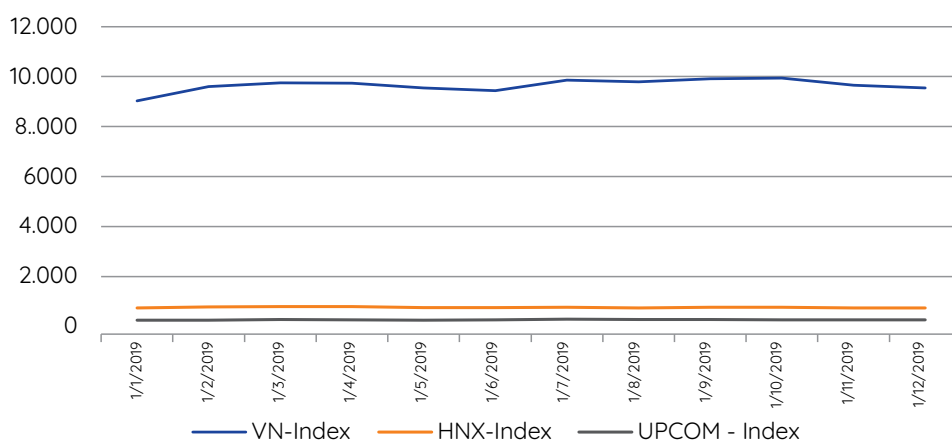
Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019:

Ngày đăng ký cuối cùng: 22/03/2019

Ngày tổ chức: 23/04/2019

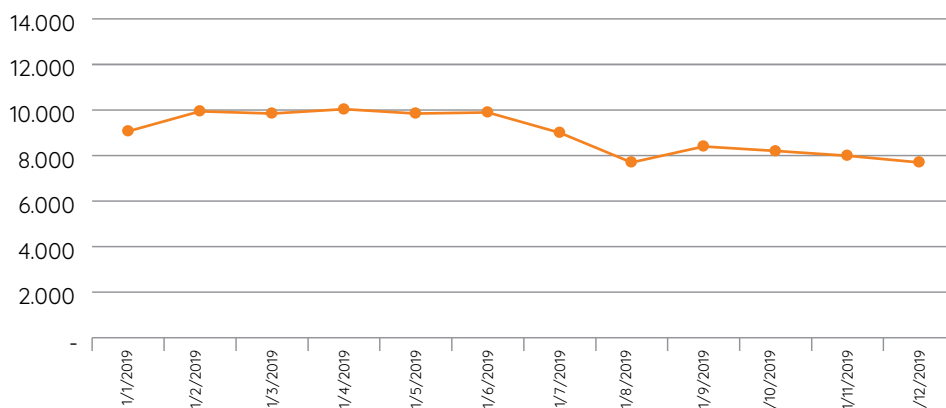
BIẾN ĐỘNG CỔ PHIẾU SHS NĂM 2019

Biến động các chỉ số trong năm 2019



Nguồn: SHS Research

Biến động giá cổ phiếu SHS năm 2019



Nguồn: Theo Finpro

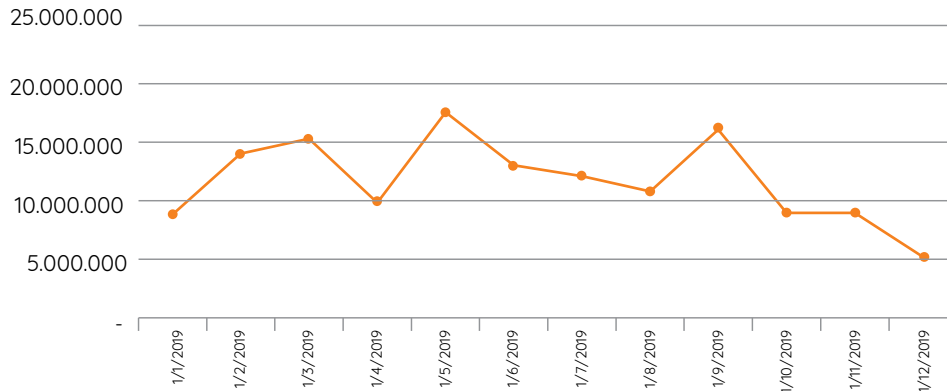
BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SHS

Tháng	VN-Index	HNX-Index	UPCOM - Index	SHS
Đầu năm	910,7	102,9	54,7	9.070
Cuối năm	961	102,5	56,6	7.700
Thấp nhất	910,7	102,3	54,7	7.700
Cao nhất	998,8	107,5	57,8	10.030
Biến động cuối năm so với đầu năm	5,5%	-0,4%	3,5%	-15,1%
Biến động cao nhất so với thấp nhất	9,7%	5,0%	5,8%	30,2%
Biến động thấp nhất so với đầu năm	0,0%	-0,5%	0,0%	-15,1%
Biến động cao nhất so với đầu năm	9,7%	4,5%	5,8%	10,6%

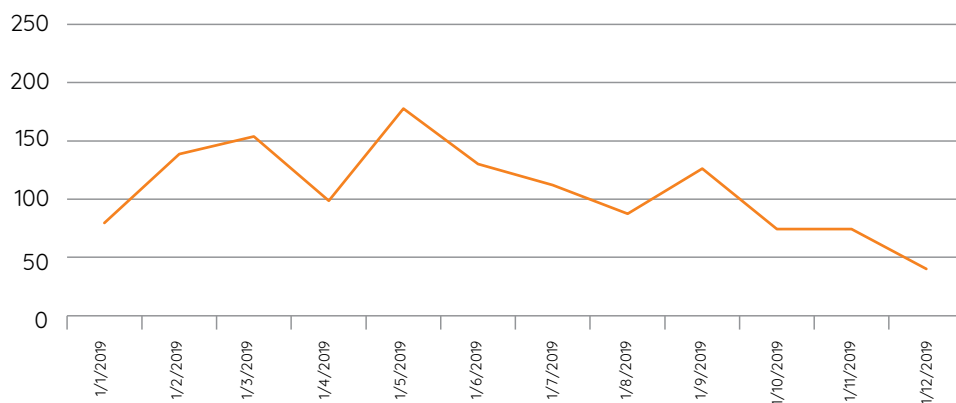
So sánh biến động giá của SHS với các chỉ số VN-Index, HNX-Index, UPCOM-Index cho thấy, thời điểm cuối năm, giá cổ phiếu giảm 15,1% so với đầu năm trong khi hầu hết các chỉ số khác đều tăng. Tại thời điểm giá thấp nhất và cao nhất trong năm, so với đầu năm, giá cổ phiếu SHS cũng biến động rất lớn ở mức 15,1% và 10,6%. Trong năm, giá cổ phiếu SHS giữa mức cao nhất và thấp nhất cũng biến động rất lớn (ở mức 30,3%) trong khi các chỉ số khác chỉ biến động tối đa ở mức gần 10%. Điều đó cho thấy mức độ hấp dẫn của cổ phiếu SHS trong năm 2019 đối với nhà đầu tư và cuối năm đang được định giá thấp hơn rất nhiều so với giá trị sổ sách. Do đó, SHS sẽ có dư địa để tăng trong năm 2020.

BIẾN ĐỘNG KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU SHS

Biến động khối lượng giao dịch cổ phiếu SHS năm 2019

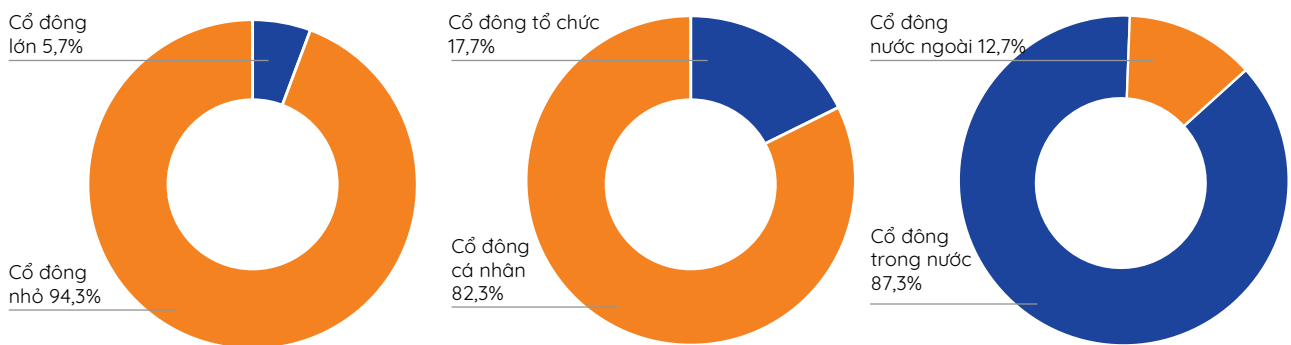


Biến động giá trị giao dịch cổ phiếu SHS năm 2019 (tỷ đồng)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Số liệu tại ngày 20/06/2019 - Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 của SHS)



STT	Danh mục	Năm 2019		
		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.1	Cổ đông lớn	1	11.743.416	5,7%
1.2	Cổ đông nhỏ	4.749	195.524.785	94,3%
2.1	Cổ đông tổ chức	58	36.574.529	17,7%
2.2	Cổ đông cá nhân	4.692	170.693.672	82,3%
3.1	Cổ đông trong nước	4.663	180.910.546	87,3%
3.2	Cổ đông nước ngoài	87	26.357.655	12,7%
4.1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
4.2	Cổ đông khác	4.750	207.268.201	100%
Tổng cộng		4.750	207.268.201	100%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Tên cổ đông	01/01/2019		Trong năm				31/12/2019	
		Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Ngày thực hiện	Lý do thực hiện	Số lượng (cp)	Tỷ lệ
1.	Công ty CP Tập đoàn T&T	6.127.000	5,8%	5.616.416	-	11/04/2019	Mua phát hành thêm	11.743.416	5,7%
2.	Pyn Elite Fund (Non Ucits)	7.656.100	7,3%	-	2.620.550	11/03/2019	Mua/ bán trên sàn	5.035.550	2,4%
3.	Nhóm cổ đông YURIE VIETNAM	5.288.700	5,1%	1.677.425	69.000	20/06/2019	Mua/ bán trên sàn	6.897.125	3,3%

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG LỚN

Trong năm 2019, SHS không ký Hợp đồng, giao dịch với cổ đông lớn trừ Hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Đây là Công ty vừa là cổ đông lớn và vừa là tổ chức có liên quan của SHS (*Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán*).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SHS CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Chức danh	Tại ngày 01/01/2019		Thay đổi trong năm		Tại ngày 31/12/2019	
			Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Số lượng (cp)	Tỷ lệ
A. NGƯỜI NỘI BỘ								
I. THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022								
1.	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	25.000	0,024%	568.416	-	593.416	0,2863%
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên	-	-	50.000	-	50.000	0,0241%
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên	79.400	0,075%	4.564.850	-	4.644.250	2,24%
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên	40	-	10	-	50	-
5.	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên (Đến ngày 11/04/2019)	-	-	-	-	-	-
6.	Mai Anh Chính	Thành viên (Từ ngày 11/04/2019)	-	-	-	-	-	-
II. THÀNH VIÊN BKS NHIỆM KỲ 2017-2022								
1.	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	21.740	0,021%	5.435	-	27.175	0,013%
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên	560.000	0,531%	140.000	-	700.000	0,338%
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên	60	-	-	-	60	-
III. THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG								
1.	Vũ Đức Tiến	TGD	79.400	0,075%	4.564.850	-	4.644.250	2,24%
2.	Trần Sỹ Tiến	PTGD kiêm KTT	-	-	-	-	-	-
3.	Trần Thị Thu Thanh	PTGD	-	-	146.600	-	146.600	0,07%



4.	Nguyễn Chí Thành	PTGD kiêm GD Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (Từ ngày 26/11/2019)	-	-	-	-	-	-	
5.	Nguyễn Hồng Điệp	GD Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (Đến ngày ngày 26/11/2019)	-	-	-	-	-	-	
6.	Trần Phước Hạ Nhi	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	9.400	0,009%	2.350	-	11.750	0,0057%	
IV. BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ									
1.	Trần Thị Bích Thảo	Thành viên	-	-	-	-	-	-	
V. THƯ KÝ CÔNG TY/NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY									
1.	Doãn Thị Như Quỳnh	Phó Chánh văn phòng HĐQT	-	-	-	-	-	-	
VI. NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN									
1.	Nguyễn Thủy Hạnh Mai	Trưởng phòng PC&QTRR	25.676	0,024%	6.419	-	32.095	0,015%	

CỦA TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ và tên	Người có liên quan của	Tại ngày 01/01/2019		Thay đổi trong năm		Tại ngày 31/12/2019		
			Số lượng (cp)	Tỷ lệ	Tăng	Giảm	Số lượng (cp)	Tỷ lệ	
I.	NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2017-2022								



1.	Đỗ Thị Thu Hà	Đỗ Quang Hiển Chủ tịch HĐQT	26.400	0,025%	6.600	-	33.000	0,025%
2.	Công ty CP Tập đoàn T&T	Đỗ Quang Hiển Chủ tịch HĐQT Mai Xuân Sơn Thành viên HĐQT	6.127.000	5,813%	5.616.416	-	11.743.416	5,67
3.	Lê Trọng Khuê	Lê Đăng Khoa Thành viên HĐQT	-	-	33.000	-	33.000	0,016%
4.	Uông Văn Hạnh	Vũ Đức Tiến Thành viên HĐQT	31.980	0,030%	29.315	-	61.295	0,030%
III.	NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
1.	Uông Văn Hạnh	Người có liên quan Ông Vũ Đức Tiến Tổng Giám đốc	31.980	0,030%	29.315	-	61.295	0,030%

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ TỔ CHỨC/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bộ phận quan hệ cổ đông

Bộ phận quan hệ cổ đông trực thuộc HĐQT luôn là cầu nối giữa Công ty và các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng. Thông tin về Người phụ trách bộ phận quan hệ cổ đông như sau:

Bà Doãn Thị Như Quỳnh

- Học vấn: Cử nhân Đại học Ngoại giao
 - Kinh nghiệm làm việc: 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.
 - Chức vụ tại SHS: Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT/Thư ký Công ty/ Người phụ trách quan hệ cổ đông
 - Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (312)
 - Email: quynh.dtn@shs.com.vn
-

Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2019

Trong năm 2019, bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty đã làm tốt vai trò của mình trong việc thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông như quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên, quyền nhận cổ tức, quyền được cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền được đính chính sổ cổ đông, quyền được cấp lại sổ cổ đông khi bị mất, quyền được khiếu nại...

Bộ phận quan hệ cổ đông đã truyền đạt những mong muốn, nguyện vọng của cổ đông tới các thành viên HĐQT, BKS cũng như sắp xếp các lịch hẹn giữa cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng với BTGD của Công ty.

Bộ phận quan hệ cổ đông cũng đại diện cho Công ty thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông như mọi cổ đông đều được mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên của Công ty, có quyền biểu quyết không phân biệt là cổ đông trong nước hay nước ngoài, cá nhân hay tổ chức, sở hữu nhiều hay ít cổ phiếu, giới tính nam hay nữ... Cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người khác một cách dễ dàng. Quy trình, thủ tục tổ chức đại hội cũng như quy chế bầu cử, biểu quyết tại đại hội được công khai và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại ĐHĐCĐ, các câu hỏi được các nhà đầu tư nêu lên đều được Công ty trả lời đầy đủ, rõ ràng, minh bạch. Phiên dịch và đại diện công ty kiểm toán độc lập đều được mời đến để hỗ trợ cho việc trả lời và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư.

Kế hoạch quan hệ cổ đông năm 2020

Về cơ bản, Công ty đã đáp ứng tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật về hoạt động quan hệ cổ đông. Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và nhu cầu giao dịch trực tuyến ngày càng lớn, Công ty đặt kế hoạch cho năm 2020 triển khai mạnh mẽ việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho cổ đông trong việc thực hiện các quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là các cổ đông ở xa hoặc bận không thể tham dự trực tiếp.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Bộ phận báo cáo và công bố thông tin

Bộ phận Báo cáo và công bố thông tin trực thuộc Phòng PC&QTRR. Bộ phận có trách nhiệm thường xuyên rà soát các quy định pháp luật hiện hành để cập nhật danh mục báo cáo và thông tin cần công bố của Công ty. Trên cơ sở đó, bộ phận có trách nhiệm hướng dẫn, đơn đốc các phòng ban nộp báo cáo đúng hạn đồng thời đề xuất thông tin cần công bố lên BTGD. Bộ phận này cũng là đầu mối gửi báo cáo và công bố thông tin cho các Cơ quan quản lý Nhà nước và đăng tải lên website của Công ty.

Thông tin về Người phụ trách báo cáo và công bố thông tin như sau:

Bà Nguyễn Thủy Hạnh Mai

- Học vấn: Thạc sỹ kế toán
- Kinh nghiệm làm việc: 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, chứng khoán.
- Chức vụ tại SHS: Trưởng phòng PC&QTRR/Người được ủy quyền công bố thông tin
- Điện thoại liên hệ: 024.38.181.888 (318)
- Email: mai.nth@shs.com.vn

Công bố thông tin năm 2019

Bên cạnh việc đảm bảo gửi báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho các cơ quan quản lý Nhà nước và lên website của Công ty, năm 2019, SHS đã chú trọng hơn việc công bố thông tin bằng tiếng Anh cho nhà đầu tư thông qua báo cáo thường niên và thông tin công bố. Website Công ty vẫn là phương tiện công bố thông tin chính thống, hiệu quả trong đó SHS dành hẳn chuyên mục Quan hệ cổ đông để cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, báo cáo cho cổ đông. Bộ phận báo cáo và công bố thông tin của Công ty cũng là đầu mối trả lời thắc mắc của cổ đông và cơ quan quản lý Nhà nước về báo cáo và thông tin đã công bố của Công ty. Trong năm 2019, không có Cơ quan quản lý Nhà nước nào ban hành văn bản nhắc nhở hay xử phạt vi phạm hành chính SHS về nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin.

Dưới đây là danh mục báo cáo và thông tin công bố năm 2019 của Công ty:

Tháng	Ngày	Nội dung công bố
Tháng 1	2/01/2019	Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu đợt IV/2018
	18/01/2019	Báo cáo tài chính quý IV/2018
	23/01/2019	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty năm 2018
	23/01/2019	Báo cáo danh sách cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước năm 2018
	31/01/2019	Báo cáo quản trị Công ty năm 2018
Tháng 2		Không có
Tháng 3	07/03/2019	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2019
	11/03/2019	Quyết định sửa đổi Quyết định thành lập Chi nhánh Đà Nẵng do thay đổi địa điểm
	14/03/2019	Quyết định gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho SHS
	19/03/2019	Nghị quyết HĐQT phát hành trái phiếu doanh nghiệp đợt 1/2019
	29/03/2019	Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được kiểm toán năm 2018

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Là công ty chứng khoán uy tín và là doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên thị trường, SHS luôn nỗ lực cố gắng tuân thủ các quy định về quản trị công ty hướng tới việc hoàn thiện chính mình, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và người lao động; niềm tin của khách hàng, cộng đồng và cơ quan quản lý Nhà nước.

Năm 2019, Công ty tiếp tục tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị Công ty quy định tại:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật Chứng khoán 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán 2010
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 71/2017/NĐ-CP,
- Thông tư số 210/2012/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 210/2012/TT-BTC,
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin...

Đồng thời, SHS cũng tiếp tục tự đánh giá hoạt động quản trị nội bộ của Công ty theo Bộ nguyên tắc quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam mới được ban hành tháng 8/2019 (*Chi tiết kết quả đánh giá vui lòng xem tại mục “Đánh giá quản trị và tài chính Công ty”*).

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên, Công ty nhận thấy hoạt động quản trị của Công ty đã tốt nhưng chưa hoàn toàn đạt chuẩn theo thông lệ quốc tế do đó cần phải thường xuyên rà soát và tiếp tục hoàn thiện góp phần tạo ra lợi nhuận bền vững cho Công ty, củng cố niềm tin của các bên liên quan.

Kế hoạch năm 2020 của Công ty là tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ Công ty nhằm tuân thủ các quy định có liên quan, nâng cao quản trị nội bộ của Công ty. Phấn

đấu thực hiện đúng quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về việc:

- Ban hành quyết định bổ nhiệm chính thức các chức danh theo quy định về quản trị Công ty mặc dù Công ty đã bố trí nhân sự đảm nhiệm các chức vụ này từ các năm trước.
- Phối hợp với Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức khóa đào tạo tập trung về quản trị Công ty để cấp chứng chỉ cho toàn bộ thành viên HĐQT, BKS, BTGD, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị, Người công bố thông tin của Công ty, Người phụ trách phát triển bền vững của Công ty.
- Xem xét điều chỉnh để nâng tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập lên mức tối thiểu là 1/3 và thành viên HĐQT phụ trách Tiểu ban nhân sự, lương thưởng là độc lập.
- Yêu cầu mỗi thành viên HĐQT không đồng thời là thành viên HĐQT của quá 5 công ty khác từ 01/08/2020.
- Tăng cường giám sát đảm bảo trách nhiệm báo cáo về lợi ích và giao dịch của các bên liên quan và với các bên liên quan (của thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý của Công ty) cũng như việc phê chuẩn các giao dịch cần phải được thông qua bởi ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Ngoài ra, Công ty tập trung nghiên cứu Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 để có những sự chuẩn bị mang tính chủ động và cần thiết trong hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO

NGUYÊN TẮC CHI TRẢ

Đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Điều lệ Công ty quy định về nguyên tắc việc trích quỹ thù lao và việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS. Ngoài ra, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty phê chuẩn Tờ trình số 03-2019/TTr-HĐQT của HĐQT về quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019 theo đó quỹ thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2019 của Công ty là 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng không thấp hơn Quỹ thù lao năm 2018 (là 4,6 tỷ đồng). Mức phân bổ chi tiết cho từng thành viên HĐQT, BKS sẽ do HĐQT quyết định phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc

Việc chi trả tiền lương cho các thành viên BTGD tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế tiền lương và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, HĐQT sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho các thành viên BTGD căn cứ theo kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đối với các cán bộ quản lý (bao gồm Thư ký Công ty)

Các cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm được chi trả lương theo Quy chế tiền lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Ngoài ra, BTGD sẽ quyết định các khoản tiền thưởng cho cán bộ quản lý căn cứ vào kết quả kinh doanh và việc đánh giá hiệu quả làm việc trong năm.

LƯƠNG, THƯỞNG VÀ THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM

THU, CHI QUỸ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT (Đối với 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1.	Số dư quỹ thù lao tại 01/01/2019	709.721.508
2.	Trích lập quỹ năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019	3.695.674.436
3.	Chi quỹ thù lao năm 2019 (*)	4.405.395.944
4.	Số dư quỹ thù lao đến 31/12/2019	-

(*) Trong đó:

- Chi thù lao: **3.690.107.620** đồng
- Chi thưởng: **715.288.324** đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
I. THÀNH VIÊN HĐQT				
1.	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	v	v
2.	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	v	v
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	v	v
4.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	v	v
5.	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT (01/01/2019-10/04/2019)	v	v
6.	Mai Anh Chính	Thành viên HĐQT (11/04/2019-14/11/2019)	v	v
II. THÀNH VIÊN BKS				
1.	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	v	v
2.	Vũ Đức Trung	Thành viên	v	v
3.	Lương Thị Lựu	Thành viên	v	v

LƯƠNG, THƯỞNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Chi lương: **3.805.277.365** đồng
- Chi thưởng theo kết quả kinh doanh: **3.522.218.350** đồng

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Chức danh	Chức danh	Thù lao	Thưởng
1.	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	v	v
2.	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	v	v
3.	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	v	v
4.	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Tp.HCM (26/11/2019-31/12/2019)	v	v
5.	Nguyễn Hồng Điệp	Giám đốc CN Tp.HCM (01/01/2019 - 26/11/2019)	v	v
6.	Trần Phước Hạ Nhi	Giám đốc CN Đà Nẵng	v	v

LƯƠNG, THƯỞNG CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ

Số lượng cán bộ quản lý: 32 người

Chi tiết lương, thưởng của cán bộ quản lý:

- Chi lương: **16.352.877.992** đồng
- Chi thưởng theo kết quả kinh doanh: **15.421.914.280** đồng

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

Bên cạnh hưởng thù lao, lương, thưởng, các thành viên HĐQT, BKS, BTGD và các cán bộ quản lý của Công ty còn được hưởng các khoản lợi ích khác trong năm 2019 như sau:

- Chế độ ăn ca
- Chế độ nghỉ phép
- Chế độ bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN)
- Chế độ bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe hàng năm)
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ
- Chế độ xăng xe, điện thoại, công tác phí
- Lợi ích khác (ESOP theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018)

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THEO THÔNG LỆ QUẢN TRỊ TỐT NHẤT CỦA VIỆT NAM

STT	Nội dung câu hỏi	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	Đánh giá
A.	TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1.	THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT			
1.1.	HDQT cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình			
1.1.1.	HDQT cần phải thông qua một quy chế hoạt động riêng, xác định rõ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của HĐQT; quy chế hoạt động của HĐQT cần phải được công bố trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	Quy chế hoạt động HĐQT nằm trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - đã đăng tải website
1.1.2.	HDQT cần phải xem xét và định hướng chiến lược Công ty, các kế hoạch hoạt động lớn, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hằng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động; theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của Công ty; và giám sát các hoạt động đầu tư, thu tóm và thoái vốn lớn.	Tốt	Tốt	
1.1.3.	HDQT cần phải theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, chính sách và hoạt động môi trường và xã hội, và việc tuân thủ luật pháp hiện hành của Công ty.	Tốt	Tốt	
1.1.4.	HDQT cần phải thực hiện và thúc đẩy các chuẩn mực cao về đạo đức kinh doanh và giám sát việc thực hiện Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh để mang lại văn hóa liêm chính của Công ty.	Tốt	Tốt	
1.1.5.	HDQT cần phải đánh giá được những rủi ro lớn mà Công ty phải đối diện và các bước mà Ban Điều hành phải thực hiện để theo dõi và kiểm soát những rủi ro đó.	Tốt	Tốt	
1.1.6.	HDQT cần phải giám sát để bảo đảm tính liêm chính của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, bao gồm kiểm toán độc lập và đảm bảo có các hệ thống kiểm soát phù hợp, cụ thể là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.	Tốt	Tốt	
1.1.7.	HDQT cần phải tuyển lựa, đưa ra mức đãi ngộ, giám sát và thay thế các cán bộ quản lý then chốt nếu thấy cần thiết, và đồng thời giám sát kế hoạch kế nhiệm của các vị trí này.	Tốt	Tốt	
1.1.8.	HDQT cần phải gắn mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và thành viên HĐQT một cách phù hợp với khẩu vị rủi ro và lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.	Tốt	Tốt	

1.1.9.	HDQT cần phải theo dõi và quản lý các xung đột lợi ích tiềm tàng của các thành viên trong Ban Điều hành, HDQT, BKS (nếu có) và các cổ đông, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Tốt	Tốt
1.1.10.	HDQT cần phải giám sát quá trình công bố thông tin và truyền thông của Công ty.	Tốt	Tốt
1.2.	Thành viên HDQT cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, miễn cưỡng, cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty		
1.2.1.	Thành viên HDQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh thực tế và tiềm tàng.	Tốt	Tốt
1.2.2.	Những thành viên HDQT đang làm việc trong cơ cấu của một tập đoàn; mặc dù một Công ty có thể chịu sự kiểm soát của một chủ thể khác, trách nhiệm trung thành của thành viên HDQT chỉ liên quan tới Công ty và toàn bộ cổ đông của Công ty đó mà không liên quan tới chủ thể kiểm soát tập đoàn đó.	Tốt	Tốt
1.2.3.	Thành viên HDQT cần phải áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng đối với một thành viên HDQT tốt trong những tình huống và hoàn cảnh tương tự.	Tốt	Tốt
1.2.4.	Thành viên HDQT cần phải hiểu biết đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của mình trong HDQT theo quy định của luật pháp và chính sách Công ty; và góp phần vào việc HDQT thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.	Tốt	Tốt
1.2.5.	Thành viên HDQT cần phải tự trang bị cho mình các kiến thức phù hợp về quản trị Công ty và các yêu cầu về đạo đức, bảo đảm Công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về quản trị tốt và đạo đức ứng xử.	Tốt	Tốt
1.2.6.	Thành viên HDQT cần phải chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận và có nỗ lực phù hợp để có được thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Thành viên HDQT nên xem trước tất cả các tài liệu được cung cấp trước cuộc họp HDQT để sẵn sàng đóng góp cho cuộc họp HDQT.	Tốt	Tốt
1.2.7.	Mỗi thành viên HDQT cần phải có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HDQT của Công ty trong năm.	Tốt	Tốt
1.2.8.	Trong quá trình làm việc trong HDQT hoặc sau đó, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HDQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà thành viên đó biết được trong quá trình làm việc. Thành viên HDQT không được phép sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân.	Tốt	Tốt
1.2.9.	Nếu thành viên HDQT từ nhiệm hoặc không thể hoàn thành nhiệm vụ, HDQT cần phải thực hiện ngay các bước cần thiết để bảo đảm có sự thay thế trong HDQT theo các hướng dẫn về thông lệ tốt nhất, và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	Tốt	Tốt
1.3.	Cùng với Ban Điều hành, HDQT cần phải thúc đẩy văn hóa quản trị Công ty tốt trong Công ty và liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó.		

1.3.1.	HDQT có vị trí trung tâm trong hệ thống quản trị Công ty và đóng vai trò giám sát quan trọng.	Tốt	Tốt
1.3.2.	HDQT cần phải bảo đảm việc ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng dựa trên các nguyên tắc về minh bạch, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình, và công bằng, phù hợp với thông lệ tốt nhất và quy định hiện hành để chứng tỏ cam kết của Công ty đối với quản trị Công ty tốt.	Tốt	Tốt
1.3.3.	Để thúc đẩy niềm tin của cổ đông, nhân viên, nhà đầu tư cũng như công chúng, quy chế nội bộ về quản trị Công ty không chỉ nên dừng ở mức độ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ quản trị Công ty tốt nhất trong nước và quốc tế.	Tốt	Tốt
1.3.4.	HDQT cần phải chủ động đánh giá thường xuyên việc thực hiện quản trị Công ty để bảo đảm phân định rõ phạm vi trách nhiệm giải trình của các cấp quản lý trong toàn Công ty.	Tốt	Tốt
1.3.5.	Công ty cần phải công bố cơ cấu và chính sách quản trị, cụ thể là nội dung của quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc chính sách quản trị Công ty và quá trình thực hiện quy chế hoặc chính sách đó. Theo thông lệ tốt, cần công bố điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trong trường hợp phù hợp, cơ cấu HĐQT, cơ cấu và quy chế hoạt động của các ủy ban.	Tốt	Tốt
1.4.	HDQT cần phải có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho các vị trí thành viên HĐQT, CEO, và thành viên Ban Điều hành chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị của cổ đông		
1.4.1.	Việc chuyển giao vai trò lãnh đạo Công ty cho những cá nhân đủ tiêu chuẩn và năng lực là mục tiêu của quy hoạch kế cận. HĐQT có trách nhiệm thực hiện một quá trình để bổ nhiệm các cán bộ quản lý chủ chốt có năng lực, chuyên môn, trung thực và nhiệt tình, có thể gia tăng giá trị cho Công ty.	Tốt	Tốt
1.4.2.	Một quy hoạch kế cận tốt gắn liền với việc những vai trò và trách nhiệm được quy định bằng văn bản đối với từng vị trí, và nên bắt đầu bằng cách xác định kiến thức, kỹ năng, và năng lực chính cần phải có cho vị trí đó.	Tốt	Tốt
1.4.3.	Đối với mỗi ứng cử viên tiềm năng đã xác định, cần phải có kế hoạch phát triển chuyên môn để giúp cá nhân đó chuẩn bị tốt cho công việc (VD: đào tạo, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm).	Tốt	Tốt
1.4.4.	Quá trình này nên được thực hiện một cách nhất quán và phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.	Tốt	Tốt
2.	THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP		
2.1.	Tập thể HĐQT cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả		
2.1.1.	Sự đa dạng của HĐQT là hết sức quan trọng vì điều đó cho phép Công ty tận dụng được lợi thế của số nhiều các quan điểm làm cho quy trình ra quyết định phong phú và đáng tin cậy hơn.	Tốt	Tốt
2.1.2.	Cơ cấu HĐQT cần phải tính đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, hành vi, khía cạnh văn hóa, tuổi và giới tính.	Tốt	Tốt

2.1.3.	HDQT cần phải bảo đảm Ban Điều hành ban hành và thúc đẩy các chính sách để tạo cơ hội công bằng cho phụ nữ được tiếp cận các vị trí lãnh đạo trong doanh nghiệp.	Tốt	Tốt	
2.1.4.	HDQT cần phải xây dựng ma trận kỹ năng HDQT có mô tả về vai trò và năng lực cần thiết cho việc bổ nhiệm, bao gồm các yếu tố như sự độc lập, đa dạng, độ tuổi, giới tính, quy hoạch kế cận tương lai, sự liêm chính, kỹ năng, chuyên môn, bề dày kinh nghiệm, kiến thức về hoạt động kinh doanh và ngành nghề hoạt động của Công ty; và sự sẵn lòng dành đủ thời gian và nỗ lực để hoàn thành trách nhiệm của HDQT trong bối cảnh cơ cấu cũng như nhu cầu hiện hành của HDQT và các ủy ban trực thuộc HDQT.	Tốt	Tốt	
2.1.5.	HDQT, với sự hỗ trợ của ủy ban đề cử nhân sự, cần phải lựa chọn và đề xuất ứng cử viên HDQT để cổ đông bầu chọn. Ủy ban đề cử nhân sự thuộc HDQT cần phải giám sát việc xây dựng và thực hiện quy trình đề cử HDQT chính thức. HDQT cần phải công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HDQT mới và các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HDQT mới.	Tốt	Tốt	
2.1.6.	Tất cả cổ đông đều phải có cơ hội đề cử ứng cử viên cho HDQT. Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% tổng số cổ phần của Công ty phải có quyền đề xuất ứng cử viên. Cổ đông sở hữu dưới 5% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty phải có cơ hội đề xuất ứng cử viên. Thời hạn cho việc đề xuất ứng cử viên HDQT, thủ tục xem xét đề xuất và đưa vào chương trình họp phải được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của HDQT.	Tốt	Tốt	
2.1.7.	Một công ty đại chúng nên có số lượng thành viên HDQT là số lẻ từ 5 đến 11. Số lượng này có thể khác nhau tùy thuộc vào ngành hoạt động, quy mô, mức độ phức tạp của Công ty, cũng như chu kỳ hoạt động của Công ty, và những ủy ban nào cần được thành lập.	Tốt	Tốt	HDQT của SHS có 5 thành viên
2.1.8.	HDQT nên đặt mục tiêu có tối thiểu 2 thành viên nữ hoặc 30% thành viên HDQT là nữ để tối ưu hóa lợi ích của sự đa dạng giới trong HDQT.	Chưa tốt	Chưa tốt	Năm 2018 và 2019, HDQT của SHS không có thành viên nữ
2.2.	HDQT cần phải bao gồm tối thiểu 2/3 thành viên không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HDQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.			
2.2.1.	Cơ cấu phù hợp của thành viên HDQT điều hành và không điều hành, bao gồm thành viên HDQT độc lập, bảo đảm để không có một hoặc một nhóm thành viên HDQT nào có thể chi phối quá trình ra quyết định.	Tốt	Tốt	
2.2.2.	Hơn nữa, một HDQT cần phải bao gồm tối thiểu 2/3 thành viên HDQT không điều hành để bảo đảm lợi ích của Công ty cao hơn lợi ích của các cổ đông cá nhân.	Tốt	Tốt	Năm 2018 và 2019, HDQT của SHS có 4/5 thành viên không điều hành
2.2.3.	Công ty cần quy định rõ tiêu chuẩn phù hợp cần thiết đối với các thành viên HDQT không điều hành để bảo đảm việc những thành viên này có thể tham gia hiệu quả vào thảo luận của HDQT đồng thời thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
2.3.	HDQT cần phải bổ nhiệm một Thư ký công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HDQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HDQT.			

2.3.1.	Thư ký Công ty hiện đại thường giữ vị trí lãnh đạo cấp cao của Công ty và được kỳ vọng sẽ đưa ra các tư vấn chuyên môn cho cổ đông, HĐQT, từng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, và các bên có quyền lợi liên quan khác về các khía cạnh quản trị Công ty của các quyết định chiến lược.	Tốt	Tốt	
2.3.2.	Thư ký Công ty thường đóng vai trò cầu nối về thông tin, truyền thông, cố vấn, và trọng tài giữa HĐQT và Ban Điều hành. Thư ký Công ty cũng đóng vai trò là cầu nối giữa Công ty với cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, tuy nhiên trong những tổ chức lớn việc này thường do “Cán bộ phụ trách quan hệ cổ đông” đảm nhiệm.	Tốt	Tốt	HĐQT của SHS chưa ban hành Quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty và Người phụ trách quan hệ cổ đông nhưng đã bố trí bà Doãn Thị Như Quỳnh – Phó Chánh VP HĐQT đảm nhận vai trò này
2.3.3.	Vai trò và trách nhiệm của Thư ký Công ty bao gồm, nhưng không giới hạn ở những nội dung sau đây: (1) Quản lý tất cả các vấn đề hậu cần cho các cuộc họp HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT, tham dự và ghi biên bản họp; (2) Lập biên bản của tất cả các cuộc họp HĐQT và ủy ban trực thuộc HĐQT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền đạt thông tin trong HĐQT; (3) Tư vấn cho HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT về vai trò và trách nhiệm tương ứng; (4) Tạo điều kiện thuận lợi giúp định hướng cho thành viên HĐQT mới và hỗ trợ đào tạo và phát triển thành viên HĐQT; (5) Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp; (6) Cố vấn cho HĐQT về vấn đề công bố thông tin doanh nghiệp và tuân thủ các quy định đối với doanh nghiệp, chứng khoán và các yêu cầu về niêm yết; (6) Quản lý các quy trình liên quan đến họp cổ đông hàng năm; (7) Theo dõi các tiến triển trong quản trị Công ty và hỗ trợ HĐQT áp dụng các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của HĐQT và kỳ vọng của các bên có quyền lợi liên quan; (8) Đóng vai trò đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan và tham gia giải quyết các vấn đề về quản trị Công ty.	Tốt	Tốt	
2.3.4.	Để thực hiện vai trò của mình một cách hiệu quả, Thư ký Công ty cần phải hành động một cách độc lập với sự liêm chính cao nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông, và các bên khác có lợi ích hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Mức độ trách nhiệm này yêu cầu phải có kiến thức sâu rộng về môi trường kinh doanh và doanh nghiệp đang hoạt động cũng như kiến thức về luật pháp, quy tắc, và quy định điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp. Thư ký Công ty cần phải thường xuyên phát triển chuyên môn, duy trì sự trung lập và khách quan trong khi hỗ trợ HĐQT và các chủ thể có liên quan trong quá trình làm việc.	Tốt	Tốt	
2.4.	Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty một chính sách phát triển liên tục đối với HĐQT, bao gồm chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các thành viên HĐQT			
2.4.1.	Tất cả các thành viên HĐQT mới cần phải được định hướng phù hợp khi gia nhập HĐQT để bảo đảm rằng họ nắm bắt được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình đối với Công ty trước khi bắt đầu nhiệm kỳ thành viên HĐQT.	Tốt	Tốt	

2.4.2.	Chương trình định hướng sẽ được HĐQT xây dựng (với sự hỗ trợ của ủy ban liên quan hoặc Thư ký Công ty), trong đó có các chủ đề quan trọng về quản trị Công ty, giới thiệu về hoạt động kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty, và Bộ Quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty. Chương trình này phải đáp ứng được các yêu cầu cụ thể của Công ty và của cá nhân thành viên HĐQT cũng như hỗ trợ mọi thành viên HĐQT mới trong việc thực hiện hiệu quả vai trò chức năng của mình.	Tốt	Tốt	
2.4.3.	Thành viên HĐQT cần phải có nguồn lực và mạng lưới cần thiết để nâng cao và duy trì kiến thức, kỹ năng, và chuyên môn nhằm thúc đẩy hiệu quả công việc của HĐQT và duy trì tiêu chuẩn của các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
2.4.4.	Tất cả các thành viên HĐQT cần phải tham gia tối thiểu một chương trình đào tạo thành viên HĐQT hoặc quản trị Công ty của một tổ chức chuyên nghiệp có uy tín để bảo đảm họ hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty tốt cũng như nỗ lực bắt kịp những xu hướng và yêu cầu mới nhất về quản trị.	Tốt	Tốt	
2.4.5.	Công ty cần phải công bố tại Mục Quản trị Công ty trong báo cáo thường niên của Công ty về chính sách và thông lệ cho việc phát triển và đào tạo chuyên môn cho thành viên HĐQT, cả trong quá trình định hướng và một cách thường xuyên.	Tốt	Tốt	
3.	BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
3.1.	Sau khi được bầu chọn, tất cả các thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm với Công ty, cho dù được bổ nhiệm bởi cổ đông, nhóm cổ đông, quản tài viên hay các bên có quyền lợi liên quan			
3.1.1.	Thành viên HĐQT cần phải thực hiện nhiệm vụ dựa trên kiến thức và năng lực chuyên môn của mình, hoàn toàn khách quan và không chịu sự tác động của bất kỳ mối quan hệ cá nhân hay chuyên môn nào. Thành viên HĐQT phải tạo ra và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp nói chung, trên cơ sở các nguyên tắc pháp luật và đạo đức phù hợp.	Tốt	Tốt	
3.1.2.	Các thành viên HĐQT có xung đột về một vấn đề cụ thể cần phải tránh tham gia thảo luận và quyết định về vấn đề cụ thể đó. Những thành viên HĐQT nào nếu cảm thấy không thể duy trì được tính độc lập khách quan trong khi thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình thì nên từ nhiệm.	Tốt	Tốt	Tại SHS: thành viên HĐQT có xung đột lợi ích không được biểu quyết về vấn đề liên quan
3.1.3.	Thành viên HĐQT không được làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty.	Tốt	Tốt	Tại SHS: không có thành viên HĐQT nào làm tư vấn hay cố vấn được trả phí bởi Công ty
3.2.	Để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả các thành viên HĐQT và sự liêm chính của hệ thống quản trị, Công ty cần phải có tối thiểu 1/3 thành viên HĐQT là thành viên độc lập			
3.2.1.	Sự có mặt của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT bảo đảm việc ra quyết định độc lập về các vấn đề của Công ty và giám sát khách quan phù hợp đối với các hoạt động của Ban Điều hành, bao gồm việc ngăn ngừa xung đột lợi ích và cân bằng các nhu cầu có tính cạnh tranh lẫn nhau của Công ty.	Tốt	Tốt	

3.2.2.	Xu hướng thế giới công nhận sự hiện diện của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT góp phần bảo đảm để việc ra quyết định khách quan hơn, đặc biệt trong các tình huống có xung đột lợi ích.	Tốt	Tốt	
3.2.3.	Ngoài ra, các chuyên gia cũng có nhiều quan điểm khác nhau về số lượng thành viên HĐQT độc lập tối ưu trong HĐQT. Tuy nhiên, quan điểm chung về số lượng lý tưởng của thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT là ở mức tối thiểu 1/3 cho tới tối đa.	Chưa tốt	Chưa tốt	Năm 2018 và 2019: SHS có 1/5 số thành viên HĐQT độc lập
3.3.	HĐQT cần phải bảo đảm các thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn và năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT			
3.3.1.	Thành viên HĐQT độc lập cần phải có hiểu biết chung tốt về ngành nghề họ tham gia.	Tốt	Tốt	
3.3.2.	Cần lưu ý rằng tính độc lập và năng lực phải đi đôi với nhau.	Tốt	Tốt	
3.3.3.	Điều quan trọng là thành viên HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn và vị thế giúp họ tham gia hiệu quả và khách quan vào thảo luận của HĐQT.	Tốt	Tốt	
3.3.4.	Tất cả các Công ty cần phải có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính để tham gia và lãnh đạo Ủy ban Kiểm toán.	Tốt	Tốt	Thành viên HĐQT độc lập Mai Xuân Sơn có chuyên môn và kinh nghiệm tài chính
3.4.	Thành viên HĐQT độc lập chỉ nên tham gia HĐQT tối đa 9 năm liên tục			
3.4.1.	Việc tham gia là thành viên độc lập trong một HĐQT trong thời gian dài có thể gây ảnh hưởng đến khả năng hành động độc lập và khách quan của thành viên HĐQT đó. Vì vậy, tổng thời gian làm việc liên tục trong nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không được vượt quá 9 năm.	Tốt	Tốt	Ông Mai Xuân Sơn là thành viên HĐQT của SHS từ 24/01/2014
3.4.2.	Sau 9 năm trên, thành viên HĐQT độc lập đó vĩnh viễn không được đưa ra bầu lại vào vị trí thành viên HĐQT độc lập của Công ty, nhưng có thể tiếp tục đủ điều kiện để được đề cử và bầu chọn làm thành viên HĐQT không độc lập.	Tốt	Tốt	
3.5.	HĐQT cần phải chỉ định một thành viên HĐQT đứng đầu trong số các thành viên HĐQT độc lập nếu Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên độc lập, bao gồm trường hợp Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời là Tổng Giám đốc			
3.5.1.	Chủ tịch HĐQT và TGD phải là những cá nhân khác nhau để bảo đảm có cân bằng phù hợp về quyền lực, tăng trách nhiệm giải trình, và tăng cường năng lực của HĐQT để ra quyết định độc lập. Theo thông lệ tốt nhất, Chủ tịch HĐQT cũng nên là thành viên HĐQT độc lập.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Tại SHS: Chủ tịch HĐQT không đồng thời là TGD tuy nhiên là thành viên HĐQT không độc lập
3.5.2.	Trường hợp Chủ tịch HĐQT không phải là thành viên HĐQT độc lập và vai trò của Chủ tịch và TGD được kết hợp, việc thiết lập các cơ chế phù hợp sẽ bảo đảm có được quan điểm và nhận định độc lập. Quan trọng hơn, cơ chế này sẽ tránh việc lạm dụng quyền lực và thẩm quyền, và tránh được xung đột lợi ích tiềm tàng.	Không áp dụng	Không áp dụng	Tại SHS: Chủ tịch HĐQT không đồng thời là TGD tuy nhiên là thành viên HĐQT không độc lập
3.5.3.	Cơ chế đề xuất là cần phải bổ nhiệm 1 thành viên HĐQT độc lập đứng đầu phụ trách các thành viên HĐQT độc lập, theo thông lệ tốt nhất trong trường hợp Chủ tịch không phải là thành viên độc lập thì HĐQT nên bao gồm đa số các thành viên HĐQT độc lập.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	SHS chỉ có 1 thành viên HĐQT độc lập

3.5.4.	Thành viên HĐQT độc lập đứng đầu cần có đủ thẩm quyền để dẫn dắt HĐQT trong những trường hợp các thành viên HĐQT còn lại (bao gồm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD) có xung đột lợi ích rõ ràng.	Tốt	Tốt	SHS chỉ có 1 thành viên HĐQT độc lập
4.	THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT			
4.1.	HĐQT cần phải thành lập ủy ban kiểm toán và bảo đảm để ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. Ủy ban kiểm toán phải bảo đảm các kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan			
4.1.1.	HĐQT cần thành lập 1 Ủy ban Kiểm toán, bao gồm tối thiểu 3 thành viên HĐQT	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HĐQT ít và HĐQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Kiểm toán của SHS chỉ có 2 thành viên
4.1.2.	Ủy ban này cần phải có kiến thức về kiểm toán nội bộ, kế toán theo Chuẩn mực IFRS và VAS, tuân thủ, báo cáo tài chính và kiểm soát. Chủ tịch của Ủy ban Kiểm tra phải có chuyên môn về tài chính và là thành viên HĐQT độc lập.	Tốt	Tốt	
4.1.3.	Vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán phải được quy định trong quy chế hoạt động riêng, do HĐQT phê chuẩn và được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu và quy trình hoạt động của Ủy ban Kiểm toán cần được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, là chuẩn mực thực tiễn để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban Kiểm toán.	Tốt	Tốt	
4.1.4.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban Kiểm toán bao gồm: (1) Giám sát tính trung thực của BCTC của Công ty và mọi công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; (2) Rà soát kiểm soát nội bộ về tài chính của Công ty, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; (3) Rà soát giao dịch với bên liên quan trong ngưỡng phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc cổ đông; (4) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty; (5) Giới thiệu công ty kiểm toán độc lập cũng như mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt; (6) Theo dõi và đánh giá sự độc lập và khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; (7) Xây dựng và thực hiện chính sách về tuyển dụng công ty kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ phi kiểm toán; và (8) Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ mọi quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các quy định nội bộ khác của Công ty.	Tốt	Tốt	Tại SHS là Ban Kiểm soát
4.2.	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản lý rủi ro có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của Công ty được quản lý phù hợp			
4.2.1.	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản lý rủi ro, bao gồm tối thiểu 3 thành viên HĐQT không điều hành, đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí Chủ tịch ủy ban này.	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HĐQT ít và HĐQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Quản trị rủi ro của SHS chỉ có 2 thành viên

4.2.2.	HDQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro và quy chế này phải được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro nên được xây dựng thành chuẩn đối sánh thực tế, để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban Quản lý rủi ro.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	HDQT đã phê duyệt quy chế hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro nhưng chưa đăng tải trên website
4.2.3.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm: (1) Phê duyệt và giám sát quy trình và chính sách của Công ty về nhận dạng và quản lý rủi ro; (2) Giám sát và theo dõi kết quả công việc của Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện chính sách quản lý rủi ro của Công ty; (3) Rà soát và trình HDQT phê duyệt khẩu vị rủi ro và chiến lược quản lý rủi ro; (4) Đề xuất với HDQT về mức độ rủi ro và thẩm quyền chấp nhận rủi ro được ủy quyền cho TGD và Ban Điều hành; (5) Xem xét các khía cạnh của chiến lược và đề xuất của Ban Điều hành; (6) Theo dõi hiệu quả của bộ phận quản lý rủi ro và bảo đảm có đủ nguồn lực và hệ thống để đáp ứng mức độ năng lực mong muốn và cao hơn yêu cầu tối thiểu về tuân thủ; và (7) Thiết lập các chương trình giáo dục thường xuyên để cải thiện kiến thức quản lý rủi ro của thành viên.	Tốt	Tốt	
4.2.4.	Tùy thuộc vào yêu cầu của pháp luật về quy mô Công ty, môi trường hoạt động kinh doanh của Công ty và các yếu tố khác, nếu Công ty không có nhu cầu cấp thiết phải thành lập riêng 1 Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Kiểm toán có thể kết hợp trách nhiệm giám sát kiểm toán và quản lý rủi ro.	Tốt	Tốt	
4.3.	HDQT cần phải thành lập Ủy ban Quản trị Công ty, bổ nhiệm và lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung quản trị Công ty và bảo đảm rằng chính sách và hoạt động bổ nhiệm và lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các thành viên HDQT và Ban Điều hành tài năng			
4.3.1.	HDQT cần phải thành lập 1 Ủy ban Quản trị Công ty, bổ nhiệm và lương thưởng (CGNR) bao gồm tối thiểu 3 thành viên HDQT không điều hành có năng lực chuyên môn, đa số là thành viên độc lập, kể cả vị trí chủ tịch ủy ban.	Chưa tốt	Chưa tốt	Do số lượng thành viên HDQT ít và HDQT có nhiều tiểu ban nên Tiểu ban Quản trị hệ thống và lương, thưởng của SHS chỉ có 1 thành viên và là thành viên HDQT không độc lập
4.3.2.	HDQT cần phải phê duyệt quy chế hoạt động của ủy ban CGNR và quy chế này cần phải được công bố trên website của Công ty. Thẩm quyền, cơ cấu, và quy trình hoạt động được quy định trong quy chế hoạt động của ủy ban CGNR nên được xây dựng thành chuẩn đối sánh thực tế, để dựa vào đó có thể đánh giá được kết quả công việc của Ủy ban CGNR.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	HDQT đã phê duyệt quy chế hoạt động của CGNR nhưng chưa đăng tải trên website

4.3.3.	Trách nhiệm chủ yếu của Ủy ban CGNR bao gồm: (1) Xây dựng, kiến nghị và đánh giá hằng năm chính sách quản trị Công ty và giám sát các vấn đề quản trị Công ty; (2) Xác định các ứng cử viên có đủ năng lực trở thành thành viên HĐQT và trình lên HĐQT để thông qua danh sách ứng viên; (3) Kiến nghị lên HĐQT về việc bổ nhiệm các ủy ban liên quan (ngoài Ủy ban CGNR); (4) Điều phối việc đánh giá hằng năm đối với HĐQT, thành viên HĐQT và các ủy ban; (5) Bảo đảm việc tuân thủ chính sách (sổ tay) quản trị Công ty và Bộ Quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty; (6) Hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm liên quan đến lương thưởng của thành viên HĐQT, TGD, Ban Điều hành, Thư ký Công ty và thành viên khác thuộc Ban Điều hành khi được trình lên HĐQT xem xét; (7) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của Công ty; và (8) Chuẩn bị Báo cáo thường niên về chính sách và hoạt động lương thưởng, là một phần Báo cáo thường niên của Công ty.	Tốt	Tốt	
5.	BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT			
5.1.	HĐQT cần phải thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng thành viên, và các ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài.			
5.1.1.	Việc đánh giá HĐQT giúp các thành viên HĐQT rà soát lại kỹ lưỡng kết quả công việc và hiểu rõ về trách nhiệm của mình.	Tốt	Tốt	
5.1.2.	Rà soát lại và đánh giá định kỳ kết quả hoạt động của HĐQT nói chung, các ủy ban trực thuộc HĐQT, từng thành viên HĐQT và Chủ tịch cho thấy cách thức để những tập thể và cá nhân trên đây có thể thực hiện trách nhiệm 1 cách hiệu quả.	Tốt	Tốt	
5.1.3.	Ngoài ra, hoạt động này sẽ cung cấp phương tiện để đánh giá sự tham gia của 1 thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT và ủy ban, sự tham gia vào thảo luận của HĐQT, và cách thức biểu quyết những vấn đề trọng yếu.	Tốt	Tốt	
5.1.4.	Việc sử dụng cố vấn bên ngoài để hỗ trợ đánh giá sẽ làm tăng sự khách quan của việc đánh giá. Cố vấn bên ngoài có thể là bất kỳ bên thứ 3 độc lập nào, bao gồm nhưng không giới hạn các công ty tư vấn, các viện nghiên cứu hay tổ chức chuyên nghiệp.	Chưa tốt	Chưa tốt	SHS chưa thực hiện thuê chuyên gia đánh giá bên ngoài
5.2.	HĐQT cần phải thiết lập 1 hệ thống để quy định, ở mức tối thiểu, các tiêu chí và quy trình để xác định hiệu quả công việc của HĐQT, từng thành viên HĐQT và các ủy ban trực thuộc. Hệ thống này nên cho phép cơ chế phản hồi từ cổ đông			
5.2.1.	Việc công bố các tiêu chí, quy trình và kết quả đánh giá chung sẽ bảo đảm sự minh bạch và cho phép cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan quyết định xem liệu các thành viên HĐQT có đang thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với Công ty.	Tốt	Tốt	
5.2.2.	Các công ty được tự quyết định các tiêu chí và quy trình đánh giá, dựa trên nhiệm vụ, chức năng, vai trò và trách nhiệm quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của các Ủy ban.	Tốt	Tốt	
5.2.3.	Trong khi thiết lập các tiêu chí, cần quan tâm đến các giá trị, nguyên tắc, và kỹ năng cần thiết cho Công ty. Ủy ban CGNR hoặc Ủy ban nhân sự/bổ nhiệm cần phải giám sát quy trình đánh giá này.	Tốt	Tốt	

5.3.	Khi đề xuất mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT lên ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT cần phải cân nhắc xem liệu cơ cấu thù lao đó có phù hợp với vai trò và trách nhiệm tương ứng của từng thành viên HĐQT, có gắn với kết quả hoạt động của cá nhân và Công ty, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty nhằm đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn			
5.3.1.	Ủy ban CGNR thuộc HĐQT với đa số thành viên và Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập cần phải chịu trách nhiệm thiết lập chính sách lương thưởng.	Tốt	Tốt	
5.3.2.	Lương thưởng của HĐQT phải phù hợp với chiến lược và mục tiêu dài hạn của Công ty, và phản ánh kinh nghiệm, nghĩa vụ, phạm vi công việc, trách nhiệm giải trình và trách nhiệm thực thi, và đóng góp của mỗi thành viên HĐQT. Những thành viên HĐQT có vai trò và trách nhiệm bổ sung, như là thành viên của một ủy ban, nên được hưởng thù lao bổ sung, tương đương với thông lệ của ngành.	Tốt	Tốt	
5.3.3.	Cổ đông cần phải phê duyệt cơ cấu thù lao của HĐQT, bao gồm mức và loại thù lao (cả các khoản thù lao bằng tiền và không bằng tiền). HĐQT cần phải cân nhắc sự phù hợp của mỗi loại thù lao, cả về tỷ lệ cố định (như thù lao hàng tháng và phụ cấp) và thù lao trả theo kết quả hoạt động của Công ty (như các khoản tiền thưởng, lợi tức). Mức thù lao cần phải phản ánh giá trị mà Công ty tạo ra cho cổ đông với quan điểm dài hạn theo kết quả hoạt động của Công ty, và mức thù lao không được quá cao để tránh việc HĐQT quá tập trung vào kết quả của Công ty trong ngắn hạn.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	ĐHĐCĐ của SHS chỉ phê duyệt tổng thù lao cho HĐQT và BKS theo năm. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân bổ quỹ thù lao cho từng thành viên.
6.	THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY			
6.1.	HĐQT cần phải bảo đảm việc áp dụng Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh để thiết lập 1 văn hóa kinh doanh với chuẩn mực cao trong Công ty. Bộ Quy tắc này sẽ cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, cũng như làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy tắc cần phải được phổ biến phù hợp cho HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty. Bộ Quy tắc này cần phải được công bố công khai trên website Công ty.			
6.1.1.	Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh, văn bản quy định chính thức các giá trị văn hóa, là 1 công cụ quan trọng để văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh được thấm nhuần trên toàn Công ty.	Tốt	Tốt	
6.1.2.	HĐQT có trách nhiệm chính trong việc xây dựng và thiết kế 1 Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty và văn hóa mà Công ty hoạt động.	Tốt	Tốt	
6.1.3.	Để bảo đảm tuân thủ phù hợp với Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh, cần có định hướng và đào tạo phù hợp với Bộ Quy tắc cho HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên.	Tốt	Tốt	
6.2.	HĐQT cần phải bảo đảm triển khai phù hợp, hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh và các chính sách nội bộ			
6.2.1.	HĐQT có nhiệm vụ chính là bảo đảm các chốt kiểm soát nội bộ được thiết lập để bảo đảm việc Công ty tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức kinh doanh và các chính sách và quy trình nội bộ. Vì vậy, HĐQT cần bảo đảm việc thực hiện các chốt kiểm soát nội bộ nói trên để thúc đẩy, xúc tiến và bảo đảm sự tuân thủ.	Tốt	Tốt	
6.2.2.	Nhiệm vụ bao gồm việc xây dựng các kênh truyền thông hiệu quả, hỗ trợ và khuyến khích nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và chủ nợ lên tiếng về những lo ngại về hành vi phi đạo đức/vi phạm luật pháp tiềm tàng tới kênh truyền thông phù hợp của HĐQT mà không lo ngại bị trả thù.	Tốt	Tốt	

6.2.3.	Một chính sách đạo đức của Công ty sẽ trở nên hiệu quả và được khắc sâu vào văn hóa Công ty nhờ 1 chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức, đào tạo liên tục để tăng cường việc thực hiện Bộ Quy tắc, giám sát và triển khai chặt chẽ và thiết lập các kênh phù hợp để các vấn đề có thể được nêu ra và giải quyết mà không lo ngại bị trả thù.	Tốt	Tốt
6.3.	HDQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của Công ty. HDQT cần phải là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty		
6.3.1.	HDQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải luôn hành động một cách đạo đức, trung thực và liêm chính trong mọi quan hệ và thay mặt Công ty và cổ đông của Công ty.	Tốt	Tốt
6.3.2.	HDQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải bảo đảm để mọi thảo luận, quyết định và hành động đều dựa trên các giá trị nòng cốt là nền tảng của quản trị tốt – trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, công bằng và minh bạch.	Tốt	Tốt
6.3.3.	HDQT và Ban Điều hành của Công ty cần phải bảo đảm rằng Công ty tuân thủ mọi luật pháp, quy định, chuẩn mực và chính sách nội bộ hiện hành.	Tốt	Tốt
B.	MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT		
7.	THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH		
7.1.	HDQT cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty		
7.1.1.	HDQT có trách nhiệm tối hậu trong giám sát khung kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty. HDQT cần phải đảm bảo có các công cụ hiệu quả để giám sát rủi ro và đảm bảo phân tách trách nhiệm và trách nhiệm giải trình rõ ràng trong tổ chức.	Tốt	Tốt
7.1.2.	HDQT cần phải phê duyệt các kế hoạch chiến lược và theo dõi giám sát việc Ban Điều hành thực hiện các chiến lược này một cách hiệu quả. Với hỗ trợ của các Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro, HDQT cần rà soát định kỳ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Các hoạt động của HDQT liên quan đến kiểm soát nội bộ không được đồng cứng mà cần được điều chỉnh để phù hợp với các vấn đề và rủi ro cần sự chú ý cao nhất của HDQT.	Tốt	Tốt
7.1.3.	Các Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro cần đảm bảo rằng Ban Điều hành có các cơ chế và thiết lập được các kiểm soát nội bộ để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. Hệ thống kiểm soát nội bộ cần đảm bảo hướng tới tương lai và chủ động để có thể dự báo được các rủi ro tiềm tàng. Các Ủy ban cần tổ chức họp trực tiếp với Ban Điều hành để tìm hiểu các vấn đề về kiểm soát nội bộ nổi cộm nhất.	Tốt	Tốt
7.1.4.	HDQT cần đảm bảo rằng các bộ phận kiểm soát cần thiết (VD: quản lý rủi ro, tuân thủ, kiểm toán nội bộ) trong Công ty được thành lập với vị trí, quyền hạn và kênh báo cáo phù hợp.	Tốt	Tốt
7.1.5.	Tất cả các Ủy ban thuộc HDQT cần đảm bảo có các kênh thông tin phù hợp liên quan đến các sự cố hoặc các chủ đề có rủi ro hoặc các xu hướng mới nổi.	Tốt	Tốt

7.1.6.	Với mục tiêu hỗ trợ khung kiểm soát nội bộ, HĐQT cần xây dựng cơ chế báo cáo sai phạm để cho phép nhân viên và các bên liên quan báo cáo sớm các sai phạm qua đó các vấn đề có thể được nhận biết và xử lý kịp thời. Nhân viên phải được bảo vệ để không bị trả thù và không phải đối mặt với rủi ro mất việc hoặc bất kỳ hình thức trừng phạt nào do báo cáo sai phạm.	Tốt	Tốt	
7.2.	HDQT cần phải thành lập chức năng kiểm toán nội bộ để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của tổ chức			
7.2.1.	Công ty cần phải thiết lập một chức năng kiểm toán nội bộ độc lập cung cấp đảm bảo cho HĐQT về hiệu quả và hiệu lực của các hệ thống kiểm soát nội bộ, khung quản lý rủi ro và quản trị Công ty. Quyền hạn, thành phần, lương thưởng, ngân sách hoạt động hàng năm, quy trình làm việc và các vấn đề liên quan khác của kiểm toán nội bộ cần được quy định trong quy chế hoạt động kiểm toán nội bộ do Ủy ban Kiểm toán phê duyệt.	Tốt	Tốt	
7.2.2.	Trưởng Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Kiểm toán (hoặc HĐQT nếu không có Ủy ban Kiểm toán). Trưởng Kiểm toán nội bộ được xếp ngang hàng với các lãnh đạo điều hành mà không thuộc Ban Điều hành. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng Kiểm toán nội bộ cần phải được Ủy ban Kiểm toán phê duyệt.	Tốt	Tốt	
7.2.3.	Chức năng kiểm toán nội bộ cần được thành lập theo quy định hiện hành và các chuẩn mực quốc tế được công nhận rộng rãi của Viện Kiểm toán nội bộ (IIA).	Tốt	Tốt	
7.2.4.	Ủy ban Kiểm toán cần được nhận kết quả đánh giá rủi ro hàng năm, các báo cáo kiểm toán nội bộ kết quả của kế hoạch hoàn thiện và đánh giá chất lượng của phòng kiểm toán nội bộ, cập nhật các vấn đề kiểm toán có rủi ro cao, các đề xuất của kiểm toán nội bộ và đưa ra hướng dẫn cần thiết.	Tốt	Tốt	
7.3.	HDQT cần phải thành lập một chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 và quyền hạn cần thiết			
7.3.1.	Công ty phải thiết lập một chức năng tuân thủ để đảm bảo tuân thủ với các quy định của pháp luật cũng như các chính sách nội bộ. Chức năng tuân thủ cần giám sát các hoạt động của Công ty và nhân viên để đảm bảo tuân thủ định kỳ báo cáo lên Ban Điều hành và HĐQT.	Tốt	Tốt	
7.3.2.	Bộ phận tuân thủ có thể thực hiện tốt hơn chức năng của mình khi tính độc lập được bảo đảm thông qua một kênh báo cáo trực tiếp lên HĐQT. Trưởng bộ phận Tuân thủ cần phải có vị trí và quyền hạn phù hợp tại Công ty. Trưởng bộ phận cần phải được tiếp cận trực tiếp và không giới hạn đến các Ủy ban trực thuộc của HĐQT (VD: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Kiểm toán). Bộ phận tuân thủ cần phải báo cáo định kỳ lên các Ủy ban này.	Chưa tốt	Chưa tốt	Bộ phận Pháp chế và Bộ phận Kiểm soát nội bộ chỉ có chức năng báo cáo trực tiếp lên TGD
7.3.3.	Trưởng bộ phận tuân thủ cần phải tư vấn cho Ban Điều hành và HĐQT về các quy định của luật pháp, các quy tắc và chuẩn mực hiện hành bao gồm việc cập nhật các thay đổi; đào tạo nhân viên về các vấn đề tuân thủ; nhận dạng, ghi nhận, đánh giá, đo lường, giám sát và báo cáo các rủi ro tuân thủ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	
7.4.	HDQT cần phải giám sát hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp và bảo đảm rằng các hoạt động quản lý rủi ro hỗ trợ Công ty ra các quyết định chiến lược tốt hơn và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro, HĐQT cũng cần phải quản lý rủi ro của Công ty trong phạm vi khẩu vị rủi ro của Công ty			

7.4.1.	HDQT cần phải theo dõi giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty và thường xuyên thảo luận về các rủi ro kinh doanh của Công ty, các đánh giá của Ban Điều hành về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và bất cứ thay đổi đáng kể nào đối với các hệ thống này. HDQT cần đảm bảo dành đủ thời gian trong các cuộc họp để trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả quản lý rủi ro bao gồm cả các rủi ro môi trường và xã hội.	Tốt	Tốt
7.4.2.	HDQT cần phải thiết lập khẩu vị rủi ro và các mức rủi ro có thể chấp nhận được tương ứng với mỗi lựa chọn chiến lược của Công ty. HDQT cần phải đảm bảo rằng khung quản lý rủi ro của Công ty được rà soát ít nhất 1 năm 1 lần. Ủy ban Kiểm toán cần phải nhận được một báo cáo từ kiểm toán nội bộ về hiệu quả của khung quản lý rủi ro 1 năm 1 lần.	Tốt	Tốt
7.4.3.	HDQT cần phải thiết lập và công bố một chính sách quản lý rủi ro với khung và cơ cấu quản lý rủi ro rõ ràng. Khung quản lý rủi ro này cần phù hợp với mô hình 3 tuyến phòng thủ: với Ban Điều hành thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất, các chức năng tuân thủ và quản lý rủi ro ở phòng tuyến thứ hai và kiểm toán nội bộ là tuyến phòng thủ thứ ba.	Tốt	Tốt
7.4.4.	HDQT với nguyên lý thận trọng với các rủi ro cần phải bảo đảm rằng mức lương, thưởng của Ban Điều hành được thiết lập phù hợp với lợi ích bền vững của các cổ đông và được điều chỉnh để tính đến tất cả các rủi ro của Công ty (VD: rủi ro hoạt động, rủi ro uy tín...). Khi thiết lập khung lương thưởng, Công ty có thể áp dụng các phương pháp tính có điều chỉnh rủi ro như kéo dài thời gian chi trả hoặc tăng mức thời gian đánh giá năng lực.	Tốt	Tốt
7.4.5.	Công ty cần phải bổ nhiệm 1 Giám đốc quản lý rủi ro (CRO) để lãnh đạo bộ phận quản lý rủi ro. CRO được quyền tiếp cận trực tiếp với Ủy ban Quản lý rủi ro thuộc HDQT hoặc với HDQT trong trường hợp không có Ủy ban liên quan.	Tốt	Tốt
7.4.6.	CRO sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách quản lý rủi ro một khung quản lý an ninh mạng phù hợp.	Tốt	Tốt
7.5.	HDQT cần phải bảo đảm việc Công ty thiết lập 1 khung quản lý an ninh mạng phù hợp		
7.5.1.	HDQT cần phải có năng lực phù hợp để hiểu được các rủi ro an ninh mạng và các ảnh hưởng pháp lý mà các rủi ro này có thể mang lại. Nếu cần thiết, HDQT nên sử dụng các chuyên gia độc lập về an ninh mạng để tìm hiểu về nội dung này.	Tốt	Tốt
7.5.2.	Các rủi ro an ninh mạng cần được quản lý như là một phần của hệ thống quản lý tổng thể của Công ty thay vì quản lý tách rời khỏi hệ thống. HDQT cần dành đủ thời gian để xem xét trao đổi về nội dung này trong các cuộc họp để bảo đảm rằng Công ty sẽ được bảo vệ an toàn trước các rủi ro an ninh mạng.	Tốt	Tốt
7.5.3.	HDQT cần phải phê duyệt chiến lược của Công ty có tính đến việc giảm thiểu các rủi ro an ninh mạng bao gồm cả việc mua bảo hiểm để hạn chế các rủi ro.	Tốt	Tốt
7.5.4.	HDQT cần phải xem xét các báo cáo hàng năm của bộ phận kiểm toán nội bộ về chương trình an ninh mạng của Công ty.	Tốt	Tốt
7.6.	HDQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra		

7.6.1.	Công ty Kiểm toán độc lập cần phải được bổ nhiệm bởi ĐHCĐ (trừ khi có quy định khác của pháp luật chuyên ngành). Ủy ban Kiểm toán cần phải báo cáo lên HĐQT và ĐHCĐ về các khuyến nghị của Ủy ban liên quan đến việc lựa chọn Công ty kiểm toán, phí kiểm toán và các điều khoản dịch vụ do công ty kiểm toán cung cấp.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Tại SHS: Hằng năm, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất ít nhất 3 Công ty kiểm toán độc lập từ BKS
7.6.2.	Ủy ban Kiểm toán cần phải xác định và giám sát các chỉ số đo lường chất lượng của công ty kiểm toán (VD: việc tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập, số năm kinh nghiệm, kinh nghiệm về ngành, tỷ lệ nghỉ việc...) và giám sát hoạt động của công ty kiểm toán cũng như tính hiệu quả của quy trình kiểm toán. Ủy ban này nên rà soát các chính sách của Công ty đối với công ty kiểm toán (VD: lựa chọn, thay đổi, đánh giá năng lực...) và báo cáo lên HĐQT nếu có các khuyến nghị cần thiết để điều chỉnh các chính sách này cho phù hợp.	Tốt	Tốt	
7.6.3.	Công ty Kiểm toán cần phải độc lập, có đầy đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không bị vướng vào các xung đột lợi ích. Công ty Kiểm toán cần đưa ra ý kiến kiểm toán một cách độc lập và chú ý hạn chế cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán cho Công ty. Báo cáo tài chính cần được kiểm toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế (ISA).	Tốt	Tốt	Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của SHS theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam
7.6.4.	Công ty cần công bố tất cả các loại phí trả cho công ty kiểm toán một cách chi tiết theo từng loại phí (phí kiểm toán, bảo đảm hay loại khác). Ủy ban Kiểm toán cần đảm bảo rằng phí trả cho các dịch vụ phi kiểm toán (nếu có) không được vượt quá mức phí trả cho dịch vụ kiểm toán.	Tốt	Tốt	SHS chỉ chi trả cho Công ty Kiểm toán độc lập duy nhất phí kiểm toán
C.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH			
8.	TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY			
8.1.	HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và quy trình để công bố thông tin cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và quy trình này			
8.1.1.	HĐQT cần phải phê duyệt chính sách công bố thông tin để bảo đảm mọi thông tin liên quan về hoạt động của Công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành. Những thông tin cần công bố cần phải được cung cấp cho tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác một cách đồng thời. Cụ thể, Công ty phải công bố đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, đặc biệt là về việc mua hoặc bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.	Tốt	Tốt	
8.1.2.	HĐQT cần phải bảo đảm để hoạt động công bố thông tin của Công ty tuân thủ chính sách công bố thông tin. Hệ thống công bố thông tin của Công ty phải bảo đảm để cổ đông, nhà đầu tư, và các bên có quyền lợi liên quan tiếp cận được thông tin một cách công bằng và không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián.	Tốt	Tốt	
8.1.3.	Ủy ban Kiểm toán cần phải giám sát mọi báo cáo tài chính và phi tài chính theo đúng quy định của chính sách này.	Tốt	Tốt	

8.1.4.	HDQT cần phải thông qua một chính sách yêu cầu mọi thành viên HDQT và lãnh đạo cấp cao phải công bố/báo cáo cho Công ty tất cả các giao dịch cổ phiếu của Công ty trong vòng 3 ngày làm việc.	Tốt	Tốt	Tất cả người nội bộ và người có liên quan của SHS đều được yêu cầu báo cáo trước khi giao dịch cổ phiếu SHS theo đúng quy định của Thông tư 155
8.1.5.	Công ty cần phải có bộ phận Quan hệ cổ đông chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm giám sát truyền thông ra bên ngoài và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật.	Tốt	Tốt	
8.1.6.	Công ty được khuyến khích công bố chi tiết (có kèm theo giải thích) tình hình tuân thủ Bộ Quy tắc Quản trị Công ty này trong mục Báo cáo quản trị Công ty trong Báo cáo thường niên và trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	
8.2.	Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HDQT cần phải bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng			
8.2.1.	HDQT cần phải bảo đảm để thông tin liên quan của Công ty được công bố càng sớm càng tốt, và vì lý do đó, chính sách công bố thông tin của Công ty cần phải có quy trình công bố điện tử.	Tốt	Tốt	
8.2.2.	Công ty cần phải thường xuyên cập nhật các nội dung thông tin công bố trên website Công ty. HDQT của một công ty niêm yết cần phải bảo đảm rằng mọi thông tin cung cấp thông qua website Công ty được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh.	Tốt	Tốt	
8.2.3.	Công ty cần phải cho phép các nhà đầu tư và nhà phân tích đặt ra các câu hỏi liên quan đến hoạt động của Công ty. Điều này có thể được thực hiện thông qua các cuộc họp mở với nhà đầu tư/nhà phân tích, họp báo, họp ngắn với nhà đầu tư hay theo các hình thức khác mà Công ty cho phép và đảm bảo không vi phạm những quy định cấm theo luật pháp/quy định niêm yết hiện hành.	Tốt	Tốt	
8.3.	HDQT cần phải bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội			
8.3.1.	HDQT cần phải đảm bảo Công ty công bố thông tin liên quan và cập nhật về hoạt động và cấu trúc quản trị Công ty trên website và trong báo cáo thường niên của Công ty. Tối thiểu, Công ty cần phải công bố các chính sách và quy chế quản trị Công ty theo quy định tại Bộ Nguyên tắc này.	Tốt	Tốt	
8.3.2.	HDQT cần phải công bố mức độ và lộ trình Công ty tuân thủ Bộ Nguyên tắc này trong báo cáo thường niên một cách chi tiết.	Tốt	Tốt	
8.3.3.	HDQT cần phải đảm bảo rằng Công ty công bố thông tin về tác động môi trường và xã hội đáng kể và phương pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội của Công ty. Thông tin phải được chuẩn bị theo các chuẩn mực được chấp nhận chung trên toàn cầu, như chuẩn mực do Hội đồng Báo cáo tích hợp Quốc tế (IIRC) hay Sáng kiến báo cáo Toàn cầu (GRI) hay Hội đồng Chuẩn mực Đảm bảo Bền vững (SASB) ban hành và được thẩm định độc lập.	Tốt	Tốt	
8.3.4.	HDQT cần bảo đảm thiết lập các chính sách và quy trình quản trị phù hợp để theo dõi chất lượng của thông tin môi trường và xã hội. HDQT cần phải bảo đảm rằng thông tin được gắn với chiến lược, quản trị, và hiệu quả hoạt động của Công ty, để thúc đẩy thành công bền vững trong dài hạn của Công ty.	Tốt	Tốt	

8.4.	HDQT cần phải bảo đảm thù lao của các thành viên HDQT và Ban Điều hành được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của cổ đông liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị			
8.4.1.	HDQT cần phải công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty về chính sách và tiêu chí xác định lương thưởng/thù lao, cũng như tên, số tiền và chi tiết lương thưởng/thù lao của: (1) Từng thành viên HDQT, thành viên BKS (nếu có) và TGD; và (2) Nhân sự điều hành cấp cao (những người không phải là thành viên HDQT hay TGD).	Tương đối tốt	Tương đối tốt	SHS công bố tổng thù lao, tổng lương thưởng nhưng có công bố chi tiết các loại thù lao, lương, thưởng... mà từng thành viên được nhận
8.4.2.	HDQT cần phải công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty về mọi hình thức lương thưởng/ thù lao và các khoản chi và lợi ích khác, do Công ty và các công ty con chi trả cho thành viên HDQT và nhân sự điều hành cấp cao của Công ty. HDQT cũng công bố chi tiết về chương trình chi trả cổ phiếu cho nhân viên.	Tốt	Tốt	
8.4.3.	HDQT cần phải công bố chính sách thù lao cho thành viên HDQT và chính sách này phải phản ánh nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi cá nhân, kể cả các loại và cấu phần trong thù lao mà từng thành viên HDQT nhận được. Công bố về thù lao cho từng thành viên HDQT cũng phải bao gồm mức thù lao mà mỗi cá nhân nhận được do nắm giữ vị trí thành viên HDQT tại các công ty con của Công ty (nếu có).	Tương đối tốt	Tương đối tốt	SHS chưa công bố thù lao bên ngoài Công ty mà từng thành viên HDQT nhận được
D.	CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
9.	THIẾT LẬP KHUÂN KHỐ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG			
9.1.	HDQT cần phải thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của cổ đông và giám sát việc thực hiện các chính sách này			
9.1.1.	HDQT cần phải thông qua một chính sách toàn diện mô tả cụ thể các quyền của cổ đông và những yêu cầu về quyền, các thủ tục chuẩn bị, tiến hành và đưa ra quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.	Tốt	Tốt	
9.1.2.	Để tránh pha loãng cổ phần, điều lệ của Công ty cần phải có quy định về quyền ưu tiên cho cổ đông để cho phép cổ đông hiện hữu của Công ty duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng khi Công ty phát hành cổ phần mới. Giá mua cổ phần và điều khoản mua được áp dụng với các cổ đông hiện hữu không được kém ưu đãi hơn so với giá và điều khoản chào bán cho bên thứ ba.	Tốt	Tốt	
9.1.3.	Công ty cần phải công bố chính sách dành cho cổ đông, các quy tắc và thủ tục tham gia họp ĐHĐCĐ trên website của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.1.4.	HDQT cần phải bảo đảm rằng Công ty có một hệ thống ghi nhận khiếu nại của cổ đông và giải quyết hiệu quả các tranh chấp của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.1.5.	Công ty cần phải công bố người sở hữu thụ hưởng cuối cùng (nêu rõ đích danh cá nhân) từ 5% tổng số cổ phần trở lên.	Tốt	Tốt	
9.2.	HDQT cần phải tổ chức họp ĐHĐCĐ hiệu quả			
9.2.1.	HDQT nên gửi thông báo về các cuộc họp cổ đông thường niên và bất thường với các thông tin đầy đủ và có liên quan, ít nhất là 21 ngày trước cuộc họp.	Tốt	Tốt	Năm 2018: họp ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018, thông báo ngày 02/04/2018 Năm 2019: họp ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019, thông báo ngày 29/03/2019

9.2.2.	Mỗi cổ đông cần nhận được thông báo họp, chương trình họp, cũng như thông tin chính xác, khách quan và kịp thời để có căn cứ ra quyết định về các vấn đề cần được thông qua tại cuộc họp cổ đông.	Tốt	Tốt	
9.2.3.	HDQT cần phải công bố cho cổ đông thông tin đầy đủ về kinh nghiệm và lý lịch của các ứng cử viên thành viên HDQT, bao gồm tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm liên quan khác, bao gồm thông tin về các vị trí thành viên HDQT tại các công ty niêm yết hoặc không niêm yết khác.	Tốt	Tốt	
9.2.4.	HDQT nên có một quy trình công bằng và hiệu quả để cổ đông kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ, bao gồm các đề xuất cho việc đề cử các thành viên HDQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền kiến nghị bổ sung các vấn đề đưa vào chương trình họp. Các cổ đông sở hữu ít hơn 10% cổ phần biểu quyết của Công ty cần được tạo cơ hội đề xuất các vấn đề bổ sung vào chương trình họp ĐHĐCĐ.	Tốt	Tốt	
9.2.5.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% cổ phần biểu quyết của Công ty có thể yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.	Tốt	Tốt	
9.2.6.	HDQT cần phải đảm bảo rằng các cổ đông có thể biểu quyết thông qua các đại biểu được ủy quyền theo đúng hướng dẫn của cổ đông ủy quyền. Các quy tắc biểu quyết vắng mặt sẽ được quy định trong quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ của Công ty. HDQT cũng cần phải khuyến khích và tạo điều kiện cho các cổ đông bỏ phiếu điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính và tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo cách không làm cho thủ tục biểu quyết trở nên khó khăn hoặc tốn kém.	Tương đối tốt	Tương đối tốt	Năm 2018 và 2019: SHS mới triển khai đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, chưa triển khai họp ĐHĐCĐ trực tuyến, cho cổ đông bỏ phiếu điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính
9.2.7.	Các cuộc họp ĐHĐCĐ nên được tổ chức vào thời gian và địa điểm thuận tiện nhất cho các cổ đông.	Tốt	Tốt	
9.2.8.	Thành viên HDQT, lãnh đạo cấp cao và đại diện của kiểm toán độc lập cần phải tham dự các cuộc họp của cổ đông để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp.	Tốt	Tốt	
9.2.9.	Công ty cần phải công bố kết quả biểu quyết trong vòng 1 ngày sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường. Kết quả biểu quyết phải bao gồm thông tin về số phiếu tán thành, không tán thành và phiếu trắng đối với các vấn đề cần thông qua trong cuộc họp.	Tốt	Tốt	Năm 2018 và 2019: SHS công bố thông tin kết quả biểu quyết ngay trong ngày họp ĐHĐCĐ
9.2.10.	Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường cần phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm ĐHĐCĐ kết thúc. Ngoài các yêu cầu theo quy định, biên bản phải bao gồm các nội dung sau: (1) thủ tục biểu quyết; (2) các ghi chép cho thấy việc cổ đông có cơ hội để đưa ra các câu hỏi, cũng như trình bày cụ thể các câu hỏi và câu trả lời nhận được tại cuộc họp; (3) các vấn đề được thảo luận và nội dung nghị quyết thông qua; (4) kết quả bỏ phiếu cho từng nội dung chương trình họp; (5) danh sách các thành viên HDQT, cán bộ Công ty, đại diện của công ty kiểm toán và các cổ đông tham dự cuộc họp; và (6) ý kiến không tán thành đối với mọi nội dung trong chương trình họp được coi là quan trọng trong quá trình thảo luận.	Tốt	Tốt	Năm 2018 và 2019: SHS công bố thông tin kết quả Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ ngay trong ngày họp ĐHĐCĐ

9.3. HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán				
9.3.1.	HDQT cần phải áp dụng chính sách rõ ràng và minh bạch về quy trình phân phối và chi trả cổ tức, đảm bảo công bằng giữa các cổ đông. Cổ đông cần được cung cấp đầy đủ thông tin về các điều kiện chia cổ tức và thủ tục chi trả và không gặp cản trở việc nhận cổ tức.	Tốt	Tốt	
9.3.2.	Cổ tức phải được trả trong vòng 30 ngày sau khi nghị quyết có liên quan được thông qua. Trong trường hợp Công ty trả cổ tức dưới dạng cổ phiếu thì thời hạn chi trả là trong vòng 60 ngày từ khi nghị quyết được thông qua.	Chưa tốt	Chưa tốt	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 (23/04/2019) thông qua chia cổ tức năm 2018 bằng tiền tỷ lệ 15%, ngày thanh toán 15/07/2019. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 (24/04/2018) thông qua chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu tỷ lệ 4:1, ngày cổ phiếu về tài khoản 13/05/2019.
9.3.3.	Công ty có trách nhiệm chi trả toàn bộ cổ tức đã công bố. Theo đó, Công ty phải chịu trách nhiệm trước các cổ đông về việc không thực hiện nghĩa vụ này theo quy định của pháp luật hiện hành.	Tốt	Tốt	
9.3.4.	HDQT cần phải công bố chính sách cổ tức thông qua website của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.4. Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông				
9.4.1.	Tất cả các quyền của cổ đông cần phải được HDQT công nhận, tôn trọng và bảo vệ. Cụ thể, cổ đông thiểu số cần phải được bảo vệ khỏi các hành động lạm dụng từ các cổ đông nắm quyền kiểm soát hoặc các cổ đông lớn nắm giữ cổ phiếu trực tiếp hoặc gián tiếp, những cổ đông này có thể kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định của Công ty.	Tốt	Tốt	
9.4.2.	Việc bỏ phiếu của cổ đông sẽ dựa trên cơ sở “một cổ phiếu phổ thông một quyền biểu quyết”. Tất cả các quyền liên quan đến từng loại cổ phần cần được công bố công khai.	Tốt	Tốt	
9.4.3.	Cổ đông trong và ngoài nước cần phải được khuyến khích tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Những trở ngại đối với biểu quyết xuyên biên giới cần được loại bỏ. Tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm tài liệu, nghị quyết và biên bản, nên được cung cấp thêm bằng tiếng Anh nhằm tạo điều kiện cho các cổ đông không quen thuộc với tiếng Việt tham gia các cuộc họp một cách có hiệu quả và cung cấp thông dịch viên tại cuộc họp nếu cần thiết.	Tốt	Tốt	
9.4.4.	Công ty thiết lập và công bố trên website của Công ty chính sách và cơ chế khiếu nại hiệu quả cho phép cổ đông và những người khác thực hiện khiếu nại và đảm bảo các khiếu nại này được điều tra và xử lý.	Tốt	Tốt	
9.5. Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông				

9.5.1.	HDQT cần phải đảm bảo các giao dịch với bên liên quan được thực hiện theo thông lệ thị trường ở tất cả các khía cạnh (VD: giá cả, thời hạn, bảo lãnh và các điều khoản chung). Tất cả các giao dịch với bên liên quan phát sinh phải được xem xét và phê duyệt/phủ quyết nghiêm ngặt theo phân quyền đã được quy định và phải được công bố một cách phù hợp (Xem thêm 3.1.2).	Tốt	Tốt	
9.5.2.	Thành viên HDQT và cán bộ quản lý cấp cao cần phải công khai cho HDQT biết họ có lợi ích đáng kể nào trong bất kỳ một giao dịch hay vấn đề gì ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty hay không, cho dù là trực tiếp, gián tiếp hay thay mặt cho bên thứ ba.	Tốt	Tốt	
9.5.3.	Công ty nên ban hành một chính sách bằng văn bản về giao dịch với các bên liên quan (được HDQT phê duyệt) và công bố trên website của Công ty. Chính sách này nên bao gồm tối thiểu các yếu tố sau: (1) Mục tiêu của chính sách; (2) Các định nghĩa; (3) Đơn vị phụ trách việc soạn lập chính sách; (4) Phạm vi áp dụng các chính sách; (5) Xác định các bên liên quan và giao dịch với các bên liên quan, bao gồm các ngưỡng giá trị và các yêu cầu công bố thông tin; (6) Thông báo, quy trình và trách nhiệm giải trình; (7) Quy trình phê duyệt/phủ quyết các giao dịch với các bên liên quan; (8) Giám sát các giao dịch với các bên liên quan; (9) Minh bạch và công bố thông tin/báo cáo về các giao dịch với các bên liên quan; và (10) Ban hành và phổ biến chính sách.	Tốt	Tốt	Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã quy định
9.5.4.	Công ty cần phải xác định nhóm các thành viên HDQT độc lập, không có mâu thuẫn lợi ích và nhiệm vụ của họ liên quan đến giao dịch với các bên liên quan được quy định chính thức trong quy chế hoạt động. Các thành viên HDQT này cần hỗ trợ thực hiện chính sách, rà soát và thông qua/phủ quyết các quy trình phê duyệt giao dịch với các bên liên quan và có sự tương tác chặt chẽ với bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, là các bộ phận đưa ra đảm bảo đối với giao dịch với các bên liên quan.	Tốt	Tốt	
9.5.5.	Trong trường hợp giao dịch với bên liên quan có quy mô lớn hoặc có thể có ảnh hưởng lớn đối với định hướng chiến lược hoặc cơ cấu vốn của Công ty, cổ đông phải có quyền thông qua giao dịch với bên liên quan. HDQT phải trình giao dịch để cổ đông thông qua và công bố thông tin (cả trước khi thực hiện giao dịch và trong báo cáo thường niên của Công ty): (1) Danh tính của người hưởng cuối cùng bao gồm mọi chủ sở hữu có quyền kiểm soát và bất kỳ bên nào liên kết với chủ sở hữu có quyền kiểm soát có bất kỳ lợi ích sở hữu trực tiếp/gián tiếp nào trong Công ty; (2) Các doanh nghiệp khác trong đó cổ đông có quyền kiểm soát có lợi ích đáng kể; và (3) Các hợp đồng với cổ đông (VD: cam kết đối với các khoản thanh toán của bên liên quan như phí cấp phép, hợp đồng dịch vụ và các khoản vay).	Tốt	Tốt	
E.	QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
10.	TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
10.1.	HDQT cần phải đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan			

10.11.	HDQT cần phải đảm bảo có một quy trình chính thức để xác định các bên có quyền lợi liên quan của Công ty bao gồm nhân viên, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ quan trọng. HDQT nên áp dụng các chính sách rõ ràng, minh bạch đối với các bên có quyền lợi liên quan với các cách tiếp cận khác nhau theo mức độ ưu tiên được xác định cho từng nhóm có quyền lợi liên quan.	Tốt	Tốt
10.12.	HDQT cần phải đảm bảo rằng Công ty tôn trọng lợi ích và quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật hoặc được cam kết thông qua các hợp đồng. HDQT nên đặt kỳ vọng cao về sự tương tác với các bên có quyền lợi liên quan và thể hiện cam kết đối với việc tham gia của các bên có quyền lợi liên quan trong Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty.	Tốt	Tốt
10.13.	HDQT cần phải ưu tiên áp dụng các chính sách và chương trình dành cho nhân viên, đặc biệt là các chính sách về an toàn lao động, phúc lợi và phát triển, để nhân viên Công ty có thể đóng góp tích cực vào việc đạt được các mục tiêu của Công ty và có thể tham gia vào các hoạt động quản trị Công ty.	Tốt	Tốt
10.14.	HDQT cần phải đảm bảo rằng Công ty áp dụng và thực thi chính sách chống tham nhũng và chống hối lộ nghiêm ngặt trong Bộ quy tắc đạo đức kinh doanh.	Tốt	Tốt
10.15.	HDQT cần phải đảm bảo rằng các yêu cầu về môi trường và xã hội của Công ty được đưa vào các yêu cầu đối với nhà thầu.	Tốt	Tốt
10.2.	HDQT cần phải đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa Công ty và các bên có quyền lợi liên quan		
10.2.1.	HDQT nên thiết lập và giám sát cơ chế chính thức dành cho người lao động và các bên có quyền lợi liên quan khác đưa ra các câu hỏi và khiếu nại của họ.	Tốt	Tốt
10.2.2.	HDQT nên áp dụng một quy trình giao tiếp minh bạch và dễ dàng tiếp cận để cho phép: (1) Tiếp nhận và đăng ký những thông tin từ các bên có quyền lợi liên quan bên ngoài; (2) Đánh giá các vấn đề được nêu ra và xác định cách thức phản hồi; và (3) Cung cấp và ghi nhận các phản hồi (nếu có).	Tốt	Tốt

THEO QUY CHẾ CAMEL

STT	Tên tiêu chí	Giá trị	Điểm	Trọng số	Tổng điểm 2019	Tổng điểm 2018
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	>=5 năm	100	4%	4	4
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc	>=5 năm	100	6%	6	6
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/ chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	>=7 năm	100	4%	4	4
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng giám đốc	>=7 năm	100	6%	6	6
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	Dưới 5%	80	4%	3.2	1,2
6	Sự đầy đủ của các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế	100	5%	5	5
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận quản lý rủi ro độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế	100	5%	5	5
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả	100	5%	5	5
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	5%	5	5
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	6%	6	6
11	Số năm hoạt động	>7 năm	100	6%	6	6
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/ Tổng Doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến 5%	80	8%	6.4	8

13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Có hệ thống giao dịch trực tuyến, có Hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS hiệu quả	100	5%	5	5
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung của các công ty CK trên thị trường	Top 10	90	5%	4,5	3,5
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới (có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ).	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng và tính khả thi cao	100	4%	4	4
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất.	Trên 20%	100	6%	6	6
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	5%	5	5
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong 6 tháng gần nhất	Không vi phạm	100	6%	6	0
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của công ty	4 nghiệp vụ trở lên	100	5%	5	5
Tổng cộng					97,1	89,7

Chỉ tiêu quản trị: Tăng từ 89,7 điểm lên 97,1 điểm

Kết quả tự đánh giá quản trị Công ty theo quy chế Camel cho thấy chỉ tiêu quản trị của Công ty tăng mạnh (hơn 7,4 điểm) so với năm trước. Nguyên nhân điểm quản trị của Công ty tăng chủ yếu là do Công ty tạo môi trường làm việc tốt hơn cho cán bộ, nhân viên nên ổn định các vị trí lãnh đạo chủ chốt hơn và tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán hơn. Tuy nhiên, thị phần môi giới cổ phiếu của Công ty giảm sút so với năm trước làm giảm điểm quản trị của Công ty.



ĐÁNH GIÁ TÀI CHÍNH CÔNG TY

THEO QUY CHẾ CAMEL

STT	Tên tiêu chí	Giá trị	Điểm	Trọng số	Tổng điểm 2019	Tổng điểm 2018
I.	Mức độ đủ vốn					
1	Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	44%	20	10%	2	2
2	Vốn chủ sở hữu/Vốn pháp định	130%	60	10%	6	8
3	Tỷ lệ vốn khả dụng	340%	100	10%	10	10
II.	Chất lượng tài sản					
4	Tỷ lệ giá trị tổng tài sản sau khi điều chỉnh rủi ro/ Tổng tài sản (không bao gồm tài sản cố định)	88%	80	5%	4	4
5	Tỷ lệ dự phòng/(đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + phải thu)	9%	20	10%	2	0
6	Tỷ lệ các khoản phải thu/Tổng tài sản	55%	50	10%	5	5
III.	Khả năng sinh lời					
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	24%	100	10%	10	10
8	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	11%	70	10%	7	7
IV.	Chất lượng thanh khoản					
9	Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	247%	100	15%	15	15
10	Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	44%	100	10%	10	10
Tổng cộng				100%	71	71

Chỉ tiêu tài chính: không thay đổi ở mức 71 điểm

Kết quả tự đánh giá tài chính của Công ty theo quy chế Camel cho thấy do tỷ lệ vốn chủ sở hữu/Vốn pháp định của Công ty giảm làm giảm giá trị chỉ tiêu tài chính của Công ty 2 điểm trong khi tỷ lệ dự phòng/(đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + phải thu) của Công ty giảm làm tăng chỉ tiêu tài chính của Công ty với số điểm tương ứng dẫn đến giá trị chỉ tiêu tài chính của Công ty theo quy chế Camel không thay đổi so với năm trước và đạt ở mức 71 điểm.



05



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019
 - Kế hoạch hành động năm 2020
- Đánh giá phát triển bền vững theo tiêu chuẩn GRI



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thách thức mang tính toàn cầu của thế kỷ XXI là giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho mọi người mà không làm suy kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và làm giảm sự tăng trưởng kinh tế. Để đạt được điều đó, chính phủ và doanh nghiệp cần tìm kiếm mô hình phát triển bền vững mà tại đó đạt được sự cân bằng giữa yếu tố kinh tế với các yếu tố môi trường, và xã hội.

SHS không chỉ quan tâm đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. SHS còn nhận thấy sự khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, sự phát triển mất cân đối trong xã hội tạo ra các ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, mục tiêu phát triển bền vững của SHS là tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế vững chắc trong dài hạn kết hợp với thực hiện các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể của SHS là:

- Trở thành công ty chứng khoán hoạt động đa năng theo mô hình ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam
- Là thương hiệu công ty chứng khoán có uy tín trên Thị trường Chứng khoán Châu Á
- Đóng góp, xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam an toàn, hiệu quả
- Tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông
- Cung cấp những dịch vụ tài chính, chứng khoán đa dạng, chất lượng cho khách hàng và đối tác
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ, nhân viên
- Gắn mục tiêu kinh doanh của Công ty với các mục tiêu môi trường và xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích với các bên liên quan.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2019

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI BÁO CÁO

SHS lập Báo cáo phát triển bền vững năm nay dựa trên sự tổng hợp thông tin, số liệu từ hoạt động thực tế của toàn Công ty trong năm tài chính 2019. Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm lập Báo cáo Phát triển bền vững của Công ty và đến từ nhiều phòng ban khác nhau nhằm cung cấp các thông tin, số liệu một cách đầy đủ, trung thực nhất. Đối tượng báo cáo được hướng đến là toàn bộ cán bộ, nhân viên Công ty cũng như các bên liên quan quan tâm đến hoạt động của SHS như đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng địa phương, xã hội...

Trong khuôn khổ báo cáo này, SHS tập trung đánh giá việc thực hiện một số tiêu chí điển hình, phù hợp với đặc điểm ngành nghề và hoạt động kinh doanh của SHS theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards, cụ thể như sau:

Nhóm tiêu chuẩn	Phân nhóm tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn cụ thể
Tiêu chuẩn chung		GRI 101- Tổng quan về phát triển bền vững
		GRI 102 - Thông tin chung
Nhóm tiêu chuẩn cụ thể	Nhóm tiêu chuẩn kinh tế	GRI 201 - Hiệu quả hoạt động kinh tế
		GRI 202 - Sự hiện diện trên thị trường
	Nhóm tiêu chuẩn môi trường	GRI 301 - Vật liệu
		GRI 302 - Năng lượng
		GRI 303 - Nước
		GRI 306 - Chất thải và nước thải
		GRI 307 - Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường
	Nhóm tiêu chuẩn xã hội	GRI 401 - Việc làm
		GRI 403 - An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
		GRI 404 - Giáo dục và đào tạo
		GRI 405 - Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
		GRI 407 - Tự do lập hội và thương lượng tập thể
		GRI 413 - Cộng đồng địa phương
	GRI 418 - Quyền bảo mật thông tin khách hàng	

GRI 101 - TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo Phát triển bền vững được xây dựng nhằm tổng hợp những công bố và hoạt động của SHS trong năm 2019 hướng tới việc phát triển bền vững Công ty. Đây là năm thứ năm SHS thực hiện báo cáo này theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững dành cho lĩnh vực Tài chính của Tổ chức Báo cáo sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Theo đó, SHS lựa chọn các nguyên tắc: “Sự tham gia của các bên” và “Tính trọng yếu” để xác định nội dung báo cáo. Đồng thời, SHS cũng lựa chọn các nguyên tắc: “đầy đủ, rõ ràng, nhất quán, tin cậy và có thể so sánh” để xác định chất lượng của Báo cáo phát triển bền vững năm nay.

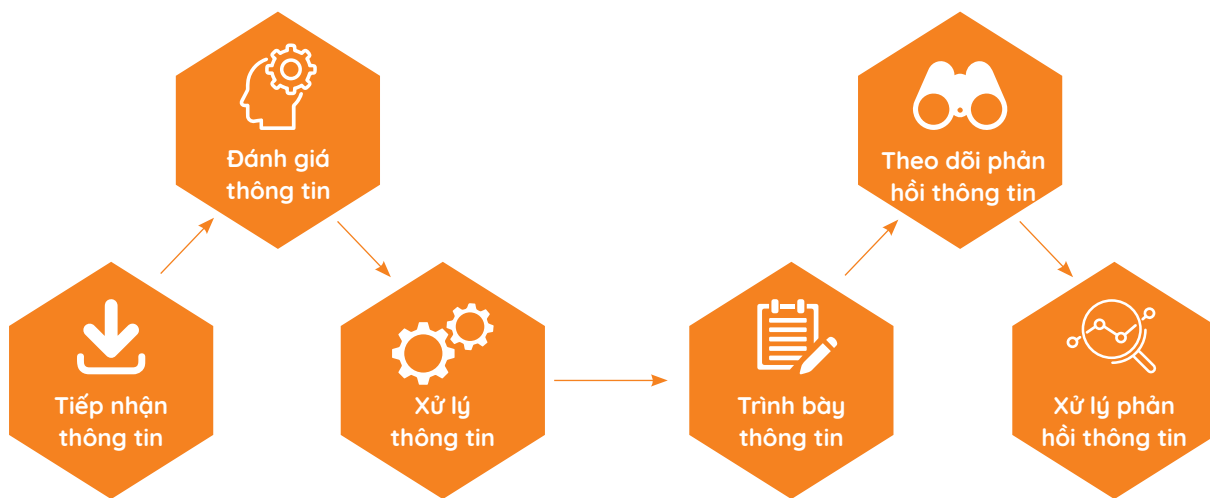
GRI 102 - THÔNG TIN CHUNG

GRI 102 - 14: CHIẾN LƯỢC

► MÔ HÌNH QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

	<p>Hội đồng quản trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chỉ đạo chung về chiến lược • Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
	<p>Ban Tổng Giám đốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT • Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt
	<p>Các phòng ban, cán bộ, nhân viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc • Chia sẻ, lan tỏa những giá trị phát triển bền vững tới cộng đồng

► QUY TRÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



► THÔNG TIN VỀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÁC VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

	Ông Mai Xuân Sơn	Bà Trần Thị Trang
Học vấn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh thương mại – Đại học Thương mại Cử nhân tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học LaTrobe, Australia
Kinh nghiệm	22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại, sản xuất, tài chính, ngân hàng, chứng khoán	14 năm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán
Chức vụ tại SHS	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại SHS: Phó trưởng phòng KH&PTTT
Điện thoại	024.38.181.888 (0)	024.38.181.888 (333)
Email	sonmx@ttgroup.com.vn	trang.tt3@shs.com.vn

GRI 102 – 40, 42, 44: NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC MỐI QUAN TÂM

Thông qua điều tra bằng các kênh khác nhau, SHS nhận định các bên liên quan có ảnh hưởng đến Công ty và Công ty ảnh hưởng đến, đồng thời chia họ làm hai nhóm là bên trong Công ty và bên ngoài Công ty. Từ đó, Công ty tiếp tục điều tra các mối quan tâm của họ đối với vấn đề phát triển bền vững của SHS cũng như đưa ra các giải pháp để đáp ứng kỳ vọng của họ.

Bên liên quan	Chi tiết bên liên quan	Kênh tiếp cận thông tin và ghi nhận phản hồi	Mối quan tâm	Giải pháp đáp ứng kỳ vọng
Bên trong công ty	Cổ đông Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Tại ĐHĐCĐ thường niên và bất thường - Thông qua website của SHS - Gặp gỡ trực tiếp Nhà đầu tư - Cổ đông gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động kinh doanh hiệu quả - Đầy đủ, minh bạch, kịp thời về thông tin công bố - Đảm bảo cổ tức và các quyền lợi hợp pháp của cổ đông - Giá cổ phiếu ổn định và tăng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua - Chuyên nghiệp hóa hoạt động của Văn phòng HĐQT, Bộ phận công bố thông tin và Bộ phận PR&Marketing - Thực hiện đúng các cam kết đối với cổ đông về việc chi trả cổ tức và các quyền lợi hợp pháp khác - Hoàn thiện và không ngừng nâng cao hệ thống quản trị Công ty theo quy định pháp luật và các thông lệ quản trị tốt nhất
	Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua bộ phận nhân sự, công đoàn - Thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết - Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook - Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường làm việc tốt - Công việc ổn định - Cơ hội thăng tiến, phát triển - Trả lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh, đầy đủ, minh bạch. - Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo công việc ổn định và thu nhập ngày càng cao cho cán bộ, nhân viên - Không ngừng hoàn thiện văn hóa công ty nhằm tạo dựng môi trường làm việc hiệu quả, cạnh tranh - Lên kế hoạch và thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo phù hợp trong và ngoài Công ty. - Thường xuyên tổ chức đánh giá nhân sự, đề bạt, khen thưởng cán bộ, nhân viên làm tốt
Bên ngoài công ty	Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua ý kiến của đội ngũ môi giới và nhân viên tiếp xúc khách hàng - Trực tiếp tiếp xúc tại Sàn giao dịch, hội thảo, hội nghị tri ân khách hàng... - Tổng đài chăm sóc khách hàng - Khách hàng gọi điện thoại, gửi thư, email, facebook 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, cạnh tranh với giá phí hợp lý - Ứng dụng CNTT nhanh, hiện đại trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ - Đảm bảo quy mô và sự ổn định nguồn vốn cho vay - Trình độ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên nghiệp hóa bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm - Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật và nâng cấp hệ thống CNTT - Chủ động nguồn vốn tự có cũng như liên kết với nhiều tổ chức, cá nhân để đảm bảo quy mô nguồn vốn cho vay ngày càng lớn và đa dạng - Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc cũng như cử cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao trình độ và kỹ năng chăm sóc khách hàng

<p>Nhà cung cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ, đàm phán trực tiếp - Thông qua website, hồ sơ đánh giá năng lực, tài liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo công bằng, minh bạch - Uy tín trong thanh toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp - Thành lập Hội đồng xét chọn nhà thầu gồm nhiều phòng ban, bộ phận đảm bảo có sự phản biện - Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với quy trình mua sắm cũng như hoạt động pháp chế, kế toán đối với hoạt động rà soát hợp đồng
<p>Cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp và cơ quan truyền thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc trực tiếp - Qua hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ pháp luật - Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty - Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro - Đóng góp ngân sách Nhà nước - Chia sẻ ý kiến, quan điểm về thị trường và góp ý hoàn thiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh các hoạt động quản trị Công ty, pháp chế, kiểm tra, kiểm soát nội bộ - Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thông qua - Chủ động gửi báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ ý kiến góp ý và kinh nghiệm chuyên môn
<p>Hiệp hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các cuộc họp của thành viên hiệp hội, hội thảo, diễn đàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội - Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội - Đóng góp đầy đủ nghĩa vụ tài chính cho Hiệp hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hiệp hội - Chủ động góp ý kiến và bố trí nhân sự tham gia đầy đủ các đợt góp ý kiến do Hiệp hội khởi xướng - Thực hiện đóng góp đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Hiệp hội
<p>Cơ quan thuế</p>	<p>Thông qua trao đổi trực tiếp, gọi điện thoại, email, các cuộc thanh kiểm tra định kỳ</p>	<p>Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước</p>	<p>Phối hợp các phòng ban rà soát thường xuyên các hoạt động và các quy định pháp luật để đảm bảo tính và nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí vào ngân sách nhà nước</p>
<p>Thế hệ trẻ</p>	<p>Thông qua facebook, điện thoại</p>	<p>Các chương trình, hoạt động tài trợ phát triển thế hệ trẻ</p>	<p>Xây dựng hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia ủng hộ, tài trợ phát triển thế hệ trẻ</p>
<p>Cộng đồng địa phương và xã hội</p>	<p>Thông qua chính quyền địa phương, cơ quan sở tại</p> <p>Tiếp xúc trực tiếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường - Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng - Triển khai các hoạt động thiện nguyện - Triển khai các hoạt động đầu tư, hỗ trợ đầu tư vào các lĩnh vực phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng - Dành hạn mức tối thiểu hàng năm tham gia đóng góp, ủng hộ, tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội - Dành hạn mức tối thiểu hàng năm đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh

GRI 201 - HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trước diễn biến kém thuận lợi của TTCK Việt Nam trong năm 2019, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2019, SHS đã phát huy mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, tận dụng mọi cơ hội của thị trường để phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Về hiệu quả kinh doanh

Thị phần môi giới đứng thứ 6 tại HNX - cổ phiếu, thứ 6 tại HNX - trái phiếu, thứ 10 tại HSX - trái phiếu

Tổng tài sản và vốn điều lệ cao nhất từ trước đến nay: 6.072,7 tỷ đồng và 2.072,7 tỷ đồng

Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.072,4 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 312,0 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận chưa phân phối: 340,6 tỷ đồng

ROE (11,2%), ROA (4,7%), EPS (1.359), tỷ lệ an toàn tài chính (338,4%)

Về đảm bảo quyền lợi cho cổ đông

Trả cổ tức 15% bằng tiền mặt, 25% bằng cổ phiếu

Về đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Thu nhập trung bình đạt 28,7 triệu đồng/người/tháng

Nộp 4,3 tỷ đồng/4,4 tỷ đồng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Về quản lý an toàn tài sản cho khách hàng

Quản lý 45.454 tài khoản cá nhân, tổ chức

Quản lý cho khách hàng 1.275,9 tỷ đồng tiền gửi và 27.350,5 tỷ đồng giá trị chứng khoán

Về đóng góp vào ngân sách Nhà nước

Nộp 151,7 tỷ đồng/172,8 tỷ đồng các loại thuế, phí

Hỗ trợ tất cả khách hàng, đối tác, cán bộ, nhân viên của Công ty lập tờ khai thuế để quyết toán tại nơi khác hoặc nhận tờ khai thuế để quyết toán tại Công

Hoàn thiện quản trị Công ty

Ngày càng hoàn thiện mô hình quản trị công ty theo quy chế Camel và thông lệ quản trị tốt nhất của Việt Nam

Hỗ trợ cổ đông thực hiện đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đối xử công bằng với các cổ đông

Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng trình tự, thủ tục như quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ

Nâng cao năng lực, vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT, BKS và người quản lý Công ty Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch

GRI 202 - SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Trong năm 2019, SHS tiếp tục củng cố vị thế của mình trên TTCK Việt Nam thông qua một số sự kiện quan trọng sau:

- SHS tiếp tục giữ vững vị trí trong top các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam. Cụ thể: SHS đứng thứ 6 trên sàn HNX - cổ phiếu với thị phần là 5,04%, thứ 6 trên sàn HNX - trái phiếu với thị phần dưới 5%, thứ 10 trên sàn HSX - trái phiếu với thị phần 0,38%.
- SHS tiếp tục nhận được nhiều bằng khen của UBCKNN, 2 SGDCK, TTLKCKVN, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam... cho những thành tích trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp cho TTCKVN.
- SHS nằm trong top 10 công ty niêm yết vốn hóa vừa có báo cáo thường niên tốt nhất.
- SHS tiếp đón hàng chục đối tác tiềm năng, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư... quan tâm đến hoạt động kinh doanh của SHS và có mong muốn hợp tác với SHS trong nhiều lĩnh vực như góp vốn trở thành cổ đông chiến lược, đầu tư, tư vấn, dịch vụ tài chính...



GRI 301- VẬT LIỆU

Với đặc thù của công ty chứng khoán, vật liệu chủ yếu Công ty sử dụng là giấy in, mực in, biểu mẫu, sách báo tài liệu, văn phòng phẩm các loại với số lượng sử dụng hàng năm không lớn nên không có ảnh hưởng đáng kể đến môi trường.

(Đơn vị: triệu đồng)

Năm	VPP	Biểu mẫu	Mực in	Tài liệu sách báo	Tổng cộng
2019	111,1	249,7	127,5	180,7	669,1
2018	124,7	113,6	134,2	138,8	511,3
2017	134,4	258,5	193,7	86,3	672,9

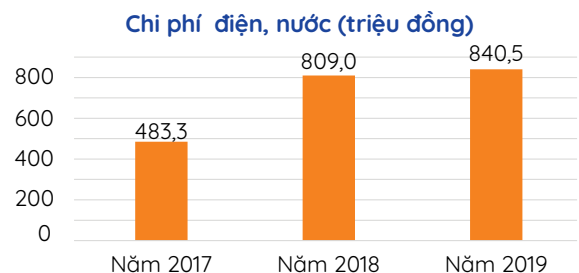
Việc sử dụng các loại vật liệu của Công ty trên cơ sở đề xuất hàng năm của các phòng ban, chi nhánh. Trong năm, các phòng ban, chi nhánh sử dụng theo định mức được phân bổ, trong trường hợp phát sinh đột biến thì Trưởng phòng phải gửi giải trình thỏa đáng mục đích sử dụng có phát sinh đột biến đó. Tất cả các loại vật liệu đều được tận dụng tối đa và sau khi sử dụng đều được xử lý phù hợp để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường.

GRI 302 VÀ 303 - NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác. Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

Đối với năng lượng (điện): Với chủ trương tiết kiệm năng lượng, Công ty lắp đặt toàn bộ hệ thống chiếu sáng bằng các thiết bị tiết kiệm điện. Các phòng ban đều được thiết kế có nhiều cửa sổ để tăng cơ hội sử dụng ánh sáng mặt trời và gió tự nhiên. Hệ thống điều hòa tổng luôn đặt ở chế độ hợp lý nhằm tránh chênh lệch nhiệt độ quá nhiều so với bên ngoài. Công ty không khuyến khích cán bộ nhân viên làm việc ngoài giờ hành chính để đảm bảo tái sản xuất sức lao động cũng như tiết kiệm điện năng cho Công ty. Muốn làm việc thêm giờ, cán bộ nhân viên phải đăng ký trước. 19h hằng ngày, Phòng TC-HC có trách nhiệm đi kiểm tra, tắt các thiết bị điện chiếu sáng, điều hòa ở hành lang và ở các phòng nếu bị bỏ quên. Công ty ký Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ hệ thống điều hòa và máy móc (máy tính, máy in...) để đảm bảo duy trì công suất máy, hạn chế thất thoát điện năng.

Đối với nước: Phòng TC-HC được phân công thường xuyên kiểm tra các vòi nước đảm bảo không bị rò rỉ nước, bỏ quên không tắt vòi nước... Nước uống đóng bình được cấp cho từng tầng theo hạn mức. Bên cạnh thực hiện các chính sách, thủ tục tiết kiệm điện năng và nước, Công ty cũng ban hành các chế tài đối với các phòng ban, cán bộ, nhân viên vi phạm quy định về sử dụng điện, nước như bỏ quên không tắt điện chiếu sáng, điều hòa, vòi nước hoặc sử dụng nước không tiết kiệm.



GRI 306 - CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty cũng thực hiện nhiều biện pháp để giảm thiểu phát thải và chất thải ra môi trường. Cụ thể:

Đối với hệ thống điều hòa:

Sử dụng hệ thống điều hòa với công nghệ mới và thuê nhà cung cấp thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để tránh rò rỉ, phát thải chất khí gây hại cho môi trường.

Đối với rác thải:

- Rác thải từ văn phòng được phân loại thành các loại rác hữu cơ, rác có thể tái chế, rác thải độc hại. Nhân viên thu dọn rác được yêu cầu phân loại rác trước khi bàn giao cho Công ty thu gom rác.
- Đối với rác thải hữu cơ: tại mỗi phòng ban và hành lang, nhà vệ sinh đều có đặt thùng rác đậy kín. Nhân viên vệ sinh được yêu cầu thu dọn rác hàng ngày để tránh gây ô nhiễm văn phòng làm việc.
- Đối với rác thải có thể tái chế như giấy, bia, chai, lọ nhựa, thủy tinh: nhân viên vệ sinh sẽ gom riêng để bán hoặc tái sử dụng.
- Đối với rác thải độc hại như mực in, pin, bóng đèn: được gom riêng để bàn giao cho bên cung cấp mực in hoặc Công ty thu gom rác.

GRI 307 - TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

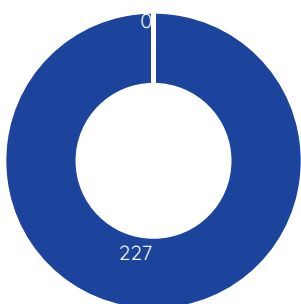
Văn phòng làm việc là nơi cán bộ, nhân viên dành phần lớn thời gian trong ngày của mình tại đây. Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, nhân viên, góp phần giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, nhân viên vệ sinh được yêu cầu quét dọn 2 lần/ngày các khu vực chung và 1 lần/ngày đối với các khu vực riêng. Cán bộ, nhân viên được yêu cầu thường xuyên lau dọn bàn làm việc và các thiết bị sử dụng đồng thời sắp xếp tài liệu gọn gàng, khoa học. Công ty cũng thuê một công ty chuyên nghiệp cung cấp và bảo dưỡng định kỳ cây cảnh và máy móc trong toàn bộ văn phòng làm việc. Trong năm 2019, Công ty không ghi nhận có trường hợp nào vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

GRI 401 - VIỆC LÀM

Cơ cấu nguồn nhân lực của SHS

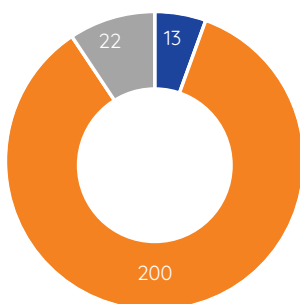
Tổng số cán bộ, nhân viên tại SHS tính đến 31/12/2019 là 227 người. Biểu đồ cơ cấu nhân sự của SHS như sau:

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo Quốc tịch



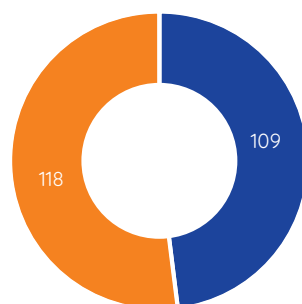
■ Việt Nam ■ Nước ngoài

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo độ tuổi



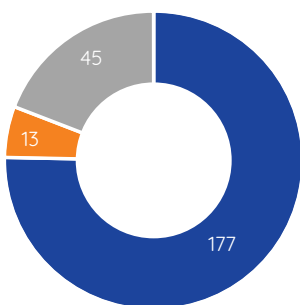
■ Dưới 25 ■ Từ 25 dưới 40 ■ Trên 40

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo giới tính



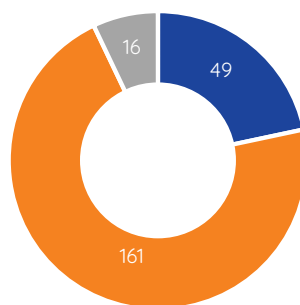
■ Nam ■ Nữ

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo khu vực địa lý



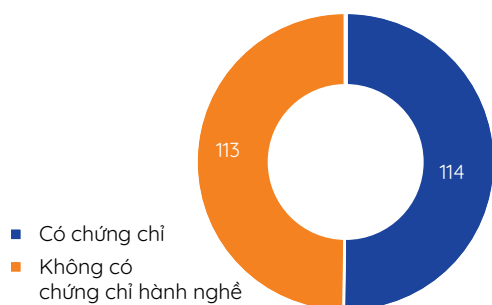
■ Miền Bắc
■ Miền Trung
■ Miền Nam

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo trình độ học vấn

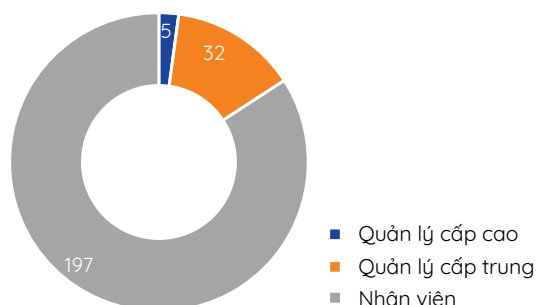


■ Trên đại học
■ Đại học
■ Dưới đại học

Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo chứng chỉ hành nghề chứng khoán



Cơ cấu nguồn nhân lực SHS theo cấp bậc



Tuyển dụng nhân sự tài năng, đam mê cống hiến và phù hợp với chiến lược kinh doanh, văn hóa Công ty

Việc tuyển dụng nhân sự của SHS được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. Theo đó, hàng năm, Công ty lập kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban, chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển. Việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện qua nhiều kênh khác nhau như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty, qua giới thiệu và qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp... Do đó, SHS có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân sự có trình độ cao, giàu kinh nghiệm. Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng thi tuyển và phỏng vấn nhằm lựa chọn ra những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp nhất với chiến lược kinh doanh và văn hóa Công ty. Trong năm 2019, SHS đã tuyển mới 19 cán bộ, nhân viên nhằm bổ sung vào đội ngũ nhân sự của Công ty trên cả 3 miền. Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

Quản lý nhân sự chuyên nghiệp

Mọi cán bộ, nhân viên của Công ty đều được phổ biến đầy đủ Nội quy lao động và các quy trình, quy chế, quy định liên quan ngay từ khi bắt đầu vào làm việc tại Công ty nhằm giúp cán bộ, nhân viên hiểu và nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện công việc.

Công ty quản lý nhân sự theo địa điểm kinh doanh và theo phòng làm việc. TGD có trách nhiệm quản lý các PTGD và các Trưởng phòng. BTGD bao gồm TGD và các PTGD và có trách nhiệm quản lý các Trưởng phòng. Các Trưởng phòng có trách nhiệm quản lý nhân viên do mình phụ trách. Giám đốc các chi nhánh, phòng giao dịch và Trưởng văn phòng đại diện có trách nhiệm quản lý cán bộ, nhân viên của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện. Cán bộ, nhân viên đi làm có nghĩa vụ chấm công bằng vân tay. Cuối tháng, cán bộ, nhân viên có nghĩa hoàn thiện Bảng chấm công bổ sung, Phiếu nghỉ phép... cho những ngày không chấm công bằng vân tay trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển cho Phòng Tổ chức Hành chính để tính lương.

Công ty cũng đã trang bị phần mềm quản lý nhân sự chuyên nghiệp và nhiều tiện ích. Cán bộ, nhân viên có thể khai thác thông tin về lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp, nghỉ phép, tình hình chấm công...trên hệ thống. Bộ phận Nhân sự có thể quản lý trực tiếp nhân sự của Công ty trên phần mềm với nhiều phần hành khác nhau như tính lương, thưởng và các khoản trích trên lương, quản lý chấm công, nghỉ phép...

Bổ nhiệm, chuyển đổi đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tuyển dụng 19 người, nâng lương cho 35 người, đánh giá lại hợp đồng lao động cho 50 người, giải quyết chế độ nghỉ việc cho 29 người dựa trên nguyện vọng cá nhân, đánh giá khả năng cá nhân và sự phù hợp nhằm phát huy tốt nhất khả năng của mỗi nhân sự từ đó góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Chế độ lương, thưởng hấp dẫn

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo sự cạnh tranh, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại SHS là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 2 lần/tháng trong đó lần 1 là tạm ứng lương 30%, lần 2 là trả 70% lương còn lại. Công ty trích, nộp các khoản KPCD, BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN cho 100% người lao động trước khi chi trả thu nhập theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.

Cơ cấu thu nhập của Người lao động bao gồm lương cơ bản trả hàng tháng, lương theo kết quả kinh doanh trả hàng tháng, lương tháng thứ 13, thưởng theo kết quả kinh doanh, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca và các khoản thu nhập khác... Riêng đối với Khối môi giới và các phòng ban, cá nhân hỗ trợ, Công ty có chính sách chia sẻ phí môi giới với các Môi giới và lương theo Doanh thu môi giới cho Bộ phận hỗ trợ.

Chi phí	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)
Chi phí lương, thưởng, ăn ca, làm thêm giờ...	77.275.806.982	78.564.275.086	75.405.201.484
Các khoản trích theo lương (KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.353.806.190	2.845.270.120	2.691.475.976
Tổng chi phí lương	79.629.613.172	81.409.545.206	78.096.677.460
Số lượng CBNV tại thời điểm cuối năm	209	235	227
Chi phí lương, thưởng bình quân đầu người /tháng	30.811.725	28.868.633	28.669.852

Năm 2019, Công ty đã tổ chức bình bầu và khen thưởng cán bộ, nhân viên xuất sắc, có những thành tích đóng góp tích cực cho hoạt động của Công ty với tổng giá trị khen thưởng là 135 triệu đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT đã khen thưởng 2 tập thể và 1 cá nhân
- TGD đã khen thưởng 1 tập thể và 4 cá nhân

Chế độ khen thưởng bằng cả tinh thần và vật chất đã tạo ra phong trào thi đua liên tục giữa các cán bộ, nhân viên và giữa các phòng ban. Nhờ đó, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Hỗ trợ đầy đủ chế độ phụ cấp, phúc lợi cho người lao động và thân nhân

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc theo đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (như phụ cấp điện thoại, xăng xe, ăn ca, công tác phí, sinh nhật cá nhân, sinh nhật công ty 15/11, ngày 8/3, ngày 20/10, trợ cấp đối với cán bộ, nhân viên đã từng tham gia quân ngũ ...).

Lao động nữ được nghỉ đủ 6 tháng khi sinh con và được giảm 1 giờ làm khi mang thai từ tháng thứ 7 trở đi và sau khi sinh con trong vòng 1 năm. Lao động nam được nghỉ từ 5-14 ngày khi vợ sinh con. Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ thai sản cho 9 người. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng thai, dưỡng sức, nghỉ phép...đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động và không có phát sinh khiếu nại nào về việc thực hiện chính sách cho người lao động trong năm 2019.

Tháng 8/2019, SHS cũng đã chi 2,9 tỷ đồng tổ chức cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đi tổng kết hoạt động kết hợp với tham quan tại Hà Quốc 5 ngày 4 đêm. Chuyến đi không chỉ giúp Công ty có thời gian tổng kết lại toàn bộ hoạt động kinh doanh trong một năm mà còn là cơ hội để cán bộ, nhân viên của Công ty có thời gian nghỉ ngơi, tham quan tại một đất nước xinh đẹp, phát triển đồng thời giúp cán bộ, nhân viên 3 miền tăng cường giao lưu, đoàn kết, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Công ty không chỉ quan tâm trực tiếp đến cán bộ, nhân viên mà còn quan tâm đến thân nhân, gia đình của cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều tổ chức khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt trong năm; tổ chức tặng quà các cháu nhân ngày Tết thiếu nhi, Rằm trung thu; hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay... với mức chi đến 2 triệu đồng/trường hợp.

GRI 403 - AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng, thân thiện và cởi mở. Công ty đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc của Công ty và các Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động. Phòng TC-HC chịu trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở CBNV duy trì môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và chuyên nghiệp.

Các hoạt động thể thao như chạy, đá bóng, tennis...được quan tâm và tổ chức thường xuyên nhằm giúp cán bộ, nhân viên rèn luyện sức khỏe để làm việc và cống hiến tốt hơn. Năm 2019, SHS lần thứ 2 đăng cai tổ chức Giải bóng đá nam các công ty chứng khoán khu vực phía Bắc và đã đạt Giải nhất nhằm tạo sân chơi bổ ích, góp phần tạo môi trường giao lưu giữa các Công ty chứng khoán. Ngoài ra, SHS cũng tài trợ 20 triệu đồng và tham gia giải bóng đá nam do VSD tổ chức đồng thời giao lưu bóng đá nữ với Vietinbank.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động luôn được quan tâm. Năm 2019, Công ty mua bảo hiểm nhân thọ hằng năm tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội cho 211 lượt cán bộ, nhân viên với tổng chi phí khoảng 740 triệu đồng; mua bảo hiểm nhân thọ lâu dài tại Dai-ichi (Nhật Bản) cho 128 lượt cán bộ, nhân viên với tổng phí đóng hằng năm khoảng 1,7 tỷ đồng và khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại Bệnh viện Medelab cho cán bộ, nhân viên cho 134 lượt người với tổng chi phí là 170 triệu đồng.

GRI 404 - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SHS đặc biệt coi trọng vấn đề đào tạo vì cán bộ, nhân viên của Công ty được coi là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty chỉ có thể phát triển bền vững nếu cán bộ, nhân viên được chăm lo và bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, việc giáo dục, đào tạo tại Công ty được định hướng theo hướng thiết thực và để phát triển đội ngũ nhân sự kế cận, tạo sự chủ động về vấn đề nhân sự cho Công ty. Trong năm 2019, số lượt cán bộ, nhân viên được cử đi đào tạo ở bên ngoài như sau:

(Đơn vị: đồng)

Tên khóa học	Số người tham dự	Đơn vị tổ chức	Phí đào tạo
Chứng khoán phái sinh	16	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo chứng khoán	35.200.000
Quản trị Công ty	1	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo chứng khoán	1.500.000
Phương pháp phát hiện gian lận BCTC	8	Công ty Tư vấn AFA	34.200.000
Tập huấn nghiệp vụ giao dịch chứng khoán	2	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	4.000.000
Khóa nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ	2	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	1.600.000
Tổng cộng			76.500.000

Ngoài ra, Công ty cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện của UBCKNN, các Sở Giao dịch Chứng khoán về công bố thông tin, lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán khác. Các đợt đào tạo nội bộ vẫn được duy trì thường xuyên giúp nâng cao trình độ chuyên môn, khả năng giao tiếp, phục vụ khách hàng của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

GRI 405 - SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Công ty luôn đảm bảo sự công bằng trong môi trường làm việc cũng như cơ hội phát triển cho lao động nữ của Công ty. Tỷ lệ nữ giới trong Công ty là 52,0%, tăng 2,2% so với năm 2018. Chế độ lương, thưởng dành cho nữ giới của Công ty không có sự phân biệt nào so với lao động nam. Nữ giới luôn được khuyến khích đưa ý kiến và tham gia vào các vị trí quản lý của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chính sách dành cho nữ giới như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi khi mang bầu, sinh con...

GRI 407 - TỰ DO LẬP HỘI VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định hiện hành của Pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể được toàn thể CBNV của Công ty thông qua và được đăng ký với Sở Lao động và Thương binh Xã hội. Toàn thể người lao động trong Công ty được hưởng lợi ích từ Thỏa ước lao động tập thể. Đời sống của cán bộ, nhân viên được chăm lo thông qua tổ chức công đoàn của Công ty và quỹ khen thưởng, phúc lợi. Bất kỳ sự xung đột lợi ích nào giữa Công ty và cán bộ, nhân viên (nếu có) đều được tổ chức công đoàn đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Cán bộ, nhân viên được tự do lập hội để nâng cao tinh thần, sức khỏe. Một số hội đã được lập mới hoặc duy trì hoạt động thường xuyên trong năm 2019 như hội chạy, hội đá bóng, hội tennis...

GRI 413 - CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là thành viên tiêu biểu, có trách nhiệm của Cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội

Năm 2019, SHS tham gia tích cực vào các hoạt động do các cơ quan quản lý trực tiếp và các Hiệp hội tổ chức. Cụ thể:

- Tham gia tất cả các lần đóng góp ý kiến sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN, SGDCK, Hiệp hội đầu tư kinh doanh chứng khoán... yêu cầu như dự thảo sửa đổi Luật Chứng khoán...
- Đóng góp nhiều ý kiến quan trọng cho cơ quan quản lý Nhà nước (như UBCKNN, SGDCK, VSD, VCCI, Bộ KH&ĐT...) và Hiệp hội đầu tư chứng khoán, Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Hiệp hội trái phiếu trong việc nâng cao chất

lượng hoạt động của các công ty chứng khoán, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước...góp phần xây dựng TTCKVN an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở Việt Nam.

- Tham gia tất cả các hội thảo sửa đổi văn bản pháp luật do UBCKNN và Hiệp hội đầu tư chứng khoán tổ chức, tham gia tất cả các hội thảo phổ biến văn bản pháp luật, phổ biến quy định về quản trị công ty, quy định về lập báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
- Đã gửi các báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau như UBCKNN, 2 Sở GD&ĐT, VSD, UB>CT, Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan thuế, Cơ quan thống kê, Cơ quan bảo hiểm...
- Đã giải trình đầy đủ, hợp lý về tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình khách hàng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước khi được yêu cầu.
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác truyền thông với nhiều cơ quan, báo, đài nhằm cung cấp thông tin chủ động, đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đến công chúng.

Chính vì những đóng góp tích cực của mình, trong năm 2019, Công ty đã vinh dự được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Hiệp hội Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Bộ Kế hoạch Đầu tư, UBCKNN, SGD&ĐT Hà Nội và HCM, VSD... *(Vui lòng xem tại mục Giải thưởng đạt được)*

Đóng góp tích cực vào Thị trường vốn xanh

Năm 2019, SHS tiếp tục kiên định chiến lược kinh doanh theo hướng sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực hiện có để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững. Một trong những nội dung ưu tiên của chiến lược phát triển bền vững đó là dành một phần quan trọng nguồn lực để đầu tư và hỗ trợ thị trường vốn xanh thông qua các hoạt động môi giới, cung cấp dịch vụ tài chính, đầu tư, tư vấn...

► Hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính

SHS đã cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho các Nhà đầu tư vào cổ phiếu xanh niêm yết như: VNM, DHG, BVH, PAN, FPT, REE, DQC, GTN, SHI, DVN, BWE, SKV, AAA, DQC... ; các cổ phiếu xanh chưa niêm yết như: DTH, HCB...

Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ môi giới và dịch vụ tài chính cho chính các Doanh nghiệp xanh nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, quản trị của các Doanh nghiệp xanh, giúp hỗ trợ giao dịch và cải thiện tính thanh khoản của các cổ phiếu xanh, giúp Nhà đầu tư biết nhiều hơn đến các cổ phiếu xanh như SHI, SKV...

SHS cũng là đơn vị nhận ủy thác đấu giá cổ phần và đại lý đấu giá cổ phần của rất nhiều cổ phiếu xanh thông qua Sở giao dịch chứng khoán và thông qua công ty chứng khoán. Hoạt động của SHS đã góp phần làm cho quá trình thoái vốn, bán bớt phần vốn, cổ phần hóa các Doanh nghiệp xanh được hiệu quả hơn.



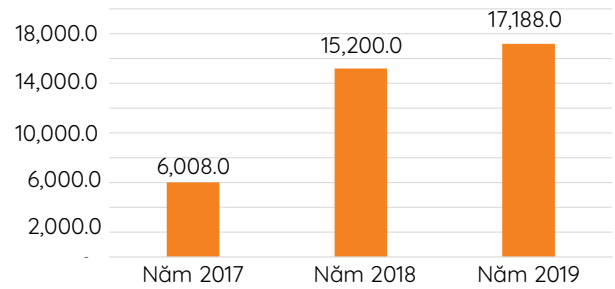
Tổng Giám đốc và CBNV SHS tham gia trồng cây tại Chương trình Chung tay trồng rừng Việt Nam



► Hoạt động đầu tư

Trong năm 2019, Công ty đầu tư khoảng hơn 15.200 tỷ đồng vào trái phiếu Chính phủ đấu thầu; trái phiếu Chính phủ bảo lãnh phát hành; trái phiếu ngân hàng, doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh... chiếm 32% tổng vốn đầu tư năm 2019, tăng 13,1% so với năm 2018 và 186,1% so với năm 2017 nhằm gián tiếp tài trợ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh của Chính phủ. Điều đó cho thấy mức độ đầu tư vào trái phiếu xanh của Công ty ngày càng có xu hướng tăng lên.

Giá trị đầu tư trái phiếu xanh (tỷ đồng)



Công ty cũng đã dành hàng trăm tỷ đồng đầu tư vào các cổ phiếu xanh (các cổ phiếu của các công ty niêm yết có nền tảng cơ bản, có xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực xanh, sản xuất các sản phẩm bảo vệ sức khỏe con người, nâng cao sức khỏe con người, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường hoặc triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường như CMC, DHG, DMC, DSN, FPT, GEG, GEX, IMP, PMC, SSC, SKV, REE, KDC, SAB, LIX...

► Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành

Công ty đã cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành cho các doanh nghiệp xanh như tư vấn cổ phần hóa, thoái vốn, niêm yết, phát hành... Một số khách hàng tư vấn điển hình trong năm 2019 của Công ty như:

STT	Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động
1	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCF	Tham gia trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển giống cây lâm nghiệp. Bên cạnh đó còn thực hiện trồng rừng kinh tế cung ứng nguyên liệu, trồng rừng thâm canh, trồng cây gỗ lớn.
2	Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu (UPC)	Quản lý, chăm sóc, bảo vệ, duy tu, tôn tạo, trồng mới công viên, cây xanh đô thị thành phố Vũng Tàu; thiết kế các dịch vụ sân vườn hoa cây cảnh.
3	Công ty TNHH Urenco Môi trường đô thị Hà Nội	Quản lý môi trường, thu gom, xử lý chất thải trên các quận trung tâm và một số huyện ngoại thành của Thành phố Hà Nội; quản lý Khu Liên hiệp Xử lý Chất thải Nam Sơn - Sóc Sơn và một số khu xử lý chất thải tập trung của Thành phố.
4	Công ty TNHH MTV Chiếu Sáng và Thiết bị Đô thị	Chiếu sáng và thiết bị đô thị.
5	Công ty CP Cà phê Thuận An	Trồng, chăm sóc, quản lý và khai thác 228,27 ha cà phê, phủ xanh đất trống, đồi trọc, chống xói mòn đất đồng thời tạo công ăn việc làm cho bà con dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đắk Mil, Đắk Nông.
6	Công ty CP Camimex Group	Nuôi trồng tôm sinh thái góp phần bảo vệ rừng ngập mặn ở Cà Mau.
7	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	Sản xuất nước sạch góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân khu vực Hà Nội
8	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Chuyên đầu tư, sản xuất, hoặc kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính và viễn thông góp phần cải thiện và mở rộng thông tin tới người dân.
9	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Tham gia lĩnh vực cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng... tạo động lực phát triển kinh tế.
10	Ngân hàng TMCP Á Châu	Tham gia lĩnh vực cung cấp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu dùng... tạo động lực phát triển kinh tế.
...		

► Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư

Công ty thường xuyên khuyến nghị Nhà đầu tư ưu tiên đầu tư vào các mã chứng khoán xanh thông qua các bản tin phân tích và các báo cáo tư vấn đầu tư do nhận thấy tính bền vững và hiệu quả đầu tư vào các mã chứng khoán này. SHS sẵn sàng chia sẻ thông tin và cơ hội đầu tư vào cổ phiếu xanh với Khách hàng. Trong năm 2019, SHS đã cung cấp nhiều khuyến nghị đầu tư vào cổ phiếu xanh như VHC, MPC, BOT, VSI, AMV...

Góp phần phát triển thế hệ trẻ

Để đóng góp vào sứ mệnh phát triển thế hệ trẻ, trong năm 2019, SHS tiếp tục là Nhà tài trợ Kim cương cho cuộc thi “Bản lĩnh Nhà đầu tư năm 2019” do Học viện Ngân hàng tổ chức. Ngoài tài trợ tài chính cho Nhà trường tổ chức cuộc thi 55 triệu đồng, cho 10 sinh viên tham gia cuộc thi 50 triệu đồng thì SHS còn hỗ trợ nhân sự, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm đầu tư và làm việc trong lĩnh vực chứng khoán cho các sinh viên. Thông qua cuộc thi, không chỉ các sinh viên tham gia cuộc thi mà rất nhiều sinh viên khác của trường đã có cơ hội hiểu rõ hơn về lĩnh vực chứng khoán và định hướng tốt hơn cho nghề nghiệp đã chọn sau này. Ngoài ra, năm 2019, SHS bắt đầu là nhà tài trợ cho Quỹ học bổng “Thắp sáng niềm tin cho em” với tổng giá trị tài trợ 550 triệu đồng, góp phần vào việc giúp hàng triệu trẻ em hiếu học nhưng có hoàn cảnh khó khăn trên khắp cả nước có cơ hội được cấp sách đến trường.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và xã hội

Trong năm 2019, SHS tham gia tích cực vào các chương trình hoạt động cộng đồng không chỉ nhằm mục đích góp phần hỗ trợ những mảnh đời bất hạnh mà còn góp phần vào việc tạo ra môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng. Cụ thể mức chi của SHS trong năm 2019 như sau:

STT	Hạng mục tài trợ	Kinh phí tài trợ (triệu đồng)
1	Ứng hộ Caravan - Hành trình nhân ái năm 2019 tại Mộc Châu - Sơn La	200
2	Ứng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội tại Chương trình "Giao lưu giữa nhà tài trợ với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn"	200
3	Ứng hộ Hội người mù Quận Hoàn Kiếm, Hội người cao tuổi Phường Hàng Bài năm 2019	2
4.	Chương trình Chung tay trồng rừng Việt Nam	100
Tổng cộng		502

Bên cạnh đó, trong năm 2019, cán bộ, nhân viên Công ty tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động thiện nguyện như quyên góp tiền và vật chất cho trẻ em vùng cao, hỗ trợ cho bệnh nhân bị bệnh nặng tại các bệnh viện lớn ở Hà Nội (như Bệnh viện K, Bệnh viện Tim, Bệnh viện Bạch Mai...). Công ty luôn khuyến khích, nhắc nhở cán bộ, nhân viên có tinh thần tương thân tương ái, chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh và coi đó là một phần trong văn hóa của Công ty.

GRI 418 - QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Là công ty chứng khoán quản lý 45.454 tài khoản, 1.275,9 tỷ đồng tiền gửi và 27.350,5 tỷ đồng giá trị chứng khoán cho khách hàng do đó yêu cầu bảo mật thông tin của khách hàng luôn được Công ty ưu tiên và chú trọng. Công ty đã ban hành các quy định nội bộ về bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý nếu làm lộ thông tin khách hàng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán và kế toán của Công ty đều được mua từ các đối tác uy tín, phân quyền sử dụng và khai thác thông tin, số liệu dựa trên sự đề xuất bằng văn bản của trưởng phòng, sự phê duyệt của Ban lãnh đạo và sự thực hiện phân quyền của Phòng CNTT. Công ty cũng mua các phần mềm để bảo mật, chống truy cập bất hợp pháp cho hệ thống website, phần mềm của công ty. Các hợp đồng, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng đều được các phòng liên quan quản lý trong các tủ có khóa, khi không còn sử dụng thì được tiêu hủy theo đúng quy định của Công ty.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2020

Trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động phát triển bền vững năm 2019 và đối chiếu với mục tiêu, phương hướng hành động, SHS đề ra kế hoạch phát triển bền vững năm 2020 như sau:

Tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh

Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHCĐ thông qua.

Duy trì vị trí top 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất Việt Nam.

Hoàn thành các mục tiêu phi tài chính khác.

Đảm bảo cam kết với các bên liên quan

Với Người lao động

- Tăng thu nhập, phúc lợi tối thiểu 10%
- Tạo môi trường làm việc bình đẳng, chuyên nghiệp và cơ hội thăng tiến

Với cổ đông

- Đảm bảo cổ tức và quyền lợi khác của cổ đông tối thiểu 10%
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch

Với khách hàng, Nhà cung cấp

- Hoàn thiện và tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp với giá phí cạnh tranh
- Là đối tác thường xuyên, tin cậy và cùng chia sẻ lợi ích

Với cơ quan quản lý, hiệp hội và truyền thông

- Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước
- Là thành viên tích cực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển của TTCKVN và các Hiệp hội
- Hợp tác đầy đủ, kịp thời trong công tác báo cáo, công bố thông tin và truyền thông

Tăng cường trách nhiệm xã hội

Xây dựng chiến lược dài hạn về bảo vệ môi trường và thiện nguyện

Với môi trường

- Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tiết kiệm nước và năng lượng
- Tích cực bảo vệ môi trường với nhiều hình thức khác nhau

Với thế hệ trẻ

- Tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và học tập
- Tăng cường tài trợ tài chính cho thế hệ trẻ

Với xã hội

- Tăng cường công tác thiện nguyện, làm tốt các chương trình an sinh xã hội

ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI

GRI	Mô tả	Tham chiếu	Trang
1. CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Tuyên bố của Lãnh đạo cấp cao doanh nghiệp	BCTN - Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	8
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCTN - Quản trị rủi ro	99
2. HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên doanh nghiệp	BCTN - Thông tin chung	11
G4-4	Sản phẩm, dịch vụ	BCTN - Các lĩnh vực hoạt động	14
G4-5	Trụ sở chính	BCTN - Mạng lưới hoạt động	20
G4-6	Số lượng quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động	BCTN - Mạng lưới hoạt động	21
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình quản lý	BCTN - Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức bộ máy	18
G4-8	Thị trường phục vụ	BCTN - Mạng lưới hoạt động	21
G4-9	Quy mô doanh nghiệp	BCTN - Thông tin chung	11
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149
G4-11	Tỷ lệ % người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	152
G4-12	Chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	BCTN - Các lĩnh vực hoạt động	14
G4-13	Báo cáo thay đổi quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng	BCTN - Thông tin dành cho cổ đông	104
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có đưa ra phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCTN - Quản trị rủi ro BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	99 155
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường và xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành hoặc ủng hộ	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-16	Hội viên hiệp hội	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	152-153
3. XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI VÀ LĨNH VỰC TRỌNG YẾU			
G4-17	Các đơn vị bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc các tài liệu tương đương	BCTN - Báo cáo tài chính kiểm toán	177
G4-18	Quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới lĩnh vực	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	144
G4-19	Liệt kê các lĩnh vực trọng yếu đã xác định	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143

G4-20	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên trong tổ chức	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào đó trong báo cáo trước đó và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
4. SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
G4-24	Danh sách Bên liên quan	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	145
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định Bên liên quan	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	145
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với Bên liên quan	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	145
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của Bên liên quan và phản hồi của doanh nghiệp	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	145
5. HỒ SƠ BÁO CÁO			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-30	Chu kỳ báo cáo	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-31	Địa chỉ liên hệ (nếu có)	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	144
6. DANH MỤC NỘI DUNG GRI			
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	143
G4-33	Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến nội dung báo cáo	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	144
G4-34	Bộ máy quản trị	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	144
7. ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức	BCTN - Thông tin chung BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	11 142
8. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO CỤ THỂ			
Các tác động về mặt kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	147
Các tác động về mặt môi trường			
G4-EN2	Sử dụng vật liệu tái chế	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	148-149
G4-EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	148-149
G4-EN27	Phạm vi giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm, dịch vụ	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149
G4-EN 29	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền do không tuân thủ luật phát môi trường	BCPTBV - Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149

Các tác động về mặt xã hội

G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ các loại	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149
G4-LA2	Phúc lợi cho người lao động	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	150-151
G4-LA10	Các chương trình đào tạo	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	152
G4-LA12	Báo cáo chi tiết về lao động	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149

Các tác động liên quan đến quyền con người

G4-HR5	Sử dụng lao động trẻ em	SHS không sử dụng lao động trẻ em	150
G4-HR6	Sử dụng lao động cưỡng bức	SHS không sử dụng lao động cưỡng bức	150

Các chỉ số theo lĩnh vực

G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	155
G4-SO8	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt	BCPTBV- Báo cáo phát triển bền vững năm 2019	149
G4-PR3	Thông tin về sản phẩm dịch vụ	BCTN - Thông tin chung	14



BÁO CÁO ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2019

- Giải trình ý kiến của kiểm toán độc lập
- Báo cáo tài chính
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính





GIẢI TRÌNH VỀ Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo được kiểm toán

Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2019.



Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ý kiến kiểm toán:

Chấp nhận toàn bộ



Giải trình về ý kiến của Kiểm toán độc lập:

Năm 2019, Kiểm toán độc lập đưa ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Do đó, không có giải trình nào của Ban Tổng Giám đốc SHS đối với ý kiến của Kiểm toán độc lập.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông	Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông	Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông	Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 03/01/2020
Ông	Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 11/04/2019
Ông	Mai Anh Chính	Ủy viên - Từ nhiệm ngày 15/11/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

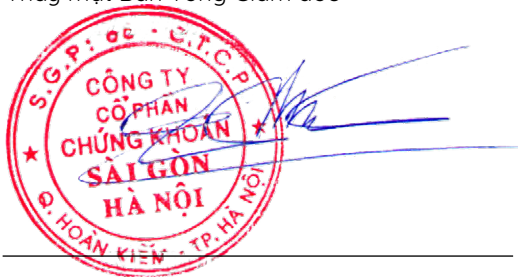
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 - “Các khoản phải thu ngắn hạn” phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã Số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.989.907.588.500	4.773.903.146.557
110	I.	Tài sản tài chính		5.982.620.174.098	4.769.306.051.715
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.052.419.267.919	838.785.387.863
111.1	1.1	Tiền		1.052.419.267.919	838.785.387.863
112	1.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.270.103.498.366	1.006.453.343.406
114	2.	Các khoản cho vay	5	1.647.839.423.627	2.051.008.965.835
115	3.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	300.000.000.000	-
117	4.	Các khoản phải thu	6	47.668.983.400	93.173.312.756
117.1	4.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		-	50.807.500.000
117.2	4.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		47.668.983.400	42.365.812.756
117.3	4.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		47.668.983.400	42.365.812.756
118	5.	Trả trước cho người bán	7	2.247.585.608	741.970.854
119	6.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	2.059.380.600.595	1.152.128.250.233
122	7.	Các khoản phải thu khác	6	45.021.531.845	59.862.400.297
129	8.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(442.060.717.262)	(432.847.579.529)
130	II.	Tài sản ngắn hạn khác		7.287.414.402	4.597.094.842
131	1.	Tạm ứng		6.605.055.591	3.041.944.389
132	2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	267.329.831	237.121.841
133	3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	10	412.278.980	1.315.278.612
134	4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	2.750.000	2.750.000
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		82.769.951.720	95.057.343.675
220	II.	Tài sản cố định		4.426.059.066	2.911.082.500
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	12	4.426.059.066	2.874.075.323
222	-	Nguyên giá		31.441.199.258	31.459.531.443
223a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.015.140.192)	(28.585.456.120)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	13	-	37.007.177
228	-	Nguyên giá		31.196.229.207	31.196.229.207
229a	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.196.229.207)	(31.159.222.030)
250	V.	Tài sản dài hạn khác		78.343.892.654	92.146.261.175
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	890.532.343	897.532.343
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	10	58.197.258.349	74.761.131.339
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	19.256.101.962	16.487.597.493
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.072.677.540.220	4.868.960.490.232

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mã Số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		3.380.341.789.038	3.003.646.101.986
310	I.	Nợ phải trả ngắn hạn		3.374.023.210.957	1.271.429.315.273
311	1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	988.000.000.000	546.980.000.000
312	1.1	Vay ngắn hạn		988.000.000.000	546.980.000.000
316	2.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	17	950.000.000.000	150.000.000.000
318	3.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		345.340.035	1.933.932.035
320	4.	Phải trả người bán ngắn hạn	16	59.135.976	22.644.494.436
321	5.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.961.500.000	1.655.600.000
322	6.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	24.438.863.837	45.588.288.300
323	7.	Phải trả người lao động		11.624.933.886	2.998.902.021
324	8.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		379.279.297	296.220.507
325	9.	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	78.374.868.256	65.489.100.310
328	10.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20	1.266.400.629.532	405.561.401.617
329	11.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	19.202.991.772	9.412.507.681
331	12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		33.235.668.366	18.868.868.366
340	II.	Nợ phải trả dài hạn		6.318.578.081	1.732.216.786.713
346	1.	Trái phiếu phát hành dài hạn	17	-	1.721.000.000.000
347	2.	Phải trả người bán dài hạn	16	14.025.690	14.025.690
352	3.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20	25.000.000	25.000.000
356	4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38	6.279.552.391	11.177.761.023
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.692.335.751.182	1.865.314.388.246
410	I.	Vốn chủ sở hữu	22	2.692.335.751.182	1.865.314.388.246
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
411.1	1.1	Vốn góp của chủ sở hữu		2.072.682.010.000	1.053.956.740.000
411.1a	1.1.1	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.072.682.010.000	1.053.956.740.000
411.2	1.2	Thặng dư vốn cổ phần		222.580.462.800	71.532.896.800
414	2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		48.863.340.849	29.901.717.464
415	3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		48.863.340.849	29.901.717.464
417	4.	Lợi nhuận chưa phân phối		299.346.596.684	680.021.316.518
417.1	4.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		340.550.702.961	681.893.377.170
417.2	4.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
440		TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.072.677.540.220	4.868.960.490.232

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
	A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2.	Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
006	3.	Cổ phiếu đang lưu hành		207.268.201	105.395.674
008	4.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	841.851.110.000	572.659.310.000
009	5.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	24	1.501.490.000	1.501.490.000
010	6.	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		-	8.025.000.000
012	7.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	179.531.730.000	108.924.040.000
	B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	26.232.263.140.000	23.818.185.330.000
021.1	a.	<i>Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng</i>		21.105.570.290.000	18.635.568.100.000
021.2	b.	<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>		3.109.444.650.000	2.836.585.260.000
021.3	c.	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		1.814.684.440.000	2.012.928.610.000
021.4	d.	<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>		50.000.000.000	50.000.000.000
021.5	e.	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		152.563.760.000	283.103.360.000
022	2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	960.385.460.000	836.895.610.000
022.1	a.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		740.054.780.000	631.803.410.000
022.2	b.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>		205.035.000.000	205.092.200.000
022.3	c.	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố</i>		15.295.680.000	-
023	3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	157.948.760.000	277.880.837.800
026	4.	Tiền gửi của khách hàng	29	640.275.385.374	558.016.415.263
027	4.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		440.076.755.463	264.543.388.401
028	4.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		195.589.127.600	277.880.837.800
030	4.3	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.609.502.311	15.592.189.062

031	5.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	635.665.883.063	542.424.226.201
031.1	5.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		635.107.914.454	536.854.311.664
031.2	5.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		557.968.609	5.569.914.537
035	6.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	4.609.502.311	15.592.189.062



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		325.334.482.231	484.647.097.181
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	308.597.466.757	457.894.267.236
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	(24.491.043.155)	(718.293.399)
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	41.228.058.629	27.471.123.344
03	1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	425.503.987.684	375.127.431.396
04	1.3 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	33.c)	3.774.246.575	-
06	1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		128.053.138.116	245.847.834.316
07	1.5 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		126.918.670.182	50.150.000.000
08	1.6 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		34.110.544.513	59.661.895.628
09	1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.540.334.446	18.710.377.182
10	1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		8.406.237.262	8.325.280.304
11	1.9 Thu nhập hoạt động khác	33.d)	743.373.648	1.122.704.304
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.067.385.014.657	1.243.592.620.311
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		66.582.614.774	148.479.403.879
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	50.584.111.108	126.713.145.150
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	14.841.002.470	20.433.251.472
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.157.501.196	1.333.007.257
24	2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		229.331.688.430	196.710.033.029
26	2.3 Chi phí hoạt động tự doanh		7.489.793.466	6.053.535.290
27	2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		112.282.782.564	176.783.367.079
28	2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		2.210.853.909	-
29	2.6 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		706.686.378	2.686.919.122
30	2.7 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.670.343.319	14.615.129.488
31	2.8 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		9.167.497.623	12.574.063.869
32	2.9 Chi phí các dịch vụ khác	34	21.348.146.399	23.223.489.731
40	Cộng chi phí hoạt động		459.790.406.862	581.125.941.487

	III.	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	35		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		3.115.765.920	3.247.133.001
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính		3.115.765.920	3.247.133.001
	IV.	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	36		
52	4.1	Chi phí lãi vay		230.077.492.225	202.726.366.390
55	4.2	Chi phí tài chính khác		3.930.697.260	-
60		Cộng chi phí tài chính		234.008.189.485	202.726.366.390
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	37	66.611.003.094	53.102.391.889
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		310.091.181.136	409.885.053.546
	VIII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1	Thu nhập khác		1.954.319.000	1.070.955.752
72	8.2	Chi phí khác		6.500.002	268.175.227
80		Cộng kết quả hoạt động khác		1.947.818.998	802.780.525
90	IX.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		312.039.000.134	410.687.834.071
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện		351.371.045.759	431.839.378.942
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(39.332.045.625)	(21.151.544.871)
100	X.	CHI PHÍ THUẾ TNDN	38	57.400.731.698	52.606.911.247
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.1	62.298.940.330	52.750.569.927
100.2	10.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38.2	(4.898.208.632)	(143.658.680)
200	XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		254.638.268.436	358.080.922.824
500	XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	1.359	2.746

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		312.039.000.134	410.687.834.071
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		236.214.521.564	214.998.070.378
03	- Khấu hao tài sản cố định		998.748.434	834.803.386
04	- Các khoản dự phòng		9.213.137.733	14.994.124.513
06	- Chi phí lãi vay		230.077.492.225	202.726.366.390
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.074.856.828)	(3.557.223.911)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		14.841.002.470	3.432.336.472
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		14.841.002.470	3.432.336.472
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		24.491.043.155	718.293.399
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		24.491.043.155	718.293.399
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(501.033.750.510)	(431.375.024.374)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(302.982.200.585)	(295.884.917.661)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		403.169.542.208	276.663.430.487
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(300.000.000.000)	148.592.871.859
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		50.807.500.000	(50.769.008.700)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(5.303.170.644)	(15.485.063.371)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(906.946.450.362)	(117.806.186.160)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		14.840.868.452	(7.110.105.705)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(6.361.823.661)	29.938.006.489
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		32.850.163.797	(50.354.427.448)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		17.466.872.622	11.563.250.022
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(82.054.737.086)	(49.388.864.829)
44	- Lãi vay đã trả		(250.041.888.076)	(161.853.763.241)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(24.090.973.214)	97.397.904.179
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		83.058.790	59.979.762
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.393.627.707)	(4.998.872.811)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		8.626.031.865	(11.004.353.114)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		858.923.283.091	(229.270.367.707)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		49.000.000	1.444.689.115
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.675.200.000)	(3.109.225.540)

60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			86.551.816.813	198.461.509.946
	II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2.513.725.000)	(1.431.457.350)
62	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		959.090.908	310.090.910
65	3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.115.765.920	3.247.133.001
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			1.561.131.828	2.125.766.561
	III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		906.285.396.000	6.598.972.811
73	2.	Tiền vay gốc		19.885.051.179.366	7.298.763.174.874
73.2	3	Tiền vay khác		19.885.051.179.366	7.298.763.174.874
74	4.	Tiền chi trả nợ gốc vay		(20.365.031.179.366)	(6.753.093.881.402)
74.3	4.1	Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(20.365.031.179.366)	(6.753.093.881.402)
76	5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(300.784.464.585)	(15.835.730)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			125.520.931.415	552.252.430.553
90	IV.	Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		213.633.880.056	752.839.707.060
101	V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		838.785.387.863	85.945.680.803
101.1		- Tiền		838.785.387.863	85.945.680.803
103	VI.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		1.052.419.267.919	838.785.387.863
103.1		- Tiền	4	1.052.419.267.919	838.785.387.863

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		46.644.424.552.681	75.390.478.761.848
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(47018941270040)	(74.036.533.162.612)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		475.848.408.870	(1.674.059.684.917)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.090.034.649)	(10.532.112.307)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.755.151.118.282	3.353.754.320.333
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.766.133.805.033)	(3.367.894.845.756)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		82.258.970.111	(344.786.723.411)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		558.016.415.263	902.803.138.674
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		558.016.415.263	902.803.138.674
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		264.543.388.401	252.206.200.535
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		277.880.837.800	649.145.274.500
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		15.592.189.062	1.451.663.639
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	29	640.275.385.374	558.016.415.263
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		640.275.385.374	558.016.415.263
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		440.076.755.463	264.543.388.401
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		195.589.127.600	277.880.837.800
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		4.609.502.311	15.592.189.062

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

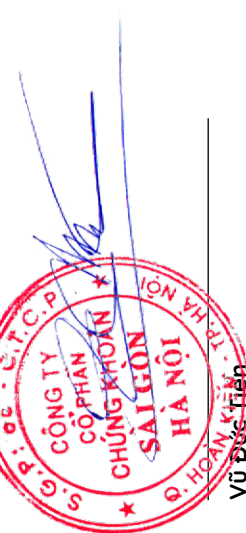
CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2018	01/01/2019	Năm 2018		Năm 2019		31/12/2018	31/12/2019
	VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	1.000.310.000.000	1.125.489.636.800	125.179.636.800	-	1.169.772.836.000	-	1.125.489.636.800	2.295.262.472.800
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.000.000.000.000	1.053.956.740.000	53.956.740.000	-	1.018.725.270.000	-	1.053.956.740.000	2.072.682.010.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	310.000.000	71.532.896.800	71.222.896.800	-	151.047.566.000	-	71.532.896.800	222.580.462.800
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.387.297.555	29.901.717.464	17.514.419.909	-	18.961.623.385	-	29.901.717.464	48.863.340.849
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	12.387.297.555	29.901.717.464	17.514.419.909	-	18.961.623.385	-	29.901.717.464	48.863.340.849
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	68.882.003.841	-	-	68.882.003.841	-	-	-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	371.969.233.512	680.021.316.518	358.080.922.824	50.028.839.818	254.638.268.436	635.312.988.270	680.021.316.518	299.346.596.684
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	352.689.749.293	681.893.377.170	379.232.467.695	50.028.839.818	293.970.314.061	635.312.988.270	681.893.377.170	340.550.702.961
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	19.279.484.219	(18.72.060.652)	(21.151.544.871)	-	(39.332.045.625)	-	(18.72.060.652)	(41.204.106.277)
TỔNG CỘNG	1.465.935.832.463	1.865.314.388.246	518.289.399.442	118.910.843.659	1.462.334.351.206	635.312.988.270	1.865.314.388.246	2.692.335.751.182
II. Thu nhập toàn diện khác								
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	68.882.003.841	-	-	68.882.003.841	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	68.882.003.841	-	-	68.882.003.841	-	-	-	-

(*) Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo báo cáo số 330/2019/CV-SHS, báo cáo số 329/2019/CV-SHS và báo cáo số 331/2019/CV-SHS ngày 08 tháng 04 năm 2019; Công văn số 2333/UBCK-QLKD ngày 11 tháng 04 năm 2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Công ty được chấp thuận phát hành 101.872.527 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Trong đó, số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho các cổ đông hiện hữu là 70.263.783 cổ phiếu; giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu; và số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2017 là: 26.348.744 cổ phiếu; phát hành cổ phiếu cho người lao động là 5.260.000 cổ phiếu, giá phát hành 12.000 đồng/cổ phiếu.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 2.072.682.010.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.072.682.010.000 đồng; tương đương 207.268.201 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 245/QĐ-TTGDHN từ ngày 17 tháng 06 năm 2009 với mã giao dịch là SHS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

1.3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong thời gian qua, tình hình chung của Thị trường Chứng khoán Việt Nam sụt giảm liên tục dẫn đến tổng doanh thu và chi phí hoạt động của Công ty giảm so với năm trước.

Ngày 01/04/2018, Công ty chính thức thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB theo phương án hoán đổi cổ phiếu. Do đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động năm nay không thể so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT- BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, cơ sở để đánh giá lại là báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn giữ nguyên giá trị đánh giá lại tại thời điểm sáp nhập.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 “Chênh lệch đánh giá lại” là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL” hoặc Tài khoản 63213 “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu “Thu nhập”, chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ”.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

2.6. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải 06 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch 03 - 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB được phân bổ trong vòng 7 năm.

2.10. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, AFS được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL, AFS đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.14. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.16. Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành /hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	390.042.448	36.983.089.580.620
- Cổ phiếu	66.872.448	979.514.125.620
- Trái phiếu	323.170.000	36.003.575.455.000
Của nhà đầu tư	5.207.831.729	96.656.975.456.130
- Cổ phiếu	5.014.849.749	73.873.527.499.810
- Trái phiếu	190.078.860	22.780.020.982.520
- Chứng khoán khác	2.903.120	3.426.973.800
	5.597.874.177	133.640.065.036.750

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	55.644.272	48.231.185
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	1.051.978.622.315	838.465.832.700
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	385.001.332	271.323.978
	1.052.419.267.919	838.785.387.863

5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	702.337.011.133	661.132.707.070	767.061.797.970	765.189.214.610
Cổ phiếu chưa niêm yết	287.407.854.670	267.533.291.296	116.138.367.248	96.264.128.796
Trái phiếu niêm yết	341.437.500.000	341.437.500.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	145.000.000.000	145.000.000.000
	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	1.028.200.165.218	1.006.453.343.406

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-

c) Các khoản cho vay

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Hoạt động margin	1.544.724.340.397	1.793.602.615.403
Hoạt động ứng trước tiền bán	103.115.083.230	257.406.350.432
	1.647.839.423.627	2.051.008.965.835

d) **Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	1.531.182.365,803	1.028.200.165,218	1.270.103.498,366	1.006.453.343,406	33.153.664,946	55,894,208,101	(94,232,532,383)	(77,641,029,913)	1.270.103,498,366	1.006,453,343,406
Cổ phiếu niêm yết	702,337,011,133	767,061,797,970	661,132,707,070	765,189,214,610	31,400,932,668	55,894,208,101	(72,607,784,731)	(57,766,791,461)	661,132,707,070	765,189,214,610
- SHB	137,065,831,349	137,065,831,349	120,814,044,000	133,824,787,200	-	-	(16,251,787,349)	(3,241,044,149)	120,814,044,000	133,824,787,200
- GVR	88,727,133,688	83,461,934,417	92,398,080,000	100,907,040,000	3,670,946,312	17,445,105,583	-	-	92,398,080,000	100,907,040,000
- RCC	52,895,611,009	52,895,611,009	57,500,000,000	62,100,000,000	4,604,388,991	9,204,388,991	-	-	57,500,000,000	62,100,000,000
- BSI	37,913,027,320	36,574,984,000	31,905,932,500	36,394,265,000	-	-	(6,007,094,820)	(180,719,000)	31,905,932,500	36,394,265,000
- VGC	-	63,327,791,251	-	65,945,880,000	-	2,618,088,749	-	-	-	65,945,880,000
- VRC	101,644,178,789	47,203,703,389	93,865,894,500	39,987,220,000	-	-	(7,778,284,289)	(7,216,483,389)	93,865,894,500	39,987,220,000
- KTL	19,108,674,800	-	25,074,774,200	-	5,966,099,400	-	-	-	25,074,774,200	-
- Các cổ phiếu khác	284,091,228,978	346,531,942,555	264,648,756,070	326,030,022,410	23,125,597,365	26,626,624,778	(42,570,618,273)	(47,128,544,923)	264,648,756,070	326,030,022,410
Cổ phiếu hủy niêm yết	1,506,475,532	1,507,650,610	1,506,751,640	1,504,473,640	2,232,278	-	(1,956,170)	(3,176,970)	1,506,751,640	1,504,473,640
- Công ty CTCP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1,503,750,000	1,503,750,000	1,503,750,000	1,503,750,000	-	-	-	-	1,503,750,000	1,503,750,000
- Các cổ phiếu khác	2,725,532	3,900,610	3,001,640	723,640	2,232,278	-	(1,956,170)	(3,176,970)	3,001,640	723,640
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	285,901,379,138	114,630,716,638	266,026,539,656	94,759,655,156	1,750,500,000	-	(21,622,791,482)	(19,871,061,482)	266,026,539,656	94,759,655,156
- Công ty CP Du lịch Thương mại Nha Trang	-	22,458,332,000	-	22,458,332,000	-	-	-	-	-	22,458,332,000
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	145,257,484,500	29,949,990,000	145,257,484,500	29,949,990,000	-	-	(18,895,001,638)	-	145,257,484,500	29,949,990,000
- Công ty CP CN sinh học - Dược phẩm ICA	35,682,501,638	-	16,787,500,000	-	-	-	-	-	16,787,500,000	-
- Công ty CP Đông tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	84,000,000,000	-	84,000,000,000	-	-	-	-	-	84,000,000,000	-
- Các cổ phiếu khác	20,961,393,000	62,222,394,638	19,981,555,156	42,351,333,156	1,750,500,000	-	(2,727,789,844)	(19,871,061,482)	19,981,555,156	42,351,333,156
Trái phiếu niêm yết (**)	341,437,500,000	-	341,437,500,000	-	-	-	-	-	341,437,500,000	-
- Trái phiếu chính phủ đầu thầu đợt 14/2015	341,437,500,000	-	341,437,500,000	-	-	-	-	-	341,437,500,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	145,000,000,000	-	145,000,000,000	-	-	-	-	-	145,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	145,000,000,000	-	145,000,000,000	-	-	-	-	-	145,000,000,000
AFS	300,000,000,000	-	300,000,000,000	-	-	-	-	-	300,000,000,000	-
Trái phiếu chưa niêm yết (***)	300,000,000,000	-	300,000,000,000	-	-	-	-	-	300,000,000,000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05/11/19	300,000,000,000	-	300,000,000,000	-	-	-	-	-	300,000,000,000	-
Tổng cộng	1.631,182,365,803	1,028,200,165,218	1,570,103,498,366	1,006,453,343,406	33,153,664,946	55,894,208,101	(94,232,532,383)	(77,641,029,913)	1,570,103,498,366	1,006,453,343,406

(*) Một số cổ phiếu nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB đang được đánh giá trị thị trường theo báo giá được cung cấp tại thời điểm sáp nhập 31/03/2018. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty không thu thập được báo giá của các cổ phiếu này nên vẫn

(**) Trái phiếu Chính phủ đầu thầu đợt 14/2015 có thời hạn 15 năm kể từ ngày phát hành là 28/02/2015 với lãi suất 7,5%/năm.

(***) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành chuyển nhượng 05/11/2019, ngày được thực hiện quyền chuyển nhượng 05/11/2021 với lãi suất 8,2%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	50.807.500.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.594.246.575	820.000.000
Các khoản phải thu các khoản đầu tư đáo hạn	-	5.440.876.714
Phải thu lãi hoạt động Margin	43.074.736.825	36.104.936.042
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.042.590.000.595	1.128.450.150.233
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	427.767.228.594	424.095.886.615
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh	58.256.550.516	61.963.493.316
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.546.566.221.485	632.390.770.302
Phải thu hoạt động tư vấn	16.790.600.000	23.678.100.000
Phải thu khác	45.021.531.845	59.862.400.297
- Phải thu hoạt động đấu giá tự doanh	-	9.855.820.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản (*)	45.006.580.297	45.006.580.297
- Phải thu khác	14.951.548	5.000.000.000
	2.152.071.115.840	1.305.163.963.286

(*) Đây là khoản tiền phải thu liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản về việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản cho vay ký quỹ. Ngày 16/01/2019, Công ty nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tối cao trả lời Tòa án đã nhận được đơn của Công ty về việc đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm và sẽ thông báo lại cho Công ty khi có kết luận cuối cùng. Công ty đã gửi Công văn số 1278/2019/CV-SHS ngày 30/12/2019 đến Tòa án nhân dân tối cao có nội dung đề nghị xem xét thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 36/2017/KDTM-PT ngày 16/05/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày 06/01/2020, Công ty nhận được công văn thông báo số 01/TB-ANDTC-VP của Tòa án nhân dân tối cao phúc đáp công văn trên về việc Tòa án nhân dân tối cao đã thụ lý và hiện đang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi có kết quả giải quyết, Tòa án nhân dân tối cao sẽ thông báo cho Công ty biết. Với các hồ sơ tài liệu mà Công ty gửi lên Tòa án, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả vụ kiện có thể được thay đổi và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo đó có thể thay đổi dựa trên phán quyết cuối cùng của Tòa án nhân dân tối cao.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ DAI-ICHI Việt Nam	1.249.031.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	613.666.668	-
Các khoản ứng trước khác	384.887.940	741.970.854
	2.247.585.608	741.970.854

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Bảng biểu dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi	Dự phòng năm nay		Dự phòng năm trước	
		Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	820.000.000	820.000.000	-	-	820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	820.000.000	820.000.000	-	-	820.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	23.204.719.173	1.545.481.857	10.109.115.265	-	1.545.481.857
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	496.614.718.006	430.482.097.672	4.093.607.195	(4.989.584.727)	430.482.097.672
- Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	483.285.797.998	417.153.177.664	4.093.607.195	(4.989.584.727)	417.153.177.664
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	330.000.000	330.000.000	-	-	330.000.000
- Phải thu dịch vụ tài chính khác	2.998.920.008	2.998.920.008	-	-	2.998.920.008
	520.639.437.179	432.847.579.529	14.202.722.460	(4.989.584.727)	432.847.579.529

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vật tư văn phòng	205.494.831	163.096.841
Công cụ, dụng cụ	61.835.000	74.025.000
	267.329.831	237.121.841

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1.414.165
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	140.025.000	134.085.000
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	20.203.348	12.320.000
Chi phí bảo trì máy móc, thiết bị chờ phân bổ	-	9.075.000
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	681.266.661
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	252.050.632	477.117.786
	412.278.980	1.315.278.612

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập (*)	54.577.078.100	64.972.712.024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.056.588.059	1.695.994.359
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	434.233.219	472.233.219
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	43.665.411	118.520.415
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	733.087.851	1.057.051.541
Chi phí thuê văn phòng	-	4.368.367.796
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	812.437.939	1.947.578.095
Chi phí trả trước dài hạn khác	540.167.770	128.673.890
	58.197.258.349	74.761.131.339

(*) Toàn bộ là lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty đã điều chỉnh thời gian phân bổ từ 10 năm thành 7 năm.

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	2.750.000	2.750.000

2.750.000	2.750.000
------------------	------------------

b) Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	886.132.343	893.132.343
Đặt cọc khác	4.400.000	4.400.000
	890.532.343	897.532.343

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	24.899.744.436	6.128.019.297	431.767.710	31.459.531.443
Mua trong năm	174.085.000	2.339.640.000	-	2.513.725.000
Thanh lý, nhượng bán	(419.612.070)	(2.081.392.115)	(31.053.000)	(2.532.057.185)
Tại ngày 31/12/2019	24.654.217.366	6.386.267.182	400.714.710	31.441.199.258
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	24.559.814.872	3.850.866.150	174.775.098	28.585.456.120
Khấu hao trong năm	201.294.990	703.336.791	57.109.476	961.741.257
Thanh lý, nhượng bán	(419.612.070)	(2.081.392.115)	(31.053.000)	(2.532.057.185)
Tại ngày 31/12/2019	24.341.497.792	2.472.810.826	200.831.574	27.015.140.192
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	339.929.564	2.277.153.147	256.992.612	2.874.075.323
Tại ngày 31/12/2019	312.719.574	3.913.456.356	199.883.136	4.426.059.066

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.633.395.807 đồng.
- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán, nguyên giá của tài sản này tại ngày 31/12/2019 là 31.196.229.207 VND. Đến ngày 31/12/2019 các tài sản này đã khấu hao hết, trong đó khấu hao đã trích trong năm là 37.007.177 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	17.173.800.433	14.554.583.700

Tiền lãi phân bổ trong năm	1.962.301.529	1.813.013.793
Số dư cuối năm	19.256.101.962	16.487.597.493

15. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	546.980.000.000	19.185.051.179.366	(18.744.031.179.366)	988.000.000.000
	546.980.000.000	19.185.051.179.366	(18.744.031.179.366)	988.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	543.000.000.000	276.980.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	51.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	294.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	100.000.000.000
	988.000.000.000	546.980.000.000

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 13 ngày đến 12 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay từ 6%/năm đến 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, được chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng cầm cố thế chấp.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) *Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán*

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	59.135.976	22.644.494.436
Phải trả người bán dài hạn	14.025.690	14.025.690
	73.161.666	22.658.520.126

b) *Phải trả người bán chi tiết theo nội dung*

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	-	22.458.332.000
Phải trả cho người bán khác	73.161.666	200.188.126
	73.161.666	22.658.520.126

17. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	01/01/2019		Số tăng trong kỳ		Số giảm trong kỳ		31/12/2019	
	Số vay trong kỳ		Tăng khác (*)		Số trả trong kỳ		Giảm khác (*)	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	600.000.000.000	1.446.000.000.000	(1.121.000.000.000)	(125.000.000.000)	950.000.000.000	950.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	117.000.000.000	-	(117.000.000.000)	-	-	
Fides Xin Zhao Private Investment Trust 1	-	-	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	
Fides Xin Moi B&I Private Investment Trust 3	-	-	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000	
Tổ chức, cá nhân khác	150.000.000.000	600.000.000.000	429.000.000.000	(1.121.000.000.000)	(8.000.000.000)	50.000.000.000	50.000.000.000	
Nợ dài hạn	1.721.000.000.000	100.000.000.000	194.000.000.000	(500.000.000.000)	(1.515.000.000.000)	-	-	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	100.000.000.000	72.000.000.000	-	(172.000.000.000)	-	-	
Fides Xin Zhao Private Investment Trust 1	800.000.000.000	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)	-	-	
Fides Xin Moi B&I Private Investment Trust 3	200.000.000.000	-	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)	-	-	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	-	-	-	(500.000.000.000)	-	-	
Công ty TNHH MTV Hải Phát - Bình Thuận	-	-	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Vietnam	-	-	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	
Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel	-	-	22.000.000.000	-	(22.000.000.000)	-	-	
Tổ chức, cá nhân khác	221.000.000.000	-	-	-	(221.000.000.000)	-	-	
	1.871.000.000.000	700.000.000.000	1.640.000.000.000	(1.621.000.000.000)	(1.640.000.000.000)	950.000.000.000	950.000.000.000	

(*) Tăng/giảm khác do chuyển từ nợ dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả và do chuyển nhượng trái phiếu giữa các cá nhân, tổ chức.

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết sau:

+ Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 950 trái phiếu);

+ Kỳ hạn: 02 năm;

+ Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành;

+ Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo;

+ Lãi suất: Được quy định và điều chỉnh chi tiết trong từng đợt phát hành theo từng thời kỳ;

+ Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho vay kỳ quỹ chứng khoán.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	553.699.786	341.517.342
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.298.940.330	40.054.737.086
Thuế Thu nhập cá nhân	3.586.223.721	5.192.033.872
	24.438.863.837	45.588.288.300

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	15.792.379.085	12.746.026.268
Chi phí lãi hợp đồng môi giới chứng khoán	40.757.606.799	6.770.388.458
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	16.374.672.755	39.385.421.423
Chi phí phải trả các sàn giao dịch	2.311.705.941	2.941.822.816
Chi phí giới thiệu thông tin sản phẩm	1.986.349.196	3.089.516.865
Trích trước chi phí thù lao HĐQT	591.830.000	-
Chi phí thuê văn phòng tại số 41 Ngô Quyền - Hà Nội	330.000.000	325.600.000
Chi phí bảo trì phần mềm	230.324.480	230.324.480
	78.374.868.256	65.489.100.310

20. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

a) Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nhận đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	1.266.400.629.532	405.561.401.617
	1.266.400.629.532	405.561.401.617

b) Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản khác	25.000.000	25.000.000
	25.000.000	25.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản nhận đặt cọc theo quy định tại các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán giữa Công ty và các khách hàng. Theo đó, Công ty có trách nhiệm tìm kiếm các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bán chứng khoán và thực hiện các thủ tục có liên quan để chuyển giao chứng khoán cho khách hàng. Trong trường hợp Hợp đồng không thực hiện được, Công ty có trách nhiệm hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc và phí cơ hội tính trên số tiền đã nhận đặt cọc nhân với lãi suất quy định và số ngày nắm giữ thực tế.

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	10.472.811.714	354.974.799
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	2.632.801.089	1.278.044.015
Cổ tức trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không	1.764.634.850	1.764.634.850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.332.744.119	6.014.854.017
	19.202.991.772	9.412.507.681

22. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5.67%	117.434.160.000	5.81%	61.270.000.000
Các cổ đông khác	94.33%	1.955.247.850.000	94.19%	992.686.740.000
	100%	2.072.682.010.000	100%	1.053.956.740.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	340.550.702.961	681.893.377.170
Lợi nhuận chưa thực hiện	(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
	299.346.596.684	680.021.316.518

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	681.893.377.170	352.689.749.293
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(41.204.106.277)	(1.872.060.652)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	293.970.314.061	379.232.467.695
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	975.863.691.231	731.922.216.988
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(60.923.246.770)	(50.028.839.818)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(18.961.623.385)	(17.514.419.909)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(18.961.623.385)	(17.514.419.909)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(23.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay	(574.389.741.500)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	340.550.702.961	681.893.377.170

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	379,232,467,695
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5.00%	18,961,623,385
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.00%	18,961,623,385
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.07%	23,000,000,000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (bằng 15% vốn điều lệ)	81.98%	310,902,301,500
Lợi nhuận chưa phân phối	1.95%	7,406,919,425

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
- Vốn góp đầu năm	1.125.489.636.800	1.000.310.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	1.169.772.836.000	125.179.636.800
- Vốn góp cuối năm	2.295.262.472.800	1.125.489.636.800
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	354.974.799	370.810.529
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	574.389.741.500	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	574.389.741.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(300.784.464.585)	(15.835.730)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(300.784.464.585)	(15.835.730)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(263.487.440.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(263.487.440.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	10.472.811.714	354.974.799

e) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	207.268.201	105.395.674
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	207.268.201	105.395.674
- Cổ phiếu phổ thông	207.268.201	105.395.674
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	207.268.201	105.395.674
- Cổ phiếu phổ thông	207.268.201	105.395.674
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	152.713.610.000	356.721.810.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	439.137.500.000	215.937.500.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	250.000.000.000	-
	841.851.110.000	572.659.310.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.501.490.000	1.501.490.000
	1.501.490.000	1.501.490.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	179.531.730.000	108.924.040.000
	179.531.730.000	108.924.040.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.105.570.290.000	18.635.568.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.109.444.650.000	2.836.585.260.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.814.684.440.000	2.012.928.610.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	50.000.000.000	50.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	152.563.760.000	283.103.360.000
	26.232.263.140.000	23.818.185.330.000

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	740.054.780.000	631.803.410.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	205.035.000.000	205.092.200.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	15.295.680.000	-
	960.385.460.000	836.895.610.000

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	157.948.760.000	277.880.837.800
	157.948.760.000	277.880.837.800

29. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4 40.076.755.463	264.543.388.401
1. Nhà đầu tư trong nước	439.518.786.854	258.973.473.864
2. Nhà đầu tư nước ngoài	557.968.609	5.569.914.537
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	195.589.127.600	277.880.837.800
Tiền gửi của tổ chức phát hành	4.609.502.311	15.592.189.062
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	4.609.502.311	15.592.189.062
	640.275.385.374	558.016.415.263

30. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4 40.076.755.463	264.543.388.401
1.1. Nhà đầu tư trong nước	439.518.786.854	258.973.473.864
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	557.968.609	5.569.914.537
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	195.589.127.600	277.880.837.800
2.1. Nhà đầu tư trong nước	195.589.127.600	277.880.837.800
	635.665.883.063	542.424.226.201

31. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	4.609.502.311	15.592.189.062
	4.609.502.311	15.592.189.062

32. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	1.587.799.077.222	1.829.707.551.445
1.1. Phải trả gốc margin	1.544.724.340.397	1.793.602.615.403
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>1.544.724.340.397</i>	<i>1.793.602.615.403</i>
1.2. Phải trả lãi margin	43.074.736.825	36.104.936.042
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>43.074.736.825</i>	<i>36.104.936.042</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	103.115.083.230	257.406.350.432
2.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	103.115.083.230	257.406.350.432
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>103.115.083.230</i>	<i>257.406.350.432</i>
	1.690.914.160.452	2.087.113.901.877

33. THU NHẬP

a) *Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính*

	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi	Lỗ
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	557.692.396.300	494.610.962.135	88.300.181.880	25.218.747.715
Cổ phiếu chưa niêm yết	134.793.407.200	134.347.656.000	445.751.200	-
Trái phiếu niêm yết	16.251.573.835.000	16.057.809.770.000	208.217.721.159	14.453.656.159
Trái phiếu chưa niêm yết	16.575.586.824.473	16.580.483.183.598	5.346.653.723	10.243.012.856
Công cụ thị trường tiền tệ	16.855.239.602.125	16.849.621.137.716	6.287.158.795	668.694.378
	50.374.886.065.098	50.116.872.709.449	308.597.466.757	50.584.111.108
			457.894.267.236	126.713.145.150

b) *Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính*

	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2019		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2019		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán
			Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	33.153.664.946	(94.232.532.385)	55.894.208.101	(77.641.029.913)	14.841.002.470
Cổ phiếu niêm yết	702.337.011.133	661.132.707.070	31.400.932.668	(72.607.784.731)	55.894.208.101	(57.769.968.431)	14.841.002.470
Cổ phiếu hủy niêm yết	1.506.475.532	1.506.751.640	2.232.278	(1.956.170)	-	(3.176.970)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	285.901.379.138	266.026.539.656	1.750.500.000	(21.622.791.482)	-	(19.867.884.512)	-
Trái phiếu niêm yết	341.437.500.000	341.437.500.000	-	-	-	-	-
	1.331.182.365.803	1.270.103.498.366	33.153.664.946	(94.232.532.385)	55.894.208.101	(77.641.029.913)	14.841.002.470

c) *Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, AFS*

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	41.228.058.629	27.471.123.344
Từ các khoản cho vay	425.503.987.684	375.127.431.396
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.774.246.575	-
	470.506.292.888	402.598.554.740

d) *Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính*

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	743.373.648	1.122.704.304
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu khác	743.373.648	1.122.704.304
Thu nhập thuần hoạt động khác	743.373.648	1.122.704.304

34. CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	21.348.146.399	23.223.489.731
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	12.135.008.666	8.229.343.218
- Chi phí từ trả hệ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của Tổ chức phát hành	-	22.000
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	9.213.137.733	14.994.124.513
	21.348.146.399	23.223.489.731

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.115.765.920	3.247.133.001
	3.115.765.920	3.247.133.001

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	230.077.492.225	202.726.366.390
Chi phí đầu tư khác	3.930.697.260	-
	234.008.189.485	202.726.366.390

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	34.405.116.163	26.395.673.182
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.815.082.516	880.050.082
Chi phí vật tư văn phòng	699.622.915	657.864.527
Chi phí công cụ, dụng cụ	697.156.250	570.941.847
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	888.173.879	684.637.285
Chi phí thuế, phí và lệ phí	210.151.567	224.087.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.090.196.731	8.935.705.794
Chi phí khác	17.805.503.073	14.753.431.405
	66.611.003.094	53.102.391.889

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	312.039.000.134	410.687.834.071
Các khoản điều chỉnh tăng	717.686.664	604.761.891
- Chi phí không hợp lệ	717.686.664	604.761.891
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.261.985.149)	(147.539.746.329)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(25.753.028.304)	(22.030.246.630)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(126.227.793.098)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	24.491.043.155	718.293.399
Thu nhập chịu thuế TNDN	311.494.701.649	263.752.849.633
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	62.298.940.330	52.750.569.927
Thuế TNDN từ Công ty CP Chứng khoán SHB chuyển sang do sáp nhập	-	567.039.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	40.054.737.086	36.125.992.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(82.054.737.086)	(49.388.864.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	20.298.940.330	40.054.737.086

38.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(4.898.208.632)	(143.658.680)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	11.177.761.023	11.321.419.703
	6.279.552.391	11.177.761.023

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.898.208.632)	(143.658.680)
	(4.898.208.632)	(143.658.680)

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	254.638.268.436	358.080.922.824
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	254.638.268.436	358.080.922.824
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	187.349.841	130.414.153
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.359	2.746

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.419.267.919	-	838.785.387.863	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.270.103.498.366	-	1.006.453.343.406	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300.000.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay	1.647.839.423.627	(11.654.597.122)	2.051.008.965.835	(1.545.481.857)
Các khoản phải thu	2.152.071.115.840	(430.406.120.140)	1.305.163.963.286	(431.302.097.672)
	6.422.433.305.752	(442.060.717.262)	5.201.411.660.390	(432.847.579.529)
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Vay và nợ			1.938.000.000.000	2.417.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			19.621.493.473	34.004.959.842
Chi phí phải trả			78.374.868.256	65.489.100.310
			2.035.996.361.729	2.517.474.060.152

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

► Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.270.103.498.366	-	-	1.270.103.498.366
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
	1.570.103.498.366	-	-	1.570.103.498.366
Tại ngày 01/01/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.006.453.343.406	-	-	1.006.453.343.406
	1.006.453.343.406	-	-	1.006.453.343.406

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

► Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.052.419.267.919	-	-	1.052.419.267.919
Các khoản cho vay	1.636.184.826.505	-	-	1.636.184.826.505
Các khoản phải thu	1.721.664.995.700	-	-	1.721.664.995.700
	4.410.269.090.124	-	-	4.410.269.090.124
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	838.785.387.863	-	-	838.785.387.863
Các khoản cho vay	2.049.463.483.978	-	-	2.049.463.483.978
Các khoản phải thu	873.861.865.614	-	-	873.861.865.614
	3.762.110.737.455	-	-	3.762.110.737.455

► Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	1.938.000.000.000	-	-	1.938.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	19.607.467.783	14.025.690	-	19.621.493.473
Chi phí phải trả	78.374.868.256	-	-	78.374.868.256
	2.035.982.336.039	14.025.690	-	2.035.996.361.729
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	696.980.000.000	1.721.000.000.000	-	2.417.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	33.990.934.152	14.025.690	-	34.004.959.842
Chi phí phải trả	65.489.100.310	-	-	65.489.100.310
	796.460.034.462	1.721.014.025.690	-	2.517.474.060.152

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	126.918.670.182	142.593.472.562	329.108.728.806	468.764.143.107	1.067.385.014.657	1.067.385.014.657
Chi phí hoạt động	2.210.853.909	122.953.125.883	303.404.096.670	31.222.330.400	459.790.406.862	459.790.406.862
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	3.115.765.920	3.115.765.920
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	300.619.192.579	300.619.192.579
Kết quả hoạt động	124.707.816.273	19.640.346.679	25.704.632.136	437.541.812.707	310.091.181.136	310.091.181.136
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	25.209.952.980	1.574.697.744.941	1.783.604.675.697	3.383.512.373.618	3.383.512.373.618
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	2.689.165.166.602	2.689.165.166.602
Tổng tài sản	-	25.209.952.980	1.574.697.744.941	1.783.604.675.697	6.072.677.540.220	6.072.677.540.220
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	1.310.136.377.455	-	37.019.122.034	1.347.155.499.489	1.347.155.499.489
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	2.033.186.289.549	2.033.186.289.549
Tổng nợ phải trả	-	1.310.136.377.455	-	37.019.122.034	3.380.341.789.038	3.380.341.789.038

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	951.465.999.472	12.861.769.722	103.057.245.463	1.067.385.014.657	1.067.385.014.657
Tài sản bộ phận	5.316.931.390.984	116.778.491.833	638.967.657.403	6.072.677.540.220	6.072.677.540.220
Nợ phải trả bộ phận	3.145.730.034.564	44.819.266.596	189.792.487.878	3.380.341.789.038	3.380.341.789.038

42. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu môi giới			
Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	640.681.818	-
Nhận tiền vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	1.897.017.338.699	2.317.763.174.874
Trả nợ vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	1.630.997.338.699	2.931.493.881.402
Chi phí lãi vay			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	19.107.481.507	45.910.738.060
Chi phí lãi ký quỹ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	-	81.345.967.854

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	716.841.796.269	835.829.361.155
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	137.065.831.349	137.065.831.349
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	145.257.484.500	29.949.990.000
Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	14.155.460.000	26.695.500.000
Phải thu của khách hàng			
Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	(*)	494.000.000	-
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	(*)	38.000.000	38.000.000
Trả trước cho người bán			
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	613.666.668	-
Nhận đặt cọc			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	760.000.000.000	-
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng chủ tịch HĐQT	543.000.000.000	276.980.000.000

(*) Ông Vũ Đức Tiến là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	2.802.829.870	2.420.382.800
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	11.141.240.883	9.202.733.954

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Kể từ ngày 01/04/2018, Công ty đã chính thức sáp nhập hoạt động kinh doanh với Công ty Cổ phần chứng khoán SHBS do đó quy mô hoạt động của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lớn hơn năm trước. Do đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 27/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch
Ông	Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông	Lê Đăng Khoa	Ủy viên
Ông	Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Bà	Nguyễn Diệu Trinh	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 03/01/2020
Ông	Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 11/04/2019
Ông	Mai Anh Chính	Ủy viên - Từ nhiệm ngày 15/11/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà	Lương Thị Lựu	Ủy viên
Ông	Vũ Đức Trung	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng hệ thống thông tin và hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng và duy trì để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính được phản ánh trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào theo những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 14, đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 - “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt” và các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính

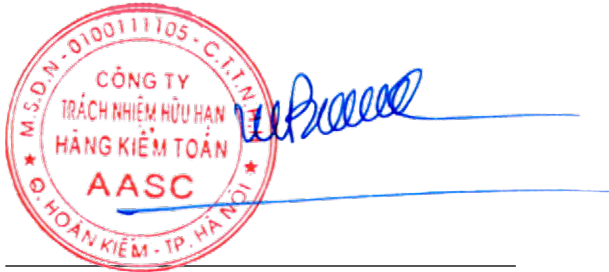
Chính sách kế toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã lập một bộ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội vào ngày 15 tháng 03 năm 2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

A blue ink signature of Nguyễn Tuấn Anh, written over a horizontal line.

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

Chúng tôi cam đoan rằng:

1. Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
2. Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
3. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Thủy Hạnh Mai
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	(1)	(2)	(3)
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	2.072.682.010.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	222.580.462.800		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	48.863.340.849		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	48.863.340.849		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	299.346.596.684		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	442.060.717.262		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	21.625.058.299
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			3.156.021.526.743
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I	TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
2	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
3	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			-
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			

	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)		
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	4.594.246.575	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết		
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-
	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	452.315.307.052	
	Phải thu nội bộ ngắn hạn		
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán		
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
	Các khoản phải thu khác		
13	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	45.006.580.297	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		
15	Trả trước cho người bán	2.247.585.608	
II	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		-
	Tạm ứng		
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	267.329.831	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	412.278.980	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.750.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-
7	Tài sản ngắn hạn khác		-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		
1B	Tổng		504,846,078,343

C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	TÀI SẢN TÀI CHÍNH DÀI HẠN			
1	Các khoản phải thu dài hạn			-
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
2.2	Đầu tư vào công ty con			-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			-
2.4	Đầu tư dài hạn khác			-
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		4.426.059.066	
III	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ			-
IV	CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG			-
V	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		890.532.343	
2	Chi phí trả trước dài hạn		58.197.258.349	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		19.256.101.962	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN DÀI HẠN			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			-
1C	Tổng			82.769.951.720
D	TÀI SẢN KÝ QUỸ ĐẢM BẢO			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			-
1D	Tổng		-	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			2.568.405.505.880

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A	RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN, CÔNG CỤ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ			
1	Tiền mặt (VND)	0%	1.052.419.267.919	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ			10.243.125.000
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	341.437.500.000	10.243.125.000
III	TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP			120.000.000.000
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	300.000.000.000	120.000.000.000
IV	CỔ PHIẾU			246.217.209.228
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	210.968.518.750	21.096.851.875
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	174.759.455.200	26.213.918.280

10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	275.402.497.520	55.080.499.504
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	287.651.879.138	143.825.939.569
V	CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN			-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI	CHỨNG KHOÁN BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH			754.353.029
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	1.508.706.057	754.353.029
VII	CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH			-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
VIII	CHỨNG KHOÁN KHÁC			-
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
IX	RỦI RO TĂNG THÊM (NẾU CÓ) (ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRÊN CƠ SỞ VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐÃ TRÍCH LẬP ĐẦY ĐỦ CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG)			13,024,312,500
	Mã chứng khoán	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Trái phiếu chính phủ đấu thầu đợt 14/2015	3%	341.437.500.000	1.024.312.500
2	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành 05.11.19	40%	300.000.000.000	12.000.000.000
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			390.239.129.317

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

B	RỦI RO THANH TOÁN	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
		Hệ số rủi ro	0.0%	0.8%	3.2%	4.8%	6.0%	8.0%	
I	RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								127,888,390,536
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	-	127,888,390,536	127,888,390,536
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-	-
STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán								Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;								0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán								0.8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán								3.2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán								4.8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam								6.0%
6	Các tổ chức, cá nhân khác								8.0%

II RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN						16,489,612,223
Thời gian quá hạn						Giá trị rủi ro
			Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán		16%	17.500.000		2.800.000
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán		32%	88.000.000		28.160.000
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán		48%	166.000.000		79.680.000
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán		100%	16.378.972.223		16.378.972.223
III	RỦI RO TĂNG THÊM (NẾU CÓ)					36.826.819.397
TT	Chi tiết từng khoản vay, tới từng đối tác					Giá trị rủi ro
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Tài chính Việt Nam (FITECH)	Mức tăng thêm	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)	30%	8%	1.534.450.808.219		181.204.822.156

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

C	RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)	Giá trị rủi ro
I	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG PHÁT SINH TRONG VÒNG 12 THÁNG	760.409.599.441
II	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ	10.211.886.167
	1. Chi phí khấu hao	998.748.434
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9.213.137.733
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
III	TỔNG CHI PHÍ SAU KHI GIẢM TRỪ (III = I - II)	750.197.713.274
IV	25% TỔNG CHI PHÍ SAU KHI GIẢM TRỪ (IV = 25% III)	187.549.428.319
V	20% VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN	40.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	187.549.428.319
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	758.993.250.232

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	390.239.129.317	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	181.204.822.156	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	187.549.428.319	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	758.993.379.792	
5	Vốn khả dụng	2.568.405.496.680	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	338,40%	

Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thủy Hạnh Mai
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Vũ Đức Tiến
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại 84-24-38 181 888

Fax 84-24-38 181 688

Website <http://www.shs.com.vn>